

“Này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.” (D.29)

“Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.” (M.22)

“Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua.” (Ud 51)

“Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất. Ở đây, khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất.” (S.ii,223)

“Có năm nghịch tội này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không thể chữa trị. Thế nào là năm? Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng.” (A.5.129)

“Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".” (S.v,420)

“Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.” (S.ii,104)

“Ta dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này... Này Vương tử, đó là minh thứ hai Ta đã chứng được trong đêm canh giữa.” (M.85)

“Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể phá hòa hợp Tăng, sự kiện này không xảy ra.

Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phạm phu có thể phá hòa hợp Tăng, sự kiện này có xảy ra.” (A.1.15.8)

Bhikkhu Esika PHÁP & PHI PHÁP: Đôi Chiều Theo Kinh Điển Pāḷi

PHẬT GIÁO THERAVĀDA

Bhikkhu Esika

PHÁP & PHI PHÁP

ĐÔI CHIỀU THEO KINH ĐIỂN PĀḲI

Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc trí,
Đánh lễ người đáng lễ,
Là điềm lành tối thượng.
(Sn.46)

Được khen bởi kẻ ngu,
Bị chê bởi người trí,
Được người trí chê bai,
Hơn được kẻ ngu khen.
(Thera. 67)

Người ngu biết mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chỉ ngu.
(PC.63)

“Này các Tỷ-kheo, trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất. Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau; có kiến như sau: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn".

Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bầy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.” (A.3.135)

“Này Ānanda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người.” (D.16)

“Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai là vị nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.

Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai.” (D.29)

PHẬT GIÁO THERAVĀDA

Bhikkhu Esika

PHÁP & PHI PHÁP

ĐÔI CHIẾU THEO KINH ĐIỂN PĀLI

Có chỉnh sửa, bổ sung

09-07-2026

Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ jināti

Pháp thí thắng mọi thí!

Sabbaṃ rasaṃ dhammaraso jināti

Pháp vị thắng mọi vị!

Sabbaṃ ratiṃ dhammaratī jināti

Pháp hỷ thắng mọi hỷ!

Taṇhakkhayaṃ sabbadukkhaṃ jināti.

Ái diệt dứt mọi khổ!

(PC 354)

Quà Pháp, Không Bán!

Địa chỉ tải tài liệu: <https://rebrand.ly/PhapVaPhiPhap>

Ước Nguyện

Cầu mong tất cả thân bằng quyến thuộc đang còn hiện tiền hay đã quá vãng cùng tất cả chúng sanh được tiến hóa trong Chánh Pháp và mau chóng giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Cầu mong phước thiện này thành tựu đến tất cả quyến thuộc.
Cầu mong tất cả quyến thuộc được an lạc lâu dài.

Mama puñña-bhāgaṃ sabba-sattānam bhājemi;

Te sabbe me samaṃ puñña-bhāgaṃ labhantu

Xin chia phước thiện này đến tất cả chúng sanh. Cầu mong tất cả thọ nhận phước thiện này đều nhau cả thấy.

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Mong phước thiện này trợ duyên chứng đạt Đạo-Quả Arahant, đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Mong phước thiện này là duyên lành sớm chứng ngộ Nibbāna, chấm dứt khổ sinh tử luân hồi.

Tài Liệu Dành Riêng Cho Phật Giáo Theravāda

Tài liệu mang tính chất nội bộ, trình bày theo quan điểm Phật giáo Theravāda với Kinh điển Pāli và không nhằm tranh biện với các cá nhân hay tổ chức, tôn giáo nào.

Mục Lục

Lời Nói Đầu.....	1
Pháp và Phi Pháp.....	4
Tử Bi và Kính Trọng.....	6
Kẻ Ngu - Người Trí.....	7
Khen - Chê.....	14
“Không Chỉ Lỗi Người”?.....	16
“Pháp Môn” Thắng Lợi Tinh Thần AQ.....	19
Quy Y - Nương Tựa.....	21
“Năng Lực Tự Giải Thoát”?.....	23
“Con Người Tự Mình Làm Chủ Mình”?.....	24
“Hoàn Toàn Tự Do”?.....	25
Chân Lý, Sự Thật.....	26
Chân Lý Bốn Thánh Đế Thuộc về Ai?.....	29
Tín Gì?.....	34
Tà Tín và U Mê.....	36
Tín và Nghi.....	39
Trí Tuệ và Sự Thật.....	41
Mạt Pháp.....	44
Pháp và Phi Pháp.....	47
Chọn Duyên hay Để Tùy Duyên?.....	54

“Đạo Phật Phát Triển”	64
Căn Bản Của Các Tông Phái.....	65
1) Phá Giới Cấm Chia Rẽ Tăng, Không Thật Quy Y Tam Bảo.....	65
2) Không biết phẩm chất Như Lai và phương tiện chân thật.....	66
3) Đảo Lộn Phạm – Thánh và Sự Giác Ngộ.....	68
4) Thế Giới Quan Ảo Tưởng, Chấp Thủ Hiện Hữu, Phủ Nhận Thực Tại, Không Biết Duyên Diệt, Sự Diệt Độ và Sự Thật Có.....	70
Đại Chúng Bộ.....	73
Nhất Thiết Hữu Bộ.....	77
“Tánh Không” - Đỉnh Cao Ngụy Biện.....	81
Duy Thức Tông.....	89
Như Lai Tạng.....	99
“Trí Không Phân Biệt”.....	113
Mật Tông.....	118
Thiền Thai Tông.....	121
Hoa Nghiêm Tông.....	126
“Thiền Tông”.....	131
Tây Phương Cực Lạc.....	138
“Chứng Đạo Ca”.....	144
Tốt Gỗ Hơn Tốt Nước Sơn.....	157
Sự Tu Tập và Giác Ngộ.....	172
“Hình Ảnh Phật”.....	177
Vô Ngã và Sự Tác Ý về Vô Ngã.....	179
“Duy Ngã Độc Tôn”.....	188
Đáng Sáng Tạo.....	190
“Pháp Phương Tiện”.....	191
“Phiền Nã tức Bồ-đề”.....	193
“Ba Thừa” và “Duyên Giác Phật” Giác Ngộ Tập Đầy.....	194

Cùng Lúc Có Hai “Phật”	196
Mục Đích.....	196
Thú Cái “Chạy Cúng” “Thành Phật”	197
“Thường Còn Chẳng Mất”	199
Pāli và Sanskrit.....	201
Hạt và Hư Không.....	204
“Duy-ma-cật”	207
“Tứ Diệu Đế”	212
Chay - Mặn.....	220
“Tổ Y Bát” - Cú Lừa Vĩ Đại.....	226
“Các Pháp Phi Nhân Duyên, Phi Tự Nhiên”	232
“Tánh Không”	237
“Mở Miệng là Sai”	239
“Tánh Biết”	241
“Phật Tánh”	245
Không Thành Có và Có Thành Không.....	246
“Bình Đẳng”	247
Makkhali, Kẻ Ngu Si.....	250
Kiến Diên Đảo.....	253
“Không Có Ai Sanh, Chẳng Có Ai Chết”	255
“Vạn Pháp Duy Thức”	257
“Tâm Vật Vốn Nhất Như”	259
“Trụ Xứ”	262
“Niết-bàn”	263
“Thực Tính”	265
Tâm Được Tu Tập.....	266
“Thường Còn” và “Vô Thường”	267
“Tự Tĩnh - Tự Định”	268

“Niệm Sau Tu Niệm Trước”.....	270
Tham.....	272
Sân.....	275
Giới Luật.....	277
Ước Mơ.....	282
“Phẩm Chất Con Người”.....	283
“Đạo Sống”.....	286
“Tham Phước”.....	290
“Lợi Ích” Của Tà Kiến.....	295
Không - Vô tướng - Vô tác.....	297
Tình Thần AQ “Thành Phật”.....	299
Đạo Phật và Con Đường Diệt Khổ.....	301
Mục Đích Của Đạo Phật.....	301
Tỷ Dụ Về Sự Khổ.....	302
Đức Phật Thuyết Giảng Những Gì?.....	303
Nguồn Gốc Của Sinh Tử Luân Hồi.....	304
Sự Chấm Dứt Sinh Tử Luân Hồi.....	305
Bốn Thánh Đế.....	306
Khổ Diệt Đạo Thánh Đế (Đạo Đế).....	307
Phạm Hạnh và Mục Đích Của Phạm Hạnh.....	310
Đạo Đế là Tam Học Giới - Định - Tuệ.....	312
Chánh Định Là Định Học.....	313
Định Học là Duyên Của Tuệ Học.....	314
Khổ Đế - Năm Thủ Uẩn.....	314
Tâm Thanh Tịnh và Năm Chướng Ngại.....	319
Cỗ Xe Tịnh Chỉ & Cỗ Xe Thuần Quán.....	321
Danh Sách Chữ Viết Tắt.....	327

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā-Sambuddhassa

Lời Nói Đầu

Tài liệu được biên soạn nhằm để ***hướng dẫn nội bộ, hỗ trợ Giáo Pháp, củng cố chánh kiến của truyền thống Theravāda.*** Mọi nhận định đều dựa trên quan điểm Kinh điển Pāli, không nhằm tranh biện với tôn giáo, tổ chức, cá nhân nào.

Tuy ai cũng biết Tây Du Ký là hư cấu nhưng không phải ai cũng nhận ra và từ bỏ thứ "*kinh*", "*luật*" trái lời Phật, ra đời thời mạt pháp. Và tài liệu này là dành cho những ai muốn phân biệt các kinh - luật thật - giả, có lý trí theo thật, bỏ giả.

Theo truyền thống Theravāda, Như Lai là bậc nói và làm ***chân chánh***, đúng như sự thật, còn Kinh và Luật là nền tảng Giáo Pháp. Do đó, phân biệt sự tương ứng và bất tương ứng với Kinh Luật là điều cần thiết để biết và hành đúng những điều Phật đã giác ngộ và chỉ dạy. Đệ tử Phật cần suy xét mọi lời dạy với Kinh và Luật. ***Lời nào tương ứng thì nên học hỏi, lời nào bất tương ứng thì nên từ bỏ***, như lời Phật dạy trong Kinh Đại Bát-Niết-bàn (D.16). Tài liệu có sự đối chiếu nhiều quan điểm trên cơ sở học thuật, ***giúp củng cố chánh kiến, làm thẳng tri kiến, tránh những tà kiến đưa đến khổ cảnh.*** Tài liệu phân tích sự hiểu sai về từ bi, chỉ lỗi... ***không nhằm tạo sự chia rẽ mà chỉ để giữ sự thuần tịnh của Giáo Pháp.***

Và chân đệ tử thì không vì bất kỳ lý do gì mà bóp méo Pháp. Tuy vậy, vì có nhiều tham sân si, ít trí và ba-la-mật

nên có nhiều đệ tử đời sau ưa thích theo văn hóa vô minh, ít hiểu đúng, ít tiếp thu Kinh Luật của Phật. Vì tham si mạn, để có tín đồ, họ lập ra các tông phái với kinh luật mới, có sự diễn giải sai trái bất đồng, hợp với phiền não, tạo ra tà kiến, sự **biến chất, chia rẽ mật pháp**. Họ coi "*kinh-luật*" xuất hiện ở thời mật pháp là dành cho căn cơ cao hơn cả thời đức Phật.

Vì mọi bộ phái đều xác định Phật có *giới cấm chia rẽ Tăng*, xem *quy y Tam Bảo* là điều kiện làm đệ tử Phật nên đạo thật của Phật chỉ có một mà đạo của "*đệ tử*" phá giới thì có nhiều. Vì *bất đồng, không thật quy y Pháp* nên có nhiều *đệ tử phá giới* lập ra tông phái với kinh luật mới, thành đạo Phật tự nhận. Vai trò lịch sử xã hội của họ không có thẩm quyền hơn Giới. Biến giáo lý ngoại đạo thành "*Phật Pháp*" để có tín đồ là bất quy y Pháp, trái với cách Phật và các chân đệ tử dạy Pháp.

Vì Tứ Diệu Đế là giáo lý duy nhất được tất cả tông phái chấp nhận là do Phật thuyết nên đó là cơ sở xác định giáo lý nhất quán, tương ứng Tứ Diệu Đế là Phật Pháp. Giáo lý nào có ý nghĩa trái với Tứ Diệu Đế thì đó là phi Phật Pháp.

Niết-bàn vô vi là vô duyên,⁸⁶ *không liên hệ tới duyên sinh*, được chứng ngộ nhờ quán 5 uẩn vô thường khổ vô ngã, diệt vô minh tham ái. Paṭiccasamuppāda là duyên sinh, Tập Đế,¹ là 1 trong 4 Đế, không phải là Diệt Đế hay Niết-bàn. Do đó, nếu chỉ giác ngộ Tập Đế thì vẫn còn *phàm phu*, chưa là Phật.

¹ *Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti. Ayaṃ vuccati, bhikkhave, paṭiccasamuppādo. (Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Đây các tỷ-kheo, đây gọi là Duyên sinh.) (S 12.1)*

Giáo lý nào chia Thừa - cổ xe giác ngộ, với Duyên Giác Phật chỉ giác ngộ *12 duyên sinh - Tập Đế* là giáo lý phi Phật Pháp.

Tuy Phật nhiều lần khẳng định có sự diệt độ của Phật và chư vị Arahant nhưng các tông phái đều bác bỏ sự diệt độ. Thực tế vì *có sự diệt độ* nên thế gian và Giáo Pháp bị tổn hại.

Đức Phật luôn từ bi như nhau với tất cả mọi chúng sinh. Điều đó có nghĩa chúng sinh được coi là bình đẳng về từ bi. Điều đó không có nghĩa là Phật xem tất cả đều bình đẳng. Vì giác ngộ nên Phật phân biệt có thiện-ác, trí-ngu, lợi-hại và không xem chúng là bình đẳng. Vì đã đoạn tận vô minh nên Phật không chấp có cái ta hay có cái gì thuộc về ta, mọi hành động của Phật là duy tác, không tạo nghiệp thiện - ác. Do không còn tham sân si nên Phật chỉ có biểu hiện thiện, không có hành động, lời nói, suy nghĩ xấu ác. Và ở đời có ai chưa từng phạm điều sai ác? Tuy vậy, trí - ngu là vô thường, thay đổi trong khoảnh khắc. ***Biết chấp nhận sự thật lẽ phải, từ bỏ sự giả dối sai trái thì ngay lúc đó chính là thiện trí.***

Tài liệu trích dẫn Kinh điển do ngài Thích Minh Châu và ngài Indacanda dịch với mục đích minh bạch lập luận, giúp người đọc thuận tiện trong việc kiểm chứng và nghiên cứu.

Nếu có những điều chưa phù hợp, chúng tôi mong được các bậc thiện trí chỉ dẫn để tài liệu được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin liên hệ qua email: esika.bhikkhu@gmail.com.

Pháp và Phi Pháp

Thực tế, nhiều người có đòi hỏi sai khi tìm hiểu đạo Phật, muốn biết về đạo Phật nhưng lại không tin vào kinh điển, mặc nhiên xem kinh điển là *tam sao thất bản không đáng tin*, chỉ muốn tin vào sự “*thấu hiểu*” đạo Phật từ người nào đó. Quả là có tam sao thất bản đối với các tác phẩm nghệ thuật, nhưng nó không đúng đối với những người có học hành và tôn trọng sự thật, lời Phật. Với họ, dù chép bao nhiêu lần thì $1+1$ luôn $=2$ và Bốn Thánh Đế là không thay đổi hay mất đi.

Trước khi tịch diệt, đức Phật dạy **Pháp và Luật là Đạo Sư**² và chỉ nên theo lời nào tương ứng với Kinh và Luật.³ Do đó, kinh điển là thầy Phật tử. “*Thấu hiểu đạo Phật*” là phải có sự tương đồng với kinh điển, nếu không thì đó là sự hiểu sai. Ai nói ra thứ trái với kinh điển thì đó không phải đạo Phật hay Phật Pháp mà đó là thứ trái với đạo Phật và Phật Pháp. Chế tà kiến, trái điều Phật giác ngộ, gây quả khổ thì đó là sự thoái hóa, biến chất, tai hại, không phải là từ bi, “*phát triển*”.

² “Này Ananda, **Pháp và Luật**, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính **Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư** của các Người” (D.16)

³ “Không tán thán, không hủy báng, **mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật**. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, **nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật**, thời các Người có thể **kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”**. Và này các Tỷ kheo, các Người **hãy từ bỏ chúng**. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, **nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật**, thời các Người có thể **kết luận: “Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”**.” (D.16)

Danh xưng Như Lai của Phật còn có nghĩa là “*đến bằng sự chân thật*”, nói và làm chân chánh, đúng như sự thật.⁴ Phật thiện xảo dạy tùy căn cơ không có nghĩa Phật phải nói láo. Sự thật chỉ có một, không có hai.⁵ Phật không nói láo để tạo mục đích tà kiến, trái với phương tiện lời thật. Bậc trí biết đạt mục đích tốt bằng lời thật. Kẻ ít trí dễ có mục đích sai, ưa nói láo để đạt mục đích. Mục đích tốt không biến nói láo thành nói thật, nói gì đến mục đích tà kiến. Như thứ “*Phật*” trong Tây Du Ký, “*Phật*” có pháp nói láo không liên can gì tới Phật. Tuy vậy, nhiều người không biết có sự vô lý. Họ không để ý rằng có thật-giả, phải-trái, họ dễ tin những gì thỏa mãn tham sân si, ngã mạn. Đạo Phật là không hợp với những ai ưa tìm cách thỏa mãn tham sân si ngã mạn mà bất chấp sự giả dối, không biết chấp nhận sự thật không hợp ý.

Đạo Phật là của Phật. Đạo Phật không phải là đạo của những người bác bỏ, đối nghịch Phật Pháp. Những ai theo thứ đạo đó thì không phải là đệ tử Phật. Và người trí thì theo lời Phật chứ không theo lời những “*đệ tử*” còn vô minh. Ngược lại, người thiếu trí thì dễ chọn theo những thể loại trái lời Phật dạy, chê người học và hành đúng theo lời Phật.

⁴ *Này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai. ...những gì Như Lai nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy, chỗ không gì khác. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai.* (D.29)

⁵ “*Sự thật là duy nhất, không có cái thứ hai*” (Sn 4.12)

Đệ tử Phật không chỉ cần không tin Tây Du Ký dù truyện hấp dẫn, hợp với tham ái, trí tưởng tượng của con người, mà còn cần biết theo sự thật, từ bỏ sự giả dối, không tin vào những sự mâu thuẫn, giả dối, bất nhất, trái lời Phật dạy.

Từ Bi và Kính Trọng

Thực chất, từ bi không có nghĩa là kính trọng. Tuy vậy, có người đã đánh tráo khái niệm, biến sự từ bi bổ thí cho mọi người thành sự kính trọng, ủng hộ các thầy tà kiến, những người dạy các tri kiến sai trái, tai hại, sai sự thật. Điều đó trái với tinh thần của đạo Phật là phân biệt trí-ngu, thiện-ác, thật-giả, lợi-hại, tránh xa sự ngu ác, giả dối, tai hại.

Trong khi đức Phật từ bi dạy ông Upālī là hãy bổ thí các vật thực cho những ai cần,⁶ và vị Upālī cũng chỉ bổ thí chứ không kính trọng gì các thầy tà kiến chống Phật cũ,⁷ thì có người xuyên tạc, bóp méo lời Phật thành nên kính trọng và ủng hộ các thầy tà kiến: “**đức Phật khuyên ông hãy tiếp tục kính trọng và ủng hộ những vị thầy cũ của ông ta như trước**”.⁸

⁶ "Này gia chủ, đã từ lâu gia đình ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. **Hãy bổ thí các món ăn cho những ai đến với ông!**" (M.56)

⁷ "–Từ nay trở đi, này người gác cửa, **ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha**. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigantha nào đến, Ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào! Từ nay trở đi, Gia chủ Upālī đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. **Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha**. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. **Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả**"." (M.56)

⁸ Đức Phật Đã Dạy Những Gì - Walpola Rahula

Quả thật là biết đọc, biết viết không có nghĩa là có trí tuệ đọc hiểu. Thực tế, có học sinh đã đưa Kiều vượt không gian, thời gian, từ thơ xưa tiến lên hiện đại, sông Tiền Đường bị di dời, tạo ra các sự kiện và nhân vật một cách “khéo léo”,⁹ tức là làm kẻ thù của Nguyễn Du. Ở đây, vị ấy đã bóp méo, chế ra lời Phật một cách tài tình, làm kẻ thù của Phật Pháp.

Kẻ Ngu - Người Trí

Thật ra, đức Phật xác định thế gian là có kẻ ngu, người trí và dạy chỉ nên thân cận, kính lễ những bậc thiện trí.

Không thân cận kẻ ngu,

Nhưng gần gũi bậc trí,

Đảnh lễ người đáng lễ

Là điềm lành tối thượng. (Sn 46)

Như vậy, Phật dạy từ bi với chúng sinh chứ không dạy đối xử bình đẳng với chúng sinh. Quả thật “*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”, trí và ngu là không bình đẳng. Ai muốn tốt đẹp thì cần biết chọn thầy nói và hành đúng theo kinh điển.

Vì chỉ bậc trí mới giác ngộ đúng *bản chất thế gian*, diệt tận phiền não, giải thoát khỏi khổ sinh tử luân hồi nên cái nhìn nhân duyên là chừng nào còn có tri kiến trái với chân lý mà bậc trí giác ngộ thì chừng đó còn có tri kiến sai. Chừng nào biết chấp nhận đúng chân lý thì chừng đó có chánh kiến.

⁹ “Thúy Kiều là 1 người con gái tài sắc vẹn toàn, song nàng đã bị chế độ phong kiến vùi vào đồng bùn nhơ. Đến nỗi, chịu không nổi, nàng đã nhảy xuống sông Tiền giang tự vẫn. May thay lúc đó có một bà đảng viên đi công tác về, bà liền nhảy xuống sông cứu nàng. Sau đó, Kiều giác ngộ và đi theo con đường Cách Mạng.” (Một học sinh lớp 9 PTCS T.A, Huế)

Và thế gian cũng xác định có kẻ ngu và chê trách kẻ ngu:

*“Kẻ ngu có học thì ngu dốt hơn người vô học.”
(Benjamin Franklin)*

“Tôi không tin vào tập hợp trí tuệ chung của những cá nhân ngu dốt.” (Thomas Carlyle)

“Không có gì nguy hiểm hơn bạn bè ngu dốt; thù có kẻ thù khôn ngoan thì còn tốt hơn.” (La Fontaine)

“Nhiệt Tình + Ngu Dốt = Phá Hại” (Lenin)

Do đó, ủng hộ kẻ ngu, đánh đồng họ với bậc trí là sai trái. Ở cùng một hoàn cảnh, người trí thì xây, kẻ ngu thì phá. Chính ý thức trí/ngu có trước quyết định cách xây hay phá. Và 9 người 10 ý, 9 kẻ ngu hợp lại là 10 sự phá hại. “*Chân lý*”, sự “*phát triển*” của họ thực chất là sự sai trái, phá hại. Chấp hiện thực khách quan quyết định ý thức là *đánh đồng tất cả*, không biết có trí-ngu, thiện-ác, sự học tập, tư duy sáng tạo.

Quả thật là có kẻ thù thì còn tốt hơn là có thầy, bạn ngu. Vì ai cũng biết đề phòng kẻ thù nên bạn ngu dễ gây tai họa bất ngờ hơn kẻ thù. Chuyện tiền thân đức Phật số 268 có kẻ con trai một người làm vườn đã “*động não*” “*sâu xa*” về lượng nước tưới hợp với mỗi cây con bằng cách *nhỏ cây lên* để biết độ dài rễ, rồi trồng lại và tưới. Chuyện tiền thân số 45 kể về cô con gái đập ruồi đậu trên người bà mẹ bằng cái chày, khiến bồ-tát nghĩ: “*Trên đời này, một kẻ thù có trí còn tốt hơn*”.

Dù có ý tốt thì kẻ ngu vẫn có thể hại mình và đời bằng sự ngu ngốc, thiếu hiểu biết. Dù có mục đích từ bi “*độ*” đời thì kẻ tà kiến vẫn là hại người do sự dạy tà kiến, khiến người có nghiệp tà kiến, đưa đến quả khổ, cõi khổ súc sinh, địa ngục.

Người thiếu trí còn biết tự hại mình. Bất kể có các vị thầy theo Chánh Pháp, có nhiều tín đồ tự hại mình bằng cách chấp chặt u mê không bỏ thứ thầy mà họ biết đó là kẻ trái lời Phật vì các thầy giúp họ thỏa mãn tham sân si ngã mạn. Họ xem thứ thầy đó là “*thần tượng*”, là thứ “*hay ho*”, “*chân lý*”. Trong khi kẻ trí bác bỏ sự nguy hiểm, tà kiến thì họ mất trí phân biệt, mê “*động náo*” không phải để phản biện mà là để hiểu và chấp nhận hý luận phi lý. Họ chán ghét và bài xích sự vi tế, khó hiểu, khó hành của Phật Pháp, ngỡ ra sức hiểu, tiếp thu, chấp thủ sự điên đảo là “*trí tuệ*”. Họ có giáo lý “*mở*”, không bận tâm đến sự thật, lời Phật. Như văn sĩ, họ sáng tác “*chân lý*” bằng *hý luận ngược xuôi*. Như thiếu nữ yêu bằng tai, cái họ thích, thấy hay ho thì đó là chân lý. Chân lý của họ là những sự tự mâu thuẫn, phản logic, sai sự thật, trái lời Phật. Như Tây Du Ký, thứ họ thích không có nghĩa đó là chân lý.

Như trẻ nhỏ, kẻ ít trí ít bận tâm *cốt lõi thật-giả, phải-trái*. Họ thích tỏ ra nguy hiểm bằng sự hời hợt, vội “*nhìn mặt mà bắt hình dong*”. Họ ưa tin và mê tên tuổi, dáng vẻ bên ngoài, điều họ thích hay điều thỏa mãn tham sân si ngã mạn.

Người thiếu trí dễ đặt niềm tin nhầm chỗ, ưa quý trọng, ủng hộ các thầy tà kiến, mê nghe thầy phỉ báng, xuyên tạc, bôi nhọ Phật nhưng ghét ai chỉ lỗi, chê trách các thầy ấy.

Si chấp tà kiến là rơi vào địa ngục.¹⁰ Vì có sự dạy, ca ngợi tà kiến nên thầy tà kiến hại đời, ngu dốt, điên đảo hơn trò.

¹⁰ - Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị **rơi vào địa ngục**. Thế nào là với bốn pháp? **Tự mình có tà kiến, khích lệ người khác có tà kiến, chấp nhận tà kiến và tán thán tà kiến.** (A.4.270)

Phật từ bi với chúng sinh không có nghĩa Phật che giấu sự thật, không dám chê kẻ ngu. Khi cần Phật sẽ nói lời làm kẻ khác không ưa.¹¹ Phật nói Makkhali là ngu si trước Tăng (A.3.135) không phải là đào huyệt chôn đạo Phật, làm hại tôn giáo khác mà đó là *làm tăng trí tuệ, sự hiểu biết* cho Tăng, làm rõ Pháp và phi pháp, giúp Giáo Pháp vững bền.

Ở đây, vì sự thật và lợi ích Tăng, không vì sân si mà Phật gọi kẻ ngu là kẻ ngu.¹² Điều đó không có nghĩa là Phật sẽ đi thuyết cho kẻ ngu. Lời thật với từ tâm, lợi ích chẳng giúp gì cho họ. Họ chẳng tiếp thu mà có thể còn *thêm sân si tức tối*.¹³

Bậc trí độ đời nhờ trí nói sự thật và tôn trọng nghiệp quả. Kẻ ít trí ưa nguy từ bi trong tà kiến, bất chấp nghiệp quả, coi nói láo, mơ hồ, dẫn tới sai sự thật có thể độ mà thật ra đó là tà kiến hại đời. Họ có thể tự coi là độ đời khi cổ giết 1 người. Phật dạy rõ Khổ Đế, Tập Đế là sự thật, vô thường khổ vô ngã là sự thật, giúp đời hiểu đúng bản chất thế gian, ly tham, hết ngã chấp, giải thoát. Kẻ ly trí thì ưa dùng sự điên đảo về “không”, “như huyễn” làm phương tiện nhỏ bỏ trí tuệ, sự thật.

¹¹ Lời nói nào Như Lai biết là **như thật, như chân, tương ứng với mục đích**, và lời nói ấy **khiến những người khác không ưa, không thích**, Như Lai ở đây **biết thời giải thích lời nói ấy**. (M.58)

¹² “Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là **thiện thuyết**, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích. Thế nào là năm? **Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm**.” (A.5.198)

¹³ Người ác tuệ, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ trí tuệ, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, **nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết**. (A.5.157)

Người thiếu trí dễ dị ứng với lẽ phải vì lẽ phải là dẫn đến phơi bày sự sai trái của họ. Họ không bận tâm đến sự thật, lẽ phải. Họ cố chấp, chỉ biết hành động vì tham dục sân si, ngã mạn. Họ *ưa sự bình đẳng, bất phân biệt trí-ngu, đúng-sai, thật-giả* vì có như thế thì họ mới *tự do nói và làm điều sai trái*. Để tránh bị chê trách, họ quy kết người nói ra sự thật về họ là sân si phỉ báng, để từ đó họ xem sự thật ấy là vô nghĩa.

Và Phật đã dạy về trưởng lão ngu và trưởng lão hiền trí.¹⁴ Thật ra, các vị trưởng lão được tôn kính là vì có thâm niên hiểu biết, thực hành và bảo vệ Giáo Pháp chứ không phải vì có thâm niên thiếu hiểu biết, bóp méo Giáo Pháp.

Với đạo Phật, một người được xem là thầy dạy Phật Pháp không phải vì người đó có thâm niên, danh tiếng, đồ chúng hay bằng cấp mà là vì người đó có hiểu biết, có chấp nhận và thực hành theo lời Phật. Những ai dù có nhiều bằng cấp, danh tiếng, đồ chúng nhưng chỉ dạy và hành những điều trái với Phật Pháp thì vẫn bị xem là sai pháp.

¹⁴ **Nếu trưởng lão**, này các Tỷ-kheo, là **80 tuổi, hay 90 tuổi, hay 100 tuổi đời**, và nếu vị ấy nói **phi thời, nói phi chân, nói phi nghĩa, nói phi pháp, nói phi luật**, nói những lời không đáng giữ gìn, lời nói không hợp thời cơ, không hợp lý, không có giới hạn, **không có liên hệ đến mục đích**, thời vị ấy chỉ được gọi là **vị trưởng lão ngu**.

Nếu là một vị tuổi trẻ, này các Tỷ kheo, một thanh niên còn non trẻ, tóc đen nhánh, trong tuổi hiền thiện của đời, còn trong tuổi thanh xuân, vị ấy nói lời **đúng thời, nói lời chân thực, nói lời có nghĩa, nói lời đúng pháp, nói lời đúng luật, nói những lời đáng giữ gìn, lời nói hợp thời cơ, hợp lý, có giới hạn, liên hệ đến mục đích**, thời vị ấy chỉ được gọi là **vị trưởng lão hiền trí**. (A.iv.ii.22)

Thực tế, đức Phật đã có lời chê trách những vị Tỷ-kheo cao thâm niên nhưng thiếu hiểu biết.

*Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng tuệ không tăng trưởng. (PC 152)*

Tuy vậy, ngày nay có nhiều Tỷ-kheo còn tệ hơn vị đã bị đức Phật chê trách ở trên. Người bị Phật chê trách chỉ là thiếu hiểu biết Phật Pháp chứ không hại người khác bằng sự chỉ dạy sai trái. Ngày nay, có nhiều người nổi tiếng là nhờ vào việc thuyết và làm những điều trái lời Phật dạy nhưng thỏa mãn tham dục ngã mạn của đồ chúng.

Phật tử được gọi là đệ tử của Phật là vì họ quy y Tam Bảo. Không phải vì quy y, nương tựa vua hay các cư sĩ, tiền sĩ mà họ là đệ tử Phật. Tuy vậy, có người lại y cứ lời vua A-dục mà kính trọng, nghe lời ngoại đạo có tri kiến trái với Phật Pháp,¹⁵ trái với điều Phật dạy là “Không thân cận kẻ ngu” (Sn.46).

¹⁵ “Người ta không nên chỉ kính trọng tôn giáo của riêng mình và bài bác những tôn giáo của kẻ khác, mà **phải kính trọng tôn giáo kẻ khác** vì lý do này hay lý do khác. Như thế ta có thể làm cho tôn giáo mình phát triển và giúp đỡ các tôn giáo khác nữa. Nếu không, tức là ta **đã đào huyệt chôn chính tôn giáo của mình, và còn làm hại các tôn giáo khác**. Kẻ nào chỉ kính trọng tín ngưỡng của mình và bài xích những tín ngưỡng khác, thực ra họ đã làm thế vì sùng kính tín ngưỡng của riêng mình, nghĩ rằng: “Tôi sẽ làm rạng danh tôn giáo của tôi”. Nhưng trái lại, khi làm thế họ **đã làm tổn thương tôn giáo mình một cách trầm trọng hơn nữa**. Bởi thế sự hòa hảo là tốt đẹp: **mọi người nên lắng nghe, và có thiện chí lắng nghe những lý thuyết mà người khác đề xướng.**” (Đức Phật Đã Dạy Những Gì)

Và Phật dạy từ bi không có nghĩa là Phật dạy kính trọng, nghe lời hay phải đi luận chiến, gây bất hòa với ngoại đạo. Từ-bi-hỷ-xả, "*nước sông không phạm nước giếng*" là giữ hòa khí giữa các tôn giáo. Với tư cách là vua, vua A-dục có thể yêu cầu dân kính trọng, lắng nghe mọi tôn giáo nhưng với tư cách là Phật tử, vua *không thể dạy Tăng kính trọng, nghe lời ngoại đạo*. Vì vậy nên nghe lời Phật hơn là dựa hơi vua để hại Phật tử.

Thực tế có nhiều người ưa phỉ báng Phật nhưng lại muốn được tôn trọng. Người trí không tôn trọng kẻ phỉ báng Phật, tôn trọng chúng là bất kính với Phật. Phật dạy từ bi với chúng sinh chứ không dạy tôn trọng kẻ có tà kiến phi pháp.

Có nhiều tôn giáo thờ các con vật như bò... Họ kính trọng các con vật đó nhưng điều đó không có nghĩa con người cần kính trọng loài vật. Người đời không tôn trọng loài vật là vì sự ngu dốt của nó. Có nhiều người tôn thờ, ca ngợi các thầy có tri kiến sai trái và điều đó không có nghĩa đệ tử Phật cần tôn trọng, nghe lời thứ thầy ấy. Như vị *Thánh Nhập Lưu Upāli* đối xử với thầy tà kiến cũ,⁷ người trí không tôn trọng Hitler và các thầy tà kiến vì sự tai hại mà chúng đem lại cho đời. Trái lại, kẻ thiếu trí không chỉ biết chấp thủ tà kiến mà còn biết tham ái, dính mắc, tưởng niệm những thứ thầy tà kiến.

Thế gian có vô số sự thật lẫn sự giả dối, tai hại. Không ai chê trách hết nổi mọi sự giả dối, tai hại. Tuy vậy, đệ tử Phật cần tạo phước thiện trí tuệ là làm thẳng tri kiến, nhớ Pháp, chỉ ra sự sai trái, phi pháp, quả khổ của tà kiến. Đó là cách tạo thiện nghiệp hợp trí, bảo vệ và giúp Giáo Pháp vững bền.

Khen - Chê

Thật ra, tâm thanh tịnh là do lìa 5 triền cái là tham dục, sân, hôn trầm-thụy miên, trạo-hối và nghi. Không phải vì không biết lỗi người hay vì không khen chê mà thanh tịnh.

Phật dạy người trí thì biết khen kẻ đáng khen, biết chê kẻ đáng chê,¹⁶ kẻ ngu thì khen kẻ đáng chê, chê kẻ đáng khen.¹⁷

Phật không còn vô minh tham ái, không còn tạo nghiệp không có nghĩa Phật không còn phân biệt thiện-ác, trí-ngu. Phật khen kẻ đáng khen, chê kẻ đáng chê. Phật gọi kẻ ngu là kẻ ngu, gọi Makkhali là kẻ ngu. Phật không xem Devadatta bình đẳng với ngài Ānanda mà Phật khen bậc trí Ānanda, chê kẻ ngu Devadatta. Không khen kẻ đáng khen, không chê kẻ đáng chê, để kẻ ngu lộng hành là mặt pháp. Đức Phật và chư Tăng luôn nói sự thật Devadatta là ác dục bất kể trước mặt hay sau lưng, còn sống hay đã chết, có hại họ hay không.¹⁸

¹⁶ Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, **bậc hiền trí, khôn khéo**, bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một vật mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách và **tạo nên nhiều phước đức**. Thế nào là hai? **Sau khi suy tư và thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán, và chỉ trích người đáng bị chỉ trích.** (A.2.xii.6)

¹⁷ Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu, vụng về**, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách và **tạo nên nhiều vô phước**. Thế nào là hai? **Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán, và chỉ trích người xứng đáng được tán thán.** (A.2.xii.5)

¹⁸ - Này các Tỷ-kheo, **các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?**

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỷ-kheo, **tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.** (S.ii,155)

Vì vận động theo quy luật tự nhiên, không có khả năng *chọn hành động* nên không thể nói sự vận động của vật chất là đúng hay sai. Tùy theo nhu cầu mà mỗi người đánh giá sự vận động của vật chất là lợi hay hại, tốt hay xấu. Người trồng lúa hay làm muối xem cơn mưa là lợi, hại khác nhau.

Và thế gian không phải chỉ có vật chất mà còn có ý thức. Ý thức tiếp thu thông tin qua 5 giác quan và quyết định sự hành động bằng thân hay lời *theo kinh nghiệm, sự hiểu biết, căn tánh, nhu cầu, sở thích*, qua đó tác động lại thế giới. Khác vật chất không có đúng/sai, ý thức có sự lựa chọn, đúng/sai. Ý thức $1+1=2$ là đúng, $1+1=5$ là sai. Vật chất không quyết định kẻ ngu biết $1+1=2$ hay bậc Thánh nói láo. Hợp pháp là đúng, phi pháp là sai. Các nhu cầu hợp pháp khác nhau về mưa không có nghĩa là không có đúng/sai hay nhu cầu tà dâm là đúng. Đạo Phật xem biết nghiệp quả, biết vì lợi lâu dài là trí, tham sân si chấp ngã vì lợi trước mắt mà khổ lâu dài là ngu. Kẻ ngu thì bác bỏ, bất phân hay phân biệt đúng-sai, tốt-xấu dựa trên tham sân si, ngã mạn, nhu cầu, sở thích. Người trí đánh giá đúng-sai, tốt-xấu dựa trên sự thật, lời Phật, lẽ phải.

Vì kẻ ngu thường ưa ác, ghét thiện nên bị người trí chê thì tốt hơn được kẻ ngu khen. Nhờ người trí chê để biết sai mà sửa còn hơn được kẻ ngu khen để lún sâu vào sự tai hại.

Được khen bởi kẻ ngu,

Bị chê bởi người trí,

Được người trí chê bai,

Hơn được kẻ ngu khen. (Thera. 67)

“Không Chỉ Lỗi Người”?

Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!

Thân cận người như vậy,

Chỉ tốt hơn, không xấu. (PC76)

Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.

(PC77)

Như vậy, Phật đã dạy về lợi ích khi được người trí chỉ lỗi. Phật còn dạy về thiện thuyết nói đúng thời, đúng sự thật, nhu hòa, lợi ích, từ tâm.¹² Phật dạy từ bi, chớ sân si ngã mạn, chứ không dạy đừng chỉ lỗi, bắt từ bi, bỏ mặc sai trái tai hại.

Và để các đệ tử tiến bộ, Phật không để mặc họ sai trái mà dùng lời mềm mỏng lẫn cứng rắn để nhiếp phục.¹⁹ Tuy vậy, nếu đã nói đủ lời mà họ vẫn không nghe thì Phật “giết” họ. Ở đây, “bị giết” trong Giáo Pháp có nghĩa là bị cả thầy và bạn bỏ mặc, thấy không đáng để giáo giới, chỉ dạy hay nói đến.²⁰

¹⁹ *Này Kesi, Ta nhiếp phục người đáng được nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, Ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn, Ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn.* (A.4.111)

²⁰ *Những người đáng được điều phục ấy không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giết hại, này Kesi là con người này, trong giới luật của bậc Thánh, bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới.* (A.4.111)

Tuy vậy, các tông phái lại chê ra “bồ-tát giới” là “không nói lỗi người” (*Giới Nói Lỗi Của Tứ Chúng*). Và Pháp Hoa bắt từ bi, dạy không nói lỗi người, bắt kẻ họ tự hại mình hay hại đời.²¹

Vì người thiếu trí thì thường nói sai, bắt phân thật-giả, tốt-xấu nên “*giới không nói lỗi*” ấy chỉ nên dành cho họ, chứ không dành cho người có trí nghe lời bậc Toàn Giác. Nếu ai cũng dùng “*giới*” ấy thì kẻ thiếu trí sẽ thoát khỏi bị chê trách, khiến họ tự do gây bất thiện, tự hại họ và đời, gây mạt pháp. Phật và Bồ-tát đều không có giới bắt từ bi, gây mạt pháp đó.

Khi nói đúng lỗi thì lỗi là lỗi. Dù người chỉ lỗi có tâm sân thì người bị lỗi cũng không trở nên đúng, hết lỗi. Tuy vậy, chỉ lỗi với tâm sân là không tốt. Và vì từ bi, vì sự thật lợi ích, không vì hơn thua với ý thức về sự vô ngã, do duyên sinh là trí chỉ lỗi mà không sân si, kiêu mạn. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là có thể tùy tiện chỉ lỗi. Như Phật đã dạy,¹³ chỉ lỗi cho kẻ ngu là ác thuyết vì vô ích, chỉ khiến họ sân si.

Ở đời ai cũng có sai lầm. Người trí bận tâm về sự thật hơn cái tôi nên biết nghe chỉ lỗi, sửa sai. Kẻ thiếu trí bận tâm về cái ngã chứ không bận tâm về sự thật, lẽ phải. Họ ưa bảo vệ cái sai, ưa “*chỉ lỗi*” người trí và ngăn người trí chỉ lỗi mình, muốn người trí vì hòa bình mà để cho họ lộng hành gây hại.

²¹ ***Sau khi đức Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp muốn nói kinh này, phải trụ nơi hạnh An lạc, hoặc miệng tuyên nói hoặc lúc đọc kinh đều chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển; cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh văn cũng chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng kêu tên khen ngợi điều tốt của người đó. (Pháp Hoa-An Lạc Hạnh)***

Và vì nếu để những kẻ phá giới làm loạn thì sẽ mất pháp nên chư Arahant thuộc Tăng Bảo đã tiến hành tranh tụng, bác bỏ giới của họ, kết tập kinh điển lần hai. Trái lại, những kẻ phá giới chế luật, chia rẽ Tăng,²² không quy y Tam Bảo, lập ra Đại Chúng Bộ. Với đạo Phật, những ai không quy y chân Tam Bảo thì chỉ có thể là đệ tử Phật tự nhận và đạo đó cũng là đạo Phật tự nhận. Tuy vậy, chỉ có ai lập tông phái mới phạm chia rẽ Tăng chứ những ai theo đạo ấy thì không.

Vì đạo Phật của Phật thì chỉ có một nên chấp nhận có tông phái là chấp nhận có chia rẽ. Cái nhìn nhân duyên là chừng nào còn chưa quy y Tam Bảo thì chừng đó chưa phải đệ tử Phật. Chừng nào quy y đúng chân Tam Bảo và có giữ 5 giới thì chừng đó mới thật là đệ tử Phật. Đạo Phật từ bi, khoan dung, độ lượng không có nghĩa là đạo Phật bao che sai trái, cứ mặc người lầm lạc, chịu quả khổ lâu dài về sau.

Và để hộ trì Giáo Pháp, củng cố chánh kiến, tránh để bị mất pháp thì cần chỉ lỗi trên thế gian cho nhau biết nhưng không cần dạy hay cố gắng thay đổi những người ngoài đạo.

²² Ở đây, này Upàli, các Tỷ-kheo thuyết **phi pháp là pháp**; thuyết **pháp là phi pháp**; thuyết **phi luật là luật**; thuyết **luật là phi luật**; thuyết **điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết**; thuyết **điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết**; thuyết **điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành**; thuyết **điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành**; thuyết **điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt**; thuyết **điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt**. Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất động ýết-ma, họ tuyên đọc giới bốn Pàtimokkha khác biệt. Cho đến như vậy, này Upàli, là chúng Tăng bị phá hoại. (A.10.35)

“*Pháp Môn*” *Thắng Lợi Tinh Thần AQ*

Thực tế, nhiều người thích dùng “*pháp môn*” thắng lợi tinh thần AQ, tự huyễn hoặc để thấy mình hơn người, ai chê họ là còn tệ hơn tự chê mình.

Và dòng Huyền Giác có pháp môn là “*vô sai biệt trí*”,²³ tức mất trí phân biệt. Đó là sự hợp nhất, lẫn lộn các khái niệm, đối tượng khác nhau. Tuy hô vô ngã nhưng họ lại chấp thêm đại ngã, có tà kiến hơn người. Họ lẫn lộn mọi người, vũ trụ là một, là họ.²⁴ Ai nói họ sai là tự người đó sai, ai chê đạo họ là tự hại đạo mình,²⁵ họ chấp mình là đại ngã. Như nhiều người mê sự si từ rượu, họ mê giáo lý mất trí vì nhờ đó họ “*vượt qua mê lầm*” sinh tử. Từ sự mất trí phân biệt, họ chấp đại ngã, từ chấp đại ngã, họ điên đảo bác bỏ sinh tử.²⁴ Từ sự chấp đại ngã, họ ngăn người khác chỉ lỗi, phản bác, từ đó họ thấy mình không có gì sai để từ bỏ. Họ theo sự tham sân si, thiếu hiểu biết của mình chứ không theo ý người khác. Họ không từ bỏ ăn mặc khi đã có người khác ăn mặc. Họ không để ý đến đúng hay sai thực tế, hay họ sai, người khác đúng, họ chấp những gì họ hý luận, ảo tưởng ra đều là “*chân lý*”.

²³ Mỗi mỗi có sự sai biệt mới là vô sai biệt. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁴ Trong mê lầm thì thấy mình là cá thể độc lập, sự sống của mình độc lập đối với các sự sống khác, mình với thế giới vạn hữu là riêng khác **mà không thấy rằng cảnh đối tượng chính là tâm của mình, sự sống của người cũng chính là sự sống của mình, mình và thế giới vạn hữu không hai.** Nếu thấy được vậy thì **mê lầm sinh tử chấm dứt.** (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁵ Người nào chỉ kính trọng tín ngưỡng của mình mà bài xích những tín ngưỡng khác, khi làm thế, họ đã làm tổn thương tôn giáo của mình một cách trầm trọng. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Do mất trí phân biệt các thực thể, duyên-quả, trước-sau, lẫn lộn vật chất và phi vật chất, dòng Huyền Giác ảo tưởng các duyên là quả, biến các duyên sinh tâm cũng là tâm, biến thế giới thành tâm mình và có thứ ngộ là sự chấp ngã "*cảnh đối tượng chính là **tâm của mình***" (LL1DT).

Ví như kẻ mất trí chấp nước là một với chuối, cũng vậy, do không biết đến các thực thể 5 uẩn khác nhau sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên dòng Huyền Giác chấp tất cả các thực thể khác nhau trong thế giới đều là họ.

Thực tế, vì tưởng làm chủ thân tâm nên con người chấp thân tâm là của họ. Với "*cảnh đối tượng chính là tâm của mình*" (LL1DT), dòng Huyền Giác chấp vô số thứ chẳng liên can gì đến họ cũng là họ, chấp cát là tâm họ và tâm họ cũng là cát.

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác chấp có đại ngã "*mình và thế giới vạn hữu không hai*". Họ ngộ "*sự sống của người cũng chính là sự sống của mình*" dù mỗi ngày đều có người tử. Họ có hiểu biết điên đảo về sinh tử, trái ngược với đạo Phật. Trong khi sinh tử là sự thật tự nhiên do duyên 5 uẩn thì họ dùng chủ quan mất trí phân biệt để thấy không có sinh tử.

Thực tế, người trí ý thức sự vô ngã còn là để không sân si ngã mạn phủ nhận sự thật. Và tuy hô vô ngã nhưng dòng Huyền Giác lại chấp có đại ngã, điên đảo hơn người. Thay vì dựa vào sự thật, lẽ phải để biết đúng hay sai thì họ dựa vào sự chấp đại ngã để bảo người khác tự hại mình khi trái ý họ, trong khi họ không chịu nhận sai khi trái ý người khác.

Quy Y - Nương Tựa

Quy y nương tựa Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng chính là bước đầu tiên để trở thành Phật tử và đức Phật cũng dạy là “tự mình y chỉ (nương tựa) mình” (PC 160) và điều đó không có gì mâu thuẫn. Quy y Tam Bảo là để biết con đường và tự mình chứ không ai khác phải đi trên đó. Không ai có ba-la-mật như Phật, không ai có thể tự biết con đường đó, trừ Phật là không cần thầy chỉ dạy mà tự tìm ra con đường giác ngộ thành Phật, còn lại thì đều cần phải có Tam Bảo chỉ đường.

Phải tự mình đi trên con đường đó không có nghĩa là không cần ai giúp đỡ. Nhờ y tựa Giáo Pháp, sự chỉ dạy của người thầy mà các vị đệ tử mới có thể đi đúng con đường giải thoát. Do vô minh, thiếu ba-la-mật nên nếu không có ai giúp cho biết Chánh Pháp thì họ không biết đạo lộ hay ngộ tà đạo là chánh đạo, đi đến khổ cảnh, không giải thoát khổ.

Có lần ngài Ānanda nói “*Một nửa Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình*” nhưng đã bị Phật bác bỏ “*Chớ có nói vậy, này Ananda! Chớ có nói vậy, này Ananda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ananda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo có thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, này Ananda, thời được chờ đợi Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho viên mãn*”(S.v,2). Thật vậy, nếu không có thiện bạn hữu với Phật là thiện bạn hữu tối thắng thì không ai biết thực hành Phạm hạnh đưa đến giải thoát.

Hơn nữa, bất kỳ ai sau khi xuất gia Tỷ-kheo thì đều được dạy về bốn vật nương nhờ là vật thực, y phục, cốc liêu, thuốc men. Và hằng ngày, các vị ấy đều cần phải thực hiện giới quán tưởng là “*Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác*”.

Thực chất, phải tự mình tu tập, không ai giải thoát giùm không có nghĩa là không cần ai chỉ dẫn Pháp, không cần sự giúp các vật dụng, không cần ăn, mặc, trú xứ, thuốc men. Tuy vậy, có người bảo: “*không bao giờ nên tìm nơi nương tựa hay sự giúp đỡ của bất cứ người nào khác*”.⁸

Và Phật dạy nên quy y Pháp²⁶ nhưng đừng chấp Pháp là của ta.²⁷ Tuy vậy, người thiếu trí ngộ không chấp thủ Pháp là không nương tựa Pháp. Với tư tưởng vô chấp ấy, họ chấp tham sân si, thiếu học, *không theo Pháp*. Vì lấy lạc làm cơ sở đánh giá đúng-sai, không biết có 2 thứ lạc trái ngược nhau là lạc thiện từ trí học-hành Pháp và lạc bất thiện từ 5 dục, tham sân tà kiến nên họ ngộ không cần theo Pháp, bất cần phân biệt Pháp và phi Pháp là đúng vì đều đưa đến lạc.

²⁶ Vậy này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, **dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác**. Này Ananda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ananda, **như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác**. (D.16)

²⁷ Chư Tỷ-kheo, các Ông **cần hiểu ví dụ cái bè**. Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp. (M.22)

“**Năng Lực Tự Giải Thoát**”?

Thế gian không phải chỉ có người trí. Phật chỉ tế độ được người hữu duyên có trí, không tế độ được người vô duyên hay thiếu trí. Số người chấp nhận Phật Pháp luôn là thiểu số.

Chúng sinh luân hồi là vì không giác ngộ Bốn Thánh Đế. Và người vô nhân hay nhị nhân thì không có nhân trí tuệ để có thể giác ngộ trong kiếp ấy. Hơn nữa, không ai có trí như Phật là không thầy, tự phát hiện và tu tập Đạo Đế mà giác ngộ. Dù biết vô số điều, Phật chỉ dạy Bốn Thánh Đế vì chỉ như thế mới đưa đến giải thoát (S.v,437). Phật dạy là để đệ tử biết pháp đi đến giải thoát, không đi tìm sự giải thoát từ con số 0, đi sai đường vì thiếu ba-la-mật. Tuy vậy, có kẻ nói vì có trí tuệ, năng lực tự giải thoát nên con người cứ *tự mở mang tìm giải thoát*: “Ngài giảng dạy, khuyến khích và **cổ vũ mỗi người tự mở mang và tìm sự giải thoát** cho chính mình, vì con người **vốn có năng lực tự giải thoát** khỏi mọi ràng buộc **bằng trí tuệ và nỗ lực của chính mình**”.⁸

Thực chất, bồ-tát mất vô số kiếp tích lũy ba-la-mật mới không thầy, tự tìm ra con đường giải thoát khổ. Tuy vậy, có nhiều người ngộ vô duyên, không cần nhiều ba-la-mật vẫn có thể “*tự mở mang và tìm sự giải thoát*”. Do không biết mình vô minh, phàm phu nên họ chế ra những con đường trái với lời Phật dạy và dắt theo người khác. Ai có trí tuệ, lòng tin, hiểu biết về Tam Bảo thì chỉ tin bậc Toàn Giác, không tin “*trí*” tìm sự giải thoát của thứ đệ tử còn vô minh, phàm phu.

“Con Người Tự Mình Làm Chủ Mình”?

Thật ra, Phật chỉ ra đời ở cõi người là vì như vậy sẽ lợi ích cho nhiều chúng sinh nhất. Số chư thiên và Phạm thiên chứng quả giải thoát là hơn rất nhiều lần so với con người.

Hơn nữa, “tất cả pháp vô ngã” (PC 279), không phải chỉ có con người mà chư thiên, Phạm thiên đều do duyên tạo, đều không có quyền tự do, tự chủ, đều không chịu quyền năng nào định đoạt số phận, định đoạt sự giác ngộ giải thoát khổ.

Tuy vậy, có người tâng bốc hoàn cảnh con người, chấp con người là ngã, có quyền làm chủ mình: “Theo Phật giáo, **hoàn cảnh con người thật tuyệt. Con người tự mình làm chủ mình**, không có một thực thể hay quyền năng nào cao hơn có thể định đoạt số phận nó”.⁸ Nếu thật như vậy thì con người đừng già chết, đừng cần duyên tu tập mà cứ giác ngộ Niết-bàn đi.

Phật không dạy “con người tự mình làm chủ mình”. Phật bác bỏ ngã, bác bỏ cái gọi là “có quyền làm chủ”.²⁸ Phật dạy chúng sinh là “*chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp*”, “*nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình*”,²⁹ chứ Phật không dạy có cái ngã mình nào làm chủ mình.

²⁸ -Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: “Sắc là tự ngã (atta) của ta”, ông **có quyền hành gì** đối với sắc ấy và có nói được rằng: “Sắc của tôi **phải như thế này**, sắc của tôi **không phải như thế này**” không?

- Thừa không, Tôn giả Gotama. (M.35)

²⁹ - Này Thanh niên, các loài hữu tình là **chủ nhân của nghiệp**, là **thừa tự của nghiệp**. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, **nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình**; **nghe là có liệt, có ưu**. (M.135).

“Hoàn Toàn Tự Do”?

Thực chất, Phật giáo huấn chư Tăng bằng Pháp và Luật. Luật đặt ra là để tuân thủ, là để ngăn sự tự do nói và làm. Tỷ-kheo thì phải biết Giới Luật, biết không được tự do, nếu hành dâm, trộm cắp, giết người, khoe pháp thượng nhân đắc thiên, đạo-quả không thật thì sẽ bị trục xuất khỏi Tăng. Sau khi thiết lập xong Pháp và Luật, không còn Pháp gì trong tay thì Phật mới *“không nghĩ rằng: “Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo”*” và dạy *“sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi”* (D.16). Tuy vậy, có người lại bảo rằng: ***“đức Phật cho các môn đệ hoàn toàn tự do”, “Ngài không bao giờ nghĩ mình điều khiển Tăng già (Sangha)”***.⁸

Đạo Đế là con đường duy nhất để giác ngộ Bốn Chân Lý Cao Thượng, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi mà không có con đường nào khác(S.v,437). Không cần thần linh ban ân huệ không có nghĩa là có thể tự do giác ngộ Bốn Thánh Đế. Sự giác ngộ chân lý chỉ đạt được với sự ràng buộc là phải hành đúng Đạo Đế Giới-Định-Tuệ ở cả kiếp quá khứ lẫn hiện tại, không thể vô duyên, bất cần ba-la-mật mà tự do trực nhận Bốn Thánh Đế. Thực tế, thấy các sự thật như có bò, có gà... còn cần có duyên, nói gì đến sự giác ngộ Bốn Thánh Đế. Tuy vậy, không đếm xỉa gì đến sự ràng buộc tu tập Đạo Đế, có người bảo rằng *“sự trực nhận chân lý”* là cần có sự tự do: ***“Sự tự do này thật cần thiết, vì theo đức Phật, sự giải thoát của con người tùy thuộc vào chính sự trực nhận chân lý”***.⁸

Chân Lý, Sự Thật

Dù ai cũng có thể nói sự thật thì điều đó không có nghĩa là ai cũng biết, đồng ý và nói đúng sự thật hay nói bậy cũng là sự thật. Nói có bò, có gà là nói đúng sự thật, nói táo bay, $1+1=6$ là nói sai sự thật. Ở đây, do Newton không giấu giếm hiểu biết vạn vật hấp dẫn mà người có học biết đến điều ấy.

Thực tế, có 2 loại sự thật là sự thật khách quan và sự thật chủ quan. Sự thật chủ quan thì tùy vào sở thích, nhu cầu, khả năng của mỗi người, là sự thật đúng với người này mà không chắc đúng với người khác, đúng hay sai là tùy người. “*Hồng là màu đẹp nhất*” là sự thật đúng với người này nhưng không chắc đúng với người kia và chúng là có thể thay đổi tùy theo tâm tình. Và sự đánh giá *lợi-hại, tốt-xấu, thiện-ác* là cũng tùy quan điểm, nhu cầu của mỗi người; người giác ngộ, kẻ vô minh, người trí nhìn xa, kẻ ngu thiển cận sẽ có những sự đánh giá khác nhau. Trái lại, sự thật khách quan thì không tùy thuộc vào sở thích, căn tánh mỗi người. Sự thật $1+1=2$ không tùy thuộc vào ý thích, có biết hay không biết, ai chấp nhận $1+1=2$ thì người đó đúng, là có trí, ai không chấp nhận thì người đó sai, là dốt. Do có vô số sự thật và sự giả dối nên trí-ngu có nhiều cấp độ và tùy từng trường hợp.

Thế gian có vô số sự thật, không phải chỉ có một sự thật. Thực tế, tôn giáo nào cũng tự cho mình là “*chân lý*” nhưng đó có thật là chân lý hay không thì lại là chuyện khác. Đạo Thiên chúa có người tên Jesus, đó là sự thật nhưng điều đó

không có nghĩa là các tôn giáo khác để tâm đến sự thật ấy cũng như không có nghĩa tất cả giáo lý của đạo ấy là sự thật.

Khác với vật chất, *một khi đã lan truyền* thì không ai có thể độc quyền sở hữu hay sử dụng sự thật. Với các sự thật như có gà, có bò thì không cần gắn nhãn hiệu là của Ấn giáo hay Hồi giáo. Nhưng vì các tôn giáo có "*chân lý*" mâu thuẫn, khác nhau về cùng một đề tài mà sự thật về đề tài thì chỉ có một nên theo quy tắc logic thì tất cả đều sai sự thật hoặc chỉ có duy nhất một tôn giáo nói đúng sự thật về đề tài ấy. Cụ thể, đạo Phật thấy "*tất cả pháp vô ngã*", coi chấp ngã là tà kiến và các tông phái chấp có đại ngã, có mục đích giác ngộ đại ngã không thể cùng là 1 đạo, cùng nói đúng sự thật về đề tài ngã. Tuy vậy, nếu một bên nói có bò và một bên khác nói có gà thì cả hai bên đều đúng do đã nói về hai sự thật khác đề tài.

Do có sự mâu thuẫn, khác nhau về từng đề tài giữa các tôn giáo, do tôn trọng cốt lõi, không để các tôn giáo nhận vơ mình là chân lý nên người trí gán nhãn "*chân lý*" của riêng từng tôn giáo và không xem tất cả đều là chân lý. Và do không tôn trọng cốt lõi nội dung, bị vở bọc tên gọi "*chân lý*" của các tôn giáo đánh lừa nên có người đã xem các giáo lý mâu thuẫn nhau về cùng một đề tài của các tôn giáo đều là "*chân lý*" và bảo "***chân lý không cần nhãn hiệu, nó không là Phật giáo, Kitô giáo, Ấn giáo, hay Hồi giáo. Chân lý không là độc quyền của ai. Những nhãn hiệu tông phái là một trở ngại cho sự hiểu biết chân lý một cách tự tại, và chúng làm phát sinh những thành kiến tai hại trong tư tưởng con người.***"⁸

Sự thật tự nhiên là thứ để phát hiện, không phải thứ để phát triển. Sự thật là sự thật, sự thật không thể “*phát triển*”. Sự thật về một vấn đề *thì chỉ có một*. Sự thật $1+1=2$ không thể phát triển thành $1+1=5$, $1+1=6$. Chân lý bị đóng khung trong sự thật, chỉ có sự giả dối là vô hạn không có gì ràng buộc. Bóp méo, phủ định, tạo ra thứ trái sự thật là *tạo ra sự giả dối*, không phải sự thật. Thực tế, có tổ của một dòng thiền ưa nghĩ ra những điều mà Phật bảo là tà kiến rồi nó gọi đó là “*chân lý phát triển*”, như phát triển máy bay từ ô-tô. Thật ra, ô-tô và máy bay đều là đồ vật, không phải là chân lý, đồ vật là có thể được phát minh. Ví như kẻ mất trí không biết gì về ô-tô gọi đập nát ô-tô là phát triển máy bay, cũng vậy, tổ mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không biết có trí-ngu, vô minh đã tăng bốc gọi các hý luận trái với sự thật mà Phật giác ngộ, bị Phật gọi là tà kiến của nó là “*phát triển chân lý*”, là hơn Phật.

Ví như có nhiều người mê thế giới quan của Tây Du Ký, cũng vậy, có nhiều người mê thế giới quan của thứ “*đệ tử*” còn vô minh, thiếu học, không hành Đạo Đế để giải thoát, không làm thiện để có lạc luân hồi, ngã mạn bài xích Phật, tạo nghiệp tham, tà kiến khiến tái sinh ở các cõi súc sinh...

Ví như cái bát đầy thứ hổ lốn thì không thể có nước sạch cho đến khi đổ và rửa cái bát, cũng vậy, sự thật không thể được tiếp thu cho đến khi nào biết từ bỏ sự chấp thủ vào những điều mâu thuẫn, giả dối, không thể có chánh kiến cho đến khi nào biết đứng về phía chánh kiến, từ bỏ tà kiến.

Chân Lý Bốn Thánh Đế Thuộc về Ai?

Có vô số sự thật trên thế gian. Các sự thật là có vai trò và giá trị khác nhau trong cuộc sống, biết sự thật là có bò, gà... thì không thể đem so với hiểu biết về Bốn Thánh Đế.

Đời không phải chỉ có thứ sự thật như có bò mà còn có các sự thật không phải ai cũng biết như Tứ Diệu Đế, $E=mc^2$. Ai cũng muốn biết chân lý. Tuy vậy, chân lý không phải thứ ai cũng có trí biết và chấp nhận. Người đời tin nhà khoa học. Phật tử thì tin sự giác ngộ của đức Phật và chư Thánh Tăng.

Tứ Diệu Đế là chân lý cao thượng vì chỉ có trí cao thượng mới giác ngộ và sự giác ngộ đó đem lại lợi ích cao thượng là đoạn tận sự khổ. Vì Bốn Thánh Đế không phải là sự thật dễ thấy biết nên chúng sinh vô minh, luân hồi vô số kiếp.

Do thiếu học, có người không biết có minh và vô minh, sự thật chân đế và tục đế, họ ngỡ *"trải nghiệm, chiêm nghiệm"* các thực tại tục đế dễ thấy thì *"vẫn có thể giác ngộ Chân Lý, đơn giản chỉ vì Chân Lý ở khắp mọi nơi"*.³⁰ Thực chất, cái thứ *"giác ngộ"* tục đế, thấy gà là gà... chỉ là thấy sự thật quy ước, chứng tỏ vô minh có ở mọi nơi. Nó chẳng liên can gì đến sự hành Giới Định Tuệ giác ngộ, minh pháp chân đế 5 uẩn và Niết-bàn. Đó chỉ là sự *"giác ngộ"* của vô minh, giới cầm thú không đưa đến giải thoát khỏi đau sinh tử luân hồi. Thật ra,

³⁰ ***Bất cứ ai, dù có Tôn giáo hay không theo chủ thuyết nào, mà biết trở về trải nghiệm, chiêm nghiệm và thấy ra thực tại như nó đang là ngay nơi thân tâm và cuộc sống này thì người ấy vẫn có thể giác ngộ Chân Lý, đơn giản chỉ vì Chân Lý ở khắp mọi nơi. (Chân Lý Đầu Của Riêng Ai)***

đó là sự nâng tầm những sự thật tục đế lên thành “chân lý”, biến sự nhận biết các sự thật tục đế lên thành “giác ngộ”, là sự thực hành giới cấm thủ, tức sự thực hành không đưa đến mục đích giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Và thời đức Phật là có kẻ hành giới cấm thủ hạnh con bò, con chó, và nghĩ đó là cách để sinh thiên. Và Phật chỉ rõ đó là tà kiến, ai chấp chặt tà kiến thì “*có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh*”.³¹ Do đó, “*tĩnh tại*” thấy pháp tục đế đúng như nó là, ngộ sự thấy của vô minh đó là sự tu tập đưa đến giải thoát khổ thì đó là sự thực hành giới cấm thủ, không liên can gì đến giác ngộ Tứ Thánh Đế, giải thoát khổ.

Do ngộ chân lý chỉ là sự thật dễ thấy, ai cũng chấp nhận như có bò... không biết chân lý là thứ mà kẻ thiếu trí bác bỏ, không phải là thứ mà ai cũng có trí biết và chấp nhận nên có người nói chân lý là kho báu chung, không của riêng ai.³²

Ví như loài ruồi xem phần uế là kho báu, cũng vậy, người thiếu trí xem các pháp tục đế, thứ là duyên sinh vô minh, tham sân si, ngã mạn, khổ đau luân hồi, là kho báu.

³¹ Nếu Ông ấy có tà kiến như sau: “Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư Thiên này, hay chư Thiên khác”, thời này Punna, **đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh.** (M.57)

³² **Chân Lý không thuộc về ai, không phải là sở hữu của Tôn giáo hoặc Tông môn, Hệ phái nào, cũng không thuộc hệ tư tưởng triết học hoặc chủ thuyết chính trị nào. Chân Lý ở khắp mọi nơi, là kho báu chung của mọi người, vấn đề ở chỗ ai thấy được hay không mà thôi.** (Chân Lý Đầu Cửa Riêng Ai - Viên Minh)

Người trí phải là người muốn đoạn tận mọi sự khổ. Cái mầu chốt giúp chấp nhận, giác ngộ chân lý, giải thoát khổ thì cần được coi là báu vật. Báu vật là báu vật không chỉ vì vai trò mà còn vì sự hiếm hoi khó có. Vô minh và thứ có ở khắp nơi thì không quý báu. Và đức Phật xem tuệ là báu vật: *“Tín là tốt trường cửu, Tuệ, vật báu loài Người”* (S.i,36), chứ không xem duyên gây tham sân si có ở mọi nơi là báu vật.

Thực chất, chân lý thuộc về người phát hiện và những ai biết tiếp thu. Phật không giữ riêng chân lý mà dạy cho đời không có nghĩa chân lý có thể thuộc về kẻ bác bỏ chân lý. Tuy Tứ Thánh Đế là sự thật tự nhiên về hiệp thế và siêu thế nhưng điều đó không có nghĩa là ai cũng biết và chấp nhận đó là chân lý. Chỉ đạo Phật biết và chấp nhận Tứ Thánh Đế là chân lý. Do không thể ép ai ngoài đạo Phật chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý nên chân lý Bốn Thánh Đế là của riêng đạo Phật. Tuy vậy, có kẻ hý luận chân lý không thuộc về ai, rồi bảo chân lý là kho báu chung. Nó không biết rằng vì chân lý là thứ bị kẻ thiếu trí bác bỏ, chân lý không phải thứ dễ thấy biết hay dễ hiểu biết và chấp nhận nên chân lý chỉ thuộc về người trí, chân lý không phải là tài sản chung.

Ví như trẻ nhỏ vì không biết có sự giả dối, sai sự thật nên dễ bị dụ, cũng vậy, có người ngây thơ ngộ các tôn giáo nói đến *“chân lý”* thì đó đều là chân lý, bất kể các *“chân lý”* ấy mâu thuẫn, không thể cùng là sự thật. Họ không biết rằng có vô số sự thật, nhưng sự thật về một vấn đề thì chỉ có một.

Họ không biết rằng vì giáo lý các tôn giáo mâu thuẫn nhau về Đạo, Pháp, Thượng Đế... nên không thể cùng là sự thật.

Vì thiếu học, có người không biết giác ngộ trong đạo Phật có nghĩa là giác ngộ chân lý Bốn Thánh Đế. Nó ngộ giác ngộ chỉ như là thấy biết sự thật có gà,... Do vậy, nó quy chụp các giáo chủ ngoại đạo là giác ngộ bất kể họ không chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý.³³ Nó không biết Bốn Thánh Đế của Phật là sự phủ định những tôn giáo khác, chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý đồng nghĩa với việc bác bỏ giáo lý của những tôn giáo khác. Nó không biết 5 uẩn Khổ Đế³⁴ sinh diệt trong sát-na là sự phủ nhận có cái ngã thường còn, và 12 nhân duyên Khổ Tập Đế thì chỉ rõ nghiệp quả tạo ra chúng sinh, bác bỏ cái gọi là Thượng Đế tạo ra chúng sinh. Nó không biết Phật dạy “trong Pháp Luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đấy không có đệ nhất Sa-môn, ở đấy cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn”(D.16), tức không có các bậc Arahant, Bất Lai, Nhất Lai, Nhập Lưu, tức các tông phái tôn giáo khác không liên can gì đến sự giác ngộ của đạo Phật. Thực chất, nếu chỉ chấp nhận Phật có dạy Thánh Đạo Tám Ngành thì không đủ để giác ngộ. Chỉ có sự thực hành đúng Thánh Đạo

³³ Chân lý chỉ là một và nó không thuộc độc quyền của riêng ai, nên **những bậc giác ngộ** như Đức Phật, Lão Tử, Krishna hay Chúa Jesu thì đều nói đến Đạo, Pháp, Thượng Đế... Tuy dụng ngữ khác nhau nhưng chúng tôi nghĩ chỉ là “**đồng xuất nhi dị danh**” mà thôi. (Tư Tưởng Lão Tử Qua Quan Điểm Phật Học - Viên Minh)

³⁴ Đúng ra là 5 thủ uẩn. Vì để ngắn gọn nên tài liệu xin ghi là 5 uẩn.

Tám Ngành mới có thể đạt sự giác ngộ. Tuy vậy, cốt lõi sự thực hành của tông phái là trái với Thánh Đạo Tám Ngành.

Đệ tử Phật được gọi là Thanh Văn là vì cần nghe lời Phật. Đạo Phật không có pháp môn tâm, tâm là pháp môn của ngoại đạo, không phải của đạo Phật.³⁵ Do vậy, đạo Phật không có cái gọi là “*đôi lúc họ giác ngộ không cần qua ngôn từ, ngữ nghĩa nào*” (*Chân lý đầu của riêng ai*). Hơn thế, chấp ngã, không có trí nghe - hành, thấy biết 5 uẩn, 12 nhân duyên thì dù có nghe lời Phật hàng tỷ lần cũng vẫn sẽ không giác ngộ.

Thực tế, đức Phật giác ngộ và chỉ thuyết Bốn Thánh Đế. Tùy căn cơ, ba-la-mật mà mức độ nghe và hành để giác ngộ của các đệ tử là khác nhau. Không có cái gọi là không biết, không chấp nhận Tứ Diệu Đế là chân lý mà có sự giác ngộ.

Thật ra, nó hý luận chân lý có ở khắp nơi, ai cũng có thể giác ngộ, rồi quy kết giáo chủ ngoại đạo đều là bậc giác ngộ bất kể họ không biết chấp nhận Bốn Thánh Đế là chân lý là có ý đồ của nó. Nó bóp méo ngoại đạo là để tạo điểm chung về “*giác ngộ*” giữa nó với các tín đồ ngoại đạo, từ đó nó có thể lôi kéo thêm được tín đồ. Vì thứ “*chân lý*”, “*sự giác ngộ*” của nó chẳng liên can gì đến pháp chân đế, 5 uẩn, 12 nhân duyên, Bốn Thánh Đế của Phật nên họ sẽ là các tín đồ của riêng nó.

³⁵ - *Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bất chúc kẻ tâm. Này các tỳ khưu, không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bất chúc kẻ tâm; vị nào thọ trì thì phạm tội dukkaṭa. (Vin.Mv.4)*

Tin Gì?

Với những người ngoài đạo Phật, khi gặp phải các giáo lý khác nhau thì đâu là phương hướng nên theo, nên bỏ?

Và Phật dạy họ hướng tiếp cận thực tế là không tin vào truyền thống, kinh điển truyền tụng, lý luận suy diễn...³⁶ mà cần y cứ vào người trí và lợi ích lâu dài để biết nên theo hay bỏ. Pháp nào bất thiện, đáng chê, đưa đến bất hạnh, bị người trí chỉ trích thì nên bỏ.³⁷ Pháp thiện, không đáng chê, không bị người trí chỉ trích, đưa đến an lạc thì nên theo.³⁸

Và Phật đã đặt các câu hỏi về tâm tham sân si khởi lên là hạnh phúc hay bất hạnh? Bị tham sân si chế ngự, sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như thế thì có đưa đến bất hạnh khổ đau lâu dài? Từ đó, đức Phật giúp họ xác định được pháp bất thiện, đáng chê, đem đến khổ đau lâu dài, bị người trí chỉ trích. (A.3.65)

³⁶ - *Này các Kàlāmà, chớ có tin vì **nghe báo cáo**, chớ có tin vì **nghe truyền thuyết**; chớ có tin vì theo **truyền thống**; chớ có tin vì được **kinh điển truyền tụng**; chớ có tin vì **lý luận suy diễn**; chớ có tin vì **diễn giải tương tự**; chớ có tin vì **đánh giá hời hợt những dữ kiện**; chớ có tin vì **phù hợp với định kiến**; chớ có tin vì phát xuất **từ nơi có uy quyền**, chớ có tin vì vị Sa-môn là **bậc đạo sư của mình**. (A.3.65)*

³⁷ - *Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng! (A.3.65)*

³⁸ - *Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kàlāmà, hãy tự đạt đến và an trú! (A.3.65)*

Và Phật đã đặt các câu hỏi về tâm không tham không sân không si khởi lên là hạnh phúc hay bất hạnh? Không bị tham sân si chế ngự, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói láo, biết khích lệ người khác cũng như thế thì có đưa đến hạnh phúc an lạc lâu dài? Từ đó, Phật giúp họ xác định được pháp thiện, không đáng chê, đem lại an lạc lâu dài, không bị người trí chỉ trích. (A.3.65)

Thật ra, câu hỏi mà Phật đặt ra là liên hệ đến chánh trí và giới hạnh.³⁹ Nếu vì cái ngã, lợi ích nhỏ trước mắt mà tham sân si, ích kỷ, ác giới thì đó là thiện cận, tà trí-tà hạnh. Sở dĩ dân Kālāmā trả lời đúng được các câu hỏi của Phật là do họ có trí, nếu ngu si thì không thể trả lời đúng câu hỏi.

Vì các đối tượng của “*chớ có tin...*” không liên can gì đến Tam Bảo cũng như bản chất Giáo Pháp là thiện, hướng đến ly tham sân si, diệt khổ, được người trí ca ngợi nên lời Phật dạy cho dân Kālāmā không trái với lời Phật dạy về lòng tin vào Tam Bảo “*Lòng tin ở đời này, Là tài sản tối thượng*” (S.i,42). Hiểu thiện - ác, khổ - lạc, làm thiện, tránh ác, sự ca ngợi hay chê trách của người trí là những hiểu biết cơ bản, nền tảng của đạo Phật, đem lại lợi ích lâu dài cho những ai có trí.

Và lời đức Phật dạy cho dân Kālāmā là đặc biệt hữu ích với đạo Phật trong thời mạt Pháp. Ngày nay, có nhiều người không chỉ cố bác bỏ kinh điển mà còn bóp méo Giáo Pháp, cổ vũ tham sân si để làm hài lòng tín đồ, thu hút đồ chúng.

³⁹ *Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh.* (D.4)

Người thường không ai có thể tự biết được mọi điều, chỉ số ít là tự phát hiện, còn phần nhiều là được tiếp nhận từ người khác. Từ sự có hay không có lòng tin, từ kinh nghiệm, suy tư cá nhân mà họ xem đó là thật hay giả, đúng hay sai.

Sự học, nhớ, suy nghĩ bất kể là đúng hay sai sự thật thì đều thuộc về ý thức, không phải là 5 giác quan, 5 giác quan đều chỉ là duyên, 5 giác quan không biết $1+1=2$, nhờ duyên ý thức học tập mới biết $1+1=2$. Đức Phật thành Đạo, là bậc Thế Gian Giải, Thông Suốt Thế Gian, không phải do nhân là 5 giác quan vật chất mà do nhờ tâm định và ý thức trí tuệ sau quá trình làm viên mãn 10 ba-la-mật qua vô số kiếp. Và giữa thế gian có vô số sự thật trừu tượng như $1+1=2$ hoặc nằm ngoài hiểu biết của những ai thất học, có ý thức hạ liệt, thiếu tu tập thì có nhiều người hô chỉ tin vào các hý luận, các nhận thức qua 5 giác quan như loài vật, bác bỏ sự tu tập trí tuệ thấy biết cao thượng như đức Phật và các đệ tử.

Vì thế gian có cả người trí lẫn thiếu trí, người thì $1+1=2$, kẻ thì $1+1=5$, $1+1=11$ nên có 2 loại “chân lý”, chân lý đúng đắn của người trí và “chân lý” sai trái do người thiếu trí đặt ra.

Và tư duy ý thức thì không chỉ có sự khẳng định như $1+1=2$, bác bỏ như $1+1=5$ mà còn có sự nghi ngờ, chưa rõ. Có vô số điều con người chưa biết. Không thể tùy tiện xem một điều gì đó là mê tín dị đoan mà cần giữ nó ở mức nghi ngờ, chưa rõ cho đến khi tìm được cách khẳng định hay bác bỏ.

Ví như không phải ai có học lớp 1 đều có thể học đại học, cũng vậy, không phải ai cũng có duyên, căn cơ tu tập đúng theo đạo Phật, đạt những điều mà các đệ tử khác chứng ngộ. Không thể cậy không tu tập theo lời Phật mà bảo không có 5 uẩn, nghiệp quả, thân thông, địa ngục, ngạ quỷ, chư thiên.

Thế giới không chỉ có vật chất mà còn có *ý thức*. Khoa học vật chất và 5 giác quan không phải là vạn năng biết được mọi điều. Khoa học còn phát triển là vì còn vô số điều mà khoa học chưa biết. Và đạo Phật thì không cần phát triển vì những gì cần biết đều đã được Phật chỉ dạy, vấn đề là cần thực hành đúng Giáo Pháp để có ý thức trí tuệ giác ngộ những gì Phật giác ngộ, để chấm dứt khổ sinh tử luân hồi. Bóp méo Giáo Pháp để có tín đồ thì không phải phát triển đạo Phật. Bóp méo Phật Pháp, tạo ra thứ trái với lời Phật thì đó không phải là Phật Pháp, cũng không phải là “*Phật Pháp phát triển*” mà đó là tà kiến làm hại Giáo Pháp và người đời.

Và đánh vào lòng tham không cần duyên học hành tu tập trí tuệ mà dễ dàng nhanh chóng làm ít hưởng nhiều là một bí kíp để lừa gạt thành công. Lòng tham khiến nhiều người mê tín mù quáng, bất chấp những sự giả dối điên đảo, một nhảy vào đất Ma vương mà hý luận, ảo tưởng đó là đất Phật.

Nhờ lòng tham u mê mù quáng, bất phân thật-giả mà có nhiều người bỏ thật theo giả, cuồng tín tin vào thứ thầy mà đã biết đó là kẻ lừa dối, giả đệ tử Phật. Rõ ràng, mê tín tin kẻ giả dối thì dại dột hơn là tin vào điều có người nghi ngờ.

Như Tây Du Ký, các tôn giáo là có thể giới quan riêng. Tùy mức độ tham ái sân si mà con người ưa thích loại nào. Và tín đồ mê “*làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*” thì ngỡ họ có thể “*an nhiên tự tại*”, không còn tham sân si nhờ có một thể giới quan nào đó. Họ có thể nghĩ là Phật có thứ lời “*khai thị*” giúp họ “*an nhiên tự tại*”, đột nhiên hết tham sân si trong cuộc sống. Do thiên cận, họ ưa thể giới quan đơn giản, nhìn đời theo khía cạnh vật chất, chỉ biết hiện tại, quy hết về đại ngã “*thể tánh*”... quyết định sự vận động của thể gian. Họ không biết đến nhân duyên, sự đoạn tận tham sân si chỉ đến từ duyên viên mãn trí ly tham qua sự thấy biết và quán đúng bản chất thể gian là 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã.

Ví như con nghiện có thể có trải nghiệm sung sướng, cũng vậy, người mất trí phân biệt có thể có “*trải nghiệm*” “*chứng đạo*”, “*thành Phật*”, thơ ca tự khoe mình. Dĩ nhiên, họ chỉ là phàm phu ảo tưởng vì theo Giới Luật, Tỷ-kheo khoe pháp thượng nhân có thật đến cư sĩ thì phạm tội Pācittiya và bậc Thánh thì không bao giờ cố ý phạm giới, hơn nữa, kẻ dối nghịch *Thánh Đạo Tám Ngành* thì không thể đắc Thánh (D.16). Điểm chung giữa con nghiện và kẻ mất trí phân biệt là mê ảo giác, ảo tưởng, *không biết đúng hiện thực và quả khổ*. Vì tham sân si là do duyên sinh nên đá dít là pháp môn thức tỉnh kẻ đầy tham sân si ngã mạn tà kiến nhưng có thơ “*chứng đạo*”, “*an nhiên tự tại*”. Điếc thì không sợ sủng, kẻ mê hý luận “*không*” thì không sợ sinh tử cho đến khi bị đá dít.

Ví như ở đời yếu tố đầu tiên để đi học là lòng tin vào sự chân thật và sự hiểu biết đúng của người thầy trong việc dạy học, cũng vậy, với những ai muốn theo đạo Phật thì lòng tin vào Tam Bảo, Phật-Pháp-Tăng là nền tảng cơ bản, trong đó Phật là bậc Giác Ngộ, Pháp là các chân lý mà Phật giác ngộ, chỉ dạy, Tăng là các vị Thánh Tăng giác ngộ Pháp mà Phật giác ngộ và thuyết dạy. Nếu không có lòng tin vào Tam Bảo thì không thể nỗ lực học tập, thực hành, thấy biết những điều khó biết, khó làm, khó thấy mà Phật đã dạy, tức không đạt được mục đích an lạc lâu dài hay giải thoát khổ.

Lòng tin chỉ là nền tảng cho sự tiếp cận, học và hành Phật Pháp, chỉ có trí hiểu biết và thực hành đúng Phật Pháp mới đạt được lợi ích mong muốn. Đổi lại, khi đạt định thì sẽ có hiện tại lạc trú, khi hành thiền Tuệ thì sẽ thấy biết 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai. Do đó mà càng củng cố lòng tin.

Hoài nghi là sự mê mờ do nghi hoặc, phân vân, lưỡng lự, không rõ ràng. Hoài nghi Pháp là tâm bất thiện thuộc về si, tội lỗi.⁴⁰ Hoài nghi về Pháp là một trong năm chướng ngại cho sự chứng thiền. Hoài nghi thông thường thì không phải là triền cái. Hoài nghi về Pháp là hoài nghi phẩm chất Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi Tam Học Giới Định Tuệ, hoài nghi quá khứ, vị lai, hiện tại, hoài nghi về nhân quả duyên khởi.

⁴⁰ “Tham là tội nhỏ, nhưng ly tham là chậm chạp. Sân là tội lớn, nhưng ly sân là mau chóng. **Si là tội lớn, và ly si là chậm chạp.**” (A.3.68)

Không chỉ hoài nghi về Pháp là có tội, là chướng ngại cho thiện, là nghiệp si bất thiện mà trong Giới Luật, có nghi ngờ bình thường mà vẫn cố ý phạm thì vẫn là có tội. Hơn thế, nếu nghi ngờ Tam Bảo thì không thật sự là quy y Tam Bảo. Tuy vậy, có người bảo: ***“nghi không phải là một “tội lỗi”, bởi vì trong Phật giáo không có những “tín điều”. Quả thế, trong đạo Phật không có “tội lỗi” hiểu theo nghĩa “tội lỗi” trong vài tôn giáo khác”***.⁸ Họ không biết rằng dù không có tín điều thì nghi ngờ mà phạm giới là có tội theo Giới Luật và hoài nghi về Pháp là nghiệp si bất thiện, tội lỗi xét theo nghiệp quả. Họ không biết rằng đạo Phật không có “tội lỗi” theo kiểu các tôn giáo khác vì có tội lỗi theo nghiệp quả và Giới Luật.

Thực chất, thế gian là trí ít-ngu nhiều, từ thời đức Phật, tham sân si ngày càng tăng và trí trong đạo Phật liên hệ đến *ba-la-mật, Phật Pháp, Giới Định Tuệ*, không phải trí thế gian. Đệ tử Phật cần học hành, truyền bá đúng Phật Pháp, giúp Giáo Pháp vững bền, đừng vì để có tín đồ mà bóp méo Pháp, làm hại Giáo Pháp, khiến người đời có tà kiến tai hại.

Và trí-ngu là vô thường, do duyên sinh, ai cũng từng có sai lầm, nghi ngờ, thiếu hiểu biết, chỉ khác ở chỗ là nhiều-ít, nặng-nhẹ khác nhau. Người trí thì không bác bỏ, bóp méo sự thật, lẽ phải. Dù có lừa được người thì cũng không lừa được mình. Trái lại, do tham sân si ngã mạn, kẻ thiếu trí ưa bịa đặt, bóp méo sự thật, lẽ phải, đi từ sai này đến sai khác, từ sai ít đến sai nhiều, mỗi ngày một thêm sai trái, tổn hại.

Trí Tuệ và Sự Thật

Có hai loại sự thật là phổ thông và cao thượng. Sự thật phổ thông như có gà, có vịt... thì ai cũng biết nhưng đó không phải là đối tượng quan tâm của tôn giáo. Chỉ có các sự thật cao thượng, bản chất sự vận động của thế gian mới là đối tượng quan tâm của tôn giáo và người tìm chân lý.

Và tuy ai cũng có quyền nói ra sự thật nhưng điều đó không có nghĩa là ai cũng có thể hiểu biết, chấp nhận và nói đúng chân lý. Việc vị Pukkusāti muốn tìm Phật, đã gặp Phật nhưng lại không nhận ra Phật, sau khi nghe Phật thuyết thì chứng quả Bất Lai và tới lúc đó mới nhận ra Phật (M.140) không có nghĩa là ai cũng có trí giác ngộ chân lý như bậc trí Pukkusāti, không có nghĩa ai cũng biết và nói đúng chân lý như Phật, không có nghĩa vị ấy vẫn giác ngộ nếu nghe thứ phi Phật Pháp. Điều đó có nghĩa là nhờ nghe lời Phật mà có giác ngộ, chứ không phải biết Phật thuyết là giác ngộ. Nhờ *nghe Phật Pháp*, nhiều ngoại đạo giác ngộ mà chưa gặp Phật, như ngài Sāriputta chứng quả nhờ nghe Pháp từ vị Assaji. Trong khi Tứ Thánh Đế không phải là điều mà các tôn giáo khác biết thì có người làm như thể ai cũng có thể nói đúng chân lý và vị Pukkusāti vẫn giác ngộ Tứ Thánh Đế nếu thay Phật Pháp bằng giáo lý phi Phật Pháp: *“Qua câu chuyện trên ta thấy rõ là khi Pukkusāti lắng nghe đức Phật và lãnh hội được lời dạy của Ngài, anh ta **không biết người đang nói với mình là ai, hay đây là giáo lý của ai. Anh ta tìm thấy chân lý.**”*⁸

Và qua câu chuyện về vị Pukkusāti, cũng như không biết đời là có trí-ngu, dòng Huyền Giác nghĩ ai cũng là “chân lý”. Từ đó, nó kêu gọi đừng phân biệt tông phái.⁴¹ Thật ra, đừng nghe nó nói không phân biệt tông phái mà hãy nhìn nó chê sự tu tập, giác ngộ các sự thật mà Phật đã giác ngộ và dạy.⁴² Nó không biết ba-la-mật tu tập thiền Tuệ trực tiếp thấy biết 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na làm viên mãn trí ly tham, giác ngộ Niết-bàn, đoạn tận khổ sinh tử luân hồi.

Vì chỉ bậc Toàn Giác mới có trí giác ngộ đúng bản chất thế gian nên nguồn gốc tư tưởng là rất quan trọng. Và Phật là ca ngợi lòng tin “Lòng tin ở đời này, Là tài sản tối thượng” (S.i,42). Đó là vì lòng tin Tam Bảo sẽ giúp có chánh tri kiến. Có lòng tin Tam Bảo, tư tưởng từ Phật giúp có tri kiến đúng, tránh tri kiến sai, tránh nghiệp tà kiến đưa đến khổ cảnh. Do không dựa vào người trí như lời Phật dạy dân Kālāmā nên có người có quan điểm là: “Đối với người đi tìm chân lý, một tư tưởng do từ đâu đến là điều không quan hệ”.⁸

⁴¹ **Học Phật không nên chấp tông phái.** Bài pháp mà đức Phật thuyết cho dân xứ Kalama và cuộc đối thoại giữa Phật và một vị sa môn trong xưởng của người thợ gốm là bài học cho những ai cố chấp tông phái.” (LL1DT)

⁴² **Dòng thiền này chỉ ra cho bạn thấy cái mê lầm của bạn, cái ngộ nhận của bạn, cái ngu si của bạn, để chính bạn ngộ ra sự thật, ngộ ra chân lý.** Ngộ rồi thì bạn có đủ sức sáng tỏ, không lầm lẫn không bị các tông phái tôn giáo dối gạt, hứa hẹn một cứu cánh hạnh phúc ở thì vị lai kèm theo phải đáp ứng những điều kiện gì đó.

Vậy mà trong giới tu hành hiện nay, có người chẳng có tí hiểu biết nào về Ngũ mà cũng dáo dác đi tu, tu như thế thì càng tu càng mê lầm, càng tu, xin lỗi, càng ngu. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Đời không chỉ có trí tuệ mà còn có ngu dốt, có quyền nói sự thật không có nghĩa có trí biết đúng sự thật. Vì nghĩ rằng tất cả đều có trí hiểu biết đúng sự thật, không biết đời là có hiểu biết sai và nói sai nên có người cho rằng ai cũng có thể nói ra chân lý như Bốn Thánh Đế,... điều cần làm chỉ là “*thấy rõ vấn đề, hiểu nó*”: “*Quả vậy, để hiểu sự thật, chúng ta không cần biết đến ngay cả lời dạy đến từ đức Phật hay từ một người nào khác. Điều thiết yếu là thấy rõ vấn đề, hiểu nó*”.⁸

Thật ra, dù có nghe được sự thật thì người thiếu trí vẫn hay hiểu sai. Dù không có ý xấu thì họ vẫn hay nói điều sai, không nói đúng được sự thật. Để hiểu đúng lời nói, biết đó là thật hay giả, đúng hay sai thì người nghe cũng phải có trí. Dù có nghe lời Phật, tự cho là “*thấy rõ, hiểu rõ*” thì ông ấy một mặt không hiểu đúng lời Phật dạy bổ thí, mặt khác nói sai ý Phật, tưởng là cần kính trọng, ủng hộ các thầy tà kiến.

Thế gian có vô số tri kiến sai, đời là có thuốc độc. Không phải cái gì cũng là thuốc hay. Không ai tìm hiểu được hết các tôn giáo. Không ai chịu làm “*chuột bạch*” hít bữa đủ loại thuốc để bị chết trước khi gặp “*thuốc hay*” là Chánh Pháp. Do đó, có lòng tin Tam Bảo và tư tưởng từ Phật cũng như có trí hiểu đúng lời Phật là rất quan trọng. Và ông ấy cho rằng “*Nếu vị thuốc hay thì bệnh sẽ lành. Không cần thiết phải biết ai làm nên vị thuốc ấy, hay nó từ đâu lại*”.⁸ Thật ra, ở đời là cần biết có thầy trí và thầy ngu, cần tránh lang băm, nếu không thì tiền mất tật mang, chết trước khi gặp thuốc hay.

Và đức Phật đã nói rõ Giáo Pháp sẽ không bị hủy hoại bởi động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, gió bão hay do có nhiều đệ tử, mà Giáo Pháp chỉ bị hủy hoại bởi các đệ tử bất kính Tam Bảo, Giới và Định (S.ii,223).

Thực tế, những ai bị tham dục u mê dễ duôi, ngã mạn chế ngự thì dù có biết đúng Giáo Pháp, vẫn sẽ bất kính, không tùy thuận Tam Bảo, Giới và Định, bỏ Tam Bảo, tạo ra tà pháp trái lời Phật mà Devadatta và Đại Chúng Bộ là ví dụ.

Và ở đời không phải ai cũng chấp nhận từ bỏ sự giả dối. Ví như con nghien xem ma túy là chân lý, là lẽ sống, có người bất cần lẽ phải, họ xem những gì họ thích chính là “chân lý”. Có người lừa mình, gạt người, gọi những hý luận mâu thuẫn ảo tưởng của mình là “trí tuệ” “thấy biết” “sự thật”. Thầy cũ của ngài Sāriputta và Moggallāna thì chọn cố chấp tri kiến sai để tiếp tục làm thầy những kẻ ngu, để duy trì danh lợi chứ không chấp nhận làm đệ tử Phật:

- *Này các hiền đồ, hiện tại **trong đời này có nhiều kẻ ngu hay người trí?***

- *Bạch Thầy, **kẻ ngu thì nhiều, người trí thì hiếm.***

- *Nếu vậy, này các hiền đồ, những người trí hãy đi nhập chung với những người trí là Sa Môn Cồ Đàm, **còn những kẻ ngu hãy ở lại đây, làm bạn với những kẻ ngu như ta.** Các hiền đồ hãy đi đi, ta sẽ không đi đâu. (Chú giải Pháp Cú 11-12)*

So với thời Phật, thời nay, số đông là không ưa và thiếu khả năng học kinh điển. Họ ưa dành thời gian để đọc báo, xem phim, nghe nhạc, ưa nghe các hý luận nói hay, nói giỏi, thỏa mãn tham sân si, ngã mạn hơn là hành Giới Định Tuệ.

“*Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã*”, người ưa tìm cách thỏa mãn cái tôi tham dục sân si sẽ “*tìm ra chân lý*” ở kẻ giả đệ tử Phật. Họ ưa phóng dật, không thực hành Đạo Để Giới Định Tuệ theo lời Phật, đồ kỵ trí tuệ thấy biết như Phật. Để tự trấn an, thỏa mãn cái tôi, họ đề cao sự hý luận, nhận thức mù 5 uẩn, khi dễ trí thấy biết cao thượng được Phật giác ngộ, chỉ dạy.

Người thiếu trí thì hay có mục đích tai hại, đạt mục đích bằng sự sai trái, giả dối. Họ ưa sự giả dối hợp với thỏa mãn tham sân si ngã mạn hơn là chấp nhận sự thật không hợp ý.

Những ai có lòng tham mù quáng, không bận tâm đến thật-giả thì sẽ không thể phân biệt thật-giả, dễ bị lừa gạt, xem giả là thật, mất lý trí từ bỏ sự phi pháp, giả dối.

Đệ tử Phật nên xem kinh điển mâu thuẫn, bất nhất, được sáng tác về sau mà mình thích như những truyện giả tưởng hấp dẫn, như Tây Du Ký, chứ không nên xem đó là sự thật.

Vì Giáo Pháp chỉ có một vị là vị giải thoát,⁴³ gây hại cho tham sân si nên nhiều người chán ghét, không thích. Họ ưa bài xích, chê sự học và hành theo lời Phật nhưng “*bao dung*” tiếp thu những tri kiến tự mâu thuẫn nhau và trái lời Phật.

⁴³ Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ***pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát.*** (Ud 51)

Họ ngỡ sự hấp thu bất phân đúng/sai lời Phật là “*khí lượng*” “*bao dung vĩ đại*”. Họ không rảnh để học-hành đúng lời Phật. Họ ưa tìm hiểu, tiếp thu đủ loại tri kiến ngoại lai. Họ tự tạo và tiếp thu những tri kiến mâu thuẫn, trái ngược nhau và trái lời Phật để thỏa mãn tham dục sân si ngã mạn. Do đó, họ như tiệm thuốc độc bán đủ loại độc dược, đối nghịch với Giáo Pháp chỉ có một vị là vị giải thoát khổ của đức Phật.⁴³

Thật ra, trí hay ngu đều vô thường, do duyên và có nhiều mức độ. Ai cố chấp thủ, cuồng tín tin vào những hý luận giả lời Phật rồi tưởng là có “*trí tuệ*” thì đó là mù quáng, u mê, ngu muội. Và ai sáng suốt từ bỏ sự giả dối, sai lầm để đến với sự thật lẽ phải thì đó lại là có trí tuệ. Người trí thì biết trung thành với lý trí, sự thật, đạo lý, lẽ phải, còn người thiếu trí trung thành với tình cảm tham ái sân si ngã mạn.

“Người ngu biết mình ngu,

Nhờ vậy thành có trí.

Người ngu tưởng có trí,

Thật xứng gọi chí ngu.” (PC 63)

Trong khi người trí xem sự cố chấp ngu dốt là chí ngu thì kẻ thiếu trí có thể ảo tưởng rằng sự cố chấp sẽ khuất phục được người trí, khiến người trí “*chấp nhận*” sự sai là đúng.

Khi phạm sai lầm, người trí muốn mau chóng nhận sai để tránh phải xấu hổ, dấy dưng nghe chỉ lỗi. Trái lại, kẻ ly trí dù biết mình sai thì vì cái tôi ngã mạn mà không nhận sai.

Và đức Phật cũng chỉ dạy cho người hữu duyên có trí, xem thuyết cho kẻ ngu là ác thuyết.¹³

Pháp và Phi Pháp

“Tất cả hành vô thường” (PC277). Xu hướng của Giáo Pháp là đi đến tiêu hoại, vô thường. Phận sự đệ tử Phật là gìn giữ Pháp Học ở cả ba tạng Kinh, Luật, Vi Diệu Pháp cũng như thực hành Pháp Hành Giới Định Tuệ để gìn giữ Giáo Pháp, giúp bản thân có lợi ích lâu dài, không uổng kiếp người.

Đức Phật đã chỉ rõ rằng bởi người ngu trong Giáo Pháp chứ không phải bởi động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão tố mà Diệu Pháp bị tiêu hoại.⁴⁴ Đó là những đệ tử không tôn kính, không tùy thuận Tam Bảo, Giới và thiền Định.

Và trí trong đạo Phật là liên hệ đến ba-la-mật, Phật Pháp, Giới Định Tuệ chứ không liên can đến biết chữ, bằng cấp học vị, trí thức gian. Vì hướng đến ly tham nên đạo Phật không dành cho số đông. Thực tế, thế gian có nhiều loại bằng cấp về tà kiến và sự “mở rộng”, “phát triển” đạo Phật ngày nay chủ yếu là gia tăng người hiểu sai Phật Pháp.

⁴⁴ Đây Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất.**

Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.

Này Kassapa, có năm thói pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ **sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư**, sống không tôn kính, không tùy thuận **Chánh pháp**, sống không tôn kính, không tùy thuận **chúng Tăng**, sống không tôn kính, không tùy thuận **học giới**, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với **Thiền định**. (S.ii,223)

Cụ thể, để thu hút nhiều đồ chúng cũng như để hợp với khả năng của mình, có nhiều người đã làm đúng điều Phật nói về kẻ ngu đó là không tôn kính Tam Bảo và thiền Định. Bất chấp các bậc Thánh hành thiền Định cũng như Phật dạy Đạo Đế Giới Định Tuệ, họ bác bỏ vô số lời Phật dạy và ca ngợi thiền Định, khiến Pháp hành bị tiêu hoại. Trong khi thiền Tuệ theo cỗ xe tịnh chỉ cần nền tảng định an chỉ và thiền Tuệ theo cỗ xe thuần quán cần nền tảng cận định của thiền tứ đại thì họ dùng “*sát-na định*” *triền cái*. Trong khi thiền Tuệ có đối tượng là các pháp chân đế thì “*thiền Tuệ*” của họ có đối tượng là tục đế. Trong khi ngoại đạo còn có thiền Định thì họ ngộ hành thiền Định khó hơn thiền Tuệ. Họ nghĩ Phật dạy thiền Định là để làm hại sự giác ngộ của đệ tử. Do bất cần lời Phật dạy, suy diễn Phật Pháp ngược với thiện pháp có trong thế gian nên họ phủ nhận Giới và Định, họ nghĩ đạo Phật là ác giới, không có thiền Định như họ và loài vật. Họ ngộ sự hạ liệt sẽ đưa đến giác ngộ cao thượng.⁴⁵ Họ nghĩ pháp thượng nhân đắc Định tai hại hơn 5 triền cái. Họ hý luận ra thứ “*thiền*” là giới cầm thú, không phải Định, chẳng phải Tuệ, không là 5 triền cái, nhìn đời bằng con mắt vô minh tục đế, mù 5 uẩn, 12 nhân duyên. Thực chất, cái họ gọi là “*thiền*” chỉ thỏa mãn cái tôi muốn có cái để tu, dễ tu, dễ lạc của họ và người đời, không liên can gì đến đạo Phật.

⁴⁵ *Này các Tỷ-kheo, không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng. Này các Tỷ-kheo, phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng. (S.ii,27)*

Bước đầu tiên để thành Phật tử chính là quy y, nương tựa Tam Bảo. Và Tăng Bảo là chư Thánh Tăng chứ không phải phàm Tăng, các vị phàm Tăng thì không có đủ chín ân đức, phẩm chất của Tăng Bảo. Bước tiếp theo để thành Phật tử là học Giới và giữ Giới. Nếu không có Giới hay không quy y Tam Bảo thì không phải là Phật tử. Giới chính là nền tảng của đạo Phật và cũng là nền tảng cho Định và Tuệ. Cụ thể, Tạng Luật chỉ rõ dù mất tạng Kinh và tạng Vi Diệu Pháp thì Giáo Pháp vẫn tồn tại nếu còn Luật.⁴⁶

Vì không quy y Phật Bảo, Pháp Bảo, chủ yếu là do không nương tựa Tăng Bảo mà nhiều người bác bỏ Vi Diệu Pháp.

Và người thiếu học thì không biết rằng Phật dạy quy y Tam Bảo chứ không phải quy y chỉ Phật Bảo. Họ không biết ý nghĩa lời Phật dạy về ân đức Tăng Bảo. Họ không biết rằng rất nhiều lần đức Phật có thời pháp rất ngắn gọn mà nhiều vị Tỷ-kheo không hiểu, khi đó các vị ấy đến gặp các ngài Ānanda... để nhờ giảng rộng, sau đó khi có dịp, các vị ấy trình bày với Phật điều giảng ấy và không phải vô cớ Phật hay tán thán các ngài.⁴⁷ Họ không biết rằng những lời hợp với lời Phật dạy của các vị Thánh đệ tử cũng là Phật Pháp.

⁴⁶ Cho đến khi **Kinh và Vi Diệu Pháp bị quên lãng mà Luật chưa bị tiêu hoại thì Giáo Pháp vẫn còn tồn tại.** (Vin.Mv.1)

⁴⁷ - **Này các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Hiền trí. Này các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Đại trí tuệ.** Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, **Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy, như Mahakaccana đã giải thích.** Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy. (M.133)

Và không phải tự nhiên Vi Diệu Pháp có tên gọi như vậy. Ai có trí cũng đều thấy Vi Diệu Pháp thâm sâu vi diệu hơn tạng Kinh. Vi Diệu Pháp không phải phạm trù mà các vị Thanh Văn đệ tử có thể tự sáng tác ra. Ví như nhà bác học khám phá ra quy luật tự nhiên còn thầy giáo là người dạy quy luật, cũng vậy, chỉ bậc Toàn Giác mới có thể phát hiện và chỉ dạy còn các vị Thánh đệ tử thì giảng rộng, truyền lại cho thế hệ sau. Do không biết ân đức Tăng Bảo, không biết Thánh đệ tử là người có trí học, hành, thực chứng lời Phật trong đó có Vi Diệu Pháp nên có nhiều người có quan điểm Vi Diệu Pháp là do các vị Thanh Văn đệ tử tạo ra.

Và có nhiều người không biết thẩm quyền kết tập sắp xếp kinh điển, trí tuệ thực chứng và xác thực lời Phật của chư vị Arahant. Họ suy diễn Vi Diệu Pháp không do Phật thuyết với lý do Vi Diệu Pháp có nội dung và sự trình bày khác với tạng Kinh. Họ không biết đạo Phật là đạo của trí phân tích⁴⁸ với các bậc Thánh có Tứ Tuệ Phân tích và tạng Kinh nhất là trong Tăng Chi có lối trình bày phân tích, Phật đặt câu hỏi và rồi tự trả lời giống Vi Diệu Pháp. Họ không biết nội dung Vi Diệu Pháp là phân tích Bốn Thánh Đế, giúp thiện Tuệ thông đạt Tứ Thánh Đế, chỉ rõ quy luật vận động do duyên, làm rõ “tất cả hành vô thường”, “tất cả pháp vô ngã” đề cập trong tạng Kinh. Họ không biết không chỉ Chú giải Phật sử nói chư Phật quá khứ đều đã dạy Vi Diệu Pháp ở cõi trời mà

⁴⁸ *Này Thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta **chủ trương pháp phân tích**; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.*(M.99)

tạng Kinh cũng nêu Phật thuyết Vi Diệu Pháp ở cõi trời.⁴⁹

Thật ra, thế gian có ba bản Vi Diệu Pháp. Bản thứ nhất là bản đức Phật thuyết Vi Diệu Pháp ở cõi trời Ba Mươi Ba để tế độ Phật mẫu. Bản thứ hai là bản Phật thuyết lại cho ngài Sāriputta. Bản thứ ba là bản ngài Sāriputta dạy cho đệ tử và Tăng chúng. Tạng Vi Diệu Pháp ngày nay là bản thứ ba gồm Phật ngôn và *sự giảng rộng của vị tướng quân Chánh Pháp, sự bác bỏ tà kiến của ngài trưởng lão Arahant Moggaliputta-Tissa*.

Thực chất, cái mà nhiều kẻ cần không phải là Phật Ngôn, Phật Pháp, hay thẩm quyền thực chứng và truyền thừa của chư Thánh Tăng. Cái họ cần là bác bỏ những gì khiến họ khó chịu do không đủ trí để hiểu, không thể thể hiện sự kiêu mạn. Đừng nghe họ đòi chỉ chấp nhận Phật Ngôn hay tạng Kinh mà hãy nhìn họ hòa theo các thứ thầy phạm phu bôi nhọ Giới, Định, không theo lời Phật ở tạng Kinh tu tập thiền Định. Quả như lời Phật, *thuyết cho kẻ ngu là ác thuyết*.¹³

Do thiếu học, nhiều người không biết Phật đã đặt ra các điều luật liên hệ đến Vi Diệu Pháp, phân biệt Vi Diệu Pháp với Kinh và Luật. Họ không biết rằng Tỷ-kheo-ni sẽ phạm pācittiya nếu thỉnh ý trước về tạng này mà hỏi tạng khác.⁵⁰

⁴⁹ *Ngài thuyết Thắng pháp (Abhidhamma) siêu phạm cho chư Thiên. (Ja.483)*

⁵⁰ *Sau khi đã thỉnh ý trước về **Kinh**, vị ni hỏi **Luật** hoặc **Vi Diệu Pháp** thì phạm tội pācittiya (ứng đối trị). Sau khi đã thỉnh ý trước về **Luật**, vị ni hỏi **Kinh** hoặc **Vi Diệu Pháp** thì phạm tội pācittiya (ứng đối trị). Sau khi đã thỉnh ý trước về **Vi Diệu Pháp**, vị ni hỏi **Luật** hoặc **Kinh** thì phạm tội pācittiya. (Phân Tích Giới Tỳ-kheo Ni-Chương Pācittiya-Điều thứ 95)*

Vì thiếu học, nhiều người bác bỏ Vi Diệu Pháp với lý do là Vi Diệu Pháp không có mở đầu “*Như vậy tôi nghe...*”. Họ không biết tạng Luật và rất nhiều kinh không có mở đầu ấy.

Nhiều người dùng sự *thiếu hiểu biết* để bác bỏ Phật Pháp. Ví như kẻ ít trí có thể nói vì tạng Kinh không có từ *Pārājika* nên tạng Luật là sản phẩm của chư Tăng, cũng vậy, thực tế, có nhiều người hý luận vì tạng Kinh không có từ *Bhavaṅga*... nên Vi Diệu Pháp là do người đời sau sáng tác. Người ít học thì không biết có mối liên hệ chặt chẽ, sự giải thích chi tiết 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới của Vi Diệu Pháp cho tạng Kinh.

Và Phật dạy là do không giác ngộ, không thông đạt 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Khổ Tập Đế nên *chúng sinh luân hồi sinh tử*.⁵¹ Tuy vậy, lời Phật dạy ở tạng Kinh nói rất tóm lược *sắc-thọ-tưởng-hành-thức, các chi 12 nhân duyên*.⁵² Như vậy là không đủ để hiểu để từ đó giác ngộ Khổ Đế, Khổ Tập Đế. Và Phật đã giải thích chúng chi tiết đầy đủ trong Vi Diệu Pháp.

Ví như trẻ nhỏ không hiểu, không ưa và không biết toán tích phân dùng để làm gì, cũng vậy, nhiều người không có trí hiểu, không ưa, không biết Vi Diệu Pháp dùng để làm gì.

⁵¹ Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.

...Thánh đế về Khổ tập...

...Thánh đế về Khổ diệt...

...Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt... (S.v,431)

⁵² Ví dụ: “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.”(S.ii,2)

Hơn nữa, do không theo Phật Ngôn hành thiền Định, có thứ “thiền” không phải Định, chẳng phải Tuệ, mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Khổ Tập Đế, quá khứ-vị lai nên nhiều người thấy không cần hiểu biết Vi Diệu Pháp.

Chỉ có người trí mới biết đúng giá trị lời Phật. Chỉ có các bậc Thánh mới có đủ trí hiểu, thực chứng và đánh giá đúng Vi Diệu Pháp. Người thiếu học thì không thể đánh giá đúng.

Thay vì nhận ra sự thật rằng mình có nhiều tham sân si, chưa nỗ lực thực hành tối đa lời Phật dạy thì có nhiều người tìm cách bóp méo Phật Pháp để hợp với tham sân si. Và hơn thế, họ tưởng mình có trí tuệ hiểu lời Phật dạy hơn các vị Thánh Tăng Arahant kết tập kinh điển. Do không có trí biết mình là vô văn phạm phu nên họ nghĩ sự suy diễn, pháp hành của họ là đúng, còn các chú giải, sự giảng rộng được chư Thánh Tăng xác nhận là không đúng. Không phải vô cớ mà họ bác bỏ Thanh Tịnh Đạo, Phân Tích Đạo. Chính vì các lời dạy ấy phù hợp với Kinh và Luật, trái với tham dục sân si nên họ ra sức bác bỏ. Không phải vô cớ mà họ mê các hý luận phủ nhận thiền Định, Vi Diệu Pháp của các thầy còn vô minh, phạm phu. Chính vì các hý luận ấy hợp với tham dục sân si, 5 triền cái nên họ ra sức ca ngợi. Tuy vậy, họ rất biết tiếp thu tri kiến từ các tông phái và ngoại đạo. Không phải vô cớ mà họ chấp nhận đại ngã như “tánh biết”, “Phật tánh”, “chân như”... Vì các ngã kiến ấy diễn tả hợp ý nhiều thứ nên họ ra sức thể hiện sự hiểu biết.

Chọn Duyên hay Để Tùy Duyên?

Thực chất, lòng tin chỉ là bước đầu đến với đạo Phật, giúp Phật tử chấp nhận những sự thật nền tảng như nghiệp quả, thiện-ác... Tuy vậy, lòng tin không giúp Phật tử tránh khỏi các quan điểm trái ngược Phật Pháp. Chỉ có lý trí sáng suốt, sự hiểu biết kinh điển, trung thành với sự thật, lẽ phải mới có thể biết và hành đúng Phật Pháp, tránh xa sự phi pháp.

Và bản chất con người là tham sân si, do vậy mà đã phải luân hồi qua vô số kiếp. Tuy vậy, Giáo Pháp là sự thực hành tuần tự, viên mãn dần ba-la-mật,⁵³ sự thực hành trước là nhân gần cho sự thực hành sau,⁵⁴ nếu không có bước trước thì không thể đạt bước sau.⁵⁵ Giáo Pháp vốn dĩ không thể thỏa mãn mong muốn dễ tu, dễ chứng, tu nhanh, chứng lẹ, đi tắt đón đầu, làm ít, hưởng nhiều của con người.

⁵³ Cũng vậy này các Tỷ-kheo, **trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh.** (Ud 51)

⁵⁴ Với người có giới, này các Tỷ-kheo, với người **gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ.** Do chánh định có mặt, với người **chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu.** Do như thật tri kiến có mặt, với người **như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu.** Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người **nhàm chán ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.** (A.5.24)

⁵⁵ Với người ác giới, này các Tỷ-kheo, với người **phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại.** Khi chánh định không có mặt, với người **chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến do vậy bị phá hoại.** Khi như thật tri kiến không có mặt, với người **như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại.** Khi nhàm chán ly tham không có mặt, với người **nhàm chán ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.** (A.5.24)

Do thiếu học, không biết Phật dạy phải nương tựa mình và Pháp,⁵⁶ nhưng không chấp thủ,⁵⁷ nên có người cho rằng “Cho nên đức Phật mới dạy **sống không nương tựa, không bám víu bất cứ điều gì ở đời**” (*Sống tùy duyên thuận pháp*). Do thuận theo tự nhiên tham sân si, không nương tựa Pháp và Tam Bảo nên họ tạo ra và chấp thủ nhiều sự phi pháp, tự hủy hoại mình, người và Giáo Pháp, không phải là Phật tử.

Và để có nhiều đồ chúng, họ nghĩ ra cách “khắc phục” “điểm yếu” khó tu, khó chứng của Giáo Pháp. Họ chế ra các pháp môn “dễ tu, dễ chứng”. Họ tạo ra thứ “thiền” là sự thấy của vô minh, có tác dụng tâm lý trị liệu, thỏa mãn cái tôi muốn tu tập “Phật Pháp”. Do thiếu học, họ không biết rằng do mù 5 uẩn nên họ chỉ có sự thấy của vô minh, chấp ngã. Với “pháp môn” “sống tùy duyên thuận pháp”, không theo duyên Phật dạy, không thuận theo Phạm hạnh là Đạo Đế Giới Định Tuệ, họ củng cố thứ thiền của sự vô minh, ngăn đệ tử Phật tìm đến các duyên học và hành theo lời Phật dạy.

⁵⁶ Vậy này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, **dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác**. Này Ananda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ananda, **như vậy là** Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, **tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác**, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, **dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa**, không nương tựa một điều gì khác. (D.16)

⁵⁷ Chư Tỷ-kheo, các Ông **cần hiểu ví dụ cái bè**. Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp. (M.22)

Thật ra, sự giác ngộ trong đạo Phật là sự giác ngộ các pháp chân đế như 5 uẩn, Niết-bàn... Tuy vậy, họ cho rằng sự thấy của vô minh, “*tĩnh tại*” ngộ những sự thật tục đế trong đời sống mới là “*thiền*”. Thực chất, “*tiền nào của đó*”, thấy pháp tục đế thì không phải là sự giác ngộ, không đưa đến đoạn tận vô minh, tham ái. Ai chấp sự thấy của vô minh ấy là pháp tu giác ngộ, giải thoát sinh tử thì đó là chấp vào giới cấm thủ, không đưa đến mục đích giải thoát khổ.

Họ cho rằng thiền là phải ở trong sinh hoạt đời sống.⁵⁸ Họ không biết thiền là tạm dừng đời sống sinh hoạt tham sân si để thay vào đó là sự an lạc, trí tuệ. Thực chất, họ đang tự hủy hoại mình và tín đồ bằng tri kiến sai pháp, không có ai bị hủy hoại vì thiền khi chọn duyên thiền nơi thanh vắng theo lời Phật dạy. Họ không biết thiền Định có công thức là định tâm trên đối tượng thiền, thiền Tuệ có công thức là quán sự vô thường, khổ, vô ngã của pháp chân đế 5 uẩn bất kể ở xa-gần, quá khứ, hiện tại, vị lai, bất kể thân-thọ-tâm-pháp ở khi nào thì cũng đều là đối tượng thiền Tuệ. Họ không biết thiền Định là diệt trừ 5 triền cái, là nhân gần của thiền Tuệ. Thiền Tuệ thấy biết bản chất thế gian đúng như nó là, nhờ đó duyên sinh Lưu Tận Trí, đoạn tận tham ái đối với mọi đối tượng ở mọi thời gian và không gian, giác ngộ Niết-bàn.

⁵⁸ Thân - Thọ - Tâm - Pháp luôn biến động vô cùng vi tế, sự vận hành của thân tâm nơi sát-na này không còn đúng với sát-na ngay sau đó. **Muốn hành thiền bằng cách áp dụng một công thức y khuôn nào đó chẳng khác nào bắt sự sống phải dừng lại để mình cân đo khám xét, như vậy thì có khác gì tự hủy hoại mình!** (Sống tùy duyên thuận pháp - Viên Minh)

Để xiển dương thú thiền tự chế, họ bác bỏ thiền Định là Chánh Định.⁵⁹ Họ cho rằng tâm “*tĩnh tại*”, không thấy 5 uẩn, 12 nhân duyên, phóng đến các đối tượng ở khắp mọi nơi là “*đại định*”, “*chánh định*”.⁶⁰ Bằng sự bóp méo Chánh Định, một trong tám chi của Thánh Đạo Tám Ngành, họ thực chất đã tạo ra giới cấm thủ, tạo ra thú “*thiền*” của sự vô minh, phóng dật, mù 5 uẩn, 12 nhân duyên, không phải Định mà cũng chẳng phải Tuệ, chẳng liên can gì đến Phật Pháp.

Thật ra, tuy sự “*tĩnh tại*” ấy không thể so với thiền Định nhưng như vậy vẫn có thể *đem lại cảm giác dễ chịu* cũng như thỏa mãn nhu cầu tu tập “*Phật Pháp*” của những ai không rõ Phật Pháp. Và tuy “*pháp môn*” ấy không có hại nhưng nếu chấp thú đó đưa đến giác ngộ giải thoát thì đó lại là tà kiến.

Thực tế, con người luôn phải sống với các duyên và có quả tốt hay xấu. Và không phải duyên nào cũng như nhau. Có cái là thuận duyên có điều kiện thuận lợi, có cái là nghịch duyên cần phải nỗ lực vượt qua hoặc tránh đi.

⁵⁹ Đây các Tỷ kheo, **thế nào là Chánh định?** Đây các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú **thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Tỷ kheo ấy diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú **thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **thiền thứ ba**. Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.(D.22)

⁶⁰ Chánh định là tâm **tĩnh tại ở khắp mọi nơi**, tức là luôn luôn trọn vẹn với thực tại thời - vị - tính, thì **đó mới là đại định của Phật giáo**.

Nhằm lẫn giữa tứ thiền bát định thế gian với chánh định quả là một sai lầm to lớn. (Sống tùy duyên thuận pháp - Viên Minh)

Con người không thể sống chỉ bằng *thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm duyên* mà còn cần có hành động thay đổi duyên. Con người không chỉ cần thấy cây chổi và nhà dơ mà còn cần biết quét nhà, thay đổi chuồng duyên ấy. Đó là đạo lý bình thường. Con người thực hành đạo lý đó không ngoài việc làm cho cuộc đời bản thân và mọi người tốt đẹp hơn.

Khi gặp nghịch duyên, người trí không cố chấp bầu vùi duyên ấy. Gặp lũ, thiếu tài liệu... thì không cần giương mắt “*tĩnh tại*” nhìn mà cần *mau thoát khỏi duyên* ấy. Khi có quả là điểm thấp thì *không cần “tĩnh tại” nhìn điểm thấp, thích nghi với điểm thấp* mà cần phải biết thay đổi bản thân và duyên hiện tại, cần biết tìm thầy bạn sách vở, nỗ lực học hỏi thêm.

Người trí thì biết tìm và tạo duyên lành cho mình và đời, đúng thời, đúng nơi, họ thuyết dạy, hành thiền, quét rác... Trái lại, kẻ “*sống tùy duyên*” thì thích xúi dại, bác bỏ việc làm cải thiện, tốt đẹp cho mình và đời.⁶¹ Họ ***chấp thủ, bầu vùi, đòi thích ứng nghịch duyên***, không tránh kẻ ngu, dối khổ, hỏa hoạn, lũ quét... và nghĩ đó mới là hạnh phúc trên đời.⁶² Trong khi Phật chỉ dạy vì lợi ích, sự tốt đẹp cho chúng sinh thì họ muốn hại người, tự trói họ trong vô minh, phi pháp, nghịch duyên, chỉ trịch thay đổi duyên làm lợi mình và đời.

⁶¹ ***Chính những người luôn muốn cải thiện cho mọi thứ tốt hơn là người đau khổ nhất trên đời. (Sống tùy duyên thuận pháp - Viên Minh)***

⁶² ***Có người không chịu sống tùy duyên mà luôn cố tạo ra điều kiện cho hợp ý mình. Đạo Phật không khuyến khích như vậy, mà dạy nên sống thích ứng với duyên đến tự nhiên hơn là thay đổi hoặc tạo tác thêm duyên tự tạo khác. (Sống tùy duyên thuận pháp - Viên Minh)***

Thực chất, "*pháp môn*" "*sống tùy duyên thuận pháp*" là sự tự mâu thuẫn, có bản chất bác bỏ sự học và hành theo lời Phật.

Ví như ai muốn học tiếng Anh thì cần phải học ở nơi dạy tiếng Anh, cũng vậy, ai muốn tu tập giải thoát thì cần đến nơi có thầy và chỗ để hành đúng theo lời Phật dạy. Tuy vậy, để cổ xúy thứ thiên vô minh sai pháp, không phải Định, chẳng phải Tuệ, họ dùng cái gọi là "*tùy duyên*" để bác bỏ các duyên liên hệ đến sự thực hành Đạo Để Giới Định Tuệ.⁶³

Đừng nghe họ nói "*tùy duyên*", "*tùy theo đó mà sống cho thích hợp*" mà hãy nhìn cái "*thuận pháp*" không chấp nhận "*tùy duyên*". Do không chấp nhận "*tĩnh tại*" "*thích ứng*" vui vẻ nhìn điểm thấp,⁶⁴ nên họ mong điểm cao, đòi "*học ra cách điều chỉnh việc học hành*" để có điểm cao. Một mặt họ bác bỏ "*cải thiện cho mọi thứ tốt hơn*", mặt khác vì muốn cải thiện điểm, không chấp nhận điểm thấp mà họ tạo tác thêm duyên, "*điều chỉnh việc học hành*" để có điểm cao thì mới cam lòng. Điều chỉnh học hành là liên hệ đến tạo tác, thay đổi duyên, cần tìm duyên học nơi thầy bạn thì không còn là "*tùy duyên*". Theo "*sống tùy duyên*", họ cần dùng nhân "*tĩnh tại*" bên trong nhìn điểm thấp thay cho duyên học bên ngoài, để có điểm cao.

⁶³ *Thay vì phải tìm cho ra trường thiên nào có điều kiện tốt nhất, phải chọn cho được thiên sư và pháp môn nào thích hợp nhất, tức là tìm duyên bên ngoài cho vừa ý mình, thì người thực sự biết tu cứ ngay nơi thực tại thân-tâm-cảnh mà thấy, dù là đang đi ngoài chợ hay đang ở trong chùa, duyên đâu thì cũng tu đúng pháp là được. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

⁶⁴ *Đã học dở thì phải nhận điểm thấp để ngay đó còn học ra cách điều chỉnh việc học hành chứ mong điểm cao thế nào được.*

Trong khi đời là *có bản thân và xã hội* thì họ thấy cuộc đời chỉ như tự nhiên, thay đổi cuộc đời, để đời tốt hơn thì sẽ như thay đổi quy luật tự nhiên. Do vậy họ ***bác bỏ ý muốn thay đổi cuộc đời***. Thay vì làm cho cuộc đời tốt hơn, họ muốn làm điều “*thích hợp*”⁶⁵ là *thấy vẻ đẹp thiên nhiên*.⁶⁶ Họ áp đặt tham sân, nhị nguyên thích và ghét cho người khác,⁶⁷ còn họ *chọn ái, thấy vẻ đẹp tự nhiên*. Do ít học, họ không biết bản chất thiên nhiên chỉ là sắc uẩn vô thường, khổ, vô ngã. Họ tự mâu thuẫn khi có sự nhị phân, không thấy vẻ đẹp của điểm thấp, đòi tạo tác duyên để có điểm cao mới cam lòng. Họ thấy đời là *màu hồng*, không biết đến “*vẻ đẹp*” thiên nhiên khi hỏa hoạn... Trong khi người trí muốn thay đổi cuộc đời, tránh thiên tai lũ lụt, đói khổ thì họ bám víu nghịch duyên, muốn hỏa hoạn, lũ lụt, đói khổ làm thay đổi cuộc đời họ.⁶⁵

⁶⁵ *Con người nhỏ bé đang sống trong vũ trụ bao la luôn vận hành theo quy luật tự nhiên lại đòi thay đổi vũ trụ này theo ý mình hoặc muốn nó trở thành của mình. Đó phải chăng là tham vọng quá lớn? Lẽ ra mình nên xem cho kỹ mọi biến đổi của nó như thế nào để tùy theo đó mà sống cho thích hợp, thì mình lại muốn thiên nhiên làm theo ý mình. Lẽ ra cuộc đời giúp chúng ta thay đổi, thì chúng ta lại muốn tự ý thay đổi cuộc đời, nên hậu quả là chỉ chuốc lấy khổ đau. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

⁶⁶ *Tại sao mình lại không thấy vẻ đẹp của ánh nắng ban mai? Vẻ đẹp của ánh nắng mặt trời đã lên cao, của mặt trời đứng bóng...? Tại sao mình không thấy được những vẻ đẹp khác nhau ấy mà cứ phải chờ hoàng hôn tới mới cam lòng. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

⁶⁷ *Mình muốn thiên nhiên theo ý mình, vô tình giữa mình và hoàn cảnh sống xung quanh đã xuất hiện mâu thuẫn tâm lý. Mình đã rơi vào cách sống nhị nguyên, tức là chọn ra một cái mình thích, những cái còn lại bỏ hết. (Sống tùy duyên thuận pháp)*

Thật ra, nói đến nghiệp quả là nói đến *nhân, duyên và quả*. Nếu thiếu nhân hoặc thiếu duyên thì đều là không có quả. Không thể chỉ biết có nhân mà bỏ qua vai trò của duyên. Không có duyên gặp Phật Pháp thì không có quả giác ngộ. Một số duyên có biên độ dao động, dễ đạt được hơn nhưng không thể vì thế mà “*tùy tiện duyên*”. Cụ thể, dù đôi một chút thì vẫn có thể tu tập, giác ngộ nhưng không ai sắp chết đói mà có thể tu tập giác ngộ. Thực tế, bỏ-tắt đã từ bỏ khổ hạnh nhịn ăn để có sức tu tập giác ngộ. Duyên vật thực, sức khỏe dù dễ đạt được hơn nhưng *không thể vì thế mà có thể bỏ qua*, bỏ qua chúng thì *không thể* có nhân tu tập và quả giác ngộ.⁶⁸

Trong *Kinh Sống Theo Pháp* (A.5.74), Phật đã dạy “Này các Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các Thầy. Này các Tỷ-kheo, đây là những **gốc cây**, đây là những **căn nhà trống**. Này các Tỷ-kheo, **hãy tu Thiền**, chớ có phóng dật, chớ có để về sau phải hối tiếc”. Như vậy, **sống theo Pháp** của đức Phật là **thiền nơi duyên thanh vắng**.

⁶⁸ Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc**. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Tỷ-kheo ấy **ít bệnh, ít náo**, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn. Tỷ-kheo ấy **không lừa đảo, dối gạt**, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Tỷ-kheo ấy **sống tinh cần tinh tấn**, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu với các thiện pháp. Tỷ-kheo ấy **có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt các pháp**, Thành tựu sự thể nhập thuộc bậc Thánh, đưa đến chân chánh đoạn diệt khổ đau.(A.5.135)

Người trí là người *biết không tự làm khó mình, biết bỏ ngu tìm trí, bỏ hại tìm lợi, bỏ lợi nhỏ tìm lợi lớn*. Trừ khi bất khả thi, họ không chọn nơi bất lợi. Họ biết chọn “*Ở trú xứ thích hợp*” (Sn.46). Và Phật còn dạy chọn duyên “*Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí*” (Sn.46). Vì không chịu duyên bất lợi nơi đời sống tại gia mà bỏ-tát và các đệ tử đã xuất gia, không có cái gọi là tùy tiện duyên như họ hý luận.

Thực chất, tác ý thấy đề mục thiền Định mới là sự hành thiền Định, thấy biết và quán sự vô thường, khổ, vô ngã của *5 uẩn, 12 nhân duyên* mới là thiền Tuệ. Vì vậy, Phật tử có thể dành nhiều thời gian để thiền nhưng không thể sống chỉ bằng thiền. Lại nữa, con người cũng không thể sống chỉ bằng sự thấy, nghe, ngửi... Khác với vật chất vô tri không có trí nhớ lẫn sự lựa chọn, con người có sự lựa chọn trong các nghiệp thân, khẩu, ý *sau khi thấy, nghe...* Tùy theo nghiệp có nhân tham sân si hay không mà đó là thiện hay bất thiện. Con người cần biết phải làm gì khi gặp các duyên. Và Phật dạy là *có trí-ngu, thiện-ác* và thuận Pháp chính là làm thiện-tránh ác, cần có trí tạo thiện nghiệp, tránh bất thiện. Và tham sân si đều do duyên sinh. Do *khéo hay không khéo tác ý* đối với duyên mà con người tạo thiện hay bất thiện nghiệp. Ví dụ, do khéo tác ý mà không khởi tham sân si hoặc nếu đã khởi thì chấm dứt, do khéo tác ý đến *ngiệp hay quả bất kể là thiện hay bất thiện, ở quá khứ hay hiện tại* mà người trí tạo thiện nghiệp mới, ngăn bất thiện sinh lên. Do khéo tác ý, họ không lệch sang tham hay sân mà thẳng hướng thiện pháp.

Và người trí thì thường tác ý phân biệt thiện - bất thiện và nghĩ đến Pháp. Nhờ hay khéo tác ý đến thiện pháp, họ linh hoạt tạo thiện nghiệp tùy theo các duyên họ gặp. Ví dụ như khi gặp đối tượng khả ái thì họ nghĩ đến 32 thể trước, sự vô thường, gặp kẻ khó ưa thì họ khéo tác ý đến từ bi, nghiệp quả, sự vô thường, gặp duyên bất kể là lành hay dữ thì họ khéo tác ý đến sự vô thường và nghiệp quả, nhớ đến thiện nghiệp đã làm thì họ khéo tác ý hoan hỷ, lỡ nhớ đến bất thiện quá khứ thì họ nguyện không tái phạm.

Hơn nữa, người trí còn biết cách chặn đứng tham sân si tăng trưởng bằng sự thay đổi đối tượng. Thay vì tiếp tục hướng tâm đến đối tượng của tham sân si thì họ hướng tâm quan sát đối tượng là các tâm tham sân si, nhờ đó họ ngăn tham sân si tiếp diễn. Thực chất, theo quy luật của tâm thì trong một sát-na thì chỉ có một tâm, một tâm thì chỉ biết một cảnh, do vậy, khi có tâm trí thấy tâm tham sân si thì không có tâm tham sân si. Thật ra, tâm trí thấy biết tâm tham sân si chỉ có nghĩa là *tâm ấy không hướng đến đối tượng của tham sân si* chứ không có nghĩa là có trí ly tham sân si. Để có trí ấy thì cần tác ý đến *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*.

Nhờ sự hiểu biết, tôn kính Pháp, với từ bi hỷ xả, hiểu biết về duyên, sự vô thường, nghiệp quả, người trí sống tùy Pháp bằng cách tránh duyên gần kẻ ngu, tạo thiện nghiệp hợp trí, có trí ly tham sân si trước các duyên. Họ hành thiện pháp Giới Định Tuệ để giải thoát khổ, chấm dứt sinh tử luân hồi.

“Đạo Phật Phát Triển”

Đạo Phật là của Phật. Đạo Phật không phải là đạo của các đệ tử vô minh, phàm phu có “chân lý” trái lời Phật, có sự hiểu biết và mục đích sai pháp, ảo tưởng, có kết quả ngược với mục đích, sống trong giả dối, hại thế gian, gây mạt pháp.

Đức Phật không ép ai làm đệ tử cũng như không yêu cầu đệ tử “*phát triển*” sự bài xích, bóp méo, phủ nhận lời Phật. Tuy vậy, nhờ sự sáng tác, bóp méo, phủ nhận lời Phật của các văn sĩ mà nhiều tín đồ đã “*phát triển*” thành quy y đệ tử, văn sĩ còn vô minh, phiền não, đối nghịch với Tam Bảo.

Quả có thể sáng tác văn thơ, phát minh đồ vật, phát hiện chân lý nhưng ***không thể sáng tác phát triển chân lý***; sự thật $1+1=2$ không thể phát triển thành $1+1=3...$ “*tất cả pháp vô ngã*” không thể phát triển thành có cái ngã, “*tất cả pháp đại ngã*”.

Ví như $1+1=2$ và $1+1\neq 2$ là *mâu thuẫn nhau*, không thể cùng là sự thật, cũng vậy, thứ do đệ tử chế ra trái với chân lý Phật giác ngộ thì chỉ là tà kiến, không phải chân lý hay “*đạo Phật phát triển*”, không phải hoa mọc trên gốc đạo Phật mà đó là dây leo ký sinh hại chết cây đạo Phật của bậc Toàn Giác vốn toàn hảo đủ hoa lá cành. Chỉ kẻ mất trí mới xem những sự mâu thuẫn đều là sự thật. Thứ đệ tử phàm phu, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai thì không thể hơn Phật, không thể tạo ra cái gọi là “*đạo Phật phát triển*”. Thứ đệ tử còn vô minh, lậu hoặc, chưa giác ngộ và các thứ “*Phật*” hư cấu, bất nhất, mâu thuẫn chỉ có thể “*phát triển*” ra sự phi pháp, tà kiến, gây mạt pháp.

Căn Bản Của Các Tông Phái

Sở dĩ đức Phật là bậc Đại Giác Ngộ là vì đã phát hiện ra các chân lý vi diệu mà chúng sinh vô minh không biết đến hoặc có hiểu biết trái ngược. Vì không biết các chân lý ấy mà họ đã tạo ra đủ loại văn hóa và tôn giáo trái với chân lý. Vì có nhiều tham sân si, ít trí, ưa văn hóa vô minh, bất đồng ít hiểu đúng và chấp nhận Giáo Pháp nên có nhiều đệ tử đời sau lập tông phái với kinh luật mới trái lời Phật nhưng có sự tương đồng nhất định với văn hóa và tôn giáo khác, gây mạt pháp. Họ coi thứ trái điều Phật giác ngộ của họ là “*chân lý cao hơn*”. Và sau đây là đặc trưng của các tông phái.

1) Phá Giới Cấm Chia Rẽ Tăng, Không Thật Quy Y Tam Bảo

Vì Phật đặt giới cấm chia rẽ Tăng và vì để thành Phật tử thì cần quy y Tam Bảo nên đạo thật của Phật thì chỉ có một, không có tông phái. Phật nói rõ bậc Thánh không bao giờ phạm tội chia rẽ Tăng, chỉ có phạm phu mới chia rẽ Tăng,⁶⁹ phạm ngũ nghịch trọng tội.⁷⁰ Vì xuất phát từ sự phá giới, không thật quy y Pháp và Tăng nên các bộ phái là đạo Phật tự nhận. Và chỉ có Tỷ-kheo thật mới phạm tội chia rẽ Tăng, ai vốn không thật là Tỷ-kheo thì không phạm giới đó.

⁶⁹ “***Sự kiện này không xảy ra***, này các Tỷ-kheo, không có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể phá hòa hợp Tăng, sự kiện này không xảy ra. Và ***sự kiện này có xảy ra***, này các Tỷ-kheo, kẻ phạm phu có thể phá hòa hợp Tăng, sự kiện này có xảy ra.” (A.1.15.8)

⁷⁰ Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, năm pháp ngũ nghịch này, đưa đến ***đọa xứ***, đưa đến ***địa ngục***, không thể chữa trị. (A.5.129)

Thực tế, đức Phật đã gọi việc dùng tiền như người cư sĩ là phi Sa-môn pháp.⁷¹ Phật đã chế giới cấm dùng tiền⁷² và dạy bậc xuất gia cần quán tưởng "*Hành vi của ta phải khác kẻ thế*" (A.10.48). Và sadi thập giới là có giới cấm dùng tiền. Tuy vậy, các Tỷ-kheo gây sự chia rẽ đầu tiên đã sửa luật để cho phép dùng tiền, hưởng dụng như cư sĩ và lập nên Đại Chúng Bộ.

Cùng với sự hướng tới mặt pháp và hạng độn căn theo phi pháp ngày càng tăng là sự xuất hiện các kinh vô căn cứ tiếng Sanskrit ra đời *sau khi Phật diệt độ*. Như *Tây Du Ký*, các kinh ấy nói về Phật và đệ tử với lời nói việc làm trái với *kinh tiếng Pāli của Phật do chư Arahant thuộc Tăng Bảo truyền lại*.

2) Không biết phẩm chất Như Lai và phương tiện chân thật

Danh xưng Như Lai của Phật còn có nghĩa "*đến bằng sự chân thật*", nói-làm chân chánh, đúng như sự thật.⁴ Lời thật mới dẫn đến chân lý. Phật chỉ có phương tiện là lời nói thật đưa đến giác ngộ chân lý. Nói láo không đưa đến chân lý. Chân lý không thể được giác ngộ bằng phương tiện nói láo. Phật bác bỏ nói láo, có giới cấm nói láo. Nói láo chỉ đưa đến tà kiến. Tà kiến là phương tiện tạo thêm khổ, không đưa tới chân lý. Chúng sinh cần tiếp thu chánh kiến, từ bỏ tà kiến, không cần thay tiểu tà kiến bằng đại tà kiến điên đảo hơn.

⁷¹ "*Đối với ai được dùng vàng bạc, người ấy cũng được phép dùng năm dục trưởng dưỡng. Đối với ai được phép dùng năm dục trưởng dưỡng, người ấy hoàn toàn thọ trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp.*" (S.iv,325).

⁷² "*Vị tỳ khưu nào nhận lấy hoặc bảo nhận lấy vàng bạc hoặc ứng thuận (vàng bạc) đã được mang đến thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ấy) phạm tội pācittiya (ứng đối trị).*" (Vin.Vi.ii)

Khác với Phật, các tông phái không coi cố ý nói sai sự thật là nói láo nếu mục đích là giáo hóa độ đời. Họ coi chỉ cần có mục đích độ đời thì mọi thứ họ chế ra đều có thể là chân lý, phương tiện, bất kể đó là nói láo, trái lời Phật, bất đồng về cùng một vấn đề. Họ không biết những sự mâu thuẫn nhau, trái lời Phật dạy là phi pháp, tà kiến. Chấp nhận dùng thứ phương tiện đó là gây nghiệp tà kiến. Và nghiệp tà kiến thì đưa đến quả khổ, không liên hệ đến mục đích tốt. Khác với người trí biết đạt mục đích tốt bằng lời nói thật, họ tìm cách đạt mục đích tốt bằng nói láo. Vì vô minh nên họ có thứ cần giác ngộ nhằm đạt mục đích là sai trái. Đó là thứ được Phật gọi là tà kiến. Nghiệp chấp nhận có thứ ấy là cho quả khổ.

Vì đời là có kẻ ngu, vì kẻ ngu chỉ ưa tham sân si ngã mạn, không biết chấp nhận sự thật lẽ phải nên Phật chỉ độ được ai hữu duyên có trí chứ không độ được tất cả. Bằng việc đặt mục đích là độ tất cả chúng sinh, không biết nghiệp tà kiến là đưa đến quả khổ, các tông phái hý luận ra nhiều giáo lý tà kiến, trái lời Phật. Họ ngỡ rằng ai theo họ thì có nghĩa là người đó được độ. Họ ngỡ thu được nhiều tín đồ là độ được nhiều người. Để thu được nhiều tín đồ, họ vẽ ra những thứ thỏa mãn *tham sân si ngã mạn*. Thay vì chấp nhận chỉ có thể độ bằng Phật Pháp đến ai *hữu duyên có trí*, uốn họ theo Pháp như Phật và các đệ tử đã làm với ngoại đạo thì các tông phái bóp méo Phật Pháp, uốn giáo lý theo ngoại đạo để có tín đồ. Từ đó, các tín đồ có các phương tiện tà kiến đi tới quả khổ.

Trong khi Phật tuyên bố do giác ngộ Tứ Thánh Đế¹⁷¹ mà thành Phật cũng như **chỉ thuyết có Bốn Thánh Đế** (S.v,437) thì các tông phái mở đường cho giáo lý của họ qua cái gọi là 2 tầng nghĩa, nhiều tầng giáo lý, trong đó Bốn Thánh Đế là cấp thấp, còn thứ họ chế ra về sau là cấp cao. Thật ra, bậc trí thì không nói điều thừa thải, sai sự thật. Nếu có các giáo lý cao cấp đó thì Phật đã không tuyên bố như vậy. Thực chất, đó là các giáo lý liên hệ đến bản thể, đại ngã như ngoại đạo, huyền hóa sự tồn tại do duyên, không biết có duyên diệt. Đó là thứ mà Phật gọi là tà kiến, là thứ gây mạt pháp, quả khổ.

Vì Phật không chỉ dạy chánh kiến mà còn chỉ rõ tà kiến nên không có chỗ cho tà kiến núp dưới “*giáo lý cao cấp*” nào. Phật phân biệt chánh - tà và dạy tùy căn cơ như vị thầy cho thuốc trị bệnh khổ, phiền não, chứ không dạy theo tà kiến, dùng phương tiện độc dược tà kiến tạo nghiệp gây quả khổ.

3) Đảo Lộn Phàm – Thánh và Sự Giác Ngộ

Đức Phật đã nói ý nghĩa Như Lai còn là “*đến bằng sự thật*”¹⁷² và tuyên bố do giác ngộ Tứ Thánh Đế mà thành Phật,¹⁷¹ khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác thì là bồ-tát ái vợ con.⁷³ Phật không khen sự hiện hữu dù chỉ sát-na²³¹ và nói về diệt độ “*Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa*”(S 56.11).

⁷³ Ở đây, này Aggivessana, **trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: “Đời sống gia đình bị gò bó, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia như sống giữa hư không. Thật rất khó sống tại gia đình mà có thể sống hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh đời sống phạm hạnh thuần tịnh. Hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.** (M.36)

Đạo lộ mở ra không gian tà kiến đáp ứng tham hiện hữu của các tông phái là phủ nhận bản chất chân thật của Phật qua việc phủ nhận sự diệt độ và sự giác ngộ Tứ Thánh Đế là thành Phật, dựng ra giáo lý được tăng bốc là cao hơn với các tầng bậc giác ngộ khác nhau. Họ chế ra đủ loại bồ-tát, biến bồ-tát chỉ là phàm phu thành có thứ bồ-tát như thần linh. Họ dựng ra kẻ chỉ giác ngộ có 12 nhân duyên (*Tập Đế*),²⁰² còn phàm phu là Phật Duyên Giác.²⁰³ Đó là sự bịa đặt, bóp méo, hại Giáo Pháp, hại đời tham ái đi tới quả khổ, không phải là sự phát triển, mở rộng Giáo Pháp hay từ bi trí tuệ.

Các tông phái thiện xảo trong mặt pháp, có "*pháp môn*" "*thành Phật*" trái với lời Phật tuyên bố do tu tập Đạo Đế mà giác ngộ thành Phật.¹⁷² Trong khi Phật tuyên bố do giác ngộ Tứ Thánh Đế mà thành Phật¹⁷¹ thì họ gọi sự tu tập, giác ngộ Tứ Thánh Đế là thuộc về *Hīnayāna* (*Hạ Liệt Thừa*), là chưa thành Phật. Họ không quy y lời Phật dạy. Sự "*phát triển*" "*triết lý sâu sắc*" của họ có "*giá trị tư tưởng*" là tự mâu thuẫn và trái lời Phật. Vì không hành Đạo Đế giác ngộ Tứ Thánh Đế nên họ là vô minh,¹⁷⁶ không giác ngộ như Phật và các đệ tử.

Ví như Hồi giáo dù có công nhận Bốn Thánh Đế là cốt lõi đạo Phật thì điều đó không khiến họ là đạo Phật. Cũng vậy, vì chấp đại ngã, khác mục đích, giáo lý, sự tu tập, y, lối sống nên dù công nhận Tứ Diệu Đế, duyên khởi, nghiệp, vô ngã, trữ kinh như thư viện thì các tông phái vẫn chỉ là đạo Phật tự nhận. Tam Bảo, Niết-bàn, Giới Định Tuệ của họ trái với đạo Phật, là sự trùng tên, không được đạo Phật chấp nhận.

4) Thế Giới Quan Ảo Tưởng, Chấp Thủ Hiện Hữu, Phủ Nhận Thực Tại, Không Biết Duyên Diệt, Sự Diệt Độ và Sự Thật Có

Thật ra, cả Bốn Thánh Đế đều là pháp chân đế. Và pháp chân đế 5 uẩn là viên gạch tạo nên thế gian. Pháp chân đế Niết-bàn là pháp xuất thế gian, không liên can gì tới 5 uẩn, chỉ có thể giác ngộ nhờ đoạn tận tham sân si với thế gian.

Thực chất, sự thật tục đế, thế gian, chúng sinh, vạn vật là sự biểu hiện qua tính khối liên tục, tính khối tập hợp và tính khối chức năng của pháp chân đế 5 uẩn. Sự vô thường, khổ vô ngã được thể hiện nhất quán trong mọi sự hiện hữu, cả chân đế 5 uẩn và tục đế. Pháp chân đế 5 uẩn biểu hiện sự vô thường, khổ, vô ngã trong duyên sinh diệt ở từng sát-na.

Phật gọi thứ có tồn tại là có, không tồn tại là không.⁷⁴ Phật không gọi thứ do duyên sinh, vô thường khổ vô ngã là giả, không thật. Phật không đặt tiêu chí phải thường lạc ngã mới là thật. Những thứ vô thường, khổ, vô ngã chỉ có nghĩa chúng không thường lạc ngã chứ không có nghĩa chúng là giả huyễn. Pháp tục đế như chúng sinh có bản chất là 5 uẩn tồn tại nhờ 3 tính khối là có theo ý nghĩa tục đế nhưng là không có theo ý nghĩa chân đế, sự thật tốt cùng 5 uẩn. Vì chấp nhận sự tồn tại vô thường, do duyên là thật có nên Phật thuyết dạy Sự Thật Cao Thượng về Khổ, Khổ Đế, 5 uẩn.

⁷⁴ *Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh. (M.121)*

Sự tồn tại do duyên là huyền đối với ngã và kẻ coi ngã mới là thật nhưng đó lại là thật có với ai không chấp ngã. Ai có chánh tri kiến thì biết ngã là thứ ảo tưởng, không có. Vì *chấp ngã* nên các tông phái coi sự tồn tại do duyên là huyền.

Và Phật là bác bỏ cực đoan thường kiến và đoạn kiến, tức cực đoan thường còn và cực đoan đoạn tận sau cái chết. Thực chất, vì có sự xuất hiện 5 uẩn mới sau cái chết của chúng sinh còn lậu hoặc, vì không có 5 uẩn mới xuất hiện sau cái chết của bậc Arahant đã đoạn tận tham sân si nên Phật bác bỏ cả hai cực đoan có và cực đoan không có mà thuyết pháp theo trung đạo, có duyên sinh và duyên diệt.⁷⁵

Tất cả các tông phái đều không biết đến duyên diệt, không chấp nhận Phật và các vị Arahant diệt độ. Họ rơi vào cực đoan chấp có đại ngã thường còn và có điên đảo kiến phủ nhận thực tại, xem sự tồn tại do duyên là như huyền.

⁷⁵ *Này Kaccàyaṇa, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có. Này Kaccàyaṇa, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có.*

Và ai với tâm không trú trước, không chấp thủ phương tiện ấy, không chấp thủ thiên chấp tùy miên ấy, không có chấp trước, không trú trước, vị ấy không có nghĩ: "Đây là tự ngã của tôi". Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghĩ ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, này Kaccàyaṇa, là chánh tri kiến.

"Tất cả là có", này Kaccàyaṇa, là một cực đoan. "Tất cả là không có" là cực đoan thứ hai. Xa lìa hai cực đoan ấy, này Kaccàyaṇa, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo. Vô minh duyên hành; hành duyên thức... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. (S.ii,16)

Trong khi Phật không khen sự hiện hữu dù chỉ sát-na,²³¹ thì như loài ruồi mê phần uế, các tông phái chấp chặt sự hiện hữu, bác bỏ sự diệt độ. Sự Niết-bàn chấm dứt hiện hữu là quá đáng sợ đối với kẻ tham ái. Họ không thể chấp nhận.

Để lý giải sự trái lời Phật, mở đường cho giáo lý của mình, các tông phái không bảo Phật sai, họ nói Phật dạy “*chưa đủ*” hay đó chỉ là “*phương tiện*”. Họ coi thứ bị Phật gọi là tà kiến do họ chế ra như *sự mở rộng cao hơn*. Họ dùng các khái niệm như Phật tánh hay Chân không diệu hữu... để lồng ghép sự hiện hữu đại ngã vào chỗ mà Phật đã quét sạch.

Để tiếp thu đại ngã ảo tưởng, các tông phái *thủ tiêu trí tuệ*. Họ dùng phương tiện như “*bất nhị*”, “*vô phân biệt trí*” để xóa ranh giới giữa Đúng và Sai, Thật và Giả, Minh và Vô Minh. Khi không còn trí phân biệt, sự mất trí được nâng lên như là siêu trí tuệ. Nhờ đó mà có mạt pháp.

Giáo lý của các tông phái ra đời và tồn tại là để đáp ứng nhu cầu tham sân si ngã mạn của nhân gian.

Phật dạy sự thật vô thường, nhân gian muốn trường cửu. Các tông phái cho họ “*Phật tánh vĩnh hằng*”...

Phật dạy tu Đạo Đế đoạn trừ lậu hoặc, đời muốn đốn ngộ. Các tông phái cho họ “*chúng sinh vốn có đại ngã Phật tánh*”...

Phật dạy xả ly, đời muốn công đức, hiện hữu. Tông phái cho họ lý tưởng Bồ tát, Phật tánh vô lượng công đức.

Họ thật sự là cỗ xe lớn trong việc “*độ*” mình và đời đến sự lẫn lộn, điên đảo, có tà kiến chấp thủ hư vô và/hoặc bản thể, khiến mình và đời gây nghiệp tà kiến đưa đến khổ cảnh.

Đại Chúng Bộ

Vì không thật quy y Pháp, muốn có 10 điều phi luật, với phi sa-môn pháp là dùng tiền,⁷¹ nên có nhiều Tỷ-kheo trẻ ít hiểu biết đã phá giới cấm chia rẽ Tăng, lập ra Đại Chúng Bộ. Đây là biểu hiện về sự thật người trí thì ít, kẻ ngu thì đông.

Sau đó 37 năm, để lấp liếm sự ái dục si dốt trước đệ tử, Mahādeva, kẻ tự nhận là Arahant, có rất nhiều đệ tử trong Đại Chúng Bộ đã đưa ra 5 sự nguy hiểm,⁷⁶ mở đường cho sự hư hỏng về Pháp và hạ thấp phẩm chất bậc Arahant về sau.

Cụ thể, Mahādeva bảo Arahant còn mộng tỉnh do ma quỷ quyến rũ để lý giải cho sự mộng tỉnh của mình. Thực chất, Mahādeva xác định Arahant đã đoạn tận ái dục nhưng lại không biết mộng tỉnh phải đến từ ái dục, còn ái dục vì ma là chưa diệt tận ái và đó là điều không thể đối với Arahant. Thật ra, nếu suy yếu thì có thể bị di tinh dù khi ấy không có tâm dục và đó không phải mộng tỉnh. Mahādeva đã hạ thấp bậc Arahant và cũng chứng tỏ mình là phạm phu ly trí.

⁷⁶ *Dư sở dụ: Thiên ma có thể biến hình thành nữ nhân để quyến rũ bậc Arahant trong mộng, khiến các Ngài dù đã giải thoát vẫn có thể xuất tình.*

Vô tri: Bậc Arahant vẫn còn cái không biết (vô tri), do đó không thể coi các Ngài là bậc toàn trí hay hoàn hảo về mọi mặt kiến thức.

Do dự: Vị Arahant khi đứng trước các lựa chọn hoặc giáo pháp vẫn có thể khởi tâm phân vân, do dự.

Tha lệnh nhập: Arahant dù đã chứng đắc vẫn không tự biết, phải nhờ bậc thầy hoặc người khác xác nhận thì quả vị đó mới thành tựu.

Đạo nhân thanh cổ khởi: Khi Thánh đạo phát sinh, hành giả phải thốt lên tiếng 'Khổ thay!' thì đạo quả mới chính thức hiện tiền. (Mahāvibhāṣā q.99)

Để lấp liếm cho sự thiếu hiểu biết, hoài nghi của mình về Tứ Thánh Đế, Đạo-Quả khi đã nhận là Arahant trước đệ tử, Mahādeva bảo Arahant vẫn còn “vô tri”, “do dự”. Thật ra, bậc Nhập Lưu đã đoạn trừ kiết sử hoài nghi thì nói gì đến bậc Arahant. Mục đích đạo Phật không phải là biết pháp tục đế. Phật biết vô số điều nhiều như lá trong rừng mà chỉ thuyết Tứ Thánh Đế vì như thế mới liên hệ đến mục đích (S.v,437). Arahant không biết, do dự pháp tục đế là bất tương đồng với Mahādeva vô tri, do dự Đạo-Quả. Vì Arahant là bậc vô học, không còn vô minh với Tứ Thánh Đế, không cần phải học gì *"Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa"* nên không thể vô tri, do dự.

Mahādeva có sự tự mâu thuẫn khi tự nó là thầy còn vô tri do dự nhưng lại chế ra cái gọi là *"tha lệnh nhập"*, đệ tử cần sự xác nhận của thầy về sự chứng đạo. Thật ra, ân đức Pháp *Ehipassiko - Đến Để Mà Thấy* chứng tỏ không cần thầy phán đệ tử chứng ngộ. Ân đức Pháp *Paccattam Veditabbo Viññūhi - Bậc Trí Tự Mình Chứng Biết* nói nếu đã là Arahant thì tự có giải thoát tri kiến *"sinh đã tận, phạm hạnh đã thành"*. Giác ngộ là bằng tâm, không phải bằng cấp hay công nhận của thầy. Vì không vô tri do dự nên vị Arahant bất cần thầy xác nhận. Kẻ còn vô tri do dự thì không có tư cách để xác nhận cho ai. Kẻ ly trí thì mê có quyền ban phát sự xác nhận cho kẻ khác.

Sự giác ngộ là tiến trình ý môn với đối tượng là chân đế, trong đó *tuệ Đạo-Quả siêu thế* có đối tượng Niết-bàn phi khổ, không phải tiến trình nói hiệp đế về khổ. Bậc trí cần tuệ tri

sự khổ chứ không cần nói cảm thán về sự khổ. Một tâm không thể có 2 cảnh, nói gì siêu thế+hiệp thế. Ân đức Pháp *Akālika Phi Thời Gian* trong sự giác ngộ là tuệ Đạo và tuệ Quả chỉ cách nhau một sát-na, không có thời gian ở giữa để nói. Tuy vậy, Mahādeva vô tri cho là phải hô lên tiếng "*Khổ thay*" thì mới đắc đạo. Đó là hình thức hóa sự chứng ngộ. Mahādeva vô tri đã tạo ra hệ thống vô tri với 5 điều vô tri.

Và 5 điều xuất phát từ ái dục, tham quyền lực, vô tri với Giáo Pháp của Mahādeva là cảm hứng để các bộ phái về sau hạ thấp bậc Arahant, không quan tâm mục đích diệt khổ. Họ đi đến chấp ngã, tham ái tà kiến với vỏ bọc từ bi cứu độ. Nhiệt tình+ngu dốt=phá hại, họ "*độ đời*" tới tà kiến quả khổ.

Hơn thế, vì bị phát hiện còn mộng tỉnh, Mahādeva chế ra thuyết "*tâm bản tịnh*" để chống chế: "*Cái dơ (mộng tỉnh) chỉ là khách trần còn bản tính tâm là tịnh*".⁷⁷ Thật ra, 5 uẩn sinh diệt trong sát-na, sau khi sinh là liền diệt, không có tâm nào trụ hơn một sát-na để có cái "*tâm bản lai thanh tịnh*". Mọi tâm sinh lên đều thuộc một trong hai loại là thuộc tiến trình và phi tiến trình nhận thức. Chúng xuất hiện luân phiên. Tâm phi tiến trình là *tâm hữu phần* sinh diệt từ khi tục sinh đến khi tử. Đó là tâm quả không phải tâm nghiệp, nó bất liên hệ phiền não. Vì phi như lý tác ý mà có tâm nghiệp ô nhiễm. Vì như lý tác ý mà có tâm thiện nghiệp gột sạch ô nhiễm.

⁷⁷ "Đại Chúng Bộ, Nhất Thuyết Bộ, Thuyết Xuất Thế Bộ, Kê Dẫn Bộ đồng tuyên bố: **Tâm tính bản lai thanh tịnh**, tùy theo khách trần tùy phiền não chi sở nhiễm, thuyết danh bất tịnh." (*Dị Bộ Tông Luân Luận*)

Việc có tâm quả hữu phần sinh diệt sáng chói *từ khi tục sinh* và trước tiến trình không có nghĩa là có cái “*tâm bản tịnh*”. Sự tạm dừng xuất hiện phiền não không có nghĩa là có bản tâm tịnh. Vì thứ “*bản tịnh*” đó đã để Mahādeva có ô nhiễm, nên đó là chỉ thứ vô dụng, thứ để hý luận ngã mạn.

Tâm chỉ biết cảnh và *không sinh một mình* mà đồng sinh, đồng diệt, đồng căn, đồng cảnh với nhiều tâm sở. Nếu một sát-na có tâm sở phiền não tham thì sát-na đó *chính là tham*. Như khi có độc thì nước thay đổi triệt để, không thể tách rời “*tâm sạch*” khỏi “*phiền não dơ*”. Có bất tịnh là bất tịnh.

Lại nữa, nếu có một “*tâm bản tịnh*” hằng hữu bên dưới các lớp phiền não, thì cái tâm đó chính là một cái Ngã trá hình. Mahādeva biến đạo Phật vô ngã thành hữu ngã. Nếu tâm có một bản chất cố định (thanh tịnh) thường còn, thì tâm đó không do duyên sinh. Và đó là trái với giáo lý Duyên Khởi.

Nếu nói tâm ai cũng sạch sẵn, chỉ bị “*bụi*” (*khách trần*) bám vào, thì Mahādeva và kẻ sát nhân chẳng khác gì nhau về giá trị cốt lõi. Điều đó dẫn tới ảo tưởng thanh tịnh có sẵn, không cần tạo ra, chỉ cần ngộ nó. Vì coi phiền não là “*khách*” nên nó không thấy lỗi. Và ân đức Pháp Sanditthiko-Thiết thực hiện tại là đang tham/sân/si thì biết có tham/sân/si, không phải là tìm “*cái thanh tịnh có sẵn*”. Thật ra, Thánh và Phàm khác nhau ở chỗ kiết sử đã đoạn hay chưa, chứ không phải ở việc ai thấy mình tịnh. Mahādeva gây ra tà kiến “*ta vốn có bản tâm tịnh sẵn, chỉ cần thấy gốc, không cần tu tập gì để thanh tịnh*”, thay vì *tu tập thấy biết đúng để đoạn trừ ô nhiễm*.

Nhất Thiết Hữu Bộ

Thế gian là những tập hợp 5 uẩn sinh diệt trong sát-na, vận hành theo các duyên. Nghiệp ngay sau khi sinh là liền diệt. Sau khi diệt, nó để lại nghiệp lực truyền trong dòng danh sắc sinh diệt sau đó cho đến khi gặp duyên cho quả và liền bị tiêu biến. Việc đó không cần hạt giống, kho chứa hạt giống hay thực thể kết nối giữa nhân và quả. Đó là sự vận hành của nghiệp duyên, 1 trong 24 duyên hệ. Hơn thế, “Ly duyên” và “Vô hữu duyên” xác định rõ nhờ danh sắc quá khứ diệt mà danh sắc hiện tại mới được sinh lên. Sự vắng mặt của pháp đi trước là không gian, là điều kiện bắt buộc để pháp đi sau xuất hiện. Đồng sinh duyên và Hối tương duyên xác định Pháp và Tác dụng của pháp khởi lên cùng lúc, nương tựa nhau, không thể tách rời. Cụ thể, lửa (pháp) và sức nóng (tác dụng) khởi lên đồng thời nhờ duyên hợp, lửa diệt thì sức nóng diệt.

Tuy vậy, vì chấp hữu, sợ diệt, Hữu Bộ không chấp nhận “cái có trước diệt đi dành chỗ cho cái có sau sinh” lẫn “năng lực tiềm tàng”. Họ muốn có cái tự tánh, bản thể bất biến hiện hữu ở cả ba thời để làm cầu nối.⁷⁸ Từ đó, họ nói nghiệp quá khứ vẫn còn (thực hữu): “Từ cái “CÓ” này mới đẻ ra cái “CÓ” khác”!!!

Thật ra, Vi Diệu Pháp có đề cập tự tánh của pháp hữu vi. Tự tánh đó chỉ là **đặc tính vốn có** của năm uẩn. Nó tồn tại và vô thường cùng với năm uẩn. Tuy vậy, Hữu Bộ **thực thể hóa** đặc tính của pháp hữu vi vô thường thành **thực thể bất biến**.

⁷⁸ “Thế nào là tất cả hữu? Đó là: quá khứ hữu, vị lai hữu, hiện tại hữu.” (Abhidharmakosa - Thế Thân)

Như các hý luận phi pháp cần nhiều hý luận khác nữa để biện hộ, cũng vậy, Hữu Bộ đề ra hý luận mới để chống chế mỗi khi bị bác bỏ. Cụ thể, khi bị các bộ phái khác bác bỏ, gọi việc chấp tự tánh hằng hữu của Hữu Bộ là Thường kiến thì bốn luận sư lớn của họ đã hý luận ra 4 thứ sau để biện hộ:

1) Biến trạng: tự tánh không đổi, chỉ "*trạng thái*" thay đổi. Đây là hý luận kiểu "*bình mới rượu cũ*", không giải thích được bản chất của sự sinh diệt.

2) Biến tướng: một pháp khi ở hiện tại thì hiện rõ "*tướng*" hiện tại, nhưng vẫn mang theo "*tướng*" quá khứ và vị lai. Đây là hý luận biến một pháp vừa hiện hành vừa tiềm ẩn.

3) Biến đãi: tự tánh hằng hữu, còn "*thời gian*" quá khứ, hiện tại, vị lai chỉ là nhãn dán tương đối do so sánh đối đãi các pháp với nhau. Đây là hý luận biến thực tại khách quan thành việc so sánh đối đãi của ý niệm chủ quan.

4) Biến vị: tự tánh không đổi, chỉ có "*vị thế*" (thời gian) là thay đổi. Khi pháp đang làm thì gọi là hiện tại, chưa làm là vị lai, làm xong là quá khứ. Đây còn gọi là "*Dụng*" và cũng là quan điểm được số lớn Hữu Bộ chấp nhận.

Hữu Bộ chia pháp làm hai phần: *Bản thể* (không đổi) và *Tác dụng* (vô thường theo thời gian). Đó là sự chia chẻ hý luận, biến pháp hữu vi thành thực thể có "*linh hồn*" là "*Bản thể*". Trong khi Phật dạy "*Tất cả hành vô thường*" (PC 277) thì họ hý luận có cái tự tánh là bản thể bất biến làm cầu nối ba thời cho pháp hữu vi. Họ tạo ra thứ là pháp hữu vi (bị chi phối bởi duyên) nhưng lại có đặc tính hằng hữu của pháp vô vi.

Để giải thích tại sao vạn vật thay đổi trong khi tự tánh vẫn bất biến, họ nói vô thường chỉ áp dụng cho Tác dụng. Khi tác dụng khởi lên thì là hiện tại; khi tác dụng chưa khởi là vị lai; khi tác dụng tắt là quá khứ. Còn bản thể không đổi.

Trong thực tại duyên sinh, không có “*thực thể*” tách rời khỏi “*tác dụng*” của nó. Lửa không thể tách rời cái nóng, không thể lửa còn mà không nóng. Nếu cái nóng (tác dụng) sinh diệt, mà cái “Lỗi Lửa” (bản thể) vẫn còn qua ba thời thì cái Lỗi đó là cái Ngã (Atman)⁷⁹ trá hình, giống ngoại đạo.

Cái gì có tác dụng thì cái đó phải thay đổi; cái gì không thay đổi thì cái đó vô dụng. Không thể có cái dụng vô thường hữu vi của cái thể hằng hữu vô duyên, vô vi qua ba thời. Cái “*tự tánh*” mà Hữu Bộ tôn thờ thực chất là trái với tiến trình tu tập, giải thoát. Nó chỉ là hý luận về tên gọi được dựng lên để thỏa mãn nhu cầu có cái “Ngã”. Giải thoát không phải là tìm cái thể hằng hữu mà là thấy như thật *thế gian là 5 uẩn vô thường khổ vô ngã để đoạn tận phiền não, giác ngộ Niết-bàn*.

Nếu phiền não có tự tánh hằng hữu, thì trí tuệ không thể làm nó tan biến. Giải thoát chỉ là việc “**tránh**” **tác dụng** của phiền não chứ không phải là **sự đoạn tận phiền não** như Phật đã dạy. Họ bảo bản thể phiền não luôn có ở vị lai và quá khứ. Giải thoát là khi đặc tắt cả các “*thực thể*” Ly hệ, thứ có **công dụng cách ly từng phiền não**, do họ hý luận chế ra.

⁷⁹ “Atman là cái không sinh, không diệt; nó không từ đâu đến và cũng không trở thành cái gì khác. Nó không bị giết khi thân xác bị giết. Nó nhỏ hơn cái nhỏ nhất, lớn hơn cái lớn nhất, ẩn chứa trong trái tim (là cốt lõi) của chúng sinh.” (Katha Upanishad, 1.2.18-20).

Học thuyết 'Tam thể thực hữu' của Hữu Bộ thực chất là sự “*vật thể hóa*” dòng chảy thời gian. Bằng cách gán cho các pháp một “*tự tánh*” hằng hữu xuyên suốt ba thời, họ đã biến thời gian từ một tiến trình duyên sinh linh động thành một “*không gian*” chứa sẵn các thực thể tĩnh. Họ vớt vai trò tạo ra sự sinh của duyên. Họ coi duyên có vai trò kích hoạt pháp phát khởi tác dụng. Mà nếu thể cần duyên để khởi dụng, thì cái thể đó bị chi phối bởi duyên. Thể chi phối bởi duyên thì không thể là “*hằng hữu bất biến*”. Vì bản chất của pháp được xác lập bởi tự tánh có sẵn từ trước nên nó *có tính định mệnh*, là biến thể của định mệnh luận núp bóng danh từ Phật học.

Nghiệp vận hành theo duyên và năng lực duyên. Việc đòi có “*hạt giống*” hay “*kho chứa*” hay “*Pháp thể hằng hữu ba thời*” là tư duy vật lý thô thiển, áp đặt cấu trúc thể giới vật chất (*phải có lọ mới đựng được dầu*) vô thể giới danh pháp vô hình. Để bảo vệ thể, họ đề ra các hý luận để lý giải đó không phải là ngã. Thật ra, cái thể hằng hữu đó là ngã được ngụ ý trang.

Để giải quyết những “*lỗ hổng*” khi bị phản bác, Hữu Bộ đã xây dựng hệ thống hý luận đồ sộ để giải quyết lỗ hổng và họ chỉ kết thúc bằng lỗ hổng mới không thể giải quyết. Cụ thể, sau khi đã “*thực thể hóa đặc tính của pháp*” bằng cái gọi là “*tự tánh*” hằng hữu vô duyên, không sinh diệt, biến tính từ thành danh từ, thì họ chế ra đủ loại *thực thể mới* để lý giải cho *hành động hữu vi* như đắc, phi đắc, sinh trụ dị diệt... liên hệ tới “*tự tánh*” có bản chất **vô vi**. Lẽ ra, họ nên đơn giản là vứt bỏ gốc rễ của hý luận, cái thứ tự tánh bất biến đó.

“Tánh Không” - Đỉnh Cao Ngụy Biện

Phật dựa vào thực tại để xác định có/không có, có là có, không có là không, bất kể do duyên sinh,⁸⁰ không dựa vào ngã/tự tánh để xác định có/không. Do y cứ duyên, đạo Phật xác định có phiền não, có bồ-đề, bất kể chúng trái tính chất và không thể cùng tồn tại trong một sát-na.

Trái lại, Long Thọ chọn thứ ảo tưởng làm cơ sở xác định sự tồn tại, chấp thứ tự tánh ảo tưởng là thật có. Từ đó, nó có thể giới quan đảo lộn. Nó bóp méo ý nghĩa của “không” để ngụy biện lập lờ về “không”, từ đó đảo lộn có với không.

Vì dựa vào thực tại nên đạo Phật xem sự tồn tại do duyên lẫn sự tồn tại vô tự tánh là **có**. Trái lại, Long Thọ **ngụy biện đánh tráo khái niệm**. Nó xem sự tồn tại do duyên sinh và sự tồn tại vô tự tánh là “**không có**”. Nó không biết duyên sinh, thứ biến động và vô tự tánh không có nghĩa là không có.

Trái với đạo Phật dùng thực tại để xác định có/không, không dựa vào *ngã/tự tánh* để xác định có/không, Long Thọ chấp tự tánh, **thứ không tồn tại**,⁸¹ làm tiêu chuẩn xác định sự có tồn tại.⁸² Thay vì nói đúng bản chất sự thật, xác định thế gian chỉ tồn tại pháp vô tự tánh biến động do duyên, thì

⁸⁰ *Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có”. Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.* (M.121)

⁸¹ **“Tự tánh là cái không do tạo tác mà thành, và không phụ thuộc vào bất cứ cái gì khác.”** (Trung Quán Luận 15.2 (MMK 15.2))

⁸² **“Nếu các pháp có tự tánh, thì chúng sẽ không bao giờ không có mặt. Một cái gì đó có tự tánh thì không bao giờ trở thành thay đổi.”** (MMK 15.8)

Long Thọ **chấp sự tồn tại do duyên, vô tự tánh là “không”**. Từ việc không có pháp nào có tự tánh, Long Thọ dựng lên “chân đế” là “tánh không”, nguy hiểm lập lờ gọi đó là “không”. Chính Long Thọ bày ra sự chấp tự tánh là có để rồi từ đó bác bỏ mọi khái niệm và thực tại. Ví như kẻ mất trí/lừa dối nói không muốn giết ai nhưng tay thì cầm dao đâm người, cũng vậy, Long Thọ nói không muốn xóa sổ thực tại nhưng luôn dùng “không có” để xóa sổ mọi thực tại và khái niệm. Thật ra, nếu tôn trọng thực tại, Long Thọ cần gọi sự tồn tại vô tự tánh là vô tự tánh và có chân đế vô tự tánh chứ không nguy hiểm lập lờ với “không” *khi mà không và không có tự tánh là khác nhau*. Đến khi bị bế tắc trước hiện thực đối phải ăn, không thể nói “không”, Long Thọ có nguy hiểm đổi ngữ cảnh, dùng “tục đế” biến “không” thành duyên sinh, điều có tồn tại ở thế gian, với ý nghĩa duyên sinh là giả danh. Thật ra, Phật gọi sự tồn tại biến đổi do duyên là thật có, không phải là không / giả danh. Bằng việc biến duyên sinh biến động thành tĩnh, là “không”, “giả danh”, Long Thọ có thể giới quan đảo lộn có và không nhưng có thể giải vây cho “chân đế” bị bế tắc vì việc xem vô tự tánh là “không”. Thực chất, không ai có thể sống bằng tên gọi hay giả danh. Chấp duyên sinh là giả danh là **đánh tráo khái niệm**, dẫn đến xóa bỏ thực tại.

Với đạo Phật, chân đế là bản chất tục đế, đều vô thường khổ vô ngã, cá nhân là khái niệm về 1 tập hợp 5 uẩn. Trái lại, “chân đế” chấp tự tánh của Long Thọ phủ định “tục đế”. Nó dùng tự tánh ảo tưởng bác bỏ sự tồn tại, khác biệt ở “tục đế”.

Giáo lý Long Thọ tồn tại nhờ nguy biện lập lờ về “không”. Long Thọ xem vô tự tánh là không để bác bỏ mọi khái niệm và xem “không” là duyên sinh để kết nối trở lại với thực tại sau khi “chân đế” bị bế tắc trước hiện thực đối khát.

Vì lấy tự tánh,⁸¹ thứ tự hữu bất biến độc lập, thứ ảo tưởng trong thế gian, làm cơ sở xác định sự tồn tại và khác biệt,⁸² nên Long Thọ có hý luận bát bát,⁸³ coi phiền não với bồ-đề, lẫn chúng sinh, vạn vật đều như nhau, không có khác biệt. Đó là triết học dùng hệ quy chiếu ảo tưởng biến thực tại, mọi khác biệt, mọi cặp đối lập như thiện-ác... đều như nhau, đều là không, tạo ra độc được “bất nhị”, mất trí phân biệt.

Thay vì thấy có sự tồn tại do duyên để bác bỏ tự tánh, hành Đạo Đế để chứng pháp vô vi, thì Long Thọ chấp tự tánh là có, gọi do duyên sinh là không,⁸⁴ coi tưởng tri không có tự tánh là cách đoạn tận nghiệp và phiền não.⁸⁵ Thực chất, đó là “pháp môn” chấp cái ảo tưởng là có, si tri thực tại là không, là cách để mặc khổ và phiền não còn đó, miễn sao người tu si tưởng được khổ, phiền não là “không”, biến việc đoạn tận phiền não thực tế thành cuộc si tưởng về tính không. Đó là hệ thống ảo tưởng điên đảo, nơi thiện-ác bị cào thành “không”.

⁸³ Không sinh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi. (MMK 0)

⁸⁴ “Các pháp do nhân duyên sinh ra, ta nói đó chính là Không, cũng gọi là Giả danh, cũng chính là nghĩa Trung đạo.” (MMK 24.18)

⁸⁵ “Khi các nghiệp và phiền não chấm dứt, đó là giải thoát. Nghiệp và phiền não đến từ vọng tưởng. Vọng tưởng đến từ hý luận. Hý luận bị chấm dứt trong Tính Không” (MMK 18.5).

Bằng sự chấp tự tánh là có, Long Thọ vẽ ra thế giới hư cấu như Tây Du Ký. Như kẻ ly trí tạo ra thuốc cong rồi bảo mọi đoạn thẳng là không thẳng, nó không xác định có/không dựa trên thực tại mà dựa vào cơ sở huyền hoặc do nó đặt ra. Vì tự tánh là thứ không hề tồn tại nên Tứ cú, Bát bất còn không đúng với tự tánh nói gì tới pháp vô tự tánh có tồn tại.

Đạo Phật coi ***hý luận là sự phóng dật từ vô minh***. Do đó, cần ***tuệ tri thực tại đúng như nó là để dứt lậu hoặc, hý luận***. Long Thọ coi ***hý luận là sự vận hành của khái niệm***. Do đó nó coi sự ***si tưởng về không là dứt hý luận***. Nó xem si tưởng về không là dứt phiền não, thay trí phân biệt thực tại bằng sự chấp thứ ảo tưởng là có để đạt sự điên đảo chấp không. Chấp "*không*" là nghiệp si ảo tưởng về không, là cho quả khổ. Như nhiệt tình+ngu dốt=phá hại, nó "*độ đời*" đến điên đảo.

Khi trả lời Lương Vũ Đế, Bồ-đề-đạt-ma đã dùng hý luận tánh không để phủ nhận thực tế duyên sinh. Lẽ ra, nó nên nói: "*Tất cả những việc vua làm là thiện nghiệp hữu vi, mang lại phước báu nhân thiên nhưng đó không phải Xứ vô vi (Niết-bàn). Để giác ngộ Xứ đó thì cần tu tập Đạo Đế đoạn tận tham sân si.*"

Những ai mê hý luận "*không*" thì hay kẹt chấp cầu ăn mặc mất trí phân biệt, chứ không chấp giới, thiện pháp, lời Phật. Để thức tỉnh những ai dùng tự tánh làm cơ sở xác định sự có tồn tại thì cần dùng pháp môn đá dít. Nhờ đó họ có thể biết đến sự thật duyên sinh, cái gì có là có, không là không.

Thật ra, Niết-bàn không phải là hư vô, ý niệm hay một trạng thái nào. Niết-bàn là pháp vô vi, vô duyên, xuất thế gian,

ngoài sự hiện hữu 5 uẩn, không có chuyển vận, là đối tượng giác ngộ của Tuệ Đạo - Tuệ Quả.⁸⁶ Niết bàn là "có xứ này", Phật không nói Niết-bàn là một trạng thái. Không thể có *tính chất/trạng thái* tách rời khỏi xứ hay cái gì. Khi tuyên bố "Có", Phật đã xác nhận một thực tại hiện hữu, dù thực tại đó không nằm trong phạm vi 5 uẩn và các duyên hữu vi. Phật nói rõ vì có cái không sinh, không hữu vi nên mới có sự trình bày sự xuất ly khỏi sự sinh, hữu vi.⁸⁷

Khác với ngã / tự tánh bất biến **nằm sau** các pháp hữu vi làm chủ sự tồn tại/vận động, Niết-bàn vô vi vô ngã bất động **vô duyên, nằm ngoài** sự hiện hữu 5 uẩn hữu vi duyên sinh, **không liên can** Niết-bàn Đại thừa, tự tánh lẩn "tánh không".

Vì chấp **hệ quy chiếu tự tánh ảo tưởng** nên Long Thọ hô không và đánh đồng tất cả, bất kể luân hồi và Niết-bàn.⁸⁸

⁸⁶ **Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động. Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động.** Không có dao động thì có khinh an. Có khinh an thì không có thiên về. Không có thiên về thì không có đến và đi; không có đến và đi thì không có diệt và sanh; không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự **đoạn tận khổ đau**.(Ud 8.4)

- Nay các Tỷ-kheo, **có xứ này**, tại đây **không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió**; không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh; không có an trú, **không có chuyển vận**, không có sở duyên, đây là sự **đoạn tận khổ đau**.(Ud 8.1)

⁸⁷ Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, **có cái** không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên **có trình bày sự xuất ly khỏi sanh**, hiện hữu, bị làm, hữu vi. (Ud 8.3)

⁸⁸ "Luân hồi đối với Niết-bàn không có mảy may sai biệt. Niết-bàn đối với Luân hồi cũng không có mảy may sai biệt" (MMK 25.19)

Niết-bàn của Long Thọ chỉ là một sự hý luận triết học, là sự chấm dứt ý niệm về có/không. Nó không phải là một Xứ mà là một "*Cách nhìn*". Điều đó như người đang chết chìm (Luân hồi) cần hòn đảo (Niết-bàn - Xứ này) để leo lên⁸⁹ thì Long Thọ xuất hiện và bảo: "*Đừng tìm đảo, đảo và nước đều là Không cả, chỉ cần nhận ra mình không chết chìm là lên đảo rồi*". Niết-bàn của Phật được giác ngộ từ sự đoạn tận lậu hoặc. Niết-bàn của Long Thọ là sự *si tưởng*, nói không có lậu hoặc.

Trong khi Phật thuyết Bốn Sự Thật Cao Thượng mà Phật giác ngộ thì Long Thọ chế ra Tứ Cú, phủ nhận sự thật.⁹⁰ Những gì Long Thọ làm là si tưởng để hý luận ra "*không*". Để biện hộ cho Tứ Cú, nó nói Phật phủ định luôn cái không.⁹¹ Phật dạy vì duyên sinh mà có Khổ, vì duyên diệt Khổ Diệt. Nó dùng hý luận *tính không* để quyết định sự có các pháp.⁹²

Thật ra, Long Thọ sống vào khoảng thế kỷ thứ 2 CN, tức là hơn 600 năm sau khi Phật diệt độ. Trong suốt 6 thế kỷ, không có kỳ kết tập nào nói đến các bộ Bát Nhã, tánh không như Long Thọ. Vì thế, đó là những sự chế tác thời mạt pháp.

⁸⁹ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn... Này các Tỷ-kheo, như vậy, gọi là Thánh cầu. (M.26)

⁹⁰ Mọi thứ là Thật. Mọi thứ là Không thật. Mọi thứ vừa Thật vừa Không. Mọi thứ chẳng phải thật, chẳng phải không. Đây là lời Phật dạy. (MMK 18.8)

⁹¹ Chư Phật dạy Tính Không để từ bỏ mọi tri kiến. Nhưng ai lại biến Tính Không thành một tri kiến, kẻ đó là hạng không thể cứu chữa. (MMK 13.8)

⁹² "*Chính vì có ý nghĩa của Tánh Không (Śūnyatā), tất cả các pháp mới có thể thành tựu (hình thành). Nếu không có ý nghĩa của Tánh Không, tất cả các pháp đều không thể thành tựu.*" (MMK 24.14)

Phật chỉ thuyết dạy Tứ Diệu Đế, *Bốn Sự Thật Cao Thượng*. Trái lại, các bộ Bát-nhã và Long Thọ phủ định Tứ Diệu Đế. Do chấp tự tánh là có, nó phủ nhận thực tại duyên sinh lẫn Niết-bàn vô duyên bất động, tức phủ định Tứ Diệu Đế. Phật coi tồn tại do duyên là thật có còn nó coi duyên sinh là "không"/*giả danh*. Nó nói *thời mạt pháp* cần học thứ dành cho "căn cơ cao" là "tánh không". Đó là căn cơ ly trí, trái ba-la-mật thời đức Phật. Nó dùng con rỗng để lý giải cho sự xuất hiện kinh mạt pháp.⁹³ Thực ra, Phật không có giấu mật giáo,²⁶³ còn rỗng là loài thú nên không thể tiến bộ trong Giáo Pháp, cần bị trục xuất nếu giả làm người để xuất gia Tỷ-kheo.²⁰⁸

Người đời hay tham sân chấp ngã chứ ít khi nghĩ có cái tự tánh bất biến nằm sau sự biến đổi già chết. Vì chẳng mấy ai chấp tự tánh là có nên thực chất là không cần dùng phép phản chứng dựng lên thế giới chấp tự tánh là có để rồi nói thế giới đó là không có, phủ định mọi mặt của thế giới đó.

Thay vì *dùng thực tại duyên sinh để trực tiếp bác bỏ sự có tự tánh* và kết thúc ở đó thì Long Thọ *dùng tự tánh, thứ không tồn tại, làm cơ sở của sự có tồn tại* (MMK 15.8), để rồi từ đó xây dựng hệ thống hý luận nhằm phá bỏ cái thế giới chấp tự tánh là có, rồi sau đó phá luôn hệ thống hý luận ấy. Trong khi Phật dạy chớ chấp Pháp là của ta, chứ không dạy phủ nhận Pháp thì nó phủ định tất cả, kể cả hý luận của nó.

⁹³ Đại Long Bồ Tát thấy Long Thọ có lòng tha thiết... bèn đưa vào trong biển, mở kho báu thất bảo, lấy ra các hòm kinh điển phương đẳng thâm diệu vô lượng, đưa cho Long Thọ đọc... Long Thọ thọ nhận và mang ra thế gian. (Long Thọ Bồ Tát Truyền)

Long Thọ có nguy biện lập lờ về “không” và trái lời Phật. Phật dựa trên thực tại để xác định là có hay không có, xem tồn tại duyên sinh là thật có. Trái lại, vì chấp cái gì bất biến thì mới là có tồn tại nên Long Thọ nói tồn tại duyên sinh là “không có”/giả danh.⁸⁴ Vì trong mơ có thể thấy xơi thuốc độc, chẳng cần ăn vẫn sống mà thực tại chẳng thể ăn bằng tên gọi giả danh hay không ăn vẫn sống nên hý luận đó chỉ có thể tồn tại trong mơ, là hư cấu như Tây Du Ký. Kẻ thấy tồn tại do duyên là “không”/giả danh thì sẽ thấy phần chẳng khác cơm.

Long Thọ đầu hàng tri kiến ngoại đạo, phản bội tri kiến thế gian khi **chấp tự tánh bất biến mới là có**, từ đó nó tạo ra “chân đế” “tánh không”. Vì chẳng liên can đến tri kiến thế gian nên việc phủ định ngoại đạo lẫn hý luận của nó chẳng giúp gì cho thế gian. Trái lại, tứ cú, nguy biện lập lờ về “không” đã dụ nhiều người có *hư vô kiến*, *phủ định tất cả*. Khi bị người trí chỉ trích thì nó mới nói “không” của nó là “vô tự tánh” chứ không phải là “không có”, tức trái với việc chấp tự tánh là có.

Thật ra, người hiểu đúng Pháp thì biết bản chất thế gian tục đế chỉ là những tập hợp pháp chân đế 5 uẩn tồn tại và vận động do duyên và nghiệp quả. Chúng là **vô thường khổ vô ngã trong từng sát-na** mà không hề có cái tôi/cái ngã nào có quyền quyết định sự tồn tại của chúng. Do đó, họ biết rõ có tâm chủ thể nhận thức và cảnh khách thể bị nhận thức. Họ bác bỏ cái gọi là “vô phân biệt trí”, bất phân biệt chủ thể lẫn khách thể, thiện-ác, bác bỏ sự chấp có ý niệm bất biến. Họ coi hý luận về “không” để ngăn có ý niệm là *điên đảo kiến*.

Duy Thức Tông

Thực tế, một hý luận giả dối phi pháp không thể tồn tại một mình, nó luôn cần nhiều hý luận phi pháp khác sinh ra để vá lỗ hổng, càng vá thì càng đồ sộ và vô lý. Như truyện có nhiều hư cấu thì đồ sộ, giáo lý các tông phái trở nên đồ sộ vì cần hư cấu thêm khi bị phản bác. Sự phát sinh các thực thể, danh, động, tính từ mới là tiến trình “*phát triển*” của chúng.

Vì vô minh, tham bám víu sự tồn tại, con người suy diễn ra nhiều lý giải về thế giới và các hiện tượng. Từ đó thế gian có linh hồn, thần sét... Nigantha thì chế ra Jiva là linh hồn, thực thể bất diệt, có trong động thực vật. Sikh coi linh hồn mỗi người là một phần của linh hồn vũ trụ vĩnh hằng, của Thượng đế. Ấn giáo chế bản ngã trường tồn, hòa đồng được với Đại ngã Phạm thiên. Duy thức tông dùng sự điên đảo để *bác bỏ hiện thực khách quan*, suy diễn thế gian vận động theo cách họ thấy hợp lý bất kể đó là điều Phật gọi là tà kiến. Họ Phật giáo hóa tà kiến bản thể, chế ra alaya thức, thứ của thời mạt pháp, không có trong kinh điển kết tập, gán cho nó vai trò đại ngã khi gọi đó là “*thức căn bản*”, “*gốc rễ vạn pháp*”, “*hạt giống sinh trưởng muôn vật*”,⁹⁴ và có hý luận “*vạn pháp duy thức*”.⁹⁵ Bằng việc coi nó là cái kho mang vác nghiệp báo xuyên các kiếp sống, họ biến alaya thức như tiểu ngã. Dù hô vô ngã, nhưng họ lại tưởng ra “*thực thể nền*” có công năng như linh hồn bất biến. Đó là sự dựng lên cái ngã atman, thứ mà Phật gọi là tà kiến, chẳng phải thứ dành cho căn cơ cao.

⁹⁴ “A-lại-da thức là căn bản của tất cả pháp, là nơi nương tựa của tất cả chủng tử, có khả năng sinh ra vạn pháp.” (Kinh Giải Thâm Mật)

⁹⁵ “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức” (Duy Thức Nhị Thập Tụng)

Cùng với thần sét... là alaya thức đối nghịch với khoa học. Thật ra, vật là duyên sinh cảnh, cảnh là duyên sinh tâm. Cảnh sắc, thanh, mùi, vị, xúc, ý không phải là vật hay tâm. Vài tia sáng rời mặt trời hơn 8 phút thì không phải mặt trời. Với "*vạn pháp duy thức*", họ coi thức biến hiện ra mặt trời tức thời thay vì nói chỉ biến hiện ra tia sáng. Chấp nhận có tia sáng là đồng nghĩa với việc họ chấp nhận mặt trời là thực tại khách quan không do thức tạo, tức vứt bỏ duy thức.

Trong khi Tây Du Ký được dựng lên từ sự tưởng tượng và hư cấu thì để giữ "*vạn pháp duy thức*", họ nhìn đời như mơ "*vì trong mơ ta thấy thật mà thực ra là giả, nên cái đang thấy thật bây giờ cũng là giả*". Họ đánh tráo "*trạng thái tâm lý*" (*cảm giác tin là thật*) với "*bản chất thực thể*" (*sự tồn tại khách quan*). Trong mơ, viên gạch không có khối lượng vật lý, không thể làm họ đổ máu. Ngoài đời, viên gạch có khối lượng, có thể làm hại họ. Họ dùng giấc mơ để tránh thực tại khách quan. Họ coi thế giới vận động tồn tại như trong mơ để bảo vệ cho cái "*vạn pháp duy thức*" bị vô lý ở đời thật. Nếu thừa nhận thế giới là có thật, khách quan, thì Thức không thể là "*Đấng Sáng Thế*". Để giữ vương quyền cho Thức, họ biến vạn vật thành "*đồ giả*" như trong giấc mơ. Phật dạy pháp hữu vi là "*như huyễn*" vì do duyên hợp mà có, không có tính bền vững, chứ không dạy vạn pháp "*là ảo*". Khổ Đế 5 uẩn là thật, không phải ảo. Tuy vậy, Duy Thức coi thế giới bên ngoài chỉ là sự biến hiện của tâm (tướng phần). Họ tưởng chỉ cần "*chuyển thức*" là cục gạch biến mất hay cơn đau tan biến.

Thực tế, dù có "*chuyển*" thể nào thì lửa vẫn làm bỏng da. Giáo lý dựa trên sự mê mờ, giấc mơ chỉ là tà kiến điên đảo.

Vì không hiểu, không chấp nhận năng lực tâm và nghiệp, nên Duy Thức dùng giấc ngủ làm cơ sở tạo ra alaya thức.⁹⁶ Họ không biết có tiến trình tâm nhận thức khi đang thức, không biết có các tâm hữu phần phi tiến trình nhận thức xuất hiện khi ngủ, không biết thân thể có sắc mạng quyền, có thể thức dậy vì cú vỗ, không phải vật vô tri như khúc gỗ. Vật chất hóa sự tồn tại của tâm và nghiệp lực như thực vật, ảo tưởng ra alaya thức, hạt giống là phi pháp.

Như domino đổ dây chuyền mà không cần kho chứa lực, nghiệp không cần cái kho để chứa. Khác với vật chất vô tri có nhân quả liền kề, chỉ có tác động ở hiện tại, tâm có thể nhớ quá khứ, biết vị lai. Hơn thế, nghiệp thức cho quả với cách đoạn thời gian. Nghiệp thức sau khi sinh là liền diệt, và để lại sức mạnh tức nghiệp lực trong dòng tâm sinh diệt không ngừng theo tiến trình tâm nhận thức lẫn không theo tiến trình tâm nhận thức, tức cả trong lúc ngủ, tử - sinh. Nghiệp lực là mối liên hệ giữa nghiệp thức là nhân quá khứ đã diệt và thức quả sinh lên thời gian sau đó. Nghiệp lực ấy tồn tại cho tới khi gặp đủ duyên cho quả và liền mất đi cùng với sự ra quả hay tới khi 5 uẩn tịch diệt Niết-bàn, tức không có cái gọi là "*kho*" "*alaya thức*" "*chứa hạt giống nghiệp*".

⁹⁶ "Nếu không có thức này (*Alaya*), thì trong trạng thái ngủ say không mộng寐, hoặc khi chết đi chưa tái sinh, thân thể sẽ trở thành vật vô tri như khúc gỗ." (*Thành Duy Thức Luận - Quyển 3*)

Ví như thiên nhân thông tạo ra sắc do tâm sinh giúp thấy liền tức thì, không có độ trễ các thế giới hệ xa gần, cũng vậy, nghiệp lực là sức mạnh tâm nghiệp, *không phải lực vật chất*, không gian xa hay gần không ảnh hưởng đến nghiệp lực. Tùy nghiệp là thiện hay ác mà tái sinh ở cõi lành hay dữ, bất kể xa gần. Ví như dầu thì nổi, đá thì chìm, cũng vậy, nghiệp thiện cho quả lành, còn nghiệp ác cho quả khổ. Nghiệp và duyên quyết định quả là thức tái sinh và sắc do nghiệp sinh tức thời sinh ở nơi nào. Đạo Phật bác bỏ “*thân trung ấm*”, thứ chờ tái sinh trong 49 ngày. Có 4 dạng sinh là *thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh*. Sự hóa sinh, sinh ra tức thì có thân thể đầy đủ, không có cha mẹ là phổ biến nhất.

Như sữa duyên sinh ra bơ nhờ sữa không phải bơ, 5 uẩn sát-na trước *duyen sinh* 5 uẩn sát-na sau; 5 uẩn sát-na trước không phải và không cùng tồn tại với 5 uẩn sát-na sau. Vì bị sinh diệt trong sát-na nên 5 uẩn không thể đi xa. Do đó, chỉ có “*thức tái sinh*” mà không có “*thức đi tái sinh*”. Thức tái sinh là thức đầu tiên của 5 uẩn kiếp sống mới. Ai hành thiện Tuệ quán duyên khởi thì thấy biết tâm tử cách tục sinh 1 sát-na.

Chính nghiệp chứ không phải đáng sáng tạo, thượng đế hay “*alaya thức*” nào là cội nguồn chúng sinh.⁹⁷ Khổ Tập Đế, 12 nhân duyên là vòng tròn khép kín tồn tại nhờ vô minh, tham ái, đó không phải là đường xoắn có điểm bắt đầu hay

⁹⁷ - Đây Thanh niên, các loài hữu tình là **chủ nhân của nghiệp**, là **thừa tự của nghiệp**. **Nghiệp là thai tạng**, nghiệp là quyền thuộc, **nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.** (M.135).

có liên can gì tới cái gọi là alaya thức, "*gốc rễ của vạn pháp*".

Do không biết quy luật của nghiệp và tâm, không biết chấp nhận *năng lực vô hình, trừu tượng* của nghiệp và tâm,⁹⁸ không dám chấp nhận sự thật vô ngã tuyệt đối, sự tuyệt đối do duyên sinh của thế giới hữu vi, họ cơ giới hóa tâm linh, dựng lên cái ngã atman tinh vi. Do không tin vào năng lực truyền nghiệp lực của dòng tâm sinh diệt, họ ảo tưởng có cái kho alaya thức và hạt giống sinh diệt kiểu "*Sát-na diệt, quả câu hữu*" để công đức và nghiệp báo không bị rơi mất.⁹⁹

Tuy mang tiếng là "*Duy Thức*" nhưng thực chất là họ xem ý thức tồn tại và vận động như vật chất, không vô hình, trừu tượng theo đúng bản chất ý thức. Họ dùng mô hình hạt giống, cái kho kiểu vật chất với quy luật của thực vật thay cho các *quy luật vô hình, trừu tượng của tâm, nghiệp lực*. Điều đó dễ hình dung nhưng sai về bản chất vấn đề. Thay vì hiểu và chấp nhận năng lực của tâm và nghiệp, sức mạnh Duyên hệ-nơi mà cái này diệt đi làm duyên cho cái kia sinh mà không cần "*vật mang*", thì họ dựng lên mô hình *cơ giới, thực vật* có kho, có hạt giống, có sự vận chuyển như vật chất. Họ hành xử với thức như các thực thể vật lý hữu hình. Họ làm alaya thức như đại ngã, hạt giống như tiểu ngã trong đó ***không có hạt giống thì alaya là vô dụng không thể là "gốc rễ"***.

⁹⁸ "Nếu không có thức trì chủng (thức giữ hạt giống), thì khi lìa đời sống này sang đời sống khác, các công đức và nghiệp báo sẽ tản mát, không ai thọ lãnh." (Thành Duy Thức Luận - Quyển 4).

⁹⁹ Hạt giống vừa sinh là diệt ngay, nhưng lực hữu vi của nó đủ để dẫn sinh hạt giống tiếp theo, cái trước phổ thác cho cái sau liên tục. (TDTL - Q.2)

Phật dạy có 6 loại thức là *nhãn/nhĩ/tỷ/thiệt/thân/ý* thức. Tất cả đều *do duyên sinh*, **tùy sắc căn và duyên** mà có thức.¹⁰⁰ Không hề có cái **alaya thức vô duyên tự hữu**. Đưa Alaya thức hữu vi tự chế của thời mật pháp lên làm gốc rễ vạn pháp là theo nhất nguyên luận, phi duyên sinh, phi Phật Pháp. Họ biến tiến trình duyên sinh thành có thực thể nền làm chủ. Để tránh bị coi là ngoại đạo, họ nói alaya thức là *vô thủy*,¹⁰¹ *hữu vi do duyên sinh*,¹⁰² duyên đó là "*Chủng tử sinh Hiện hành, Hiện hành huân Chủng tử*". Thực chất, đó chỉ là giải thích về nội dung chứa của alaya chứ không giải thích nguồn gốc "*Cái Kho*" (*Alaya thức*). Sự tồn tại từ vô thủy của alaya thức không chứng tỏ nó là do duyên sinh. Trong duyên khởi thì không thể có sự tự duyên sinh chính mình. Vì quá khứ không phải là hiện tại nên nhân là nhân, quả là quả, nhân không phải là quả nên mới có liên hệ duyên sinh ra quả. Hai thứ khác nhau có liên hệ không có nghĩa chúng là một. Sữa không phải là bơ nên mới có liên hệ duyên sinh ra bơ. Có sữa thì mới có bơ, không có sữa thì không có bơ.

¹⁰⁰ *Này các Tỷ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các mùi, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. (M.38)*

¹⁰¹ *Thức A-lại-da từ thời vô thủy đến nay, tính chất của pháp ấy vốn dĩ đã có sẵn như vậy. (Thành Duy Thức Luận (Quyển 2))*

¹⁰² *Thức A-lại-da chỉ là hữu vi, không phải tính vô vi. Vì nó luôn trôi chảy (hằng chuyển) và có sinh có diệt (Thành Duy Thức Luận (Quyển 3))*

Vì Niết-bàn là xứ vô vi,⁸⁶ vô duyên, không sinh từ hạt giống, cái kho, không nương tựa/ràng buộc, tác động bởi pháp nào, *không phải bản thể, thực tính, thuộc tính, trạng thái* của pháp hữu vi nên không thể có alaya thức hữu vi là gốc rễ của Niết-bàn vô vi. Hô có cái là gốc rễ của vạn pháp là phi pháp.

"Gốc rễ của vạn pháp" là ý nghĩa của đại ngã. Nếu là gốc thì nó ngoài duyên khởi. Nếu trong Duyên khởi thì không thể có gốc. Chúng sinh có thể đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn không có nghĩa Niết-bàn có sẵn nơi chúng sinh/Alaya hay Niết-bàn nương vào tâm. Tâm Đạo-Quả giác ngộ Niết-bàn không có nghĩa có cái gốc sinh Niết-bàn. Họ không biết sự hiện hữu có trước sự nhận biết. Ánh sáng giúp thấy vàng nhưng vàng tồn tại mà không cần ánh sáng. Không biết $1+1=2$ chỉ có nghĩa là dốt chứ không có nghĩa $1+1\neq 2$.

Nếu Alaya thức do các duyên khác sinh thì nó là "quả", không thể là "gốc" sinh vạn pháp, "*vạn pháp duy thức*" sụp đổ.

Nếu Alaya thức tự nó có sẵn thì nó là Đấng Sáng Thế / Đại Ngã vi phạm quy luật hữu vi duyên sinh của đạo Phật.

Nếu alaya thức là vô vi thì nó không thể chứa chủng tử. Nếu nó là hữu vi thì nó phải diệt. Nếu nó diệt thì không thể chứa hạt giống gì. Họ phi pháp muốn nó vừa là hữu vi để chứa nghiệp, vừa vô vi để làm bản thể vĩnh hằng.

Thực chất, họ cho alaya thức *vị thế đại ngã* với năng biến - chủ động.¹⁰³ Khi bị nói alaya thức như đại ngã tạo thế giới

¹⁰³ *Vạn pháp là cái bị thức biến hiện ra (Thành Duy Thức Luận)*

thì họ lại nói alaya thức là vô ký, thụ động.¹⁰⁴ Thật ra, nếu thật sự thụ động thì không có "*vạn pháp duy thức*" mà chỉ có "*vạn pháp duy nghiệp/duyên sinh*" hay "*vạn pháp duy chủng tử*".

Họ còn có cái gọi là *Chủng tử (hạt giống) bản hữu*¹⁰⁵ có sự vô lý là *hữu vi* nhưng *vô duyên tự hữu*, vốn có sẵn (như *atman*).

Bốn Thánh Đế mà Phật giác ngộ là gồm cả pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Vì thức chỉ là 1 trong 5 uẩn thuộc hiệp thể ***hữu vi*** do duyên sinh nên alaya thức, "*gốc rễ của vạn pháp*" là hý luận nhất nguyên *phủ nhận* duyên sinh, Niết-bàn vô vi.⁸⁶

Thời đức Phật từng có một Tỷ-kheo có tà kiến, ảo tưởng có thức vô duyên tự hữu.¹⁰⁶ Do đó, Phật nhắc lại thức là do duyên sinh và gọi vị ấy là "*xuyên tạc*", "*tự chấp thủ sai lạc*".¹⁰⁷

¹⁰⁴ "A-lại-da thức là Vô ký, tánh chất của nó là thụ động, chỉ duy trì hạt giống mà không có tác ý tạo tác." (Thành Duy Thức Luận)

¹⁰⁵ Từ vô thủy đến nay, hạt giống vốn có sẵn... nhưng tính chất của hạt giống chỉ là hữu vi, không phải tính vô vi. (Thành Duy Thức Luận - Quyển 2)

¹⁰⁶ - Nay Sati, **có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau:** "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì **thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác**"?

- Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì **thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác**.

- Nay Sati, thế nào là thức ấy?

- Bạch Thế Tôn, **chính thức ấy nói cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.** (M.38)

¹⁰⁷ - Nay **kẻ mê mờ** kia, vì ai mà ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Nay **kẻ mê mờ** kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là **thức do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi?** Và nay **kẻ mê mờ** kia, **không những ông xuyên tạc Ta, vì ông đã tự chấp thủ sai lạc, ông còn tự phá hoại ông và tạo nên nhiều tổn đức.** Nay **kẻ mê mờ** kia, và **như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho ông.** (M.38)

“*Vạn pháp duy thức*” khẳng định sắc là hình ảnh do thức biến ra. Tuy vậy, khi lý giải người mù không có nhãn thức do mất “*tịnh sắc căn*”, Duy Thức Tông đã tự mâu thuẫn. Nếu tịnh sắc căn chỉ là “*hình ảnh*” do thức biến ra, vậy tại sao khi “*hình ảnh*” đó mất thì “*chủ thể thức*” cũng mất theo? Việc thức phải nương vào “*hình ảnh*” tịnh sắc căn để sinh lên đã phủ nhận “*vạn pháp duy thức*”. Việc alaya bất lực không thể tái tạo sắc đã mất chứng tỏ sắc có *quy luật duyên sinh riêng*, không thể có cái gọi là “*vạn pháp duy thức*”. Thật ra, duyên hệ *Vật Tiền Sanh Duyên*, xác định thức phải nương vào sắc căn có trước, đã hạ bệ vai trò độc tôn của thức. Coi “*sắc căn là hình ảnh của thức*” là đảo lộn trật tự nhân quả. Không thấy mặt trời không có nghĩa là không có mặt trời. Bằng sự ngủ, họ bác bỏ mọi sự thật khách quan. Khi nghiệp quyết định sự phát sinh danh-sắc theo lộ trình duyên khởi, khái niệm về alaya thức làm bản thể nền trở thành hý luận sai trái. “*Alaya thức*” chỉ là cái tên được dựng lên để bám víu ý niệm bản thể khi thế giới vận hành theo duyên. Nói Alaya biến ra vạn pháp như nói Phạm Thiên tạo ra thế giới, *chỉ đổi tên gọi*.

Duy thức tông đã chế ra hệ thống *siêu hình học* công kênh để tránh nỗi sợ sự tan biến. Họ gọi đó là Duy Thức, nhưng thực chất đó là vật chất hóa tâm và nghiệp. Họ có *alaya thức* là cái ngã atman, có Đấng Sáng Thế được đúc bằng thức.

Toàn bộ hệ thống Duy Thức đồ sộ hàng vạn trang luận, chỉ là nỗ lực tuyệt vọng xây “*tòa lâu đài trên cát*” khi cái nền của nó, alaya thức, vốn dĩ chỉ là hý luận vô căn cứ.

Alaya thức chỉ là cái “*móc treo*” để họ treo lên đó ý niệm về bản thể, thượng đế và linh hồn dưới cái tên mới. Khi cái móc treo đó bị gãy vì vô căn cứ, thì toàn hệ thống “*Vạn pháp duy thức*” biến thành chồng giấy lộn không hơn không kém.

Duy thức tông cổ “*vật chất hóa*” cái không thể vật chất hóa và “*ngã hóa*” thế giới vốn là vô ngã. Đó là một bi kịch của sự si ám khi cố dùng hý luận ngôn ngữ để đảo lộn thực tại.

Nhiều hành giả Duy Thức đã bị lạc vào thế giới của các khái niệm, tưởng rằng mình đang khám phá vũ trụ nhưng thực chất chỉ đang khám phá cái Ngã vi tế mà họ tự vẽ ra.

“*Vạn pháp duy thức*” cho con người ảo tưởng quyền năng rằng họ có thể xoay chuyển cả vũ trụ chỉ bằng cách thay đổi tâm thức mình.

Họ biến con đường giác ngộ, xả ly các uẩn của đạo Phật thành con đường tu sửa Alaya thức. Họ muốn “*tu sửa*” Alaya thức thành Đại viên cảnh trí để có thể còn hiện thân độ đời. Họ dùng từ bi để lấp liếm logic. Họ lấy lòng trắc ẩn làm bình phong cho sự tham ái đối với sự tồn tại. Điều đó chỉ là ảo tưởng khi thực tế Phật và các vị Đại Đệ tử đều đã diệt độ, không còn hiện hữu để độ ai.

Hệ thống Duy Thức vẫn tồn tại và được tôn sùng đến ngày nay là vì nó cung cấp “*liều thuốc an thần triết học*” tốt cho những ai khao khát sự tồn tại vĩnh hằng của cái Tôi. Đức Phật dạy làm Chết cái Tôi để đạt bất tử. Trái lại, họ dạy cách đạt bất tử bằng tà kiến. Thực chất, họ độ tín đồ đi tới quả khổ vì gây nghiệp tà kiến chấp đại ngã như ngoại đạo.

Không phải vô cố mà chúng sinh chìm đắm trong khổ sinh tử luân hồi. Chính bản năng tham hiện hữu khiến họ không dứt khỏi luân hồi. Do đó, tôn giáo nào đề cao tham ái hiện hữu, vẽ thiên đàng vĩnh hằng hay có đại ngã hằng hữu thì sẽ được phần đông con người mê chọn. Trái lại, tôn giáo hướng đến ly tham, chấm dứt khổ luân hồi thì được ít người chấp nhận. Đó là lẽ tự nhiên. Vì Phật nói rõ Chánh Pháp là *“Đi ngược dòng, thâm diệu”* (M.85) nên đạo Phật là chỉ dành cho số ít, không phải cho số đông. Số Phật tử tự nhận ít hơn tít đồ các tôn giáo khác, và chân đệ tử thì lại càng ít hơn.

Và Phật đã chỉ rõ hầu hết thế gian chấp ngã và rơi vào hai cực đoan là *“có”* và *“không có”*, tức *thường kiến* và *đoạn kiến*.⁷⁵ Vì giác ngộ tiến trình 12 duyên sinh tạo nên vòng luân hồi (*bỏ không có*) lẫn tiến trình chấm dứt sự sinh lên 5 uẩn mới (*bỏ có*) nên đạo Phật là trung đạo, xa lìa ngã và hai cực đoan. Hiểu rõ duyên sinh luân hồi là thoát chấp ngã và hư vô. Không thể vì tránh hư vô mà cần phương tiện là chấp ngã.

Năm uẩn là do duyên sinh, gồm sắc thọ tưởng hành thức theo 11 loại (quá khứ, hiện tại, vị lai...), do duyên mà có tịnh và uế. Với năng lực tâm thiền minh sát, hành giả thấy biết và quán 5 uẩn sinh diệt trong sát-na là *vô thường khổ vô ngã*, từ đó ***viên mãn dần trí ly tham, phát sinh Tuệ Đạo*** đoạn tận vô minh, tham ái, có *tiến trình duyên diệt* chấm dứt luân hồi. Đó chỉ là các tiến trình duyên sinh, duyên diệt. Có duyên tu thì có duyên chứng, không hề có cái ngã tự tại nào đưa tới vô vi, không cần có tà kiến chấp có ngã đảm bảo sự chứng.

Mọi tông phái không nhận có sự diệt độ, *kể cả Trung quán*. Vì chấp thủ hệ quy chiếu tự tánh ảo tưởng nên Long Thọ hô “không” và đánh đồng tất cả, bất kể luân hồi và Niết-bàn.⁸⁸ Nó không biết Niết-bàn vô vi vô duyên bất biến khác luân hồi. Vì chấp tự tánh là có, nó có thể giới quan đảo lộn có/không.

Vì chấp ngã, tham hiện hữu mà họ **chấp có ngã/tự tánh** bất biến **nằm sau pháp hữu vi** làm chủ sự tồn tại / vận động nhưng lại bác bỏ sự diệt độ, Niết-bàn vô vi, **vô ngã**, bất động, **vô duyên**, **nằm ngoài sự hiện hữu 5 uẩn hữu vi duyên sinh**, **không liên can Niết-bàn Đại thừa, tự tánh lẫn tánh không**.

Đạo Phật xác định “tất cả pháp vô ngã” với ý nghĩa là tất cả pháp không có quyền làm chủ sự tồn tại. Vì y cứ thực tại, không dùng ngã/tự tánh làm *tiêu chí* xác định sự tồn tại nên đạo Phật chỉ rõ có 5 uẩn hữu vi do duyên sinh, có Niết-bàn vô vi, vô ngã, ngoài 5 uẩn, không do duyên sinh. Vì vô ngã nên 5 uẩn và Niết bàn không gây ra thường kiến/đoạn kiến.

Với “chân đế” dùng hệ quy chiếu là tự tánh - thứ bất biến đằng sau sự hiện hữu - *thứ không tồn tại* - làm cơ sở xác định sự tồn tại và khác biệt, Long Thọ tự đặt luật, bác bỏ hiện hữu, coi tất cả là “không”, đều như nhau, *kể cả thiện-ác*. Thay vì coi *thứ tồn tại do duyên sinh* là “có” như đạo Phật thì chân đế đó coi thứ do duyên sinh là “không”⁸⁴ vì *duyên sinh là vô tự tánh*. Với đạo Phật, *vô thường khổ vô ngã* có cả ở chân đế và tục đế, cá nhân là khái niệm quy ước cho 1 tập hợp 5 uẩn. Trái lại, chân đế chấp tự tánh của nó phủ định tục đế. Nó dùng hệ quy chiếu ảo tưởng bác bỏ sự tồn tại, khác biệt trong tục đế.

Nó ưa nguy biến *đổi hệ quy chiếu*, để này để nọ, khi bị bắt lỗi.

Ngược với đạo Phật và Trung Quán Tông, Như Lai Tạng chấp ngã và coi đó là phương tiện thu hút người mê ngã, sợ vô ngã, vô tự tánh. Đó là hệ tư tưởng chấp ngã, đặt tên mới cho ngã. Nó có nghĩa là “*bào thai*”/“*kho chứa*” Như Lai.¹⁰⁸ Nó được sử dụng bởi nhiều tông phái. Đó chỉ là phương tiện thiện xảo trong tà kiến chấp ngã, rời xa sự thật, ***gây nghiệp tà kiến đưa tới quả khổ***, không đưa đến giải thoát, độ sinh.

Hệ tư tưởng Như Lai Tạng không xuất hiện “*nguyên khởi*” ngay từ đầu mà là một quá trình bồi đắp lớp lang. Phần đầu đưa ra ý tưởng tà kiến có nhiều lỗi, phần sau vá các lỗi đó, đồng thời sáp nhập thêm hệ tư tưởng khác để né chỉ trích, tăng “*độ uy tín*” nhưng thực tế là ***tạo nhiều mâu thuẫn hơn***.

Giai đoạn 1 là những “*viên gạch*” sơ khởi (thế kỷ III - IV). Ở giai đoạn này, các kinh dừng lại ở mức độ ẩn dụ và hứa hẹn, chưa đi sâu vào lý luận phức tạp mà tập trung vào gieo rắc niềm tin. Lúc này nó vẫn còn tách biệt với Tánh Không. Trong đó Kinh Như Lai Tạng là bộ kinh đặt nền móng. Nó đưa ra những ví dụ như vàng trong bùn,... để khẳng định “*có báu vật bên trong*”. Kinh Bất Tăng Bất Giảm khẳng định cái “*bản thể*” đó không thay đổi, dù có luân hồi vô số kiếp.

Giai đoạn 2 xây dựng “*Pháo đài*” triết học (thế kỷ IV - V). Khi bị các tông phái khác (như Trung Quán) tấn công về mặt “*vô tự tánh*”, thì nó bổ sung các kinh có tính biện luận hơn.

¹⁰⁸ “Ngã chính là nghĩa của Như Lai Tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đó chính là nghĩa của Ngã. Cái Ngã ấy từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não che lấp, cho nên chúng sinh không thấy được.” (Đại Bát Niết Bàn-Đại thừa)

Kinh Thắng Man đưa ra khái niệm "*Không*" và "*Bất Không*". Nó nói Như Lai Tạng là "*Không*" (*trống rỗng phiền não*) nhưng có "*Bất Không*" (*đầy đủ công đức*). Và Kinh Đại Bát Niết Bàn (bản mặt pháp) là bước ngoặt lớn nhất. Kinh này trực tiếp tuyên bố Niết-bàn là *thường - lạc - ngã - tịnh*. Nó chính thức biến đạo Phật thành tôn giáo chấp nhận cái "*Ngã*" vĩnh cửu.

Giai đoạn 3 là một sự "*sáp nhập*" lớn (thế kỷ V trở đi). Đến giai đoạn này, để vá lỗi, Như Lai Tạng *nuốt hệ tư tưởng khác, tạo ra hệ thống tự mâu thuẫn*. Họ nuốt Trung Quán bằng chữ "*không*" bị đổi ruột. Kinh Lăng Già coi *cốt lõi alaya thức hữu vi* là Như Lai Tạng vô vi. Họ dùng chân để ảo tưởng để xóa sự mâu thuẫn, gọi sự chấp vá cơ học những thứ mâu thuẫn là "*viên dung*". Lăng Nghiêm và Viên Giác, thứ kinh "*đỉnh cao*" được sáng tác ở Tàu, biến Như Lai Tạng thành "*Tánh Biết*" hằng hữu, sáng suốt, toàn năng như đại ngã của ngoại đạo.

Việc thêm kinh trong hệ thống Như Lai Tạng thực chất là nỗ lực "*vá lỗi*". Để vá lỗi Như Lai Tạng toàn năng mà lại dễ bị khổ phiền não bất tịnh, họ chế ra kinh Thắng Man nói về "*phiền não khách trần*". Để đánh trống lảng cho việc chấp có cái ngã hằng hữu nhưng vẫn nhận là đạo Phật, họ chế ra *Kinh Lăng Già*, biến cái ngã đó thành *tánh không* và *tâm thức* cho có vẻ triết học. Để vá lỗi "*thực hành*" nếu vốn là Phật thì tu làm gì, họ tạo thêm kinh về thiền và đốn ngộ để biến việc tu hành thành trò "*nhận ra bản lai diện mục*", thấy là xong nhưng si mạn tăng. Thật ra, các bản vá đó chỉ lẩn tránh sự chỉ trích, tạo ra lỗi mới, có sự học và hành trái lời Phật dạy.

Do giác ngộ Niết-bàn vô vi không bị chi phối bởi pháp hữu vi, lần giác ngộ pháp thế gian hữu vi tồn tại vô thường do duyên nên đạo Phật *bác bỏ thứ ảo tưởng như ngã, tiểu ngã, đại ngã, tự tánh, bản thể*, những thứ thường hằng, bất biến **đằng sau thế giới hữu vi**. Tuy vậy, kinh Đại Bát Niết-bàn (bản *mạt pháp*) nói có cái bản thể Phật tính *thường lạc ngã tịnh*.¹⁰⁹

Tuy Phật giác ngộ thế gian 5 uẩn là *Sự Thật Cao Thượng về Khổ*, vô minh, tham ái là *Sự Thật Cao Thượng về Nguồn Gốc của Khổ* nhưng kinh thời mạt pháp có thứ "đế" riêng, tùy lúc mà coi đó là thật hay huyễn, thứ "huyễn" che lấp "Phật tánh". Thực chất, huyễn hóa thật và thật hóa huyễn đều là tà kiến.

Việc "*sáng tạo*" ra khái niệm Phật tánh là một chiến lược thích nghi sinh tồn về mọi mặt chính trị, tôn giáo, tâm lý đám đông và sự thu hút tín đồ. Vì con người luôn *khao khát, bám víu sự hiện hữu* nên để có tín đồ, hệ thống Như Lai Tạng đã tạo ra cái ngã dưới tên gọi "*Phật tánh*". Đó là sự đầu hàng tà kiến chấp ngã để đổi lấy sự tồn tại và mở rộng tổ chức. Họ "*thổi*" ngã kiến vào tông phái, biến nó thành tôn giáo chấp ngã, để người vốn mê đắm tư tưởng hữu ngã gia nhập. Hơn nữa, cái ngã "*Phật tánh*" như "*liều thuốc an thần*" thu hút tín đồ sợ tính không, sợ sự phủ nhận hiện hữu của hệ thống Bát Nhã và Trung Quán. Thay vì bảo "*thế gian là vô tự tính*", họ nói "*tất cả đều có ngã Phật tánh*". Từ đó, họ có thêm tín đồ, khiến tín đồ thấy "*có cái để đạt được*", "*có kho báu để tìm về*".

¹⁰⁹ Người dứt sạch phiền não vừa **thấy rõ Phật tánh**, đây được gọi Đại Niết bàn. Đại Niết bàn đầy đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. (Đại Bát Niết Bàn-Đại thừa)

Việc ý nghĩa Phật tánh nói: "*Bạn vốn đã là Phật rồi, chỉ cần nhận ra thôi*" đã biến lộ trình tu tập ly khai phiền não thành "*nhìn ra*". Nó thu hút số đông người ưa làm ít, hưởng nhiều, không tu mà chứng. Nó khiến tín đồ tăng vọt vì ai cũng mê nghe mình có sẵn viên ngọc hơn là nghe mình đầy ô nhiễm cần khổ công tẩy rửa, đoạn trừ kiết sử theo lộ trình Đạo Đức.

Phật tánh tạo sự "*bình đẳng bản thể*" có sức mạnh gắn kết: "*Mọi chúng sinh có cùng một bản thể*". Nó tạo niềm tin về một "*bản thể chung*", xóa bỏ trí/ngu, được số đông ít trí ưa thích.

Cái giá cho sự "*thành công*" về số lượng tín đồ chính là việc khiến họ thay vì đoạn trừ ngã kiến thì lại quay sang vuốt ve cái "*Tôi vĩ đại*" tên là Phật tánh như đại ngã bàlamôn.

Ví như việc dựng lên nhân vật Tôn Ngộ Không gây ra nhiều sự mâu thuẫn, trái với thực tế, cũng vậy, việc tạo ra cái ngã "*Phật tánh*" gây ra nhiều sự phi lý, sự tự mâu thuẫn.

Hệ thống Như Lai Tạng theo Nhất nguyên luận Bản thể. Họ cho rằng có một thực tại ***tối hậu, duy nhất, thanh tịnh, bất biến sáng suốt tự tại vô vi diệu dụng*** đứng sau mọi pháp. Thực tại đó có nhiều tên gọi: *Phật tánh, Chân như, Diệu minh chân tâm, Tánh Biết, Bản lai diện mục*.¹¹⁰ Vạn pháp (từ viên đá cho đến vị Phật) đều là sự hiển lộ của cái "*Nhất nguyên*" này. "*Vạn pháp đồng nhất thể*" đó là sự đối nghịch với Duyên sinh.

¹¹⁰ Cái tánh thấy sáng suốt ấy vốn là Diệu Minh Chân Tâm, chẳng phải mắt, chẳng phải tâm vọng tưởng, nó hằng thường sáng suốt và bất động (Lăng Nghiêm). Tánh Viên Giác sáng suốt thanh tịnh ấy, hằng biết rõ ràng tất cả sự huyền hóa (Kinh Viên Giác). Ngã tức là nghĩa Tự Tại. (Đại Bát Niết Bàn). Phật tánh chính là Như Lai, Như Lai chính là Vô vi. (Đại Bát Niết Bàn)

Tính chất Phật tánh giống như Thượng Đế có **nhân cách hữu tri chủ động** trong các tôn giáo độc thần. Điều đó dẫn tới những điều vô lý và đẽ vớ lố, họ tạo ra sự vô lý mới. Thay vì hiểu mọi sự vận động đều do duyên sinh thì họ ảo tưởng có ngã Phật tánh vô vi có nhân cách là tự tại, sáng suốt, có lòng từ bi,¹¹¹ nguyện lực, là gốc rễ vạn pháp, mọi sự vận động.

Thật ra, vì có phiền não bất tịnh, không thể tùy ý quét bỏ phiền não nên Phật tánh không thể là ngã thanh tịnh tự tại, sáng suốt, diệu dụng. Nếu tự tại sáng suốt thì không thể bị phiền não tác động, có thể tùy ý ngộ Phật tánh. Nếu vô vi thì không thể gây tác động / bị tác động bởi cái gì. Nếu có sự vận động, tự tại thì đó là hữu vi, không phải vô vi, bất biến. Nếu có ngã tự tại thì không thể còn sự vận động do duyên.

Họ miêu tả và vá lố Phật tánh bằng *các tỷ dụ*. Vì bản chất Phật tánh là những sự tự mâu thuẫn nên các tỷ dụ luôn bất tương ứng, có sự vô lý, mâu thuẫn. Họ thường dùng vật chất vô tri thụ động để so với Phật tánh có nhân cách chủ động. Khi dùng tỷ dụ liên hệ đến có nhân cách thì Phật tánh từ bi sáng suốt lại tạo trò ngu ngốc là gây khổ đau rồi đi cứu độ. Khi dùng tỷ dụ “*bất giác*”, uống rượu, dễ bị say/mê, ảo giác, quên đường, bị bệnh, thì lại bị lố Phật tánh không tự tại, sáng suốt. Họ chả thể giải thích hợp lý nguồn gốc phiền não bất kể phiền não ở trong hay ngoài, là huyền hay vô thủy trong hoàn cảnh nhất nguyên, Phật tánh là sáng suốt tự tại.

¹¹¹ Như Lai tạng **có lòng Đại Bi**, có thể khởi ra diệu dụng cứu độ chúng sinh (*Kinh Thắng Man*)

Họ luôn tự mâu thuẫn, ***tái định nghĩa phi lý các ngôn từ*** để khi bị bắt lỗi thì đổi chiều. Như mặt và gáy, proton và hư vô không cùng tọa độ, sự tự mâu thuẫn không thể cùng tồn tại.

Vì Phật tánh là bản thể thanh tịnh, bất biến, có khả năng dụng màu nhiệm, sáng suốt nên khi cái "*Dụng*" (*hành động*) bị phiền não làm cho sai lạc, độc ác, si mê, thì về mặt logic, cái "*Thể*" không thể là thanh tịnh tự tại. Họ lý giải bằng tỷ dụ "*Ví như mặt trời bị mây che, ánh sáng không mất đi*". Ở đây, dù ánh sáng không mất đi nhưng nó là vô dụng. "*Diệu dụng*" mà không có tác dụng cứu độ, lại để thế gian khổ thì cái "*Dụng*" đó là tai hại. Cái "*Dụng*" tai hại không thể là màu nhiệm và cái "*Thể*" sinh ra nó không thể thanh tịnh, sáng suốt, tự tại.

Nếu nói *phiền não do duyên sinh* thì Như Lai Tạng sụp đổ. Vì khi đó duyên gây che lấp Phật tánh, bác bỏ nhất nguyên.

Vì Phật tính có "*vô lượng thân lực*", "*không thể phá hoại*" nên việc nó bị phiền não, thứ bị coi là giả tạm, che lấp là phi lý. Họ nói đây là "*cảnh giới không thể nghĩ bàn*" nhưng thực chất đó là né giải thích tại sao một thứ "*tự tại*" lại bị "*chướng ngại*".

Khi các khái niệm tự mâu thuẫn, Phật tánh thanh tịnh nhưng lại bị nhiễm ô, họ nói đó là cảnh giới của bậc Thánh, phàm phu không hiểu nổi. Đây là sự thủ tiêu phản biện. Nếu hệ thống giáo lý không thể giải thích được bằng logic mà lại yêu cầu tin những điều mâu thuẫn thì đó là đòi hỏi lòng tin, mù quáng. Phật dùng điều "*không thể nghĩ bàn*" cho thứ có thật nhưng quá phức tạp (*như quả của nghiệp*). Phật không cho sự giả dối / sự tự mâu thuẫn tồn tại trong giáo lý.

Trong hệ thống nhất nguyên không thể tồn tại khái niệm "Bên ngoài". Nếu Chân tâm là thực tại *duy nhất* thì phiền não từ đâu ra? Khi họ nói phiền não là "*Khách*" để bảo vệ sự "*thanh tịnh*" của bản thể thì như vậy **phá hủy tính "Độc nhất"** của nó, *thừa nhận có cái bên ngoài không thuộc về Chân tâm*. Điều ấy bác bỏ "*vạn pháp duy tâm*", biến nó thành *nhị nguyên*.

Phật tánh có trước hay phiền não có trước? Nếu họ nói "*Phiền não và Phật tánh cùng tồn tại vô khởi thủy*" thì Phật tính không còn là "*duy nhất*", không còn là "*bản thể*" và thừa nhận có 2 thể lực song hành, tức Nhị nguyên luận. Nếu phiền não không do Phật tánh tạo thì Nhất nguyên luận là phi lý. Nếu Phật tánh tạo ra phiền não thì Phật tánh là ngu si, bất tịnh.

Với câu hỏi "*Vọng tâm từ đâu sinh ra? Có phải vọng tâm là diệu dụng của chân tâm?*" thì họ thường trả lời bằng 2 thuyết: thuyết "*toàn chân khởi vọng*" và thuyết "*huyễn hóa*". Với thuyết "*vọng tâm cũng là diệu dụng của chân tâm*" thì chân tâm là thứ gây "*diệu dụng*" giết người. Điều đó chứng tỏ Chân tâm bất tịnh, chẳng liên can gì đến đoạn tận phiền não, giác ngộ Niết-bàn của bậc Arahant. Tỷ dụ bào chữa "*Vàng làm thành con dao hay cái tượng Phật thì bản chất vẫn là vàng*" của họ chỉ là tỷ dụ bất tương ứng, vàng vô tri thụ động không thể dùng để so với cái ngã Phật tánh có diệu dụng, có tính chủ động. Thuyết "*Huyễn hóa*" nói: "*Vọng tâm chỉ như bóng trong gương, như hoa đốm giữa hư không. Gương không sinh ra bóng, chỉ vì có vật đi ngang qua nên hiện bóng*". Vậy "*Vật đi ngang qua*" đó từ đâu ra? Nếu nằm ngoài Chân tâm thì đó là nhị nguyên.

Gương vô tri không thể so với ngã Chân tâm có nhân cách tự tại sáng suốt từ bi. Sáng suốt, tự tại thì không có vọng tâm.

Nếu chấp nhận Duyên sinh thì mọi chuyện rất đơn giản. Cái này có vì cái kia có. Không có cái gì là "*Bản thể*" ban đầu, không có cái gì là "*Diệu dụng*". Tịnh hay bất tịnh là do duyên.

Để không bị rơi vào Nhị nguyên, họ đưa ra lời giải thích phi logic với Thuyết Bất Giác. Họ nói: Phiền não không phải từ bên ngoài mà nó là sự *biến dạng tự thân* của bản thể vô vi do một niệm "*Bất giác*". Điều này **phá hủy tính "sáng suốt", "diệu dụng", "vô vi"** của Phật tánh. Họ đưa ra ẩn dụ Sóng và Nước: Nước là Phật tánh, Sóng là phiền não. Sóng không từ bên ngoài, Sóng là Nước bị *gió (duyên)* thổi mà thành. Ẩn dụ đó đã **thay vấn đề này bằng vấn đề khác**. Vậy "*Gió*" từ đâu ra? Nếu Gió từ Nước thì tại sao Phật tánh tự tại sáng suốt lại ngu si tạo Gió gây phiền não, rồi bày trò tu hành để quay về với Phật tánh? Nếu Gió không từ Nước thì đó là nhị nguyên.

Nếu Phật tánh vô vi thì nó là vô hành vi và vô tự tại, không thể tác động đến cái gì và không đứng đằng sau cái gì để gây "*diệu dụng*". Nếu tự tại vận động thì nó **không vô vi**.

Các ẩn dụ về "*Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*" dùng hình ảnh thiên nhiên đẹp để làm tê liệt năng lực tư duy phản biện của tín đồ, khiến họ chấp nhận "*quái thai logic*": Một thứ vừa vô vi, vừa có diệu dụng tạo ra vạn pháp hữu vi. Họ dùng sự vận động của **thứ vô tri hữu vi (vật chất)**, không vô vi nằm ngoài sự vận động nhân duyên, để chứng minh cơ chế vận hành của **cái ngã Phật tánh vô vi có nhân cách**.

Khi chẳng thể nói phiền não là từ bên trong hay bên ngoài thì họ nói "*Huyễn*". Họ nói *phiền não không có thật*, phiền não chỉ là sự mê mờ ảo giác. Vậy cái gì bị mê mờ? Nếu bị mê mờ, ngủ mê, ảo giác thì nhất nguyên Phật tánh không thể tự tại sáng suốt. Vì họ dùng đến các khái niệm tự phủ định nhau nên chúng không thể là sự thật, mà đó là một ***hệ thống phòng thủ ngôn ngữ*** để bảo vệ niềm tin về một "*Cái Tôi*".

Họ lý giải Phật tánh gây sự vô minh phiền não bằng tỷ dụ "*Nó giống như kẻ uống rượu say quên mất mình là ai*". Thật ra, nếu thanh tịnh, sáng suốt, tự tại thì nó không uống/làm ra rượu hay "*say/quên*", không có "*diệu dụng*" bị say, sát sinh, trộm cướp..., quên mình là ai, cần chúng sinh tìm lại mình. Nếu bị làm cho say, bị che lấp thì nó không tự tại, sáng suốt.

Khi bị hỏi "*Nếu vạn pháp là một thì có phải Phật tự chơi trốn tìm với chính mình?*" thì họ thừa nhận để bị khổ rồi bày trò từ bi cứu độ. Họ có khái niệm gọi là "*Du hý Tam muội*". Họ nói rằng đối với chư Phật và các đại Bồ-tát, việc lăn lộn trong sinh tử luân hồi, mang vác phiền não để cứu độ chúng sinh thực chất chỉ là một "*trò chơi vĩ đại*" (*Đại du hý*).

Họ hý luận vì Bồ-tát đã thấu hiểu "*Bất nhị*" (*bất phân biệt sinh tử và Niết-bàn*) nên các ngài không thấy khổ. Việc mượn thân xác, mượn phiền não để hiển lộ giáo pháp giống như một diễn viên đóng kịch. Trong vở kịch đó, Phật đóng vai người đi tìm, và cũng đóng luôn vai kẻ đi trốn. Sự hý luận ở thời mạt pháp này là trái ngược với phẩm chất chân thật của Như Lai lẫn sự thật là vì có khổ mà bồ-tát mới xuất gia.

Khi bị truy bằng nhận xét *"tự chơi trốn tìm thì thật vô nghĩa và phù phiếm"*, họ sẽ lập tức đổi hệ quy chiếu bằng thuyết Nhị Đế (Hai mức độ sự thật). Theo Tục đế thì họ bảo là có Phật đang chơi trò tự trốn tìm. Theo Chân đế thì họ lại nói *"Thật ra chẳng có ai trốn, chẳng có ai tìm, chẳng có Phật, cũng chẳng có phiền não!"*. Đây là nguy biện Chuyển hệ quy chiếu. Khi logic Tục đế bị bế tắc, họ nhảy lên Chân đế để xóa sổ câu hỏi. Bằng cách trả lời *"vốn dĩ không có trò chơi nào"*, họ phủ nhận cái trò chơi mà họ đã thừa nhận. Trò chơi đó là sự ngu si, bất sáng suốt của Phật tánh khi *"vạn pháp là một"*.

Họ còn đánh trống lảng trò tự trốn tìm, trò *tạo vấn đề để cung cấp giải pháp*, qua từ bi. Họ nói *"vì chúng sinh không biết mình là Phật, nên Phật phải mượn hình tướng của chúng sinh, giả vờ bị phiền não che lấp, giả vờ tu hành đắc đạo, để làm tấm gương cho chúng sinh thức tỉnh"*. Và logic này sụp đổ ở chỗ: Nếu vốn dĩ là Phật, thì *"chúng sinh vô minh"* đó từ đâu ra để Phật phải làm gương? Cuối cùng, vẫn chỉ là cái nhất nguyên *"sáng suốt"* tự lừa hại nó và tự cứu chính nó.

"Du hý tam muội" là trò Phật pháp hóa sự ngu ngốc trong thời mạt pháp. Thay vì từ bi sáng suốt tự tại làm chúng sinh tự động kiến tánh, hết phiền não, thoát khổ thì Phật tánh bày trò ngu ngốc là để chúng sinh bị phiền não khổ đau rồi mới phát nguyện cứu độ. Đó là trò *"du hý"* trong sự ngu ngốc.

Thực chất, Phật tánh giúp có tâm lý chấp ngã, có nỗ lực phi pháp, tà kiến. Nó có giá trị ảo tưởng, thỏa mãn ước mơ về *"cái tôi vĩ đại"*. Nó chẳng có năng lực như quảng cáo.

Việc Đại thừa gọi sự vận hành của phiền não và sinh tử là "trò chơi của Chân tâm" (du hý) đã tạo ra sự tê liệt về đạo đức và sự từ bi. Khi vũ trụ chỉ là sự hiển lộ của Chân tâm mê tự đùa giỡn thì khổ đau chỉ là "trò đùa", diệu dụng do Chân tâm tạo ra. Khi nghĩ mình đang "Du hý tam muội", họ có thể làm mọi điều ác như chửi mắng, uống rượu, chém mèo và coi đó là "trò chơi của sự giác ngộ", bất chấp sự tổn hại người khác. Thật ra, bậc Arahant bất động trước phiền não, không tự do làm ác, thoát quả bất thiện. "Thiền sư" Nam Tuyên giết mèo là tự tại làm ác như loài vật chứ không phải tự tại trước nghịch cảnh. Do chấp ngã và động tâm phân biệt nên nó tìm cơm bỏ phần. Lẽ ra nó phải biết "Cơ phong biện tài" xem phần như cơm. Vì chấp có ngã Phật tánh nên thay vì tu tập đoạn tận khổ phiền não luân hồi thì họ mơ "ta vốn là Phật, phiền não chỉ là ảo ảnh trong trò chơi". Thế là họ tự ru ngủ trong sự ngã mạn, tà kiến, hợp pháp hóa tội lỗi, tê liệt ý chí tu tập trong khi khổ và phiền não còn nguyên vẹn.

Rõ ràng Phật tánh là thứ ảo tưởng, tự mâu thuẫn nên cần gì ngộ nó? Nhất là sau khi "ngộ" thì còn nguyên phiền não tham sân si. Thực chất, các "thiền sư" đã "minh tâm kiến tánh" **không biết sống theo "chân lý" mà họ đã "ngộ"**. Thay vì thấy "huyễn"/"không" thì họ **động tâm phân biệt** tìm cơm bỏ phần. Thực chất, Phật tánh chỉ là thứ ảo tưởng có giá trị thỏa mãn cái tôi, thay "tôi là phàm phu" bằng "tôi có Phật tánh", thủ tiêu ý chí tu tập đoạn trừ kiết sử thân kiến, là cái neo cho hữu ái, giải tỏa nỗi sợ sự thật vô ngã, giúp tự do "diệu dụng" làm ác.

Trung Quán và Như Lai Tạng có cách riêng gây hại ý chí tu tập, đạo đức, trí tuệ. Trung Quán dựa vào vô tự tánh để đánh đồng tịnh với bất tịnh, phiền não với bồ đề, luân hồi với Niết-bàn, từ đó thủ tiêu sự tu tập. Như Lai Tạng chế ra bản thể từ hành vi/tiền trình duyên sinh: *"bản thể Phật tánh thanh tịnh là bất biến, tịnh hay cấu là chuyện của hiện tượng. Hiện tượng tịnh hay cấu không làm bản thể thanh tịnh thay đổi"*. Điều đó phủ định sự cần thiết tu tập. Tín đồ có thể thoải mái làm ác nếu họ tin cốt lõi của họ là bất biến, có tu hay không thì cũng vậy, vẫn là *"bất cấu, bất tịnh"* đối với Phật tánh.

Vì thực tại vận hành theo duyên, không theo nhất nguyên nên như Tây Du Ký, giáo lý nhất nguyên chỉ tồn tại trong hý luận và thế giới hư cấu chứ không liên hệ đến thực tại.

Vì giáo lý Đại Thừa trái ngược với thực tại nên các tín đồ của nó ưa hý luận mà không có hành động hợp với giáo lý. Họ thích bàn về Chân Như, Tánh Không,... nhưng khi gặp đối khổ thì họ lại không xem đó là diệu dụng hay là *"không"*. Lý do là vì cái *"Phật tánh thanh tịnh"* và *"Tánh Không"* đó chỉ tồn tại trong hý luận hư cấu, không có liên hệ gì tới thực tại.

Hệ tư tưởng Như Lai Tạng biến đạo Phật từ một đạo của sự thực hành thấy biết dẫn đến đoạn tận tham sân si, chuyển từ phàm sang thánh thành tôn giáo của sự hợp nhất vào bản thể vĩnh hằng. Đó là sự tự đồng hóa sang tư tưởng Bà-la-môn. Dù có mục đích độ sinh, phương tiện thiện xảo trong tà kiến sẽ đưa tới nỗ lực sai pháp gây quả khổ, càng xa sự thật, không đưa đến quả giải thoát khổ sinh tử luân hồi.

“Trí Không Phân Biệt”

“Vô phân biệt trí” thường được ca tụng là đỉnh cao của sự chứng ngộ, “vượt lên trên” các phạm trù *nhị nguyên đúng-sai, thiện-ác*,... trong cả Trung Quán Tông lẫn Như Lai Tạng.

Trung Quán tồn tại nhờ **tự mâu thuẫn, lập lờ về “không”**. Nó **lấy thứ ảo tưởng là tự tánh làm cơ sở xác định sự tồn tại**.⁸² Trái với Phật **coi duyên sinh là thật có**,⁸⁰ nó coi duyên sinh là “không”/giả danh,⁸⁴ không biết **có duyên sinh/diệt, đến/đi**... Do đó, nó có Tứ cú phủ định mọi liên hệ đến sự tồn tại. Để “dừng” “hý luận”, phân biệt, nó dùng chữ “không” thay vì nói là *duyên sinh/vô tự tánh*. Thực chất đó là dẫn đến **hư vô kiến**. Khi cần ăn mặc/bị chỉ lỗi *hư vô kiến* thì nó mới hô “không” là *duyên sinh/vô tự tánh*. Vì chấp tự tánh nên nó “vô phân biệt”, thấy *luân hồi chẳng khác Niết-bàn*.⁸⁸ Ai coi tồn tại do duyên là “không”/giả danh thì sẽ “vô phân biệt”, thấy phần chả khác cơm. Như thuốc độc “trí” bệnh, “tánh không” giúp gây tà kiến. “Không” là sự hý luận, chả ai ăn bằng “không”/tên gọi giả danh.

Như Lai Tạng cần nó để bảo vệ “*nhất nguyên bản thể luận*”. Hệ thống này tuyên bố vũ trụ chỉ là một Chân tâm duy nhất biến hiện. Nếu có sự phân biệt giữa chánh và tà, tịnh và uế, thì cái Chân tâm toàn năng sẽ bị sút mẻ. Họ buộc phải nói “*Phiền não tức Bồ-đề*” và đòi cần thứ **trí bất phân biệt** để gom mọi hiện tượng vào trong một bản thể sáng suốt thanh tịnh.

Để biện hộ cho thực tế phải động tâm phân biệt tìm cơm bỏ phần, họ có **ngụy biện tiêu chuẩn kép**. Trung Quán dùng tiêu chuẩn kép là “*nhị đế*”, còn Như Lai Tạng có “*hậu đắc trí*”.

Thật ra, càng có trí tuệ thì càng có nhiều sự phân biệt, sự vận động của ý thức. Nhờ trí phân biệt mà con người hơn loài vật. Không thể đạt được sự thật bằng **ngụy biện lập lờ, tự mâu thuẫn, lẫn lộn giữa “không” với “không có tự tánh”**.

Bậc đại trí thì càng có nhiều sự phân biệt chi tiết sâu sắc. Chính nhờ **Như Thật Tri Kiến**, thấy biết bản chất tốt cùng thế gian chỉ là những tập hợp 5 uẩn tồn tại và vận động do duyên sinh, nghiệp quả, thấy biết tất cả chúng là vô thường khổ vô ngã trong từng sát-na, bào mòn dần tham sân si, viên mãn dần **trí ly tham, ly hý luận, bám chấp** mà họ đạt **Giải Thoát Tri Kiến**, thoát mọi sự khổ trong sinh tử luân hồi.

Đạo Phật **phân biệt** có tâm vô thường vô ngã nhận thức, có cảnh vô thường vô ngã bị nhận thức mà không có cái tôi nhận thức hay tâm/cảnh nào là ngã. **Đó là trí phân biệt không phải “trí vô phân biệt”**. Vô ngã là không có quyền làm chủ sự tồn tại. Vô ngã không có nghĩa là bất phân biệt chủ thể và khách thể. Hợp nhất chủ thể và khách thể tồn tại do duyên để tạo ra đại ngã là hý luận ảo tưởng. Chỉ có pháp vận động do nhiều duyên mà *không có cái ngã/cái tôi* nào có quyền vận hành các pháp. Trí thấy thực tại đúng như nó là, tâm chủ thể-cảnh khách thể đều do duyên sinh, vô thường khổ vô ngã sẽ ly tham sân si, ly chấp ngã/tự tánh. Không bám chấp ngã/tự tánh *chả có nghĩa là bất phân biệt các pháp*.

Kẻ ly trí hay có sự mâu thuẫn trong lời nói và hành động. “*Chân lý*” của họ là sự hư cấu như Tây Du Ký và chỉ có thể tồn tại trong giấc mơ. Họ không thể sống đúng theo “*chân lý*”.

Sau khi "ngộ đạo", đạt "vô phân biệt trí" thì họ vẫn **động tâm phân biệt**, tìm cơm bỏ phần, phá giới vì phiền não. Họ dùng "vô phân biệt trí" để triệt hạ lý trí chứ không sống bằng "trí" ấy.

Người đời có dùng trí phân biệt cơm và phần hay không? Thủ tiêu sự phân biệt đó là trí hay mất trí? Quả thật, trái với trí phân biệt không phải là "siêu trí tuệ", mà đó là sự mất trí phân biệt – tức là trạng thái trì độn, tê liệt tri thức. Những sự mất trí nhỏ đưa tới đại tà kiến chứ không đưa đến đại trí.

Đại thừa thường hô hào phân biệt thiện - ác, chánh - tà là trò của phàm phu, những bậc ngộ đạo thì là bất phân biệt. Điều đó dẫn tới thứ bậc ngộ đạo *nhưng mù 5 uẩn, nghiệp quả* của họ có sự tương đồng với loài vật và kẻ mất trí. Loài vật và người mất trí thì bất phân biệt chánh - tà, thiện - ác.

Sau khi giác ngộ, Phật **phân biệt rõ có thiện - ác, trí - ngu** và không xem chúng là bình đẳng. Phật dạy đệ tử phải biết *phân biệt thiện-ác, trí-ngu*, phải theo thiện trí, tránh ngu ác. Phật từ bi đều nhau không có nghĩa là Phật bất phân biệt. Vì đoạn tận vô minh nên Phật không chấp có cái ngã. Mọi hành động của Phật là **duy tác**, không tạo nghiệp thiện-ác. Phật không còn tạo nghiệp thiện-ác không có nghĩa là Phật bác bỏ có thiện-ác. Vì không còn tham sân si nên Phật không có hành động, lời nói, ý nghĩ bất thiện xấu ác. Nhưng **phàm phu thì không tránh khỏi tạo nghiệp thiện - ác**.

Do đó, khi Đại thừa đòi đạt trạng thái "*không nghĩ thiện, không nghĩ ác*", xóa bỏ sự phân biệt chánh tà thì thực chất họ là ly trí, đối nghịch với Phật, đẩy tín đồ về phía ngoại đạo.

Thực tế cuộc sống đã chỉ rõ. Lừa người có trí phân biệt sắc bén thì rất khó nhưng gạt kẻ mù mờ lẫn lộn thì lại rất dễ. Không phải vô cớ mà nhiều nước có chính sách ngu dân.

Khi dạy cho tín đồ thứ triết lý: *"Đừng phân biệt đúng sai, chớ phân biệt thầy chánh hay thầy tà, đừng khởi tâm phân biệt kinh thật hay kinh giả vì tất cả đều là huyễn/giả danh"...* họ đã triệt tiêu lý trí tín đồ, **trái với điều Phật dạy dân Kālāma**.¹¹² Một khi đã tự thủ tiêu lý trí, tín đồ sẽ thành những con cừu ngoan đạo đi đến tà kiến. Dạy *"vô phân biệt trí"* là cách khiến tín đồ chấp nhận mọi sự phi pháp mâu thuẫn *thời mạt pháp*.

Thật ra, nếu không có đúng sai, chánh tà thì giết người và cứu người là *"bất nhị"* như nhau. Nếu khổ là huyễn / không, không thật có khổ đau thì họ làm bỏ-tát để làm gì? Ngã sáng suốt độ? Độ ảo ảnh? Độ bằng tà kiến? Ai giải thoát?

Thực chất, họ dùng *"vô phân biệt"* để tránh sự chất vấn về phá giới và bản thể, nhưng họ phải dùng *"từ bi phân biệt"* của thế gian để mà có tín đồ. Nếu triệt để theo *"vô phân biệt trí"* thì cả hai khái niệm *"từ bi"* lẫn *"cứu độ"* đều phải bị bỏ đi.

¹¹² - Nhưng này các Kālāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kālāmà, hãy từ bỏ chúng! (A.3.65)

- Nhưng này các Kālāmà, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kālāmà, hãy tự đạt đến và an trú! (A.3.65)

Họ đã áp dụng “*vô phân biệt trí*” vào giáo lý bằng cách đánh đồng Trí phân biệt với Tham Sân Si. Họ cho rằng vì có phân biệt nên mới có *tham (muốn lấy)* và *sân (muốn bỏ)*. Họ chẳng biết phân biệt hai trạng thái trí và si chấp là khác nhau.

Họ thật sự không biết thế gian có trí tuệ. Họ không biết thoát khỏi tham sân si bằng trí tuệ hiểu biết thực tại đúng như nó là. Trí tuệ ấy là sự vượt lên trên hai mặt tham sân đối lập nhau. Trí tuệ ấy **không tồn tại trong cùng sát-na** với tham sân si. Do không biết có con mắt trí tuệ nên họ chữa đau mắt bằng cách móc luôn con mắt. Họ không biết rằng vì **chấp ngã, phi như lý tác ý** mà người đời khởi tham với cơm và khởi sân với phần. Họ không biết sự khéo tác ý thế gian chỉ là các tập hợp 5 uẩn, mọi cái tôi, cơm, phần... đều là tồn tại do duyên sinh, vô thường khổ vô ngã sẽ làm **vắng mặt sự chấp ngã và tham sân si**. Chính **trí phân biệt** chứ không phải là “*trí vô phân biệt*” **đưa đến ly chấp ngã, ly tham sân si**. Trí tuệ ấy cũng như mọi ý niệm đều vô thường nhưng không phải là không có. Phận sự của người trí là **phân biệt tất cả đúng như nó là** để có hành xử đúng đắn.

Với cái gọi là “*vô phân biệt trí*”, họ đập bỏ sự phân biệt chánh kiến-tà kiến, không thể có Chánh Tri Kiến, chi phần đầu tiên trong Thánh Đạo Tám Ngành. Và trước khi diệt độ, Phật đã dạy nơi nào **không có Thánh Đạo Tám Ngành** thì nơi ấy **không có đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ sa-môn** (D.16). Mất trí phân biệt là thuần túy mất trí, không có trí gì.

Mật Tông

Nếu như các bộ phái thời kỳ đầu ra đời với những điểm khác biệt về giáo lý thì các tông phái ra đời thời mật pháp đối lập về mọi khía cạnh trong giáo lý, giới luật, có sự tự đồng hóa nghi lễ, sự thực hành của ngoại đạo. Điển hình về sự đối lập này là Mật Tông hay còn gọi là Kim Cương Thừa.

Mật tông xuất hiện rất trễ (khoảng thế kỷ VI - XI SCN) ở thời kỳ Phật giáo Ấn Độ suy thoái. Nó sinh tồn bằng cách tự đồng hóa, dung hợp yếu tố thần quyền và tính dục thuộc Ấn Độ giáo. Hệ thống văn bản cốt lõi của họ là *các bộ Tantra (Mật kinh)* như *Đại Nhật*, *Kim Cương Đỉnh* xuất hiện sau khi Phật diệt độ hơn 1000 năm. Để hợp thức hóa các văn bản này, các luận sư Mật tông nguy tạo bối cảnh siêu hình, tuyên bố rằng đức Phật không dùng thân người để thuyết, mà dùng “*thần lực huyền hóa*” biến hiện ở các cõi trời hoặc cung điện thần bí để truyền mật pháp cho các “*đại Bồ-tát*”.

Đạo Phật chỉ rõ vũ trụ vận hành theo quy luật *duyên sinh* (*cái này có vì cái kia có*), không hề có cái tôi nào có quyền làm chủ sự tồn tại. Hiện thực là có khổ. Sinh lão bệnh tử là những thực tế sinh học. Thế giới có tính vô ngã, vắng bóng đáng tối cao/bản thể duy nhất tạo ra và vận hành vũ trụ.

Trái lại, Mật tông theo *nhất nguyên luận*, chịu ảnh hưởng nặng nề từ hệ tư tưởng Như Lai Tạng, Mật tông xem toàn bộ vũ trụ là sự biến hiện của một Chân tâm duy nhất, đại diện là Pháp thân Đại Nhật Như Lai toàn năng. Họ đẩy triết học “*bất nhị*” (*không hai*) lên mức cực đoan để cao bằng thực tại,

tuyên bố: *"Phiền não tức Bồ-đề, sinh tử tức Niết-bàn, cấu uế và thanh tịnh là một"*. *"Bất nhị"*, *"vô phân biệt trí"* thực chất là sự trộn thực nghiệm, dẫn đến sự tê liệt về mặt lý trí phân biệt.

Đạo Phật xem Giới Luật là nền tảng của Giáo Pháp. Tội Parajika đầu tiên là *"không hành dâm"* nếu vi phạm thì phải bị trục xuất không còn là Tỷ-kheo. Đồng thời, rượu và các chất say là bị nghiêm cấm tuyệt đối.

Trái lại, Mật tông hợp thức hóa ái dục. Ở các tầng Tantra tối cao, họ đưa hành vi tính dục nam nữ vào hệ thống tu tập dưới tên gọi là *"Pháp Song Vận"*. Họ hý luận đánh lạc hướng, gọi nam là *"phương tiện thiện xảo"*, nữ là *"trí tuệ tánh không"*, và coi khoái lạc tình dục là *"Đại lạc siêu thế"*. Việc dùng rượu, có hành vi tính dục trong mật đàn là sự phá giới, đối nghịch triệt để tinh thần ly ái dục của đạo Phật.

Pháp hành của đạo Phật là Thánh Đạo Tám Ngành, tức Đạo Đế Giới Định Tuệ. Hành giả thấy biết bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường khổ vô ngã trong từng sát-na, viên mãn dần trí ly tham, chứng ngộ Niết-bàn, đoạn tận khổ luân hồi.

Trái lại, Mật tông dùng Tha lực và Thần thuật ảo giác với Tam Mật Tương Ứng: thân bất ẩn, khẩu trì chú, ý ảo tưởng. Thay vì quán chiếu thực tại, họ *"vẽ tranh trong đầu"*, tưởng ra các cung điện Mandala, các vị thần bản tôn (*Phật/bồ-tát...*) để tìm sự gia trì của tha lực. Họ sao chép nguyên vẹn hệ thống năng lượng học của Ấn Độ giáo bao gồm Luân xa, Khí mạch, luyện khí công sinh học để đạt các trạng thái hỷ lạc cơ thể, tăng trưởng tham dục, trái với việc đoạn trừ tham - sân - si.

Đạo Phật xác định rõ, để thành Phật tử thì điều đầu tiên là quy y Tam Bảo. Trước khi diệt độ, Phật nói rõ là không có mật giáo và dạy lấy Pháp và Luật làm bậc Đạo Sư, hãy nương tựa nơi chính mình, nương tựa nơi Chánh Pháp, không nương tựa một gì khác (D.16). Ngài Ānanda nói rõ cả đức Phật lẫn chư Tăng đều không chỉ định có Tỷ-kheo nào làm nơi nương tựa, chư Tăng chỉ là cần phải y chỉ Pháp.²⁶⁵

Nhưng Mật tông hạ thấp vai trò tối thượng của Tam Bảo, thần thánh hóa *thượng sư (Lạt-ma)*, một cơ sở của mật pháp. Thực tế, Lạt-ma giúp tín đồ có thêm chấp ngã, có tri kiến ngoại đạo, giới cấm thủ, xa lìa Phật Pháp, đối lập Đạo Đế, mù 5 uẩn, Niết-bàn, nhưng lại đặt mình cao hơn Phật.

Thông qua pháp tu “*Guru Yoga*”, Mật tông thiết lập một hệ thống thần quyền độc tài, coi “*thượng sư cao hơn Phật*”, quy định tín đồ dâng hiến vợ con, tài sản, thể xác, thủ tiêu lý trí để phục tùng Lạt-ma tuyệt đối. “*Mật giới*” còn xác định “*trí tuệ*” Lạt-ma là *vô thượng*, đệ tử bất kính, nghi ngờ Lạt-ma thì sẽ bị rơi vào địa ngục mà “*mười phương chư Phật*” cũng không cứu được. Họ bắt tín đồ *quán tưởng Guru là Phật sống, là đại diện của bản thể vũ trụ*. Tín đồ thay vì tu tập Đạo Đế để xả ly ngã chấp, thì họ lại bám chấp, quy lụy trước một “*đại ngã*” thượng sư. Họ phân biệt cơm-phần nhưng lại dùng “*vô phân biệt trí*” khi đòi tín đồ nghe lời mà không phân biệt đạo lý, nhị nguyên đúng-sai, thiện-ác, **trái với điều Phật dạy dân Kālāma**. Tiêu chuẩn kép ấy tạo điều kiện cho các bê bối tình dục và tài chính mang tính hệ thống trong tông phái.

Thiên Thai Tông

Nếu như các bộ phái thời đầu trái lời Phật, mâu thuẫn với các tông phái khác thì các tông phái thời sau ưa dung hợp giáo lý các tông phái khác gây sự tự mâu thuẫn, sai từ logic. Và Thiên Thai Tông là tông phái có sự nổi bật như thế.

Thực tế, Phật dạy duy nhất Tứ Thánh Đế và thời kỳ đầu chưa lập Giới Bồn thì rất nhiều vị do có nhiều paramī mà mau chứng quả, về sau có nhiều giới nhưng số vị chứng quả ít hơn.¹¹³ Để giải tỏa sự mâu thuẫn giữa các kinh ra đời thời mật pháp, Thiên Thai tông vẽ ra cái gọi là *Ngũ Thời Bát Giáo*, phân loại và xếp hạng kinh điển. Họ bảo Phật thuyết Pháp theo thời kỳ, càng về sau thì càng thuyết kinh cao hơn, với tạng A-hàm là thấp nhất còn Pháp Hoa là cao nhất. Thật ra, người đời sau thì có căn cơ thấp hơn nhưng phá giới nhiều và kinh Đại thừa đều là sáng tác ra đời sau khi Phật diệt độ.

Thực chất, đức Phật đã giác ngộ và thuyết dạy bản chất thế gian là các tập hợp 5 uẩn tồn tại và vận động do duyên. Do đó, đạo Phật bác bỏ có ngã, linh hồn, bản thể, tự tánh, đẳng sáng tạo, những thứ thường còn, không do duyên sinh nằm sau sự hiện hữu. Và giác ngộ là sự vận động của ý thức hữu tri, không phải sắc uẩn vật chất vô tri. Phật - Buddha có nghĩa là bậc Giác Ngộ thì không thể là vật chất vô tri.

¹¹³ *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn? (S.ii,223)*

Trái với Phật, Thiên Thai Tông theo bản thể luận "*Vô tình chúng sinh (gỗ đá...) đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật*". Họ tương đồng với nhánh Bất Nhị Luận (Advaita Vedanta) của Ấn Độ giáo. Trong khi Bất Nhị Luận chấp vạn pháp đều có cùng một bản thể Đại Ngã tối hậu (Brahman) trường tồn, thì Thiên Thai Tông cũng theo nhất nguyên, chấp vạn pháp đều có bản thể là Phật tánh/Chân tâm độc nhất, hằng hữu.

Thiên Thai Tông có sự tự mâu thuẫn trong cốt lõi giáo lý Tam Đế Viên Dung. Họ cho là một hiện tượng (một niệm) khởi lên thì đồng thời vừa là *Không* (vô tự tánh), vừa là *Giả* (có hiện tượng giả lập do duyên sinh), và vừa là *Trung* (bản thể Phật tánh tuyệt đối gồm cả Không và Giả). Sự "viên dung" (ba trong một) này phạm lỗi mâu thuẫn. Một thực tại không thể vừa mang bản chất là Vô tự tánh, lại vừa mang bản chất là Có bản tính hằng thường. Nếu vạn pháp vốn có bản thể thường hằng thì nó không phải là "*không*". Nếu là "*không*", nó không thể có một bản thể độc nhất có năng lực biến hiện. Họ đã tạo ra một hệ thống tự mâu thuẫn, không thể tồn tại.

Đạo Phật coi sự tồn tại vô thường, do duyên là thật có, không phải là giả dối. Đạo Phật xác định có hai loại sự thật là sự thật chân đế và tục đế. Trong đó, chân đế là bản chất của tục đế. Chân đế không trái với tục đế, cả 2 đều tồn tại do duyên, vô thường khổ vô ngã. Trái lại, Thiên Thai Tông xem sự tồn tại do duyên sinh là giả dối và chấp có 2 thứ đế mâu thuẫn nhau là "*Không Đế*" phủ định sự tồn tại và "*Trung Đế*" khẳng định tất cả đều có bản thể hằng hữu.

Người có trí thì không chấp nhận $1 = 2$ hay phân là chuỗi. Họ sẽ bác bỏ mọi lý thuyết nào đưa tới việc phải chấp nhận $1=2$, phân là chuỗi. Và Phật tử chân chính thì không bao giờ chấp nhận “*phiền não tức bồ-đề*” hay “*sinh tử tức Niết-bàn*”. Phiền não là ô nhiễm đưa tới khổ đau, không thể là bồ-đề đoạn tận phiền não. Sinh tử là hữu vi không thể đánh đồng với Niết-bàn là vô vi. Chúng đối lập nhau như ánh sáng với bóng tối, không thể cùng tồn tại trong một hoàn cảnh.

Vì chấp tự tánh là có, không biết *sự tồn tại do duyên* được Phật coi là *thật có*, không biết Phật bác bỏ cái gọi là “*bản thể*” đằng sau pháp duyên sinh nên Thiên Thai Tông chấp thủ hai hệ quy chiếu phi pháp, mâu thuẫn nhau là “*không*” và “*bản thể*”. Từ đó, họ có khẩu hiệu mang tính “*viên giáo*”: “*Phiền não tức bồ-đề, sinh tử tức Niết-bàn*”. Họ thấy “*Phiền não không khác, là một với bồ-đề; sinh tử không khác, là một với Niết-bàn*” vì tất cả đều là “*không*”, đều chung một “*bản thể*”.

Ví như kẻ ly trí nói một đằng, làm một nẻo, cũng vậy, một mặt, họ khẳng định phiền não là bồ-đề; mặt khác, họ lập ra hệ thống 25 Phương tiện tiền đề bắt hành giả phải “*Ha Ngũ Dục*” (*quở trách 5 ham muốn*) và “*Khí Ngũ Cái*” (*loại bỏ 5 pháp che lấp tâm tính*). Nếu dục vọng và che lấp vốn đã là bồ-đề thì tại sao hành giả phải từ bỏ hay tiêu diệt chúng? Thực tế, “*phiền não tức bồ-đề*” là cơ sở cho tư tưởng cho rằng họ có thể tham dục vì “*bản chất của tham dục là tính Không*”.

Do không thật quy y Pháp nên Thiên Thai tông bỏ qua Giới Luật Tỷ-kheo, đề cao Bồ Tát Giới, thứ giới ra đời ở Tàu.

Giới này đề cao "*Tâm địa*" (*chỉ cần hướng thiện, có lòng từ bi*) mà không đề cao ly tham dục sân si. Giới ấy xóa đi ranh giới lối sống giữa *Tăng* (*người xuất gia*) và *Tục* (*người tại gia*).

Thực tế, vì chấp "*Phiền não tức Bồ-đề*", không biết rằng phạm phu là còn tham sân si, cần có giới để ngăn sự nói và làm điều sai trái, không biết Phật chế giới vì 10 lợi ích cho Giáo Pháp nên Saicho - tổ sư Thiên Thai Nhật đề xuất bỏ giới đàn thọ cụ túc giới của Tỷ-kheo, thay vào đó là cho thọ Đại thừa Bồ Tát giới. Họ vứt bỏ công cụ giúp bảo vệ tăng sĩ trước tham dục sân si. Từ đó, tăng sĩ Thiên Thai tông Nhật về sau dần được phép lấy vợ sinh con, làm ăn, có tài sản giống như người tại gia nhưng vẫn mang danh hiệu "*Tăng*". Thực chất, họ chỉ là những cư sĩ mượn danh tu sĩ đạo Phật.

Đạo Phật xác định thế gian 5 uẩn vận động do các duyên, không có cái tâm thường còn, tất cả đều vô thường sinh diệt trong sát-na. Duyên sinh các tâm khác nhau là khác nhau, không cố định một duyên nào. Do đó, chỉ có tâm do nhiều duyên sinh mà không có tâm như cái kho chứa pháp giới gì.

Trong khi **mù 5 uẩn**, Thiên Thai Tông lại đưa ra hý luận "*Một niệm chứa ba ngàn pháp giới*" định lượng hóa toàn bộ cả vũ trụ và tâm thức. Họ hý luận bằng phép nhân đại số để ra con số 3000 pháp giới. Họ không đưa ra nền tảng nhân quả thực chứng nào để chứng minh một niệm của phạm phu lại đồng thời chứa đúng 3000 pháp giới, có năng lực như cái kho chứa vạn vật. Đó là sự cuồng ngôn, muốn gây ấn tượng, tỏ ra nguy hiểm của đạo vô minh, mù 5 uẩn, nghiệp quả.

Không phải vô cớ mà các tông phái mù 5 uẩn Khổ Đế, hiểu sai thế gian. Đó là kết quả của sự hiểu và hành méo mó Đạo Đế Giới Định Tuệ của *"Tiểu thừa"*. Họ thay ruột Đạo Đế, bóp méo Giới, có thứ Định *sai đề mục*, chẳng phải Chánh Định, có thứ Tuệ là suy tư ảo tưởng, chẳng thấy biết trực tiếp 5 uẩn.

Sự lừa dối không dẫn tới sự thật, sự *đoạn tận tham, diệt độ* không thể dẫn đến tham hiện hữu. Tuy vậy, kinh Pháp Hoa - nền tảng của Thiên Thai tông - lại xoay quanh mệnh đề *"Khai quyền hiển thật"* (*Mở cánh cửa phương tiện để hiển lộ chân lý cứu cánh*). Theo đó, giáo pháp Tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) chỉ là *"Quyền giáo"* (*lời dạy không thật*), chỉ Phật thừa mới là *"Thật giáo"*. Nếu *"Quyền giáo"*, bao gồm Bốn Thánh Đế, Giới - Định - Tuệ, 12 Nhân Duyên, đưa đến thanh tịnh tâm, đoạn trừ tham ái ngã chấp, là những điều không chân thật, chỉ như chuyện dụ đứa trẻ nín khóc (*như tỷ dụ nhà lửa*), thì kết quả được xây dựng dựa trên cái nền đó (Giả) không thể mang tính chân thật. Không ai có thể đi tới một cái đích có thật bằng sự hoang tưởng.

Mâu thuẫn lớn nhất của họ là chỉ xài tư tưởng viên dung trong thực tế phá giới, tham sân si. Họ bắt phân biệt, xem *phiền não tức bờ-đề* nhưng lại nói về *giới, phân biệt cớ/phần*. Họ dùng thuyết viên dung như một công cụ che đậy các hành vi phạm giới, thỏa hiệp với tham dục, danh lợi bằng hý luận: *"Tất cả chỉ là Giả đế, bản chất của nó vốn là bản thể Phật tánh/Chân tâm"*. Trong khi Phật dạy *"tất cả pháp vô ngã"* thì họ dùng viên dung để chấp có đại ngã như ngoại đạo.

Hoa Nghiêm Tông

Nếu như các tông phái hệ Như Lai tạng khác chỉ chấp "*vạn pháp đồng nhất thể*" thì Hoa Nghiêm tông có thêm "*sự sự vô ngại*", vạn pháp chứa đựng nhau, không có ngăn cách.

Họ có mô hình "*vũ trụ luận viên dung*",¹¹⁴ có thể giới quan "*Một là tất cả, tất cả là một*"¹¹⁵. Và họ đã dùng tỷ dụ "*Mạng lưới Đế Thích*", mọi viên ngọc ở mọi mắc lưới trong cung vua trời phản chiếu lẫn nhau, để miêu tả mọi thứ "*chứa đựng*" nhau. Theo cách đó, họ thấy phần trong cớ và cớ trong phần, hại người là độ người, độ người là hại người. Thực chất, họ lẫn lộn giữa ảo ảnh do ánh sáng tạo ra với vật là viên ngọc.

Ví như sự tuyệt thực, bị đâm mà không chết chỉ có trong giấc mơ, cũng vậy, hý luận của họ chỉ tồn tại trong giấc mơ.

Bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na. Như sữa duyên sinh ra bơ chứ sữa không phải là bơ, 5 uẩn sát-na trước duyên sinh ra 5 uẩn sát-na sau chứ 5 uẩn sát-na trước *không phải và không cùng tồn tại* với 5 uẩn sát-na sau. Vì 5 uẩn và các duyên sinh diệt trong sát-na nên 5 uẩn hiện tại *không chứa đựng* 5 uẩn quá khứ / 5 uẩn khác.

Tuy vậy, do có tri kiến lẫn lộn, không biết 5 uẩn và các duyên sinh diệt trong sát-na, không biết tâm do duyên sinh, tâm này không chứa tâm kia, tâm có đối tượng là cảnh chứ không phải là cảnh, họ chấp vạn pháp thường còn, mô hình

¹¹⁴ "*Trong một lỗ chân lông đều thấy rõ, tất cả pháp giới và các cõi Phật*" (Hoa Nghiêm – Phẩm Lô Xá Na)

¹¹⁵ *Hoa Nghiêm Nhất Thừa Giáo Nghĩa Phân Tê Chương - Tổ Pháp Tạng*

hóa thể gian chỉ như vật chất vô tri và có tà kiến vạn pháp chứa đựng nhau, không có ngăn cách. Họ bắt phân thật-giả. Họ **lẫn lộn ảnh do ánh sáng tạo với vật**. Họ không hiểu **thứ đã diệt thì không còn tồn tại**. Do **vứt bỏ sự sinh diệt, thời gian và không gian** nên họ chấp pháp quá khứ và mọi pháp khác đều nằm trong pháp hiện tại, không có ranh giới, hiện tượng (sự) không ngăn cách nhau, một cái chứa đựng tất cả, tất cả nằm trong một cái, “*sự sự vô ngại*”. Thật ra, một thứ là “*có*” (*hạt bụi*) thì không thể chứa một thứ là “*không có tồn tại*” (*cái chưa sinh/đã diệt*) hay thứ ở nơi khác (*như cơm...*).

Với “*lý sự vô ngại*” đồng nhất *hiện tượng (sự)* với *bản thể (lý)* và “*sự sự vô ngại*” đồng nhất mọi hiện tượng, họ dung nhiếp, hòa quyện mọi thứ.¹¹⁶ Hệ quả là họ xóa nhòa ranh giới giữa thiện và ác, giữa trí và ngu, giữa mê và ngộ. Khi mọi thứ “*viên dung*”, thì đạo đức và sự tu tập trở nên dư thừa. Họ dùng “*viên dung*” để sai Pháp, trái lời Phật dạy dân Kālāma. Tuy vậy, khi đối thì họ lại không “*viên dung*” cơm với phần.

Người có trí thì không chấp nhận $1 = 2$ hay phân là chuỗi. Họ sẽ bác bỏ mọi lý thuyết nào đưa tới việc phải chấp nhận $1 = 2$, phân là chuỗi. Thực tế, Chú giải Samantapāsādikā có giải thích rõ là ai không phân biệt được vàng với phần thì đó là người điên. Phật tử chân chính thì không chấp nhận chuyện phiền não không có ngăn cách với bồ-đề, Niết-bàn.

¹¹⁶ “*Vạn pháp đều từ tự tánh thanh tịnh tâm Chân Như mà khởi lên. Lý (bản thể) và Sự (hiện tượng) dung hợp vô ngại, vì Sự không có tự thể, toàn thể của Sự chính là Lý.*” — Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương – Tổ Pháp Tạng.

Đức Phật đã giác ngộ quy luật Duyên khởi. Đó là quy luật thực tiễn: *"cái này có vì cái kia có, cái này diệt vì cái kia diệt"*. Đó là sự vận hành của nhân duyên, có thiện, có bất thiện,... không có bản thể nào quyết định sự biểu hiện.

Tuy vậy, Hoa Nghiêm biến *"Duyên khởi"* thành *"Mạng lưới vạn vật"* mang tính bản thể luận. Họ hý luận: Vì vạn vật nương vào nhau, nên vạn vật là một. Họ lẫn lộn giữa một và một tập hợp. Thật ra, pháp hữu vi sinh diệt trong sát-na, và sự *"nương"* không thể gồm pháp không còn tồn tại hoặc chưa sinh lên. Vì tồn tại do duyên, không có cái gì có quyền quyết định sự tồn tại nên **vạn pháp** là tập hợp vô số các dòng chảy các tiến trình duyên khởi liên tục sinh diệt mà không có một cái ngã / bản thể, và chúng không thể là một.

Trong khi đạo Phật coi trọng phân biệt thiện - ác, hành Giới Định Tuệ thấy biết bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường khổ vô ngã để đoạn tận tham sân si, thì họ lại chú trọng sự *"suy tưởng về vũ trụ"*. Họ mù 5 uẩn, không hướng tới thấy biết bản chất thế gian 5 uẩn. Họ không quán chiếu bản chất khổ của thế gian mà mãi mê suy tưởng một thế giới *"trùng trùng duyên khởi"*, tưởng tượng trong mỗi hạt bụi có vô số thế giới, mỗi thế giới lại chứa đựng tất cả.¹¹⁷ Từ đó, họ tạo ra tầng lớp *"học giả Phật giáo"* ưa hý luận, mê tranh luận các tầng bậc *"Phán giáo"*, nhưng đầy phiền não tham sân si với thế gian.

¹¹⁷ "Trong một hạt bụi hiện vô số sát độ (thế giới), vô số bồ-tát và chư Phật trong ba đời đều ở trong đó. (Hoa Nghiêm - Phẩm Hạnh Nguyên Phổ Hiền) "Tất cả thế giới thu nhiếp vào một thế giới, một thế giới thu nhập vào tất cả thế giới." (Hoa Nghiêm - Phẩm Ly Thế Gian)

"Thập Huyền Môn" được Hoa Nghiêm Tông coi là đỉnh cao trí tuệ để diễn tả thế giới "sự sự vô ngại". Tuy vậy, dưới góc độ logic, đây chính là sự lẫn lộn lớn nhất. Một trong mười cửa huyền diệu của họ là "Nhất đa tương dung bất đồng môn" (Một và nhiều dung chứa nhau). Họ khẳng định "một" (cá thể) và "tất cả" (vũ trụ) không hề mất đi tính riêng biệt nhưng lại hòa quyện hoàn toàn. Đây là sự phản logic, tự mâu thuẫn, đã hòa quyện mà vẫn còn tính riêng biệt, nó hoàn toàn trái với thực nghiệm. Bằng chứng là họ vẫn chọn cơm bỏ phần. Vì thất học, không biết thức là vô hình tướng và sắc chân đế là vật chất tối hậu nên họ ảo tưởng 5 uẩn có thể chứa đồ.

Trong khi đạo Phật chỉ rõ thế gian là sự vận động của các tiến trình duyên sinh diệt, không có "tự tánh" nào đứng sau thì Hoa Nghiêm cho là mọi sự vật hiện tượng đều "khởi" lên từ cái Tánh (Phật tánh) hằng hữu. Việc có cái gọi là "Tánh" là nguồn gốc vạn vật chính là sự quay lại tư tưởng Brahman (Phạm Thiên) ngoại đạo, thứ mà đức Phật gọi là tà kiến.

Trong khi Giới là pháp phải hành sau khi quy y Tam Bảo và Giới Luật đưa lại 10 lợi ích cho Giáo Pháp thì người hiểu lý "viên dung" chấp thủ tà kiến bản thể, bất phân thiện-ác, giới-ác giới, đúng-sai... Tuy không biết giới nhưng loài vật không chấp có bản thể. Hiểu lý "viên dung", chấp "không có" / "có bản thể" khiến họ thấy "phiền não tức bờ-đề", "sinh tử tức Niết-bàn". Họ ưa viện lý do "viên dung", tất cả đều là "không" / "do bản thể" để biện hộ cho sự phóng túng, phá giới. Tuy vậy, họ sẽ không vì lý "viên dung" mà chọn phần bỏ cơm.

"Trùng trùng duyên khởi" của họ là thể giới viên dung trong ảo tưởng. Nó được tạo ra trên cơ sở trái với thực tại, vứt bỏ không-thời gian, sự sinh diệt trong sát-na của 5 uẩn, những thực thể tột cùng, đánh đồng "đối tượng suy tư" với "thực thể vật chất". Thực tế, họ không viên dung thấy mình như phần.

Hoa Nghiêm là tông phái ra đời ở Tàu. Để sinh tồn, nó "bị Trung Hoa hóa", phục vụ cho tâm tính, thể giới quan thích đại ngôn và cấu trúc chính trị của xã hội Trung Hoa cổ đại.

Trung Hoa trước khi có Phật giáo đã bám chặt tư tưởng Đạo giáo. Họ nhìn vũ trụ là dòng sinh biến không ngừng từ bản thể duy nhất gọi là "Đạo". Để tồn tại, Hoa Nghiêm có sự tự đồng hóa theo họ, "Pháp giới tính" với "Đạo", "lý sự / sự sự vô ngại" (một là tất cả, tất cả là một) với "vạn vật đồng nhất thể".

Nho giáo đặt nặng chữ Trung và Hiếu. Để thoát chỉ trích về sự xuất gia, họ dùng "viên dung", lý luận là người tu hành có tâm trùm khắp Pháp giới, tức là đã bao hàm cả việc có hiếu với cha mẹ và trung với vua (vì Một chứa Tất cả).

Nho giáo hay dùng khái niệm "thiên mệnh" với quy định Thiên tử là nam. Vì Võ Tắc Thiên là nữ, bị Nho giáo bác bỏ tính chính danh, nên bà tìm đến hệ thống thần quyền khác. Họ cung cấp cho bà vũ khí lý luận. Họ dùng "lý sự vô ngại" để xóa ranh giới nam-nữ ở mặt hiện tượng, đồng nhất bà với Pháp thân Phật Tỳ Lô Giá Na tại thế. Sự "viên dung" ấy lập ra mô hình đế chế toàn trị. Họ đã biến "Lý pháp giới" (Bản thể tính thanh tịnh) thành "Ý chí của vua", và biến "Sự sự vô ngại" (Mạng lưới vũ trụ) thành "Mạng lưới kiểm soát dân chúng".

“Thiền Tông”

Con người hơn loài vật chủ yếu là ở ngôn ngữ và chữ viết. Đó là phương tiện để người đời sau tiếp thu tri thức người đi trước. Ngôn ngữ và khái niệm không phải chân lý nhưng nó có thể giúp hành đúng để giác ngộ chân lý. Hiểu Pháp không phải là giác ngộ chân lý nhưng nếu không hiểu đúng thì sẽ lạc vô tà kiến, không có sự hành đúng để giác ngộ.

Thật ra, sự học kinh điển bất kể là đúng hay sai thì đều tốt hơn là dụng công tai hại, chấp thủ và hành theo tà kiến của phàm phu đời sau, bị quả khổ nhưng ngỡ mình hơn đời.

Đạo Phật không phải chỉ lý luận suông hay phá cái gì. Phật luôn sách tấn tu tập đúng theo Kinh, đừng chỉ có học.

Nếu người nói nhiều kinh,

Dầu nói ít kinh điển,

Không hành trì, phóng dật;

Nhưng hành pháp, tùy pháp,

Như kẻ chăn bò người,

Từ bỏ tham, sân, si,

Không phần Sa môn hạnh.

Tĩnh giác, tâm giải thoát,

(Pháp Cú 19) Không chấp thủ hai đời,

Dự phần Sa môn hạnh. (PC20)

Do đó, ai theo Kinh thì nỗ lực tu tập. Hơn nữa, không thể tùy ý giác ngộ Niết-bàn như thấy trăng mà cần tu tập đúng theo Kinh thì mới có thể giác ngộ. Nhưng nếu dựa vào Kinh thì tà kiến tu tập của phàm phu đời sau không có đất sống. Do vậy, thay vì động viên nhau hành đúng theo Kinh thì thiền tông bày trò phá chấp Kinh, coi học Kinh là dính mắc chữ nghĩa, cần phá dính mắc đó, từ đó họ đưa ra pháp môn tự chế, phi Đạo Đế. Họ chế ra phương tiện phá chấp Kinh là

tỷ dụ “ngón tay chỉ trăng” với ý nghĩa “nếu bám vào ngón tay (chữ nghĩa) thì sẽ quên mất mặt trăng (chân lý)”. Thực tế, vì có sự học trái với Kinh nên họ tưởng ra có thứ trăng là đại ngã và có sự hành phi Đạo Đế, không thể giác ngộ Niết bàn.

Và họ còn hô hào “*Bất lập văn tự, Giáo ngoại biệt truyền, Trực chỉ nhân tâm, Kiến tánh thành Phật*”. Đó là sự chấp thủ vô minh, thất học, trái lời Phật của *phàm phu thời mạt pháp*.

Tuy hô “*Bất lập văn tự*” nhưng thiên tông chỉ vứt bỏ Kinh Luật của Phật và chỉ lưu hàng ngàn trang “*kinh*” ghi lại các hành động lời nói phi pháp, chấp ngã của đủ loại “*thiền sư*”.

Do ngộ hành theo “*pháp môn*” của đệ tử thời mạt pháp là đúng đắn, bắt cần học - hành theo lời bậc Đại Giác Ngộ nên thiên tông có cái gọi là “*Giáo ngoại biệt truyền*”, dạy ngoài kinh điển. Thực chất, ma đạo thời mạt pháp thì không có gì hay ho. Nó có bản chất tai hại, đối nghịch với kinh điển gốc.

Vì không biết có trí - ngu, ngộ những gì hý luận ra đều là chân lý, không biết thứ đối nghịch lời Phật do đệ tử đời sau chế ra thì chỉ như rác thải, không biết học kinh còn là để biết đường hành đúng và giác ngộ nên thiên tông cho rằng việc học kinh chỉ như nhai lại “*bã mĩa*” của người xưa, tạo dính mắc vào chữ nghĩa. Họ muốn chấp thủ vô minh chứ không muốn học và hành theo lời Phật dạy. Quả thật, lời Phật dạy như là bữa tiệc nhưng kẻ ly trí thì có thể mê rác.

Trong khi đạo Phật coi tâm người phàm phu không có gì cao thượng, *chỉ là 1 trong 5 uẩn* do duyên sinh thì thiên tông

chấp có 1 cái tâm là **ngã**. Do vậy, họ đã hý luận ra cái gọi là “*Trực chỉ nhân tâm*”. Vì không biết bản chất thân tâm chỉ là các tập hợp 5 uẩn **vô ngã** sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên họ chỉ là “*Trực chỉ vô minh, Tưởng ra tà kiến*”.

Trong khi Phật xác định “*tất cả pháp vô ngã*” và phủ nhận cái gọi là atman, linh hồn, bản thể đằng sau chúng sinh, vạn vật của ngoại đạo thì thiền tông chủ trương có cái ngã Phật tánh, bản lai diện mục, bản thể thường còn đằng sau chúng sinh, vạn vật. Do đó, họ hô hào “*kiến tánh thành Phật*”.

Thực tế, Phật nói *chấp ngã là tà kiến*, tuyên bố do giác ngộ Tứ Thánh Đế mà thành Phật cũng như do đoạn tận tham ái với mọi pháp hữu vi mà giác ngộ Niết-bàn vô vi. Trái lại, họ dùng vô minh để “*kiến*” ra cái ngã ảo tưởng là Phật tánh. Họ ví thử ảo tưởng do họ chế ra như trăng cần phải thấy, còn kinh Phật như thứ bỏ đi. Tà kiến là “*phương tiện thiện xảo*” đưa tới quả khổ bất kể kẻ tạo ra hay hành nó vì ý định “*tốt*”. Thay sai lầm bằng tà kiến không phải là cách đạt ý định tốt. Chánh kiến, thứ ít ai chấp nhận, mới đưa đến mục đích tốt. Phá giới và tà kiến không giúp tâm thanh tịnh, có *Định-Tuệ*.

Thật ra, Phật chỉ dạy Tứ Diệu Đế, dạy pháp tuần tự,⁵³ gọi chấp ngã là tà kiến chứ *không dạy pháp môn đốn ngộ, đại ngã*. Phật cũng đã dạy nơi nào không có *Thánh Đạo Tám Ngành (Đạo Đế)* thì nơi ấy *không có các bậc Thánh*.²⁷¹ Dù nói không từ bỏ kinh thì thực chất thiền tông đã phủi bỏ kinh điển khi chấp có đại ngã, có cái gọi là đốn ngộ đại ngã “*Phật tánh*” là “*thành Phật*”. Sự thật, vì không hành Đạo Đế, họ chỉ là phàm.

Thật ra, căn cơ là duyên giác ngộ mau / chậm. Tất cả đều cần có pāramī hành Đạo Đế, không có “*pháp môn*” “*đốn ngộ*”. Trí biết và dạy tùy căn cơ là chỉ có ở Phật. Do tổ Huệ Năng sợ cướp, bỏ trốn, không phải là Phật nên “*pháp môn*” “*đốn ngộ*” của tổ đầy tham sân si chỉ có thể dành cho “*căn cơ*” tà kiến.

Và tổ chấp y ngoại đạo chứ không chấp Giới. Y ngoại đạo không làm nên Tỷ-kheo, thà ***làm Phật tử hơn giả ngoại đạo***.

Từ sự giác ngộ, Phật có trí xả ly, vô tham sân, ***trí phân biệt thiện-ác***. Vì đã ***đoạn tận vô minh*** nên Phật không chấp có ta hay có cái gì của ta, mọi hành động của Phật là ***duy tác, không tạo nghiệp thiện-ác***. Vì đoạn tận tham sân si nên Phật chỉ có biểu hiện thiện. Vì chấp ngã nên Huệ Năng sợ cướp, bỏ trốn. Vì tham hiện hữu, tổ chấp có đại ngã, ***bác bỏ diệt độ***. Từ ***vô minh chấp đại ngã***, tổ hành mất trí phân biệt, thủ tiêu trí tuệ, đạo đức “*chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác*” như loài vật.

Thay vì xem ngôn ngữ như là bước đầu đưa đến sự hành trí thấy thế gian *đúng như nó là*, thấy thế gian là các tập hợp 5 uẩn vô thường khổ vô ngã trong sát-na để đoạn tận sự tham thế gian, giác ngộ Niết-bàn, đi từ trí thấp đến trí cao thì thiền tông dính mắc vô minh ly trí mù 5 uẩn, không biết ngôn ngữ Giáo Pháp trình bày sự tu tập. Họ chế ra “*công án*” là nghi điều điên đảo để được *trạng thái trống rỗng*, có tâm quả hữu phần và tiến trình tâm ở ngũ môn là chính, ít có các tiến trình tâm ý môn, ít sự suy tư. Họ ngộ vắng sự suy tư là “*ngộ*” sự “*không*”. Thật ra, đó là sự trống rỗng trí tuệ. Nghi và điên đảo *chỉ đưa tới mất trí*, chẳng đưa tới trí giác ngộ Niết-bàn.

Phật dựa vào thực tại để xác định có/không có, có là có, không có là không, bất kể do duyên sinh.⁸⁰ Phật không dùng tự tánh làm cơ sở xác định sự có. Trái lại, vì lấy tự tánh,¹¹² thứ tự hữu bất biến độc lập, tức **thứ ảo tưởng trong thế gian, làm cơ sở xác định sự có tồn tại**,¹¹² nên có nhiều tông phái, trong đó có thiền tông, có thể giới quan đảo lộn, thấy tất cả đều là không có. Với thế giới quan *chấp tự tánh là có*, họ thấy “*bổn lai vô nhất vật*”, không thật có tham sân si, không có tội khi phá giới, không có nghiệp quả thiện-ác. Họ tự tại trong tham ác, bất cần tu tập thấy biết 5 uẩn, nghiệp quả. Tuy vậy họ e ngại trước điều bất khả ái như đói khổ, phần uế, cướp... Dù “ngộ” “*vô nhất vật*” nhưng tổ vì chấp thủ y bát, sợ cướp mà giả danh tính bỏ trốn. Giả hình tướng thì chẳng phải Arahant.

Tổ dính chặt tiêu chuẩn kép. Tuy hô hào “*không*” nhưng tổ không tùy thuận đói khổ mà động tâm cầu ăn, phân biệt cơm với phần, biết hại kẻ khác nhưng không nỡ hại mình. Tổ **không sống đúng với “chân đế”** mà tổ đã “ngộ” và khoe. Tổ **nói một đằng, làm một nẻo, nhất là khi động đến lợi ích**. Nam Tuyền sát mèo để thể hiện sự ngộ “*tánh không*”, Đan Hà đốt tượng Phật để sưởi thân tứ đại. Họ tự tại trong ác giới, vô đạo đức, vô trí tuệ như loài vật nhưng *sợ cái lạnh, sợ chết*. Giới là dễ nhất mà còn không giữ thì nói gì đến Định - Tuệ?

Trong khi Gương Pháp xác định **bậc Thánh là có lòng tin Tam Bảo bất động, không bao giờ cố ý phạm giới** (S.v,356) thì tổ kẹt chấp vô minh, mù 5 uẩn, không theo giới, trí tuệ.

Trong khi đạo Phật xác định bậc Arahant đã đoạn tận phiền não tham sân si, không còn cần phải tu gì,¹¹⁸ thì các "thiền sư" của thiền tông tuy đã "*kiến tánh thành Phật*" nhưng vẫn cần tiếp tục tiêm tu để đoạn trừ tập khí tham sân si.¹¹⁹ Khái niệm "*Đốn ngộ Tiêm tu*" thực chất là cơ chế bảo vệ các thiền sư. Nó cho phép họ giữ được danh hiệu "*người đã ngộ*" trong khi vẫn sống, hành xử như phàm phu tham sân si, sợ. Cần "*tiêm tu*" sau khi "*đốn ngộ*" chứng tỏ cái "*đốn ngộ*" đó là sự tưởng tri, chẳng phải sự diệt tận phiền não, giác ngộ Niết-bàn. Người nói mình đã "*thành Phật*" rồi mà vẫn còn phải "*tu*", thì họ đơn giản là kẻ còn tu nhưng mắc ảo tưởng, kiêu mạn.

Thật ra, đạo của đức Phật là đạo của sự hành Đạo Đế, thấy biết bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường khổ vô ngã trong từng sát-na đúng như nó là để đoạn tận tham sân si, giác ngộ Niết-bàn. Trái lại, do dính chặt vô minh, mù 5 uẩn, tham sân si như phàm phu dù đã đạt cái gọi là "*thành Phật*" nên thiền tông có thứ đạo của vô minh là "*bình thường tâm là đạo*". Thực chất, "*tâm bình thường*" ấy không hề bình thường mà nó là một cái ngã.¹²⁰ Đạo đó có phiền não tham sân si tạo quả khổ như ngoại đạo. Phá giới, a dua ngoại đạo, hành phi Đạo Đế giúp thiền tông tồn tại nhưng *không thật là đạo Phật*.

¹¹⁸ "*Sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa*" (M.85)

¹¹⁹ Dấu cho đốn ngộ bằng với Phật, nhưng tập khí nhiều đời vẫn còn sâu. Gió dừng nhưng sóng vẫn còn gợn, lý hiện ra rồi mà vọng niệm vẫn xâm lấn. (Quy Sơn Cảnh Sách (Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu)).

¹²⁰ "*Thế nào là tâm bình thường? Chẳng tạo tác, chẳng thị phi, chẳng lấy bỏ, chẳng đoạn thường, chẳng phạm thánh.*" (Mã Tổ Đạo Nhất Thiền Sư Ngẫu Lục)

Vì chấp vạn pháp có Phật tánh nên thiền tông coi mọi sự vận động đều là *diệu dụng*.¹²¹ Tuy vậy, họ lẫn tránh thực tại, coi là **huyễn**, không coi là diệu dụng khi gặp khổ, phần uế... Họ mê lạc, sợ khổ, núp dưới ngôn từ để thỏa mãn cái tôi.

Đạo Phật phân biệt rõ chân đế và tục đế. Tục đế - sự thật quy ước thế gian và chân đế hữu vi - sự thật tốt cùng 5 uẩn đều vô thường khổ vô ngã, đều có thiện-ác, trí-ngu. Chân đế vô vi vô ngã, Niết-bàn thì không có liên hệ gì pháp thế gian. Thiền tông có "*chân đế*" mâu thuẫn tục đế. Họ theo "*chân đế*" *tánh không* khi làm ác, **cần bất phân biệt** để xóa tội. Họ theo tục đế khi **cần động tâm phân biệt** tìm cơm, bỏ phần... Họ dùng "*chân đế*" *ngã Phật tánh* khi cần kiêu mạn. Tây Du Ký tồn tại nhờ sự hư cấu còn thiền tông tồn tại nhờ sự ảo tưởng và tự mâu thuẫn. Họ **chấp nhận cả tánh không lẫn ngã tánh**.

Thật ra, khác với vật chất chổi và rác có thể cùng tồn tại, tâm trí và tâm ly trí không thể cùng tồn tại trong 1 sát-na. Do đó, Phật không phá cái gì, không có cái gọi là phá chấp. Sự tồn tại *trí thấy biết thực tại* đúng như nó là làm vắng mặt tâm vô minh chấp thủ, không cần "tôi" phá cái gì. Vì hiểu chúng sinh, vạn vật là các *tập hợp 5 uẩn tồn tại do duyên* nên Phật tử hiểu *không có ta hay cái gì của ta*, không có gì để phá. Với hiểu biết đó, họ quy y Tam Bảo, hành thiện trí nhưng không chấp đó là ta hay của ta. Họ tránh ác pháp vì hiểu quả khổ của ác nghiệp. Trái lại, tuy hô hào vô phân biệt, phá chấp nhưng thiền tông *luôn kẹt chấp, động tâm phân biệt tìm cơm, bỏ phần*, theo "*mộng huyễn*", không phá chấp cầu ăn.

¹²¹ "*Bổ củi gánh nước đều là diệu dụng của thân thông*" (Bàng Uẩn)

Tây Phương Cực Lạc

Thực tế, có nhiều tôn giáo dựng lên các loại thần linh giúp những ai thờ cúng thần linh. Và quy luật nghiệp quả đã phủ định vai trò của thần linh. Dù chư thiên là có thật, nhưng cũng như con người, sự trợ giúp chẳng thể đi ngược lại quả bất thiện chín muồi. Không có thần linh, cái ngã hay ý nguyện nào có quyền vô hiệu hóa quy luật nghiệp quả.

“*Tất cả pháp vô ngã*” (PC279). Do đó, chỉ có nghiệp lực chứ không có cái ngã hay quyền lực, thần thông, đại nguyện nào có quyền quyết định sự tái sinh. Nghiệp là do nhiều duyên. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa nghiệp ác đã làm có thể bị vô hiệu hóa/cho quả lành bởi ý của ai đó. Chấp có cái ngã/ý của ai đó có quyền quyết định sự tái sinh là tà kiến trái với quy luật nghiệp quả. Và nghiệp tà kiến là cho quả khổ.¹⁰

Trong luân hồi, ai cũng đều có thiện và bất thiện nghiệp, khác nhau là ở chỗ số lượng và chất lượng. Và quả trở sinh không chỉ cần có nhân mà còn cần có duyên. Vì không biết nhân quá khứ, chỉ biết quả hiện tại nên khi thấy người hiền gặp dữ, kẻ ác gặp lành thì người còn vô minh rất dễ khởi lên tà kiến. Do sự thật nghiệp quả rất thâm thúy, khó thấy biết mà chúng sinh vô minh và luân hồi lâu dài.¹²²

¹²² “*Này Ananda, **giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Này Ananda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này** mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la) không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.*” (D.15)

Khác với ngũ nghịch trọng tội nhất định cho quả tái sinh ở địa ngục ngay kiếp sau,¹²³ hay đại thiện nghiệp đắc Thánh ngằn tái sinh ở cõi khổ, thời điểm các nghiệp khác cho quả là bất định. Trong vòng luân hồi không có điểm bắt đầu, chúng sinh luôn có làm cả hai nghiệp là thiện và bất thiện, chỉ khác ở chỗ nhiều-ít, lớn-nhỏ, cho quả hay chưa. Do vậy, trừ khi có *cực thiện/bất thiện nghiệp*, không dễ để chắc chắn ai đó sẽ tái sinh vào cõi lành hay khổ. Dĩ nhiên, những ai thường tạo 3 nghiệp thân-khẩu-ý thiện lành hay lúc cận tử được người hay chư thiên nhắc nhở cho nhớ các thiện pháp đã làm thì có nhiều khả năng tái sinh vào cõi lành hơn.

Riêng lúc cận tử, khác với các nghiệp bình nhật, ý nghiệp lúc mệnh chung có thể cho quả ở ngay kiếp kế. Cụ thể, nếu chấp thủ một tà kiến vào lúc mệnh chung thì sẽ tái sinh vào cõi khổ bất kể lúc bình nhật thường hành thiện pháp.¹²⁴ Và ngược lại, nếu biết chấp nhận và chấp chặt một chánh kiến vào lúc mệnh chung thì sẽ tái sinh vào cõi lành bất kể lúc

¹²³ Có năm nghịch tội này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không thể chữa trị. Thế nào là năm? Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. (A.5.129)

¹²⁴ Ở đây, này Ananda, người nào **từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến**; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, **hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt**. Do vậy, **sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục**. (M.136)

bình nhật thường làm ác pháp.¹²⁵

Do đó, lúc cận tử, ai chấp giữ tà kiến như có thứ thần linh có quyền hành đưa họ tái sinh ở cõi lành thì họ sẽ tái sinh vào khổ cảnh, dù trước đó họ ưa bố thí, giữ giới.¹²⁶ Dĩ nhiên, nếu hằng ngày họ chuyên tâm nghĩ có thứ thần linh ấy thì khi cận tử họ dễ bám chặt tà kiến ấy mà tái sinh vào cõi khổ.

Ví như không có gì ngăn Ngộ Thừa Ân tưởng tượng ra Tây Du Ký chẳng liên can gì đến sự thật và đạo Phật, cũng vậy, không có gì ngăn các văn sĩ mơ về một cõi thiên đường, nơi mọi chúng sinh không chịu quả tái sinh ở các cõi súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục bởi nghiệp bất thiện tham sân si, kể cả ngũ nghịch. Do đó, họ đã chế ra “*Vô Lượng Thọ kinh*”, tạo ra nhân vật “A-di-đà” ở cõi “*Tây Phương cực lạc*” có quyền năng bề gãy quy luật nghiệp quả, khiến chúng sinh không chịu quả ác nghiệp đã làm.¹²⁷ Ai có lòng tham mù quáng thì không biết từ bỏ sự sai trái. Như nhiều thiếu nữ đang yêu, không thể nói lý với người có tham ái và lòng tin mù quáng.

¹²⁵ Ở đây, này Ananda, người nào **sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến**; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, **hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt**. Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này**. (M.136)

¹²⁶ “thời này Punna, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh.” (M.57)

¹²⁷ “Nếu con được thành Phật mà trong **cõi nước con còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh** thì con **chẳng trụ ở ngôi Chính Giác**.” (Nguyện 1)

Và các văn sĩ đã cho nhân vật “A-di-đà” tham chấp sự hiện hữu và cỗi của nó, nguyện làm cho cỗi của nó mất đi quy luật nghiệp quả thì nó mới chịu “*trụ ở ngôi Chính Giác*”.

Thật ra, chừng nào còn tham, chừng đó chưa thành Phật. Bồ-tát thành Phật vì đã đoạn tận tham, không có cái gọi là còn tham mà thành Phật hay dùng ý nguyện, thần thông mà bề gãy được quy luật nghiệp quả. Vì “A-di-đà” tham ái, không phải là Phật nên không cần đặt điều kiện là phải thành tựu nguyện gì đó thì mới chịu “*trụ ở ngôi Chính Giác*”.

Hơn nữa, các văn sĩ còn cho “A-di-đà” ích kỷ, phân biệt cỗi ta, cỗi người. Dù biết ai cũng sợ khổ, “A-di-đà” chỉ nguyện cỗi mình không có súc sinh, ngạ quỷ... mà không có vô lượng tâm từ bi với tất cả chúng sinh.

Do chấp thủ sự hiện hữu, các văn sĩ đã tạo ra chuyện không tham chấp thân hình¹²⁸ nhưng lại tham có thọ mạng vô lượng ở cõi “*cực lạc*”,¹²⁹ không ly tham, tịch diệt 5 uẩn. Trong khi đức Phật không ca ngợi sự hiện hữu,¹³⁰ thì như loài ruồi mê phấn, “A-di-đà” và cỗi của nó say mê hiện hữu.

¹²⁸ Nếu con được thành Phật mà trời, người trong cõi nước con **còn có ý niệm tham chấp thân hình** thì con **chẳng trụ ở ngôi Chính Giác**. (Nguyện 10)

¹²⁹ Nếu con được thành Phật mà **thọ mệnh còn có hạn lượng**, chỉ được trăm ngàn ức na do tha kiếp thì con **chẳng trụ ở ngôi Chính Giác**. (Nguyện 13)

¹³⁰ Ví như, này các Tỷ-kheo, **một ít phân có mùi hôi thúi**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta **không tán thán hiện hữu dầu cho có ít thôi**, cho đến **chỉ trong thời gian bùng ngọn tay**.” (A.1.18.13)

Do thiếu học, các văn sĩ cho bồ-tát làm chuyện vô ích và sai pháp là thuyết Nhất Thiết Trí,¹³¹ thuộc Phật giới, là điều bất khả tư nghì, không thể nghĩ bàn.¹³² Họ không biết rằng bồ-tát chỉ là phàm phu chưa có trí tuệ giác ngộ Niết-bàn.

Hơn nữa, các văn sĩ không biết Phật Toàn Giác là bậc không thầy chỉ dạy, tự mình giác ngộ thành Phật và trong một thế giới không thể cùng lúc có hai Phật Toàn Giác hay vì hành theo Pháp của kẻ khác mà thành Phật Toàn Giác.¹³³ Do đó, họ cho “A-di-đà” có rất nhiều “bồ-tát” ở cõi nước nó.

Do thiếu học nên các văn sĩ đã chế ra “Phật Duyên giác”.¹³⁴ Đạo Phật không có thứ Phật chỉ giác ngộ 12 nhân duyên. Thật ra, 12 nhân duyên là Tập Đế,²⁰² là 1 trong 4 Thánh Đế,

¹³¹ Nếu con được thành Phật mà các Bồ Tát trong cõi nước con không diễn thuyết được Nhất Thiết Trí thì con chẳng trụ ở ngôi Chính Giác. (Nguyện 25)

¹³² Có bốn điều không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn?

Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, **không thể nghĩ đến được**, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ **có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ**.

Thiền giới của người ngồi Thiền, này các Tỷ-kheo,...

Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo,...

Tâm tư về thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. (A.4.77)

¹³³ **Sự kiện này không xảy ra**, này các Tỷ-kheo, **không có được**: Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. (A.1.15.10)

¹³⁴ Nếu con được thành Phật mà hàng Thanh Văn trong cõi nước con còn có thể tính đếm được và chúng sinh trong ba ngàn Đại Thiên thế giới ở trong trăm ngàn kiếp thành bậc Duyên Giác hết, rồi tính đếm mà biết được số đó là bao nhiêu thì con chẳng trụ ở ngôi Chính Giác. (Nguyện 14)

nếu chỉ giác ngộ có một Thánh Đê thì vẫn còn là phàm phu, chẳng liên can gì đến Phật. Các văn sĩ nghĩ là vì $12 > 4$ nên 12 nhân duyên hơn 4 Đê, đi từ bìa đặt này đến bìa đặt nọ.

Các văn sĩ còn cho “bồ-tát” theo “*pháp môn Tịnh độ*” trên trái đất này là đều không bị già cả, bệnh tật kém sắc.¹³⁵ Phật còn già bệnh, kém sắc nhưng “*bồ-tát tụng A-di-đà*” thì chỉ có trẻ đẹp. Dù biết ai cũng muốn trẻ đẹp như chư thiên nhưng “A-di-đà” hám danh chỉ “độ” bồ-tát nào có nghe tên mình.

Và đạo Phật chỉ rõ thế gian là có 31 cõi là 11 cõi dục giới, 16 cõi phạm thiên sắc giới, 4 cõi phạm thiên vô sắc giới. Và cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên là thuộc cõi Phạm Thiên tứ thiên. Đó là nơi chỉ có các bậc Thánh Bất Lai, không có phàm phu hay các bậc Thánh khác, không liên can gì đến cái gọi là “*tây phương cực lạc*”. Các vị Bất Lai thường tái sinh ở cõi ấy và thiên cho đến khi chứng quả Arahant, tịch diệt Niết-bàn.

Và trong *Kinh Người Đất Phương Tây (S.iv,311)*, đức Phật tái khẳng định chỉ có nghiệp quyết định sự tái sinh, không thể dùng sự gọi tên mà giúp người chết tái sinh cõi lành.

Thực chất, sự định tâm niệm tên của một người vừa ý là có thể đem lại cảm giác dễ chịu, thậm chí có thể phát sinh ánh sáng. Tuy vậy, nếu chấp có kẻ có quyền quyết định sự tái sinh, tức phủ nhận nghiệp quả thì đó lại là tà kiến. Nếu chấp thủ tà kiến vào lúc cận tử thì sẽ tái sinh vào cõi khổ.¹²⁶

¹³⁵ *Nếu con được thành Phật mà các chúng Bồ Tát ở thế giới khác nghe danh hiệu con, từ đó đến khi thành Phật mà các sắc căn còn thiếu kém thì con chẳng trụ ở ngôi Chính Giác. (Nguyện 41)*

“Chứng Đạo Ca”

Huyền Giác là đệ tử được tổ Huệ Năng trực tiếp ấn chứng và nổi danh khắp chốn thiền với giai thoại “*Nhất Túc Giác*”. Ông còn là thi sĩ với bài thơ ca ngợi sự chứng đắc của mình là Chứng Đạo Ca. Do chết năm 49 tuổi, sau ấn chứng 4 năm, không có đệ tử xuất sắc và do pháp nạn thời Đường nên ông không có tông phái. Tuy lịch sử Thiền tông không ghi nhận ông có tông phái nhưng thực tế hiện nay có một dòng thiền mượn tên ông đã truyền đến tổ đời thứ 40.

Khác với người trí bác bỏ cả $1 = 2$ lẫn $1+1 = 5$, kẻ ít trí nhất thì sẽ chấp nhận cả hai điều ấy chứ không phải chỉ có một. Huyền Giác nổi tiếng nhờ *dụng hợp tư tưởng* của 2 tông phái xuất hiện thời mật pháp là Thiên Thai tông và Thiền tông.

Con người thời mật pháp thì có ít paramī, lắm phiền não. Họ thường dễ duôi, lười biếng, muốn đi tắt, sớm chứng ngộ. Họ ***mê các giáo lý đơn giản*** nhưng được tăng bốc là cao siêu vì chúng dễ hành, mau “*thành Phật*”, thỏa mãn cái tôi.

Đặc trưng thời mật pháp là kinh điển lời Phật thì bị coi là thấp kém, còn kinh thời mật pháp, lời dạy, sự hành vô minh mù 5 uẩn do các tổ chế ra là đưa tới quả Phật cao siêu hơn.

Trong khi Phật Toàn Giác không cần có thầy, tự giác ngộ Tứ Thánh Đế mà thành Phật thì các tông phái có thứ Phật mù Tứ Thánh Đế ra đời nhờ học và hành theo lời thầy tổ. Trong khi bậc Arahant là *đã đoạn tận phiền não* tham sân si, “*việc cần làm đã làm xong*”, không còn gì phải tu nữa thì các tông phái có đủ thứ Phật còn tham sân si cần phải tu tiếp.

Thiên Thai là tông phái ra đời ở Tàu trong thời mạt pháp. Sở dĩ mạt pháp phát triển là vì có sự ra đời nhiều giáo lý chia rẽ mới mượn danh đạo Phật, không thật quy y Pháp. Cụ thể, trong khi Phật dạy hành Đạo Đế Giới - Định (Chỉ) - Tuệ (Quán), đoạn tận tham sân si,¹³⁶ giác ngộ Niết-bàn, đoạn tuyệt khổ sinh tử luân hồi,¹³⁷ thì Thiên thai chế ra cái gọi là “*Phật không hề đoạn tuyệt cái ác (Phật bất đoạn ác)*”.¹³⁸

Như tông phái khác, Thiên Thai khi dễ “*Tiểu thừa*” nhưng vẫn hành Đạo Đế Giới Định Tuệ của “*Tiểu thừa*”. Tuy vậy, họ thay ruột Giới Định Tuệ bằng thứ do họ chế ra và tưởng sẽ thành Phật. Do đó, họ mù pháp chân đế, mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Tập Đế, **còn nguyên vô minh tham sân si**.

Sự tu tập của đạo Phật là *Đạo Đế Giới Định Tuệ*. Trong đó, Giới giúp tránh lỗi lầm về thân và khẩu, là nhân cho Định. Định giúp thoát 5 triền cái, là nhân cho Tuệ. Tuệ thấy biết và quán sự vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na trên bản chất thế gian 5 uẩn (*Khổ Đế*) và 12 nhân duyên (*Tập Đế*) để viên mãn trí ly tham sân si, giác ngộ *Niết-bàn (Diệt Đế)*. Đạt đến sự giác ngộ Niết-bàn cũng là đạt đến sự giác ngộ đủ *Tứ Thánh Đế*, hết vô minh, *sự không giác ngộ Tứ Thánh Đế*.¹⁷⁶

¹³⁶ Vị ấy, do đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si; nên không làm điều bất thiện, không theo điều ác. (A.iii.83)

¹³⁷ Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Đây các tỷ kheo, đây gọi là Niết bàn có dư y. (It.38)

¹³⁸ “Phật không đoạn ác là vì Phật thông đạt cái Ác, tự tại đối với cái Ác, không bị cái Ác làm ô nhiễm, và có thể **dùng cái Ác để hóa độ chúng sinh**, cho nên gọi là không đoạn tuyệt.” (Quán Âm Huyền Nghĩa - sơ tổ Trí Khải).

Trái lại, Thiên Thai xem *Chỉ* là *Quán* (*Chỉ Quán bất nhị*). Họ kẹt chấp phiền não, chấp phiền não là bờ-đề, không biết định tâm để loại bỏ 5 chướng ngại hạ liệt là *tham dục, sân, hôn trầm - thụy miên, trạo cử - hối quá, nghi*. Họ dùng thứ *Chỉ*, tức cũng là *Quán*, là sự *mù 5 uẩn*, phóng dật trong suy tưởng các pháp tục đế. Theo quy luật về tâm, một tâm chỉ biết một cảnh. Tuy vậy, họ "*nhất tâm tam quán*" suy tưởng những điều mâu thuẫn. Họ suy tượng về "*không đế*", vạn pháp không có tự tánh, "*cùng lúc*" tưởng tượng về "*trung đế*", vạn pháp đều có tự tánh là Phật tánh. Phật tánh là *một dạng Atman ngoại đạo*, thứ mà Phật gọi là tà kiến. Do vậy, đó là tâm tham hợp với tà kiến. Nghiệp đó đưa tới ngã mạn, quả khổ, không đưa tới đoạn tận tham sân si, giác ngộ Niết-bàn, thoát khổ luân hồi.

Thiền tông là một tông phái đặc sắc về sự mâu thuẫn, có sự phủ định nhau giữa các đời tổ. Vì lời Phật còn bị họ coi là hạ liệt nên điều đó cũng là dĩ nhiên. Nếu như Bồ-đề-đạt-ma vẫn còn hành Giới Định Tuệ, dù đó là thứ bị thay ruột, thì Huệ Năng hành "*đốn ngộ*", dùng "*tự tánh*" đánh tráo tất cả.

Thực chất, người giữ giới không có nghĩa nội tâm của họ không có khởi lên tham sân si. Chỉ có định mới ngăn được sự khởi lên dục và sân. Giữ giới giúp ngăn phiền não gây ra hành động, lời nói sai trái. Ai thanh tịnh có trí thì tự có giới, không uống rượu, nói láo... Trái lại, những ai chấp ly trí, bị tham sân si chế ngự thì mới phá chấp giới, say xỉn... khiến họ gây ra các hành động, lời nói sai trái. Những ai như thế thì không có đủ trí tuệ, đạo đức, tư cách để dạy thiện pháp.

Họ ưa làm điều phi pháp, bị người trí tránh xa. “*Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*”, “*Hắn có thể trông như một thằng ngu và nói như một thằng ngu, nhưng đừng để điều đó lừa bạn. Hắn thực sự là thằng ngu đấy*” (Groucho Marx), họ chỉ có thể gần gũi, làm gương và dạy điều phi pháp cho kẻ ngu. Vì kẹt chấp phiền não nên thiên tông phá chấp giới, trí tuệ. Người trí ý thức sự vô thường, do duyên sinh để không chấp có ngã, chứ không bày trò phá chấp giới nhưng thực chất là không biết đến duyên sinh vô ngã, không hề rời chấp ngã.

Do vậy, đạo Phật bác bỏ mọi thể loại “*thiền sư*” uống rượu, phá giới nhưng tự nhận là nội tâm thanh tịnh, vì độ người mà ra sức hưởng dục. Đạo Phật gọi những thể loại say rượu, nói láo như Tế Diên “*hòa thượng*” là điên đảo, lừa dối chứ không xem đó là bậc giác ngộ. Ai thật có tâm thanh tịnh thì không phá giới, không phóng túng, buông thả như loài vật.

Phật dạy Giới là nhân của thanh tịnh tâm, nếu ác giới thì không thể đắc Định, hành Tuệ, giác ngộ, giải thoát (A.5.24). Hơn thế, giới còn đem lại 10 lợi ích cho Giáo Pháp. Tuy vậy, bằng việc coi ai cũng có thể như *bồ-tát kiếp chót*, bậc trí từ bi giữ giới hành thiền ở vô số kiếp, Huệ Năng đã hạ thấp giới “*tâm bình cần gì trì giới, hành thẳng cần gì tu thiền*”. Quả thật, nếu ai cũng như bồ-tát thì họ không có tâm xấu để làm ác. Vấn đề là không phải ai cũng như bồ-tát, bản chất người đời là tham sân si, cần có Giới để tránh có hành động, lời nói ác. Ai có tâm ô nhiễm thì mới phá giới. Ai có tâm thanh tịnh, trí tuệ thì tự giác có giới, không phá giới, say rượu. Tuy vậy,

Huệ Năng nói “*tâm bình cần gì trì giới*”. Nó mở ra cánh cửa cho những kẻ phá giới tự cho mình là có tâm thanh tịnh. Kẻ mù chữ có tà trí thì không biết đúng Chánh Pháp.

Thực chất, có sự thật chân đế về hiệp thể và siêu thể. Chân đế siêu thể là Niết-bàn vô vi và vô duyên. Chân đế hiệp thể là 5 uẩn hữu vi, sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na. Do đó, đạo Phật bác bỏ tất cả thể loại ngã lẫn tự tánh, thứ thường còn quyết định sự tồn tại của các pháp thể gian. Phật gọi sự chấp có cái thường còn giữa thể gian vô thường, vận động do duyên là điên đảo kiến.¹⁸⁸

Bằng sự ảo tưởng có **tự tánh thanh tịnh**, đầy đủ, vô duyên tự có, **sinh ra vạn pháp**,¹³⁹ Huệ Năng phủi bỏ duyên khởi, pháp hữu vi do duyên sinh. Thay vì giữ giới, có chánh kiến, hiểu Giới Định Tuệ là do duyên sinh thì nó hý luận tự tánh vốn tự đầy đủ để nói Giới Định Tuệ là có sẵn,¹⁴⁰ bỏ đi sự cần tu tập thì mới có Giới Định Tuệ. Nó lý giải vô lý việc tự tánh **tự tịnh tự định, sinh ra vạn pháp lại tạo ra pháp ô nhiễm**.¹⁴¹ Nó biến sự tu tập Giới Định Tuệ để thấy biết thể gian 5 uẩn là vô thường khổ vô ngã, để đoạn tận tham sân si, giác ngộ Niết-bàn thành tà kiến “ngộ” ra bản thể “tự tánh” ảo tưởng.

¹³⁹ Nào ngờ **tự tánh vốn tự thanh tịnh!** Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt! Nào ngờ tự tánh vốn **tự đầy đủ!** Nào ngờ tự tánh vốn không dao động! Nào ngờ **tự tánh có thể sinh ra vạn pháp!** (Pháp Bảo Đàn-Phẩm Hành Do)

¹⁴⁰ Nơi tâm không quấy là tự tánh giới. Nơi tâm vô si là tự tánh tuệ. Nơi tâm bất loạn là tự tánh định. (Pháp Bảo Đàn – Phẩm Đốn Tiệm)

¹⁴¹ **Bản tính vốn tự tịnh tự định**, chỉ vì thấy cảnh rồi nghĩ ngại về cảnh nên mới loạn. Nếu thấy các cảnh mà tâm không loạn, đó mới là chân định. (Pháp Bảo Đàn – Phẩm Ngồi Thiền)

Do đó, những kẻ “đại ngộ” đều còn nguyên vẹn tham sân si, vẫn mù 5 uẩn và Niết-bàn, cần “*tiệm tu*” sau khi “đốn ngộ”.

Thật ra, chỉ có bậc Arahant mới dứt hết ngã mạn. Do vậy, người đời luôn có thể có ngã mạn khi làm thiện pháp. Và để vượt qua ngã mạn thì họ cần tác ý đến sự thật duyên sinh, thấy sự vô ngã, chứ không cần phá cái gì hay kiêu ngạo vì có thứ xuất hiện trong thời mạt pháp. Khi hiểu duyên sinh, họ ***thấy có đắc nhưng không có ngã sở đắc***. Thiền tông thì xem Pháp Phật là hạ liệt còn thứ do tổ chế ra là *tối thượng thừa*.¹⁴² Họ phá chấp giới và lời Phật để cái ngã tham dục, tà kiến chấp có tự tánh, đại ngã ngày càng to.

Đạo Phật có hai loại thiền là thiền Định và thiền Tuệ. Chúng không cùng tồn tại trong một sát-na. Thiền Định là sự định tâm trên một đối tượng thiền. Thiền Tuệ quán sự vô thường, khổ, vô ngã trên bản chất thế gian 5 uẩn bất kể xa gần, quá khứ, hiện tại, vị lai. Thiền Định ngăn 5 triền cái, là cơ sở cho thiền Tuệ. Thiền Tuệ thấy biết, quán bản chất thế gian đúng như nó là, nhờ đó duyên sinh Lưu Tận Trĩ, đoạn tận tham sân si đối với mọi đối tượng ở mọi thời gian và không gian, giác ngộ Niết-bàn.

Với chủ trương thất học là “*bất lập văn tự*”, Huệ Năng đã bóp méo thiền Định-thiền Tuệ, sáp nhập cả hai làm một.¹⁴³

¹⁴² *Pháp môn này là bậc Tối thượng thừa. Vì người có đại trí mà nói, vì người có đại căn khí mà nói. (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Bát Nhã)*

¹⁴³ ***Định Tuệ là một thể***, không phải hai. Định là thể của Tuệ, Tuệ là dụng của Định. Ngay lúc có Tuệ thì Định ở trong Tuệ, ngay lúc có Định thì Tuệ ở trong Định. (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Định Tuệ Thứ Tư)

Pháp Đại thừa không thể là "Tiểu thừa", không thể là Tứ Đế, trong đó có Đạo Đế Giới Định Tuệ. Tuy vậy, Huệ Năng lại hô "Pháp môn này của ta lấy Định Tuệ làm gốc" (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Định Tuệ Thứ Tư). Do thất học, không biết thiền là sự rèn luyện tâm với mục đích thanh tịnh tâm khỏi 5 triền cái hay thấy biết đúng sự thật nên nó miệt thị ngồi thiền.¹⁴⁴ Nó chế ra "định tuệ đồng thời" trong sinh hoạt từ tử dục đèn và ánh sáng.¹⁴⁵ Nó không biết đèn, dầu cùng với châm lửa phải có trước thì mới có ánh sáng, không thể mặc định có đèn là có ánh sáng. Nó không biết phải có Giới và Định trước thì mới có Tuệ, không thể có Giới hay Định là đồng thời có Tuệ.

Thật ra, pháp hành của Huệ Năng là tam vô.¹⁴⁶ Trong khi đạo Phật trực tiếp thấy bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt trong sát-na thì nó hành "Vô Tướng làm Thể", tự kỷ ám thị, mất trí phân biệt để hiển lộ "bản thể".¹⁴⁷ Đã mù 5 uẩn lại còn đòi là tướng của pháp thế gian thì đó là điên đảo. Trong khi

¹⁴⁴ Lúc sống thì ngồi chứ không nằm, khi chết rồi thì nằm chứ không ngồi. Bản chất chỉ là một đồng xương thịt thối tha, mắc mớ gì mà lập thành công phu bái khóa (ngồi thiền)? (Pháp Bảo Đàn – Phẩm Cơ Duyên Thứ Bảy)

¹⁴⁵ Định và Tuệ giống như cái gì? Ví như cái Đèn và Ánh Sáng của đèn. **Có đèn thì tức có ánh sáng**, không đèn thì tức tăm tối. Đèn là Thể của ánh sáng, ánh sáng là Dụng của đèn. Tên gọi tuy có hai, nhưng cái Thể vốn cùng là một. Pháp Định Tuệ này, bản chất cũng như thế. (Phẩm Định Tuệ Thứ Tư)

¹⁴⁶ Pháp môn này của ta, từ trước đến nay, cho đến nay kiến lập, thiết lập Vô Niệm làm Tông (Chủ ý), Vô Tướng làm Thể (Bản chất), Vô Trú làm Gốc (Nền tảng). (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Định Tuệ Thứ Tư)

¹⁴⁷ **Bên ngoài là tất cả các tướng**, đó gọi là Vô Tướng. **Nếu có thể là được hình tướng, thì thể của pháp liền được thanh tịnh.** Đây chính là lấy Vô Tướng làm Thể. (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Định Tuệ Thứ Tư)

đạo Phật xem phóng dật là si thì nó xem sự phóng dật với cảnh hiện tại, không phải quá khứ là “Vô Trú làm Gốc”.¹⁴⁸ Trong khi đạo Phật phân biệt nhị nguyên *thật-giả, đúng-sai*, bác bỏ ngã tưởng, thấy 5 uẩn vô ngã trong từng sát-na thì nó hành “Vô Niệm làm Tông”, bất phân biệt nhị nguyên và có “*niệm*” chấp ngã Chân Như.¹⁴⁹

Thật ra, để biết Huệ Năng có hành Tam Vô hay không thì hãy xem nó hoảng hốt bỏ y bát trôn vào bụi rậm.¹⁵⁰ Lẽ ra nó nên lìa tướng thể gian, không phân biệt nhị nguyên để không phải sợ hãi núp lùm. Nó nói một đằng làm một nẻo. Chỉ có kẻ “*đốn ngộ*” đầy tham sân si chấp ngã mới tự cho mình là “*thành Phật*” và pháp của mình là “*tối thượng thừa*”.

Huệ Năng có thứ thiền gọi là “*đốn ngộ*”. Đó là sự vô minh mù 5 uẩn (Khổ Đế), không thấy sự vô thường khổ vô ngã của thể gian 5 uẩn trong từng sát-na, còn nguyên tham sân, thêm si tà kiến chấp có tự tánh, không giác ngộ Niết-bàn.

¹⁴⁸ Vô Trú chính là bản tánh tự nhiên của con người. Niệm niệm không dừng trụ, niệm trước, niệm nay, niệm sau, các niệm liên tục nối nhau, không hề đứt đoạn. Nếu có một niệm bị chặt đứt, thì pháp thân lập tức lìa khỏi nhục thân. Trong từng ý niệm, không suy nghĩ về cảnh giới cũ đã qua. Nếu niệm trước, niệm nay, niệm sau, niệm niệm tự liên tục nối nhau không hề đứt đoạn, đó gọi là Vô Trú. (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Định Tuệ Thứ Tư)

¹⁴⁹ Thế nào là Vô Niệm? Chữ “Vô” là không có việc gì? Chữ “Niệm” là nghĩ đến vật gì? “**Vô” là lìa bỏ hai tướng (nhị nguyên) và các trần lao. “Niệm” là nghĩ nhớ về bản tánh Chân Như.** Chân Như chính là cái Thể của Niệm, Niệm chính là cái Dụng của Chân Như. (Phẩm Định Tuệ Thứ Tư)

¹⁵⁰ Huệ Năng hoảng hốt ném y bát xuống tảng đá và nói: “Tấm áo này là vật làm tin, có thể dùng sức mạnh mà tranh giành sao?”. Nói xong, Huệ Năng liền chui vào ẩn núp trong bụi cỏ rậm. (Pháp Bảo Đàn - Phẩm Hành Do)

Trí-ngu là do duyên sinh. Để có trí giác ngộ giải thoát thì cần có duyên tu tập, pāramī. Phật đã nói rõ “*các học pháp là tuần tự*”, “*không có sự thể nhập chánh trí thành linh*”.¹⁷⁷ Pāramī nhiều hay ít sẽ quyết định sự chứng ngộ nhanh hay chậm. Tuy vậy, tính lười biếng, ngã mạn của thời mạt pháp bác bỏ kỷ luật tu tập. Thay vì bỏ đi giáo lý mâu thuẫn là Phật tánh thanh tịnh đi gây ô nhiễm thì tổ nghĩ đốn ngộ nó là xong. Từ đó, tổ tưởng tri về thứ vớ vẩn và còn nguyên tham sân si.

Huệ Năng có câu nói nổi tiếng là “*Bốn lai vô nhất vật*”. Và đó là lời cuồng ngôn vô dụng vì nó luôn làm theo nẻo khác. Nó không hành “*Vô Tướng làm thể*”. Nó động tâm phân biệt chấp tướng chọn rau bỏ thịt, trong khi theo pháp của nó là phải ly tướng, bất phân biệt. Nó khó hiểu là vì tự mâu thuẫn, thất học mạnh mẽ bất y cứ kinh điển, nói một đằng, làm một nẻo. Bậc trí thì phải biết phân biệt và không dính mắc nhưng đó không có nghĩa là xóa bỏ thực tại, hô vô nhất vật.

Cùng với sự phát triển mạt pháp là sự ra đời các tri kiến sai pháp mới kết hợp với cũ. Ví như kẻ mất trí thì có tri kiến khác với người trí, cũng vậy, tri kiến mới của “*tổ*”, “*thiền sư*”, những thứ đệ tử phàm phu thì trái với Phật Pháp, bị Phật gọi là tà kiến. Do có sự mâu thuẫn nên chúng không thể cùng là chân lý. Người mất trí phân biệt có thể tự cho mình là có trí tuệ tài giỏi, có pháp thượng thừa hơn Phật nhưng sự thật có đúng như vậy hay không thì lại là chuyện khác.

Mâu chốt trái ngược nhau giữa đạo Phật với ngoại đạo cũng như các tông phái là các quan điểm về ngã và tự tánh.

Phật xác định "*tất cả pháp vô ngã*" (PC 279), không chấp nhận có tiểu ngã, đại ngã hay tự tánh thường còn nào đằng sau sự hiện hữu của thế gian. Phật xác định sự có/không có tồn tại là dựa trên thực tại, không dựa vào cái ảo tưởng là ngã hay tự tánh để xác định một pháp là *thật/giả, có/không có tồn tại*. Phật **gọi sự tồn tại vô thường, do duyên là thật có**. Phật không xem *sự tồn tại vô thường, do duyên* là giả hay không có. Do bác bỏ ngã nên đạo Phật bác bỏ có bản thể, đại ngã, đáng sáng tạo quyết định sự xuất hiện và tồn tại của vạn pháp. Với đạo Phật, tiểu ngã, đại ngã, tự tánh đều là thứ ảo tưởng.

Trái lại, các tông phái coi tự tánh mới là thứ thật có, còn pháp vô thường, do duyên sinh là giả, không thật có. Do đó, họ có thể giới quan ngược với đạo Phật và người đời. Ví như kẻ ngủ mê có thể mơ dù bị đâm thê nào thì cũng vẫn có thể hồi sinh, có thể *mơ điều không thể có trong thực tại*, cũng vậy, các tông phái *có thể giới quan như mơ, không có trong thực tại*. Với thế giới quan chấp có đại ngã, tự tánh là thật có, họ chỉ có thể nói một đằng, làm một nẻo, trái với thế giới quan ấy. Ví dụ, Huệ Năng có thể giới quan "*bổn lai vô nhất vật*" nhưng nó sống trái thế giới quan ấy, nó kiếm ăn, tìm cơm bẻ phần.

Giáo Pháp đức Phật là nhất quán, cả bậc Thánh lẫn đệ tử phạm phu đều có thể giới quan như nhau. Các bậc Thánh thấy rõ những điều phạm phu chỉ biết chung chung mà không thấy. Họ không vì chứng Quả, hết làm ác mà bác bỏ có nghiệp-quả, thiện-ác, đúng sai, thật giả, tốt-xấu. Họ thấy pháp hữu vi tục đế lẫn chân đế đều vô thường khổ vô ngã.

Huyền Giác là người đã tiếp thu và phát triển giáo lý của Thiên Thai và Thiền tông. Ông bạo ngôn và thẳng thừng đối nghịch Giáo Pháp, nói 1 đàng, làm 1 nẻo. "*Chứng Đạo Ca*" của ông là sự trình bày thể giới quan dựa trên sự chấp có đại ngã, tự tánh, điều mà đức Phật gọi là tà kiến. Thật ra, không biết gì về Pháp còn tốt hơn đối nghịch với Giáo Pháp.

Với thể giới quan chấp có đại ngã, tự tánh, Huyền Giác đảo lộn mọi lời Phật dạy.

Ngay đầu bài thơ, Huyền Giác hô "*Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân, Bất trừ vọng tưởng, bất cầu chân. Vô minh thực tánh tức Phật tánh*". Do bác bỏ ngã, tự tánh nên quan điểm về vọng và chân của đạo Phật khác với nó. Với đạo Phật, chỉ có kẻ vô văn mới "*bất trừ vọng tưởng, bất cầu chân*". Người trí thì cần từ bỏ ảo tưởng phóng dật, cần thấy biết sự thật bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên vô thường trong sát-na. Riêng các bậc Thánh tuy không còn ảo tưởng tà kiến nhưng luôn biết có thiện ác,... cần nhập Thánh Quả Định.¹⁵¹ Chỉ có loài vật và kẻ mất trí mới bất phân biệt thiện ác,... Trái lại, với Huyền Giác, vọng là sự phân biệt nhị nguyên, thật giả, thiện ác,... còn chân là bản thể tự tánh thanh tịnh. Sở dĩ nó "*bất trừ vọng tưởng*" là vì việc khởi tâm "*trừ vọng tưởng*" là một việc phân biệt nhị nguyên có vọng, có chân trong khi quan điểm của nó là vọng và chân là một, đều cùng tự tánh.

¹⁵¹ Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú, chánh niệm tỉnh giác. (S 22.122)

Ví như kẻ ngủ mê có thể mơ là dù bị chém thế nào cũng vẫn có thể hồi sinh, cũng vậy, nó có thể giới quan như mơ, không có trong thực tại. Tuy hô bất phân biệt nhị nguyên nhưng nó cứ động tâm phân biệt, chấp tướng cơm và phần, tìm cơm bỏ phần. Thực chất, Huyền Giác có 2 loại tà kiến: Thường kiến cho là có Phật tánh thường hằng là bản thể và Vô hành kiến cho là bất cần bỏ ác hành thiện vì vạn pháp vốn tự thanh tịnh. **Chứng thứ đạo của ảo tưởng tà kiến là tạo nghiệp đưa tới quả khổ, chẳng liên can gì đến đạo Phật.**

Vì chấp Phật tánh là bản thể vạn pháp nên Huyền Giác có câu “*Vô minh thực tánh tức Phật tánh*”. Như vậy, Phật tánh của nó thanh tịnh bất động mà lại có tạo tác ô nhiễm!!! Thực chất, câu thơ ấy đã giúp kẻ ngu xấu ác có được cơ sở hý luận. Họ tự do say sưa, lừa dối,... mà chẳng cần e ngại vì nghĩ những điều ấy đều là do bản thể Phật tánh quyết định.

Vì không biết “*tất cả pháp vô ngã*” (Pc279), không có “*tất cả pháp có đại ngã*”, vô thường, vô ngã không có nghĩa là huyền nên Huyền Giác đồng nhất sự thật thân 5 uẩn với Đại Ngã Pháp thân “*Thân huyền hóa không thật thể chính là Pháp thân*”.

Thực tế, Phật nói rõ là sau khi thành Phật thì vẫn còn chịu quả.¹⁵² Do còn thân 5 uẩn nên Phật còn chịu quả của ác nghiệp tạo từ vô số kiếp quá khứ về trước, ví dụ đau lưng. Do đó, không vì thành Phật mà mọi quả ác triệt để hết trở.

¹⁵² “*Này các tỳ-kheo, hãy lắng nghe nghiệp do Như Lai đã tự mình tạo tác; quả báo của những mảnh vụn ác nghiệp ấy vẫn trở sinh ngay cả khi Như Lai đã thành Phật.*” (Ap 1.390)

Những ai hiểu biết nghiệp quả là do duyên sinh thì sẽ hiểu nghiệp quả vô ngã, có nghiệp quả nhưng không có cái ngã sở hữu, làm chủ nghiệp quả. Họ không chấp ngã, không vì nghiệp quả là vô ngã mà nói rằng không có nghiệp quả, nghiệp quả là không. Phật nói sự tồn tại do duyên là thật có, không lấy tự tánh làm cơ sở xác định sự tồn tại.⁸⁰ Tuy vậy, Huyền Giác hý luận "*Ngộ rồi thì nghiệp chướng xưa nay vốn là không. Chưa ngộ thì nợ xưa đành phải trả*". Đó là **hậu quả của sự thất học**, "*bất lập văn tự*". Nó không biết đức Phật và ngài Moggallāna là vô ngã, **không có quyền hành xóa bỏ quả**.

Do thất học, "*bất lập văn tự*", Huyền Giác không biết có Pháp và phi Pháp. Nó khi dễ Đạo Đế Giới Định Tuệ mà Phật đã dạy, đề cao pháp tự xưng là "*đốn ngộ*", "*tối thượng thừa*" do phàm phu thời mạt pháp, *không thật quy y Pháp* chế. Nó coi chỉ học theo lời Phật là "*Đi đếm của báu cho người có ích gì?*" Nó không biết chỉ có học đúng lời Phật thì mới có thể hành đúng Pháp. Nó mặc định cứ hành theo pháp do phàm phu thời mạt pháp chế ra là giỏi mà không biết đó là tạo nghiệp tà kiến đưa đến quả khổ, là tai hại hơn không hành gì.

Ví như kẻ mất trí phân biệt không biết thiện ác, chẳng sợ chỉ trích, cũng vậy, Huyền Giác công nhiên thất học, tà kiến, hành trái lời Phật mà không hề e ngại bị chỉ trích:

Mặc người nói xấu, mặc người chê

Dem lửa đốt trời chỉ uống công!

Ta nghe như uống cam lồ vậy

Liên tan vào trong, chẳng nghĩ bàn!

“Bình Thường Tâm Thị Đạo”

Tốt Gỗ Hơn Tốt Nước Sơn

Thực chất, đạo Phật là của đức Phật và đức Phật không ép buộc ai phải theo đạo Phật. Tuy vậy, những ai đã chọn xuất gia làm tu sĩ đạo Phật thì cần phải theo Giới Luật mà đức Phật đã đặt ra. Nếu không theo Giới Luật của đức Phật mà tự nhận là Tỷ-kheo đệ tử của Phật thì đó là sự lừa dối và *nuôi mạng bằng sự lừa dối* thì đó là tà mạng. Ví như quốc gia tồn tại nhờ có luật pháp, cũng vậy, đạo Phật tồn tại là nhờ có Giới Luật và sự gìn giữ Giới Luật. Đạo Phật không tồn tại nhờ sự lừa dối, không theo Giới Luật. Sự lừa dối không giúp đạt mục đích giải thoát khổ của đạo Phật, trái lại còn khiến phải chịu quả khổ do nghiệp lừa dối, tà mạng.

Tuy vậy, có nhiều người phá bỏ cốt lõi Giới Luật để có danh, vỗ bọc Tăng, Ni.

Và đức Phật đã đặt ra bốn giới Pārājika Bất Cộng Trú đối với các Tỷ-kheo, ai phạm các giới này thì phải bị trục xuất, không được là Tỷ-kheo và cũng không được phép xuất gia lại làm Tỷ-kheo. Đó là các giới cấm không được hành dâm, trộm cắp, giết người, khoe pháp thượng nhân không có thật.

Tuy vậy, dù Phật không ép ai xuất gia nhưng có nhiều người làm “*Tăng*” nhưng lấy sự giết người làm cách “*gìn giữ*” “*phát dương quang đại*” “*Phật Pháp*”. Cụ thể, “*Phật giáo*” Nhật thời xưa từng xuất hiện thể loại “*Tăng binh*” là những thứ “*Tăng*” chuyên sử dụng vũ khí để chống cướp, bảo vệ “*chùa*”, giết người và tiêu diệt các “*tông phái*” khác.

Thực tế, đức Phật cũng không cấm ai xả y, từ bỏ đời sống xuất gia, *quay lại đời sống thế tục*. Chỉ cần xả y, từ bỏ học giới là thành người cư sĩ có thể có vợ con, khi nào muốn thì quay lại xuất gia. Đời sống xuất gia thì phải khác với tại gia. Tuy vậy, “*Giáo đoàn Tân Tăng*” của Phật giáo Nhật Bản lại cho phép lấy vợ để có con. Họ duy trì dòng giống của mình, đi ngược Giới Luật xuất gia và bảo đó là để gìn giữ đạo Phật.

Phật chế định Giới Luật còn là vì tín tâm của người trí. Người thiếu trí thì không biết lẽ phải và không chấp nhận tham sân si là bất thiện, họ ưa thích phục vụ tham sân si. Vì Phật Pháp, Giới Định Tuệ là hướng đến ly tham sân si nên họ không chấp nhận và không có tín tâm với đạo Phật.

Thực chất, Phật thuyết dạy là vì những người trí có ít bụi trong mắt. Và trí về Phật Pháp lẫn trí giải thoát thì chẳng liên can gì đến trí thế gian. Thời đức Phật, rất nhiều người tầng lớp thấp chứng quả giải thoát và nhiều bà-la-môn là những thầy tà kiến. Do vậy, dù trí thế gian ngày nay hơn thời xưa thì điều đó vẫn là vô nghĩa trong đạo Phật. Thực tế, thay vì bắt chước người xưa nỗ lực hành Giới Định Tuệ để đạt mục đích giải thoát, nhiều người thời nay hay có đòi hỏi sai pháp, bóp méo Pháp và Luật để thỏa mãn tham sân si.

Thế gian là có trí-ngu, thiện-ác, tốt-xấu, lợi-hại. Do vậy, Phật từ bi như nhau với tất cả chúng sinh chứ không xem chúng sinh là bình đẳng. Kẻ ngu ác thì không bình đẳng với bậc thiện trí. Trong Kinh Phân Biệt Cúng Dường (M.142),

Phật dạy phước cúng dường, bố thí cho những loại người đó là khác nhau chứ không bình đẳng như nhau.¹⁷⁰

Vì Phật vẫn là tồn tại do duyên nên có chấp nhận một số văn hóa Ấn Độ. Điều đó không có nghĩa là Phật chấp nhận văn hóa phi pháp. Phật phủ định nhiều tri kiến bà-la-môn, tà kiến trong xã hội. Phật bác bỏ tế lễ bằng sát sinh, bác bỏ bà-la-môn do *huyết thống, thọ sinh*. Phật gọi Arahant mới là bà-la-môn. Phật theo sự thật, lẽ phải, gọi kẻ ngu là kẻ ngu, không bóp méo Pháp để chiều lòng kẻ ngu, không hòa theo hay thu hút kẻ ngu. Phật không thuyết Pháp vì người ngu. Phật xem thuyết Pháp cho những người ngu là ác thuyết.¹³ Do đó, không có cái gọi là vì “*tuân theo chuẩn mực xã hội*” mà bậc Thiên Nhân Sư đặt Ni phụ thuộc và thấp hơn Tăng.

Do không biết thế gian là có trí-ngu, thiện-ác, không bình đẳng, không biết đạo Phật là học và hành theo lời Phật *chứ không phải là pháp luật xã hội* nên có nhiều người thay vì tu tập Giới Định Tuệ để giải thoát khổ thì họ đấu tranh cho tự do dân chủ, bình đẳng giới. Thay vì xấu hổ vì có nhiều phiền não tham sân si, chưa giác ngộ Niết-bàn thì họ tự hào ngày nay là thời của “*giác ngộ*”, “*giác ngộ tự do, bình đẳng*”.¹⁵³

¹⁵³ ***Thời đại của chúng ta được tạo hình bởi những ý tưởng của thời kỳ giác ngộ, một sự vận động đã khẳng định phẩm giá vốn có trong mỗi con người, đưa đến sự sinh khởi của dân chủ, đánh dấu sự khởi đầu trong các khái niệm như là nhân quyền và quyền bỏ phiếu, và đưa đến sự đòi hỏi bình đẳng trong chính trị, công bằng cho tất cả mọi người dưới pháp luật. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng Tỳ-Khưu-Ni Trong Truyền Thống Nguyên Thủy - Bhikkhu Bodhi)***

Thực tế, để gia nhập một tổ chức thì cần phải đáp ứng các điều kiện và thủ tục nhất định. Tùy tiện mặc cảnh phục và tự nhận là cảnh sát thì đó là sự lừa gạt, bất hợp pháp. Và khác với cư sĩ tại gia có thể thành đệ tử Phật chỉ bằng cách quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, người muốn xuất gia theo đạo Phật cần tuân theo nhiều quy định về xuất gia. Tuy vậy, vì danh lợi, ngã mạn, có nhiều người phá vỡ Giới Luật về xuất gia, thành “Tỷ-kheo-ni” sai pháp từ các tông phái.

Và sự ra đời Hội chúng Ni thì không phải là điều tốt đẹp cho Giáo Pháp. Đức Phật dứt khoát từ chối cả ba lần xin cho người nữ xuất gia trong Giáo Pháp của dì mẫu Gotamī¹⁵⁴ và cả ba lần xin như vậy của ngài Ānanda.

Chỉ khi ngài Ānanda tìm cách xin cho người nữ xuất gia trong Giáo Pháp theo phương thức chỉ liên hệ đến lợi ích và khả năng của người nữ nếu được xuất gia trong Giáo Pháp, cũng như nhắc đến công đức của bà Gotamī với Thế Tôn thì khi đó đức Phật mới chấp nhận có Tỷ-kheo-ni với điều kiện là bà Gotamī chấp nhận Tám Trọng Pháp.¹⁵⁵

¹⁵⁴ - Bạch ngài, **tốt đẹp thay** người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Như Lai công bố.

- Này Gotamī, **thôi đi!** Bà chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Như Lai công bố nữa. (Vin.Cv.x)

¹⁵⁵ -Bạch ngài, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ có khả năng chứng đạt quả vị Nhập lưu hoặc quả vị Nhất lai hoặc quả vị Bất lai hoặc quả vị Arahant hay không?

- Này Ānanda, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, **nữ nhân có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị Arahant.**

Do cách thỉnh cầu cho rằng Tỳ-kheo-ni là sự tốt đẹp cho Giáo Pháp mà Phật từ chối 6 lần. Do lần thứ 7 xin vì lợi ích và khả năng chứng đắc của họ, vì công đức của bà Gotamī mà Phật chấp nhận có Ni với điều kiện là Tám Trọng Pháp *chứ không phải là vô điều kiện*. Phật từ chối hay chấp nhận là có lý do. Tuy vậy, có nhiều kẻ coi 6 lần từ chối là còn do dự.

- Bạch ngài, nếu sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ **có khả năng** chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị A-la-hán nữa; bạch ngài, **bà Mahāpajāpati Gotamī có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn**, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, **nếu bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà:**

Tỳ khưu ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện **sự dẫn lễ**, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến **vị tỳ khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy**. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni **không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỳ khưu**. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ khưu là việc hồi ngày lễ Uposatha và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni đã trải qua mùa (an cư) mưa nên yêu cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hành phạt mānatta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Điều kiện Tám Trọng Pháp chỉ ra quan hệ giữa Tăng-Ni, giúp Giáo Pháp tồn tại tốt đẹp. Ni tồn tại nương nhờ Tăng, chứ không bình đẳng với Tăng. Thực tế, Giáo Pháp tồn tại mà không cần có Ni từ hơn 2000 năm trước. Tuy vậy, có nhiều người cho rằng Tỷ-kheo-ni ngang hàng với Tỷ-kheo.

Hơn ai hết, đức Phật biết rất rõ “*Tất cả hành vô thường*” (PC.277). Phật biết Hội chúng Tăng-Ni sẽ vô thường từ trước khi thiết lập. Thực tế, do không giữ được truyền thừa theo Giới Luật mà Ni chúng vô thường từ hơn 2000 năm trước.

Khi Ma vương thỉnh Phật diệt độ, Phật bảo sẽ *chưa diệt độ* khi chúng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ “*chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp...*” (D.16) dù lúc đó chưa có Tứ chúng chỉ có nghĩa là Phật sẽ lập Tứ chúng theo cách tốt nhất. Việc Phật sẽ lập Tứ chúng không có nghĩa Ni là trụ cột, bình đẳng với Tăng, Ni phải thường còn, phải tồn tại bằng mọi giá, bất chấp phạm giới, vi phạm Tám Trọng Pháp, điều kiện cho sự thành lập Ni.

Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni không vi bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi nói xấu tỳ khưu. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỳ khưu ni đến các tỳ khưu bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỳ khưu đến các tỳ khưu ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời. (Vin.Cv.x)

Con người xưa ít tham sân si hơn nhưng sự xuất hiện Ni vẫn tác động xấu tới Giáo Pháp. Do đó, Phật 6 lần từ chối và chỉ đồng ý với điều kiện bà Gotamī chấp nhận Trọng Pháp.

Phật cho phép có Ni là vì lợi ích, khả năng của người nữ, không phải vì lợi ích của Giáo Pháp. Phật đặt ra điều kiện là để bảo vệ Giáo Pháp, giúp Ni tồn tại cho đến khi còn có ích.

Và do đức Phật đã phòng xa, đặt ra Tám Trọng Pháp mà *Diệu Pháp, tức pháp chứng Arahant với lục thông và bốn tuệ phân tích, vẫn tồn tại 1000 năm như khi không có Ni chúng.*¹⁵⁶

Người nữ xưa ít tham sân si hơn còn không giữ nổi giới, khiến bị dứt truyền thừa. Vậy nên người nữ thời sau nhiều tham sân si hơn thì hay dứt giới. Do dứt giới, họ không có Định và Tuệ, không thể đắc Đạo-Quả như điều ngài Ānanda nêu ra để Phật chấp nhận có Ni. Do dứt giới, họ sẽ đi đến khổ cảnh. Với Trọng Pháp quy định xuất gia ở 2 hội chúng, Phật giúp Ni tồn tại cho đến khi còn có ích, ngăn Ni tồn tại vô ích, ngăn tái lập một khi đã vô thường, dứt truyền thừa. Họ được bảo vệ bởi trọng pháp chứ không phải khinh pháp.

¹⁵⁶ - *Này Ānanda, nếu nữ nhân không đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài, **Diệu Pháp (saddhamma) có thể tồn tại một ngàn năm.** Này Ānanda, bởi vì nữ nhân đã xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, **giờ đây Diệu Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.***

Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông **chính vì phòng xa** nên cũng có bờ đê của cái hồ lớn để không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tự như thế, **tám Trọng Pháp do ta chính vì phòng xa đã quy định cho các tỳ khưu ni** cho đến trọn đời không được vi phạm. (Vin.Cv.x)

Vì Tám Trọng Pháp liên hệ đến cả Pháp và Luật nên đã được kết tập trong cả *Tạng Kinh (Tăng Chi-Mahāpajāpati Gotamī (A.8.51))* và *Tạng Luật (Tiểu Phẩm-Chương Tỷ-kheo-ni)*. Cả hai đều thuộc về Chánh Tăng. Tuy vậy, có nhiều người thiếu học cho rằng Tám Trọng Pháp là “*còn đang tranh cãi*”.

Và đức Phật đã tiến hành thành lập Ni chúng qua 2 bước.

1) Bà Gotamī tu lên bậc trên bằng sự thọ nhận Bát Trọng Pháp. Lúc đó *chưa có Ni chúng*. Bà là Tỷ-kheo-ni đầu tiên.¹⁵⁷ Bà là người không có và chưa có khả năng làm Ni sư tể độ.

2) Vì một mình bà Gotamī thì không phải là Ni chúng nên đức Phật chỉ định 500 nữ Sakya đi theo bà được tu lên bậc trên trước Tăng chúng. Khi đó mới có Ni chúng. Sau khi có Ni chúng thì phải theo Trọng Pháp, phải tu lên bậc trên trước hai hội chúng cũng như phải có Ni sư tể độ.

Vì đây là sự thiết lập Ni nên trừ Phật không ai có thể làm hay làm lại khi đã có Ni. Trừ họ, không ai có thể nhận Tám Trọng Pháp như bà Gotamī hay trực tiếp tu lên bậc trên trước Tăng chúng như 500 nữ Sakya mà thành Tỷ-kheo-ni.

Do sự thành lập Ni chúng chỉ xảy ra một lần nên Phật ra chỉ thị cho sự việc mà không ra điều luật gì. Tăng Luật cũng không nói trình tự, thủ tục, đề nghị, thông báo của Tăng sự cho các nữ Sakya xuất gia. Dù có muốn bắt chước thì cũng không biết Tăng sự ấy phải làm thế nào để thành tựu.

¹⁵⁷ - *Này Ānanda, kể từ lúc bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, chính vào lúc ấy bà đã được tu lên bậc trên.* (Vin.Cv.x)

Sau đó, Phật quy định cho chư Tăng được phép ban phép tu lên bậc trên đến các Tỷ-kheo-ni.¹⁵⁸ Nhờ đó, Trọng Pháp mới có thể hoạt động. Các vị Ni đó là những người đã tu lên bậc trên một bên với Ni chúng. Phật không cho Tăng quyền ban phép tu lên bậc trên đến các nữ giới tử. Khoan nói đến không biết Tăng sự thế nào, nếu Tăng cho nữ giới tử tu lên bậc trên thì đó là sai quy định, trái với điều được phép.

Phật không thiết lập Ni vì sự bình đẳng. Phật thiết lập Ni vì khả năng đắc Thánh của họ, vì công đức của bà Gotamī, với điều kiện là Trọng Pháp chứ không phải khinh pháp hay vô điều kiện. Vì người nữ vị lai có nhiều phiền não, khó đắc Thánh hơn nên Phật không cần "*hậu chiêu*" bỏ điều kiện Trọng Pháp để tái lập Ni, làm *hại Giáo Pháp* và *người nữ vị lai*.

Thật ra, không phải chỉ khi xuất gia Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni thì mới có thể giác ngộ giải thoát khổ. Đức Phật dạy Đạo Đế Giới Định Tuệ là con đường đưa đến giải thoát khổ chứ không dạy hình tướng tỷ-kheo hay tỷ-kheo-ni mới đưa đến giải thoát. Thực tế, có rất nhiều cư sĩ chứng quả giải thoát còn vô số Tăng, Ni thì đi đến khổ cảnh vì phá giới, tà mạng.

Và người xuất gia thì có nhiều thuận duyên hơn để tu tập Giới Định Tuệ, giác ngộ, giải thoát khổ. Vì có nhiều giới và môi trường thuận lợi hơn nên họ dễ ly tham, giải thoát hơn. Tuy vậy, nếu không chịu giữ giới thì họ sẽ đi đến khổ cảnh, đi ngược, không đạt mục đích giác ngộ, giải thoát khổ.

¹⁵⁸ - *Này các tỷ khưu, ta cho phép các tỷ khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các tỷ khưu ni. (Vin.Cv.x)*

Và người tại gia thì khó có môi trường thuận lợi để hành Giới Định Tuệ, có ít giới để giữ hơn nên họ khó giác ngộ, giải thoát hơn. Tuy vậy, họ sẽ không mắc nợ thí chủ, không phạm các giới liên quan đến lừa dối tà mạng của Tỷ-kheo, những giới mà khi vi phạm sẽ cho quả đưa đến khổ cảnh.

Thực tế, có nhiều cư sĩ và nữ tu sĩ Phật giáo đã học tập và giảng dạy Phật Pháp ở nhiều trường Phật Học trên thế giới. Nói cách khác, việc học tập và thuyết dạy Phật Pháp cho mọi người không phải là độc quyền của các vị Tỷ-kheo.

Tuy vậy, thay vì nỗ lực thực hành Đạo Để Giới Định Tuệ để chứng quả giải thoát hoặc hoằng Pháp dưới hình tướng cư sĩ hay nữ tu sĩ Phật giáo thì vì danh lợi, ngã mạn mà nhiều người đã cố phá giới để thành Tỷ-kheo-ni sai pháp, gây nghiệp bất thiện, hướng đến khổ cảnh.

Thật ra, các nữ tu Phật giáo và Tỷ-kheo-ni chỉ khác nhau ở Giới và bộ y. Để giải thoát, họ đều cần hành Giới Định Tuệ chứ không cần phá giới. Tuy ít giới và bộ y ít ấn tượng hơn nhưng các nữ tu *vẫn đủ điều kiện tu tập*, phát triển tâm linh, giác ngộ, giải thoát khổ. Trái lại, do trộm Ni tướng, tà mạng nên các “Tỷ-kheo-ni” ngày nay chỉ thỏa mãn được cái tôi và danh lợi chứ không thể giải thoát khổ được như các nữ tu. Thực tế, vì bị đứt truyền thừa, người nữ ngày nay không thể học được gì từ Ni chúng. Dù có là “Tỷ-kheo-ni” thì họ vẫn là học từ chư Tăng ở nơi các chùa vốn vẫn dạy cho cư sĩ, nữ tu.

Thực chất, Phật cho lập Ni là vì lợi ích và khả năng tu tập giác ngộ, giải thoát khổ của họ chứ không phải vì khả năng phá giới, lý do bình đẳng, tham gia hoạt động xã hội của họ. Tuy vậy, hiện tại, những người cần Ni tưởng bất kể phá giới là để thỏa mãn danh lợi, ngã mạn và để hoạt động xã hội.

Trong khi đức Phật dạy rõ “*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, **dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua***”(Ud 51), thì có người lại suy diễn ý Phật là muốn họ phá giới. Do đó, họ tâm tư nghĩ cách phá giới xuất gia “*một cách thành tựu*”.¹⁵⁹ Thực chất, cái gọi là “*thiện ý tái lập Tỷ-kheo-ni*” chỉ là ác tâm phá giới, phá Trọng Pháp, lừa đời, gạt mình, đi đến cõi khổ.

Để tái lập Ni chúng, nhiều người có các quan điểm và cách đặt vấn đề khác nhau. Thay vì đi tìm hiểu kinh điển, lời Phật dạy về vấn đề xuất gia, đóng khung trong chân lý, lời dạy trí tuệ của bậc Toàn Giác, Thiên Nhân Sư thì họ lại mở ra các con đường, không gian của những thứ sai Pháp, sai Luật, những thứ được tạo ra từ các giả định, có tính chất bóp méo, trái lời Phật dạy.

¹⁵⁹ Khi chúng ta dự tính làm cách nào để thích hợp nhất cho việc này, chúng ta **không nên hỏi đức Phật đã làm gì 2500 năm trước**, mà nên nghĩ Ngài **muốn chúng ta làm gì** trong điều kiện hiện tại của chúng ta.

Trong bài khảo luận này, tôi không quan tâm đến các giới luật qui định mối quan hệ giữa Tăng và Ni, mà **chỉ chú trọng vào vấn đề thọ giới – xuất gia**. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng Tỷ-Khưu-Ni Trong Truyền Thống Nguyên Thủy - Bhikkhu Bodhi)

Tiến trình tái lập Ni là tiến trình phá giới. Có kẻ cho rằng vì Phật không cấm ban phép tu lên bậc trên cho nữ giới tử nên chư Tăng có thể làm điều ấy.¹⁶⁰ Họ không biết rằng điều Phật chưa cấm mà trái với điều Phật cho phép thì đó là điều không được phép.¹⁶¹ Vì Phật chỉ cho Tăng được phép ban phép tu lên bậc trên đến Tỷ-kheo-ni¹⁶² nên chư Tăng mà ban phép tu lên bậc trên đến nữ giới tử thì đó là sai trái. Hơn nữa, đó còn là sự vi phạm Trọng Pháp, điều quy định phải tu lên bậc trên trước hai hội chúng. Và vì Tạng Luật không đề cập gì đến Tăng sự cho nữ giới tử tu lên bậc trên nên “Tăng sự” cho nữ giới tử tu lên bậc trên còn bị hư hỏng do phải chế ra các thủ tục, lời đề nghị, thông báo Pāli.¹⁶³

¹⁶⁰ Tuy nhiên, chúng ta nên đặt vấn đề là nếu một vị Tỷ khưu làm lễ xuất gia cho nữ giới thì có phạm luật không. Mặc dù không có một giới luật nào ngăn cấm việc này, những người bảo thủ trong truyền thống Nguyên thủy lại khẳng định cho rằng nó phải được làm bởi Tỷ khưu ni. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng Tỷ-Khưu-Ni Trong Truyền Thống Nguyên Thủy - Bhikkhu Bodhi)

¹⁶¹ -Này các tỷ khưu, **điều nào ta chưa cấm** rằng: “Điều này không được phép,” và điều ấy phù hợp với điều không được phép và **trái nghịch với điều được phép**, đối với các người **điều ấy là không được phép**. (Vin.Mv.vi)

¹⁶² - Này các tỷ khưu, ta cho phép các tỷ khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các tỷ khưu ni. (Vin.Cv.x)

¹⁶³ - Bốn loại hành sự này **bị hư hỏng vì năm nguyên nhân**: hoặc là **vì sự việc**, hoặc là **vì lời đề nghị**, hoặc là **vì lời thông báo**, hoặc là **vì ranh giới (sīmā)** hoặc là **vì tập thể**. (Vin.Par.xix)

Vì đạo Phật là của Phật nên đạo Phật dùng Pháp Bảo là Phật ngôn tiếng Pāli trong Tăng sự. Tăng sự chỉ thành tựu khi dùng đúng Phật ngôn. Vì có xuất xứ từ những Tỷ-kheo chia rẽ Tăng, không quy y Pháp và Tăng với các khác biệt về giới bổn, nghi thức Tăng sự, sīmā, y phục, giáo lý, mục đích, nhất là vì đề nghị, thông báo của Tăng sự xuất gia quy định bằng tiếng Pāli mà các tông phái chưa thành tựu xuất gia Tỷ-kheo, chưa quy y đúng Tam Bảo, là đạo Phật tự nhận.

Và lần truyền giới tái lập Ni chúng đầu tiên đã diễn ra tại Bồ Đề Đạo Tràng bởi chư Tăng Đại Thừa theo truyền thống Tàu, tức khác với đạo Phật.¹⁶⁴ Do xuất gia với Đại Thừa nhưng lại đáp y Tỷ-kheo-ni, không chịu đáp y Ni Đại Thừa và còn tự nhận mình là Tỷ-kheo-ni trước chư Tăng nên đó là sự trộm Ni tướng. Sau đó, những người trộm Ni tướng ấy đã được chư Tăng cho “*tu lên bậc trên*” ở vườn Lộc Uyển.¹⁶⁵ Và sự ban phép tu lên bậc trên cho người trộm Ni tướng là phạm giới, bất thành tựu, kẻ trộm tướng cần bị trục xuất.¹⁶⁶

¹⁶⁴ Lễ truyền thọ giới pháp hoành tráng này tập hợp Chư Tăng từ nhiều truyền thống khác nhau – Đại thừa của Trung quốc, Nguyên thủy và Tây tạng – cùng với các Tỷ khưu ni Đài loan và Tây phương để **tạo ra lễ thọ giới kép theo truyền thống Trung quốc**.

¹⁶⁵ các vị ni đó đã đến Sarnath (vườn Lộc uyển, nơi Phật lần đầu tiên thuyết pháp đến 5 vị tu khổ hạnh), nơi họ được Chư Tăng Sri Lanka **truyền giới (Upasampadā) lại theo truyền thống Nguyên thủy bằng ngôn ngữ Pāli**. (Sự Phục Hồi Của Hội Chúng TỷKhưuNi Trong Truyền Thống Nguyên Thủy)

¹⁶⁶ - Nay các tỷ khưu, **kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất**. (Vin.Mv.i)

Có người rất biết cách tự mâu thuẫn, một mặt họ nói đó là Đại Thừa, mặt khác họ gọi đó là tông phái Pháp Tạng.¹⁶⁷ Họ không biết rằng sở dĩ được gọi là Đại Thừa là vì có sự khác biệt cốt lõi với đạo Phật, không thể vì có giữ các bộ luật như thư viện thì đó là đạo Phật. Và họ cũng nói rõ là trong tông phái đó, “Tỷ-kheo” sẽ trực tiếp cho các nữ giới tử tu lên bậc trên.¹⁶⁸ Trong khi đạo Phật không cho phép làm điều ấy thì thứ tông phái “*tuân theo bộ luật có nguồn gốc rất sớm*”, “*đặc biệt Tạng Luật phần lớn là giống nhau*” lại được làm. Trong khi chư Tăng trực tiếp ban phép tu lên bậc trên cho nữ giới tử là phi pháp, không thành tựu, phải chế ra những thủ tục, lời đề nghị, thông báo Pāli, thì họ nghĩ rằng nếu do Đại Thừa tiến hành thì sẽ thành tựu Tỷ-kheo-ni đạo Phật.

Xuất gia với Đại Thừa, không thành tựu xuất gia theo Giới Luật nhưng lại trộm ni tướng, sống bằng danh xưng và bộ y “tỷ-kheo-ni”, “học nữ”, “sadini” thì đó là lừa dối tà mạng,¹⁶⁹ đi đến khổ cảnh, không đạt được mục đích giải thoát khổ.

¹⁶⁷ Trong lúc Chư Tăng và Ni của Đại thừa thực hành theo truyền thống phát triển nhưng họ **vẫn tuân theo một bộ luật mà nó có nguồn gốc rất sớm**, một chi nhánh của **phái truyền thừa Dharmaguptakas rất gần với Nguyên Thủy** hay Nam truyền vì cùng xuất phát từ phái Vibhajjavāda. Họ thực sự là **chi nhánh Tây – Bắc của Ấn độ**, một **bản sao của Theravāda**, với một hệ thống kinh điển, và Luận (Abhidharma), **đặc biệt Tạng Luật phần lớn là giống nhau**.

¹⁶⁸ Trong quá trình **Phật giáo truyền thừa ở Trung Quốc**, trong dòng truyền thừa của **phái Pháp tạng**, lễ thọ giới Tỳkhưu-ni thường **chỉ có một hội chúng của Tỳ-khưu truyền giới hơn là lễ truyền giới kép**.

¹⁶⁹ Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là tà mạng? Lừa đảo**, nói lời mê ly, hiện tướng, **gian trá**, lấy lợi cầu lợi; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà mạng. (M.117)

Thật ra, người lừa dối, trộm ni tướng, của đàn na tín thí thì không có tư cách truyền Tam Quy, Ngũ Giới cho người cư sĩ. Người có 3 giới thì không có tư cách truyền 5 giới. Người lừa dối thì không có tư cách được Phật tử chấp tay. Bồ thí cho người ác giới thì không bằng cho Phật tử 5 giới.¹⁷⁰

Sống ở trên đời thì ai cũng từng có sai lầm. Và ai có trí thì sẽ biết sám hối Tam Bảo và quay về lại với Chánh Pháp. Người đời đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại.

Người ngu biết mình ngu, Những người hay khuyên bảo,
Nhờ vậy thành có trí. Ngăn người khác làm ác,
Người ngu tưởng có trí, Được người hiền kính yêu,
Thật xứng gọi chí ngu.(PC 63) Bị người ác không thích.(PC 77)

Bậc Arahant vì đã đoạn tận phiền não nên ghê sợ tội lỗi, chỉ còn khổ thân, không còn sân, khổ tâm. Người trí dù còn tham sân si vẫn biết sợ tội lỗi, sợ khổ lâu dài hơn trước mắt. Trái lại, kẻ ít trí đầy tham sân si thì không ghê sợ tội lỗi. Họ vì cái ngã mà sợ khổ trước mắt chứ không sợ khổ lâu dài. Họ coi nói và làm vì ý thích, tham sân si, danh lợi ngã mạn, bất cần quả lành không sợ quả khổ mới là hay ho đúng đắn.

¹⁷⁰ Tại đây, này Ananda, sau khi bồ thí cho **các loại bàng sanh**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.

Sau khi bồ thí cho những **phàm phu theo ác giới**, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.

Sau khi bồ thí cho các **phàm phu gìn giữ giới luật**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức.

Sau khi bồ thí cho các người ngoại học đã **ly tham trong các dục vọng**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức. (M.142)

Sự Tu Tập và Giác Ngộ

Thực tế, đức Phật tuyên bố là do giác ngộ Bốn Thánh Đế mà thành Phật, chừng nào còn chưa giác ngộ Bốn Thánh Đế thì chừng đó còn chưa là Phật.¹⁷¹ Do nhờ đi theo đạo lộ cũ mà chư Phật quá khứ đều đi qua là Thánh Đạo Tám Ngành mà bồ-tát giác ngộ Bốn Thánh Đế, thành Phật.¹⁷² Kinh điển tiếng Pāli của Phật, do chư Thánh Tăng Arahant thuộc Tăng Bảo kết tập, không đề cập gì đến “pháp Đại thừa” hay “kiến tánh thành Phật”. Đó là các pháp môn chỉ có ở các kinh tiếng Sanskrit của các tông phái hay lời tổ phát sinh về sau.

¹⁷¹ “Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, **trong bốn Thánh đế này**, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật **không khéo thanh tịnh ở nơi Ta**; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, **Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác**.

Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, **trong bốn Thánh đế này**, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, **tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta**; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, **Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác**. Tri kiến khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa”. (S.v,420)

¹⁷² “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua**? Đây chính là **con đường Thánh đạo tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.” (S.ii,104)

Và đức Phật đã nói rõ sự thực hành trong đêm giấc ngộ. Bồ-tát không lấy an tịnh của hai thiền vô sắc làm mục đích như hai vị thầy cũ mà thực hành thiền nhớ đến các kiếp quá khứ, đạt Túc Mạng Minh trong canh đầu, quán sinh tử, nghiệp quả của chúng sinh, thấy **ngiệp thiện cho quả lành, nghiệp ác cho quả dữ**, đạt Sinh Tử Minh trong canh giữa,¹⁷³ và hướng tâm đến đoạn tận lậu hoặc, đạt Lậu Tận Minh, giấc ngộ Bốn Thánh Đế, thành Phật vào canh cuối.¹⁷⁴

¹⁷³ “Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với thiền nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Ngày Vương tử, đó là minh thứ hai Ta đã chứng được trong đêm canh giữa” (M.85)

¹⁷⁴ “Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: “**Đây là Khổ**”, biết như thật: “**Đây là Nguyên nhân của khổ**”, biết như thật: “**Đây là sự Diệt khổ**”, biết như thật: “**Đây là Con đường đưa đến diệt khổ**”, biết như thật: “**Đây là những lậu hoặc**”, biết như thật: “**Đây là nguyên nhân của lậu hoặc**”, biết như thật: “**Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc**”, biết như thật: “**Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc**”. Nhờ biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta **thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu**. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát” Ta đã biết: “**Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa**”. Ngày Vương tử, đó là minh thứ ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối” (M.85)

Tham là gốc rễ của khổ sinh tử luân hồi.¹⁷⁵ Tham được huân tập qua vô số kiếp và không vô duyên mà đoạn tận. Chỉ có *duyên ba-la-mật thiền Tuệ* thấy biết bản chất thế gian là 5 uẩn, 12 nhân duyên vô thường, khổ, vô ngã trong từng khoảnh khắc sát-na từ quá khứ đến vị lai với sự nhàm chán, ly tham mới là cách bào mòn tham, viên mãn trí ly tham, duyên sinh Lưu Tận Trí, đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn.

Vì thấy biết *bản chất thế gian* là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên đạo Phật bác bỏ ngã thường còn quyết định sự vận động của thế gian, cũng như bác bỏ có đấng Sáng Tạo tạo ra chúng sinh, vũ trụ. Do thấy biết chỉ có tiến trình tâm thiền Tuệ sinh diệt do duyên mà đạo Phật bác bỏ ngã linh hồn quyết định sự hành thiền, sự giác ngộ hay sự "*hiện diện*" giác ngộ, tức đạo Phật không chấp nhận có "*tánh biết*"... thứ có vai trò là đại ngã quyết định sự vận động và giác ngộ, thứ là "*cội nguồn thế gian*" của các tông phái.

Và Phật dạy vô minh là không thấy biết Tứ Thánh Đế.¹⁷⁶ Với đạo Phật, không thấy biết 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Tập Đế thì còn vô minh, chưa thấy biết bản chất thế gian. Không có cái gọi là vì không "*ngộ*" "*tánh biết*" mà là vô minh. Thực chất, vì vô minh mà chấp có đại ngã "*tánh biết*"...

¹⁷⁵ Đây các Tỷ-kheo, thế nào là *cội gốc* của đau khổ? Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. (S.iii,32)

¹⁷⁶ "Đây các Tỷ-kheo, **thế nào là vô minh**? Đây các Tỷ-kheo, không rõ biết **Khổ**, không rõ biết **Khổ tập**, không rõ biết **Khổ diệt**, không rõ biết **Con đường đưa đến Khổ diệt**." (S.ii,2)

Thật ra, đạo Phật chỉ có pháp tuần tự, để giác ngộ thì cần có duyên tu tập tuần tự.¹⁷⁷ Đạo Phật không đi trong đui mù, không có cái gọi là từ sự mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Tập Đế, suy tư về thế gian mà “hoát nhiên đại ngộ” Niết-bàn.

Ví như người đời dùng phương tiện là vì phương tiện đưa đến mục đích, vì cái họ cần là đạt mục đích chứ không phải phương tiện nên sau khi đạt mục đích, họ rời phương tiện. Cũng vậy, Phật dạy xem Pháp như chiếc bè, là phương tiện để có trí thấy biết đúng bản chất thế gian, từ đó ly tham, giác ngộ Niết-bàn, đạt bờ đoạn tận khổ luân hồi. Hơn thế, Phật dạy không nên chấp thủ bất kỳ cái gì là của mình.¹⁷⁸

Khác với người đời chỉ bỏ phương tiện sau khi đạt được mục đích, dòng Huyền Giác cho là “*phương tiện chỉ dẫn đến phương tiện, phương tiện không bao giờ đưa đến cứu cánh*”¹⁷⁹, thấy “*muốn lên bờ bến thì phải bỏ thuyền bè*”. Do đó, họ bác bỏ việc dùng phương tiện, bác bỏ việc dùng phương tiện là sự dụng công tu tập để thấy biết đúng bản chất thế gian 5 uẩn.

¹⁷⁷ Đây Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này, **các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh**, nên này Pahàràda, đây là vì diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. (A.8.19)

¹⁷⁸ Chư Tỷ-kheo, các Ông **cần hiểu ví dụ cái bè**. Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp. (M.22)

¹⁷⁹ Tu hành chỉ là phương tiện, **phương tiện chỉ dẫn đến phương tiện, phương tiện không bao giờ đưa đến cứu cánh**. Thuyền bè chỉ là thuyền bè, còn chấp dùng, **yên vị trụ vững bền lâu trên thuyền bè thì không bao giờ là bờ bến, vì thuyền bè không phải là bờ bến, muốn lên bờ bến thì phải bỏ thuyền bè**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Vì không biết có vô minh và sự ngộ của vô minh nên họ ngộ có thể trực tiếp “ngộ”.¹⁸⁰ Họ không biết rằng là thiếu học, không thấy biết 5 uẩn thì chỉ có con mắt vô minh, chỉ có thể “trực chỉ vô minh ngộ ra tà kiến”. Thực chất, họ chỉ là ở bên bờ sinh tử luân hồi với con mắt u mê, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không thấy biết sinh tử, từ vô minh mà đạt tà kiến, đi đến khổ cảnh, trái với sự tu tập trí thấy biết đúng bản chất thế gian, đi đến ly tham, giác ngộ Niết-bàn, đến bờ kia của đạo Phật.

Và dòng Huyền Giác bác bỏ sự dụng công tu tập Đạo Đề Giới Định Tuệ, nghĩ rằng hý luận từ sự vô minh, thiếu học, không có trí thấy biết 5 uẩn, quá khứ-vị lai là “thiền”, là “ngộ”, là “có nhận thức đúng”, “phá mê lầm”, “rõ biết sinh tử”.¹⁸¹ Thực chất, họ chấp thủ nhận thức vô minh, sự dụng công làm ăn, chứ không chấp sự tu tập trí thấy biết đúng bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na, viên mãn dần trí ly tham giác ngộ Niết-bàn theo lời Phật.¹⁸²

¹⁸⁰ Ngay nơi ta đang đứng chính là đường chân trời, đừng đi tìm đường chân trời ở nơi xa xôi nào. **Ngộ thì ngay đây mà ngộ, đừng tầm cầu, đừng dụng công**, đừng chờ đợi ở một kiếp sau xa xôi diệu vợi nào. (LL1DT)

¹⁸¹ Nếu đến với dòng thiền này để mong đắc thánh, để chứng thoát tục, để đạt cao siêu, để có quyền năng và huyền năng khác người thường, để sở đắc một trạng thái tâm thù thắng nào đó, thì tôi e rằng bạn sẽ thất vọng. Đơn giản, thiền là giác ngộ, không ngộ thì chẳng có thiền, giác ngộ là không làm nhận về thân phận tự ngã, không làm nhận về hiện tượng sanh tử, đây là cốt tủy của thiền. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

¹⁸² “Tu phật cũng vậy, chỉ cần nhận thức đúng, không cần dụng công, nếu dụng công thì không khác gì người chạy về phương tây mà vật cần tìm lại ở phương đông, càng chạy càng xa, càng nhanh càng trễ.” (LL1DT)

“Hình Ảnh Phật”

Thực tế, đức Phật đặt ra các điều luật cho Tăng chúng là nhằm đạt mười lợi ích. Trong đó có nhiều điều quy định về diện mạo, y phục, tức dấu hiệu của đạo Phật, là để *“nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật”* (Vin.Vi.1.22).

Trái lại, do chấp thế gian là *“không thật”*, chỉ có *“thể tánh”*, *“Phật tánh”*... mới là *“thật có”* nên các tông phái không chấp y Phật. Họ chỉ chấp hình Phật mặc y ngoại đạo theo ý họ. Đặc biệt, có kẻ mặc y ngoại đạo nhưng lại nhận là *“tổ y bát”*, là *“đệ tử Phật”*. Tuy hô hào thế giới, sinh tử là không thật có, không chấp Giới, y, lời Phật nhưng thực chất là họ kẹt chấp vào ăn mặc, tham sân, tà kiến, y của mình, chưa biết lỏa thể.

Như các tổ chức quy củ, đạo Phật dùng diện mạo, y phục làm biểu tượng, dấu hiệu nhận dạng. Phật có các điều luật quy định chi tiết về y, cách may, cách đắp y lẫn cạo râu tóc không phải là để đệ tử phá bỏ. Hình ảnh các tông phái và *“Phật”* của các tông phái mặc y ngoại đạo chứng minh họ dựa hơi Phật, không quy y nương tựa Tam Bảo hay lời Phật. Họ xem giữ giới là bảo thủ còn phá Giới Luật là *“phát triển”*.

Và ngày nay có nhiều người không chấp trí tuệ, kinh điển và bằng chứng. Nhiều người tin rằng trong bảo tàng Anh có một bức hình là hình Phật nhưng thực tế là không ai có thể tìm ra.

Đó là hình một anh râu tóc bù xù, mắt hí một mí, mắt to, mắt nhỏ, đeo bông tai, mặc y ngoại đạo. Trên hình không có chữ cổ gì nhưng có chữ hiện đại “*xác định*” đó là “*Phật*” năm 41 tuổi và tên tác giả là “*Phú-lâu-na*”. Thực chất, vẽ hình không khó, chỉ có làm giả giấy và giả chữ cổ mới là khó.

Thực tế, bồ-tát đã thực hành 10 ba-la-mật qua vô số kiếp với tâm tái sinh kiếp chót là đệ nhất đại quả tâm, dư nghiệp từ bi và phước báu để không có quả xấu xí. Và hình người xấu xí ấy thật sự khiến nhiều người có nghiệp sân bất thiện.

Và ai thiếu học, không biết *Phật dạy 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp (D.30)* thì mới tin đó là “*hình Phật*”. Vì không chấp kinh điển, trí tuệ nên nhiều người không biết rằng bồ-tát cắt tóc từ khi xuất gia và ngoại đạo thấy Phật là “*Đầu vị này trọc*” (*S.i,167*). Họ nghĩ “*Phật*” chấp bông tai chứ không chấp râu tóc bù xù. Thật ra, cư sĩ giữ giới bồ-tát thì đã không trang điểm đeo bông tai và Phật đã dạy “*bậc xuất gia nên thường quán tưởng: “ta có tướng mạo khác kẻ thế”*” (*A.10.48*). Ở đây, người trí tin Tăng Bảo, chứ không tin thứ sai pháp, có nguồn gốc vu vơ.

Vô Ngã và Sự Tác Ý về Vô Ngã

Thế nào là vô ngã? Thực tế, đức Phật đã đặt ra 5 câu hỏi tương ứng với 5 uẩn để giúp cho Saccaka (tức Aggivessana) là một bậc thầy về chấp ngã, hiểu được 5 uẩn là vô ngã.

- *Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Như ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?*

- *Thưa không, Tôn giả Gotama.*

- *Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, ông hãy trả lời. Lời nói cuối của ông không phù hợp lời nói đầu của ông, lời nói đầu của ông không phù hợp lời nói cuối của ông.*

...thọ...tưởng...hành...thức... (M.35)

Vậy là do không gì có quyền làm chủ sự tồn tại của sắc, không thể làm sắc trở nên đẹp đẽ hay to lớn hay thường còn mà sắc là vô ngã. Nói cách khác là do không có thứ gì có quyền hành làm chủ sắc nên sắc là vô ngã. Nếu có cái gì có quyền hành làm chủ sắc thì sắc là tự ngã của cái đó. Do không nghĩ thân tâm này là tồn tại do duyên, cứ nghĩ là có quyền hành làm chủ thân tâm này nên có tri kiến chấp ngã.

Các tông phái hiểu khác nhau về ngã và vô ngã. Đạo Phật không cần cùng quan điểm với họ về cái họ coi là ngã/vô ngã.

Thực ra, 5 uẩn là vô ngã nhưng vô ngã là vô ngã. Vô ngã không phải là 5 uẩn và vô ngã cũng không phải là Niết-bàn. Vô ngã nghĩa là không có cái gì có quyền làm chủ sự tồn tại

Trong khi vô ngã là không có quyền làm chủ sự tồn tại và vận động thì có người cho vô ngã có tính chất là do duyên. Họ không biết “*tất cả pháp vô ngã*”(PC279), Niết-bàn là pháp, cũng là vô ngã nhưng khác 5 uẩn, Niết-bàn là thường còn, không có liên can gì đến 5 uẩn và không chịu duyên gì.¹⁸³ Do không có chuyển vận, không có thứ gì có quyền thay đổi sự bất động của Niết-bàn nên Niết-bàn là vô ngã. Tóm lại, cái gì tồn tại và vận động do duyên thì cái đó là vô ngã nhưng pháp vô ngã thì không cần phải là do duyên, đặt ra tính chất do duyên cho vô ngã là sai trái.

Ví như vì không có ngã nên câu hỏi “*ngã có trí hay vô trí?*” là sai pháp, cần bị bác bỏ, không nên trả lời. Cũng vậy, vì không có ngã nên Phật không trả lời (*ngã Như Lai*) có/không có tồn tại sau khi chết với kẻ chấp ngã, mặc định có ngã.

- **Như Lai**, này Vaccha, là **bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã**, hay tự ngã không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai **quán thọ không phải tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức... Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy,**

¹⁸³ “Này các tỷ kheo, có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có hư không vô biên xứ; không có thức vô biên xứ; không có vô sở hữu xứ; không có phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này; không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các tỷ kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, **không có diệt, không có sinh**, không có an trú, **không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau.**” (Ud 80)

lại không trả lời: "Thế giới là thường còn. Hay thế giới là vô thường. Hay thế giới là hữu biên. Hay thế giới là vô biên. Hay sinh mạng và thân thể là một. Hay sinh mạng và thân thể là khác. Hay Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". (S.iv,395)

Vì 5 uẩn là vô ngã nên tập hợp 5 uẩn cũng vô ngã. Vũ trụ, chúng sinh vô ngã vì đó là tập hợp 5 uẩn vô ngã. Vô ngã là lẽ tự nhiên, chỉ cần ý thức đúng sự thật, không cần làm hay không làm gì để vô ngã. Trong khi không trả lời có/không có tồn tại sau khi chết thì điều Phật trả lời là Bốn Thánh Đế.

- Bạch Thế Tôn, vậy **Thế Tôn trả lời những gì?**
- Nay Potthapàda, **Ta trả lời:** “Đây là khổ”. **Ta trả lời:** “Đây là khổ tập”. **Ta trả lời:** “Đây là khổ diệt”. **Ta trả lời:** “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”.
- Bạch Thế Tôn, **vì sao Thế Tôn trả lời?**
- Nay Potthapàda, trả lời này thuộc về đích giải thoát, **thuộc về Pháp**, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta trả lời. (D.9)

Bốn Thánh Đế thật sự là câu trả lời của đạo Phật vì đó là sự thật về cả pháp hiệp thế lẫn siêu thế, trong đó bao gồm sự thật tốt cùng cũng như sự vận động của chúng sinh và không có liên hệ gì đến ngã. Không có cái ngã nào mà chỉ có

các thực thể tốt cùng là 5 uẩn (*Khổ Đế*). Có sự sinh lên 5 uẩn sau duyên chết đối với ai còn *tham ái* (*Khổ Tập Đế*). Không có sự sinh lên 5 uẩn sau duyên chết với ai đã *đoạn tận tham* (*Khổ Diệt Đế*). *Tham* (*Khổ Tập Đế*) là nhân của sự hiện hữu, khổ sinh tử luân hồi. Đạo Đế Giới Định Tuệ là con đường đưa đến đoạn tận tham ái chấm dứt sự khổ sinh tử luân hồi.

Vì không biết lý do Phật không trả lời *có/không có tồn tại sau khi chết*, không biết câu trả lời của Phật là Tứ Thánh Đế, không biết ý nghĩa tên gọi *Như Lai* nên dòng Huyền Giác hô "Như Lai nghĩa là khi sinh không từ đâu sinh, sau khi nhập diệt không đi về đâu".¹⁸⁴ Nó không biết rằng đồng ý trả lời câu hỏi ngầm chấp ngã là đồng nghĩa với việc đồng ý chấp có ngã.

Chấp ngã hay không chấp ngã là *do duyên khéo hay không khéo tác ý*. Khéo tác ý, ý thức đúng sự thật thì thấy vô ngã.

Sự khéo tác ý "tôi", bà A... là pháp vô ngã, là tập hợp 5 uẩn tồn tại do duyên, không có quyền làm chủ sự tồn tại, phải bị sinh, tử là ý thức đúng sự vô ngã. "*Thân - tâm bất do kỷ*" cũng là một cách hiểu về vô ngã. Tuy vậy, ý thức sự thật thế gian không có ngã, chỉ có tập hợp 5 uẩn vô ngã tồn tại do duyên là điều xa xỉ đối với các tông phái. Do đó, họ có "*pháp môn*" "*diệt ngã*", "*phá chấp ngã*", "*phá chấp sở cầu, sở đắc*".

¹⁸⁴ "Ngày Đức Phật còn tại thế, Ngài nói: **Sau khi Như Lai nhập diệt, nếu ai nói Như lai diệt tận, thì đó là kẻ ngoại đạo, nhưng nếu ai nói Như Lai thường còn, thì đó cũng là kẻ ngoại đạo.** Phật thường tự xưng mình là Như Lai khi Ngài đối thoại. **Như Lai nghĩa là khi sinh không từ đâu sinh, sau khi nhập diệt không đi về đâu**-Vạn pháp như lai, bạn cũng như lai"(LL1DT).

Vì 5 uẩn Khổ Đế và duyên khởi Khổ Tập Đế là pháp của “*Hīnayāna Hạ Liệt Thừa*” nên các tông phái vẫn chấp có ngã, không biết ý thức có pháp vô ngã. Vì chấp ngã nên họ hay có câu hỏi chấp ngã như Potthapàda là ai cầu, ai tu, ai đắc...

Vì 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường chỉ trong sát-na, 5 uẩn ở sát-na trước là duyên sinh ra 5 uẩn ở sát-na sau nên không có cái ngã nào quyết định sự tồn tại và vận động của 5 uẩn, chúng sinh, vũ trụ, thứ tồn tại và vận động do duyên.

Vì giác ngộ bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na, không có quyền làm chủ sự tồn tại nên đạo Phật chỉ chấp nhận *không tánh*, không có tánh ngã, bác bỏ “*tánh biết*”, “*tánh thể*”, “*Phật tánh*”,... thứ có vai trò là đại ngã thường còn quyết định sự vận động, “*cội nguồn*” của thế gian 5 uẩn. Và cũng vì thế gian không có ngã tánh nên đạo Phật còn bác bỏ cái gọi là “*quay về với tự tánh thanh tịnh*”.

Tuy hô vô ngã nhưng thay vì ý thức không có ngã tu, đắc, sinh tử... mà chỉ có pháp vô ngã tồn tại do duyên gây nên sự cầu, tu, đắc... những sự vận động ở thế gian thì các tông phái không lìa chấp ngã, chấp con người là ngã, chấp chỉ có ngã mới tu, đắc... coi vô ngã là không có người, không có tu, đắc... Họ không biết vô ngã nghĩa là chỉ có pháp vô ngã, có duyên tu, đắc, có con người là pháp vô ngã do duyên tập hợp 5 uẩn

Trong khi ngoại đạo tạo ra cái ngã như “*linh hồn*”, “*đại ngã phạm thiên*” thì các tông phái tạo đại ngã “*tánh biết*”... Vì chấp có đại ngã thường còn quyết định mọi sự vận động mới là thật có nên họ bác bỏ có sinh-tử, thiện-ác, trí-ngu, tốt-xấu.

Trong khi Phật dạy “*nghiệp là điểm tựa*”¹⁸⁵ chứ không dạy ngã là điểm tựa thì các tông phái chấp đại ngã là điểm tựa quyết định sự tồn tại, vận động của thế gian lẫn sự giác ngộ.

Và thay vì biết chỉ có sự vô ngã, bỏ ích kỷ chấp ngã, sống vì duyên vô ngã thì dòng Huyền Giác không lìa chấp ngã, chỉ biết ích kỷ chấp ngã và hành động vì ngã. Nó cố chấp ngã tu, ngã chứng.¹⁸⁶ Nó không biết rằng do bởi vô ngã, không có quyền quyết định sự đắc nên cần có duyên tu. Nó chấp có cái ngã “*tánh biết*” quyết định sự vận động làm ăn, tu, đắc, không biết có pháp vô ngã là duyên 5 uẩn tu, đắc.

Khác vật chất vô tri, con người biết lựa chọn hành động, hành động nhờ duyên ý thức học tập kinh nghiệm quá khứ. Do duyên quá khứ là có học đọc mà có biết đọc, không có “*tánh biết*” nào quyết định kẻ mù chữ biết đọc. Do duyên rèn trí lý tham mà có sự đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn, không có ngã “*tánh biết*” nào quyết định sự đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn. “*Tánh biết*” là thứ có giá trị phi lý “*Có tu thì mới có ngộ, nhưng ngộ không phải do tu mà ngộ*” (LL1DT). Kẻ trí bác bỏ thế giới quan mất trí phân biệt và sản phẩm “*thể-tướng-dụng*”, bác bỏ có ngã hiện diện lẫn thứ hiện thực vật chất khách quan quyết định sự vận động của con người.

¹⁸⁵ “*Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu*” (M.135).

¹⁸⁶ “*Hành trì tu tập, vậy thì ai hành trì? ai tu tập? Có phải đó chính là ngã tu, ngã hành trì, kết quả là ngã thành tựu, ngã chứng, ngã đắc và cuối cùng ngã Niết bàn?*” (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Tuy hô vô ngã nhưng thật ra là các tông phái chấp thêm đại ngã. Do cố chấp ngã nên họ chấp chỉ đại ngã “*tánh biết*” “*thường còn*” mới là thật có và xem thế giới tồn tại do duyên là giả dối, không thật có và bác bỏ thật có sinh tử. Họ chấp đại ngã mới là thật có và toàn sống trong tưởng về đại ngã.

Và Phật gọi thứ có tồn tại là có, không tồn tại là không,¹⁸⁷ gọi sự chấp ngã là điên đảo.¹⁸⁸ Vì không có quyền làm chủ sự tồn tại, phải bị sinh tử mà chúng sinh là vô ngã. Do vì thật có sinh tử nên bác bỏ sinh tử là điên đảo, tà kiến.

Ví như không ai có thể giết Cuội vì đó là nhân vật hư cấu, cũng vậy, không ai có thể diệt ngã vì ngã là thứ ảo tưởng. Và đạo Phật có mục đích là diệt khổ chứ không phải diệt ngã. Tuy vậy, si mê chấp có ngã là có thật và chỉ có thể diệt bằng ý thức biết đúng sự thật. Thời điểm ý thức đúng sự thật là thời điểm không có si. Và sự tu tập, trực tiếp thấy biết 5 uẩn *sinh diệt vô thường, khổ, vô ngã* ở từng sát-na là để viên mãn dần trí ly tham sân, tà kiến, đạt Lưu Tận Trí chứ không phải để diệt ngã. Vì có thói quen chấp ngã trong luân hồi mà cần có duyên tuệ quán lâu dài thì mới đoạn tận được phiền não.

¹⁸⁷ *Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh. (M.121)*

¹⁸⁸ *Trong vô thường, nghĩ là thường, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong vô ngã, nghĩ là ngã, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. (A.4.49)*

Người trí thì tôn trọng sự thật, tư duy để ý thức đúng sự thật. Họ ý thức đúng vô ngã là không có cái gì có quyền làm chủ sự tồn tại. Họ hiểu là không có ngã, chấp ngã là tà kiến, cần bỏ ngã kiến, cần tác ý đúng sự thật để thoát khỏi ngã kiến. Do ý thức “tôi”, chúng sinh là những tập hợp 5 uẩn sinh diệt vô thường, tồn tại và vận động do duyên, không có quyền làm chủ sự tồn tại nên họ biết đó là pháp vô ngã, không cần bày trò “*phá chấp ngã*”. Và họ biết rõ do không thể làm chủ sự tồn tại, phải bị sinh tử, là sự tồn tại do nhiều duyên nên con người là pháp vô ngã, do không thể làm chủ sự giác ngộ nên cần có duyên tu tập. Hơn nữa, do biết không có ngã nên họ cũng không có trò “*diệt ngã*”. Do ý thức thế gian chỉ là các *duyên vô ngã, duyên tu tập, duyên giác ngộ*, họ hết ngã tưởng, thấy *không có ngã sở cầu, ngã sở đắc*, không có ngã “*thể tánh*”, “*linh hồn*”... nào quyết định sự vận động, tu tập, giác ngộ. Do thấy chủ thể lẫn khách thể đều là các tập hợp 5 uẩn tồn tại, vận động do duyên, họ không vì ích kỷ chấp ngã mà làm ác. Họ biết là không có cái ngã nào quyết định vị lai mà chỉ có các duyên vô ngã trước đó. Khác với kẻ ích kỷ chấp ngã, họ làm thiện vì đó là thiện, là duyên lành để giải thoát khổ, họ vì thứ vô ngã do duyên sinh, chứ không phải vì cái ngã nào.

Thật ra, Phật dạy sống theo thiện pháp chứ không dạy sống chỉ vì người, không được vì mình. Phật chê ai vì mình mà làm ác chứ không trách ai vì mình mà hành đúng pháp. Phật ra đời vì lợi ích chúng sinh chứ không phải để làm hại.

Vì vô ngã là lẽ tự nhiên nên Phật dạy cho biết vô ngã chứ không dạy phải làm gì để vô ngã. Bất kể là làm thiện hay ác, vì mình hay vì người thì đều cần biết đó là sự vận động do duyên 5 uẩn vô ngã. Nếu không biết tác ý đến duyên thì dù cho có vì người, không phải vì mình thì đó vẫn là chấp ngã.

Chỉ có bậc Lưu Tận Trí mới hết tham sân si. Vì Phật cũng không đòi hỏi Phật tử triệt để hết tham sân si nên Phật tử chỉ cần làm thiện, đừng để vì tham sân si mà ác giới tà kiến.

Vì tham sân si là bất thiện nên cần tránh. Vì một tâm chỉ biết một cảnh nên sự khéo tác ý đến Pháp, duyên, 5 uẩn, nghiệp quả, vô thường, khổ, vô ngã, tử bi hỷ xả là sự tránh tham sân si bất thiện, thứ sinh do duyên phi như lý tác ý.

Ngoại đạo sẽ có quan điểm khác với đạo Phật về thiện-ác, đúng-sai. Là Phật tử thì cần biết y cứ lời bậc Giác Ngộ để biết phân biệt thật-giả, thiện-ác, tốt-xấu, đúng-sai, không vì 9 người, 10 ý mà bảo không có thiện-ác, tốt-xấu, đúng-sai.

Người thường thì ai cũng tham lợi. Và các Phật tử thì cần nỗ lực có tài sản không phải chỉ vì mình mà còn vì nhiều thiện pháp cần đến tài sản. Chẳng nào việc đạt lợi ích là đúng pháp, không phi pháp thì cần phải nỗ lực.

Thiện nghiệp có hai loại là hợp trí và ly trí. Ai làm thiện mà nghĩ đến nghiệp quả thì đó là hợp trí, nếu nghiệp ấy cho quả tái sinh thì đó là làm người tam nhân. Và thiện nghiệp hợp trí có 2 bậc. Làm thiện vì duyên lành giải thoát sinh tử luân hồi thì thù thắng hơn làm thiện vì lạc trong luân hồi.

“Duy Ngã Độc Tôn”

Do thiếu học nên dòng Huyền Giác không biết phân biệt bồ-tát với Phật, một bên là phàm phu vô minh và một bên đã giác ngộ giải thoát, không biết lúc mới sinh, bồ-tát chỉ là một đứa bé vô minh, chỉ sau khi giác ngộ Bốn Thánh Đế thì bồ-tát mới thành Phật, Bậc Giác Ngộ. Nó không biết rằng đạo Phật chỉ có vô ngã, và chỉ có Đạo Đế Giới Định Tuệ mới đưa đến minh, giác ngộ, đạo Phật không có cái gọi là “những ai muốn giác ngộ giải thoát thì Ngã là cái phải ưu tiên số 1”.¹⁸⁹

Dòng Huyền Giác không biết chữ “ngã” trong “duy ngã độc tôn” của Tàu dịch chỉ có nghĩa là “tôi”, “ta” theo cách nói quy ước chế định chứ không phải là cái “ngã” của triết học. Thực tế, đức Phật đã dạy là:

*Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vị Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: “**Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa**”. Pháp nhĩ là như vậy. (D.14)*

¹⁸⁹ Truyền thuyết kể lại rằng, sau khi ra đời, bảy bước chân đầu tiên, Đức Phật chỉ tay lên trời, chỉ tay xuống đất và tuyên bố: Thiên thượng, thiên hạ, **duy Ngã độc tôn**. Ý Phật muốn dạy cho **những ai muốn giác ngộ giải thoát thì Ngã là cái phải ưu tiên số 1**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Vì thiếu học, dòng Huyền Giác không biết thế nào là ngã, không biết rằng “ngã” là thứ có quyền làm chủ sự tồn tại.¹⁹⁰ Nó nghĩ “ngã” là một cái thường còn, bất biến vô dụng.¹⁹¹ Sau khi chấp ngã là số một, nó chỉ trích những ai thực hành Giới Định Tuệ, trực tiếp thấy biết 5 uẩn sinh diệt vô thường, khổ, vô ngã trong từng sát-na theo lời Phật dạy.¹⁹²

Dòng Huyền Giác chỉ biết cố chấp ngã, hành động vì ngã, không biết lìa ngã tưởng. Nó chỉ nghĩ đến ngã tu tập, ngã giác ngộ,¹⁹³ tưởng có cái ngã “*tánh biết*” có quyền quyết định sự giác ngộ.¹⁹⁴ Nó không biết có pháp vô ngã, không biết hành động vì quả vô ngã. Nó không biết đến sự tồn tại và vận động do các duyên vô ngã, không biết rằng vì vô ngã nên không có cái ngã nào có quyền quyết định sự giác ngộ, mà chỉ do duyên tu tập thì mới có quả giác ngộ.

¹⁹⁰ *Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: “Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!” Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: “Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!” Thọ...tưởng...hành...thức... (S.iii,66)*

¹⁹¹ - *Ngã: là một cái gì đó thường hằng, bất biến, luôn luôn như thế và không bao giờ thay đổi, không tương tác với một cái gì khác, ngã là tôi, là ta, là mình, là linh hồn hay sự tinh anh. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

¹⁹² *Vậy mà trong giới tu hành hiện nay, có người chẳng có tí hiểu biết nào về Ngã mà cũng dáo dác đi tu, tu như thế thì càng tu càng mê lắm, càng tu, xin lỗi, càng ngu. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

¹⁹³ *“Hành trì tu tập, vậy thì ai hành trì? ai tu tập? Có phải đó chính là ngã tu, ngã hành trì, kết quả là ngã thành tựu, ngã chứng, ngã đắc và cuối cùng ngã Niết bàn?” (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

¹⁹⁴ *chỉ có Tánh Biết mới đủ thẩm quyền chuyển mê khai ngộ. (LL1DT)*

Đấng Sáng Tạo

Như giáo lý Vệ-đà, Diêu Pháp Liên Hoa có vẽ ra một đấng Đại Phạm Thiên sáng tạo mọi loài chúng sinh:

Lại như trời Đại phạm thiên vương là cha của tất cả chúng sanh, kinh này cũng thế, là cha của tất cả Hiền Thánh: bậc hữu học, vô học cùng hàng phát lòng Bồ-đề. (Pháp Hoa – Dược Vương Bồ-tát Bản Sự)

Thật ra, đức Phật bác bỏ đấng Sáng tạo, chỉ có Ma vương mới nói Phạm thiên Baka là “Thượng đế, Sáng tạo chủ”.¹⁹⁵

Phật thường dùng tỷ dụ nhưng điều đó không có nghĩa là Phật có tỷ dụ phi pháp. Vì giác ngộ 12 nhân duyên nên Phật bác bỏ mọi thứ liên hệ đến cội nguồn đấng Sáng Tạo. Tỷ dụ liên hệ đến thứ “cội nguồn” ấy là phi pháp, đưa đến tà kiến.

Như sự trình bày của giới khoa học, Phật dạy sự thật về thế giới là theo nghĩa đen. Đệ tử Phật không cần hý luận ra tà kiến, thứ nghĩa bóng, sự ẩn dụ bất đồng với nghĩa đen.

¹⁹⁵ Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Phạm thiên Baka:

“Thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, cái không thường hằng lại nói là thường hằng, cái bị biến hoại lại nói là không biến hoại, và tại chỗ có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; có một giải thoát khác hơn lại nói là không có một giải thoát nào khác hơn.”

Này các Tỷ-kheo, rồi Ác ma nhập vào một Phạm thiên quyến thuộc và nói với Ta như sau:

“- Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chớ có can thiệp vào đây! Chớ có can thiệp vào đây! Này Tỷ-kheo, Phạm thiên này là Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh...” (M.49)

“Pháp Phương Tiện”

Thật ra, danh xưng *Như Lai* của Phật còn có nghĩa là “*đến bằng sự chân thật*”, nói lời chân chánh, đúng như sự thật.¹⁹⁶ Phật không có “*pháp phương tiện*”, pháp đảo ngược lời đã nói bằng các câu như “*nhưng thiệt ra thì...*”. Chỉ người thiếu trí mới tìm cách đạt mục đích bằng lời bất nhất, sai sự thật.

Sở dĩ chúng sinh luân hồi lâu dài là vì tham sự hiện hữu. Chẳng có ai không ưa hiện hữu ở cõi Phật thanh tịnh với thọ mạng vô lượng. Tuy vậy, Pháp Hoa lại cho là chúng sinh ưa thoát khỏi sinh tử luân hồi,¹⁹⁷ nên “*Phật*” “*phương tiện*” ra cỗ xe Thanh Văn cần phải tu tập Đạo Đế, đoạn tận tham ái hiện hữu để rồi từ đó mới dạy đi cỗ xe Phật gắn chặt với sự hiện hữu và châu báu bằng tỷ dụ có lão trưởng giả giàu có dụ đàn con thoát khỏi nhà lửa bằng đồ chơi xe dê, xe trâu, xe hươu và khi đàn con đã thoát khỏi nhà lửa thì lão chỉ cho xe châu báu. Thật ra, có ai chê châu báu, sự hiện hữu đâu mà cần “*phương tiện*” là lừa dụ bằng xe dê hay Thanh Văn? Lừa gạt ngu ngốc thì vẫn là lừa dối, không phải là chân thật.

¹⁹⁶ *Này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, Như Lai nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.*

Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai. (D.29)

¹⁹⁷ *Các thiện nam tử! Như Lai thấy những chúng sanh ưa nói pháp Tiểu thừa, đức mỏng tội nặng. Phật vì người đó nói: Ta lúc trẻ xuất gia được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng thiệt, từ ta thành Phật nhần lại, lâu xa đường ấy, chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến vào Phật đạo, nên nói như thế. (Pháp Hoa-Như Lai Thọ Lượng)*

Và Niết-bàn là pháp xuất thế gian 5 uẩn.¹⁹⁸ Niết-bàn được giác ngộ do đoạn tận tham,¹⁹⁹ không chứng được bằng tham. Sự đoạn tận tham đến từ trí thấy biết sự thật chân đế 5 uẩn, 12 nhân duyên với sự nhàm chán, ly tham chứ không phải đến từ sự vô minh hay tham cái gì. Dụ bằng thứ liên hệ đến 5 uẩn, côi, châu báu, xe dê... như Pháp Hoa là gây tham ái. Hơn nữa, vì không liên can gì đến 5 uẩn nên Niết-bàn không phải là “*tánh biết*”, “*tri kiến Phật*” thường còn gắn chặt với sự hiện hữu 5 uẩn. Lại nữa, chừng nào chỉ biết thế gian theo sự thật tục đế, thấy châu báu, đàn ông, đàn bà... thì chừng đó còn là vô minh, chưa thể giác ngộ Niết-bàn.

Tham hiện hữu không phải là sự vi diệu, căn cơ cao mà thế gian vốn là thế. Đoạn tận tham không thể là phương tiện để có tham hiện hữu. Tuy vậy, Pháp Hoa coi Arahant là “*phương tiện*”, sau khi đoạn tận tham ái chấp ngã, thành bậc “*sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa*” thì Arahant có việc cần làm là tham sự hiện hữu, quay lại đời này, chấp đại ngã, tiếp tục luân hồi, hành “*pháp Đại thừa*” tu tiếp “*thành Phật*”.

¹⁹⁸ *Này các tỷ kheo, có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có hư không vô biên xứ; không có thức vô biên xứ; không có vô sở hữu xứ; không có phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này; không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các tỷ kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau.* (Ud 80)

¹⁹⁹ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Chính là sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn khát ái ấy, sự quảng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.* (S.v,420)

Trong khi Phật nói diệt độ và không ca ngợi sự hiện hữu dù chỉ sát-na²¹² thì “Phật” Đại thừa tuy hô “không” nhưng lại phủ nhận diệt độ và mê hiện hữu như thế gian. Lời nói sau tự mâu thuẫn và trái với lời nói trước, sự thật một đằng mà nói một nẻo thì đều là sai trái, là lừa dối hay ngu si, mất trí.

Trong khi Phật đi theo đạo lộ cũ¹⁷² là Đạo Đế như chư Phật quá khứ mà giác ngộ Tứ Diệu Đế, thành Phật,¹⁷¹ coi việc tạo ngã kiến là tạo tà kiến,¹⁸⁸ đi đến khổ cảnh, không phải từ bi trí tuệ thì Đại Thừa một mặt phủ nhận giác ngộ Tứ Diệu Đế là thành Phật, mặt khác ảo tưởng ra cái ngã Phật tánh, coi đó là mục đích giác ngộ, là “trắng” trong “ngón tay chỉ trăng”.

Đại Thừa không phải là thứ hay ho cần phương tiện là chứng Arahant. Đó là cỗ xe dành cho số đông mê hiện hữu, khiến họ chấp có đại ngã, có nghiệp tà kiến đi đến cõi khổ. Đó là sự hại đời, không phải căn cơ cao, từ bi trí tuệ độ đời. Kẻ tà kiến muốn độ đời không có nghĩa là nó thật sự độ đời.

“Phiền Não tức Bồ-đề”

Phiền não tham sân si là nhân của khổ, diệt tận phiền não là diệt tận khổ. Phiền não cản trí, bắt ở cùng sát-na với trí. Vì muốn giải thoát khổ nên người trí bắt cần phiền não mà cần ly phiền não để có trí tuệ giác ngộ. Đạo Trí có đối tượng Niết-bàn như ánh sáng diệt tận bóng tối phiền não. Vì ngộ phiền não cùng có mặt với trí thấy đúng sự thật, ngộ nhờ phiền não mà có trí giác ngộ (bồ đề) nên có nhiều tông phái chấp chặt, không ly phiền não, xem “phiền não tức bồ-đề”.

“Ba Thừa” và “Duyên Giác Phật” Giác Ngộ Tập Đề

Thật ra, Phật có nghĩa là bậc Giác Ngộ và sự giác ngộ đó là giác ngộ Bốn Thánh Đế. Tùy chí nguyện, trí tuệ, thời gian hành ba-la-mật mà có sự phân biệt *bậc Giác Ngộ (Buddha)*. Còn bồ-tát chỉ là phàm phu có nguyện giác ngộ thành Phật, bồ-tát không phải thần linh, ngay trước khi giác ngộ thì còn tham sân si, có vợ con. Trừ phi biết rõ chí nguyện của họ, không thể tùy tiện bảo ai đó là bồ-tát chỉ vì họ đã làm thiện.

Đạo Phật *không có cái gọi là 3 thừa (3 cỗ xe)* ứng với 3 loại pháp môn nào. Đạo Phật chỉ có một pháp môn đó là tu tập Đạo Đế, giác ngộ thành Phật. Và Pháp chỉ có vị giải thoát,⁴³ không có sai khác giữa các giải thoát.²⁰¹ Nếu do duyên nghe Pháp Phật Toàn Giác mà giác ngộ thì đó là *Phật Thanh văn (sāvaka-buddha)*. Phật Thanh văn có thể tế độ chúng sinh từ sự dạy lại Phật Pháp. Phật Độc Giác (*pacceka-buddha*) là bậc không cần thầy chỉ dạy, tự mình giác ngộ Bốn Thánh Đế mà thành Phật. Vì không biết chế định ngôn ngữ để có thể chỉ dạy cho chúng sinh giác ngộ nên các vị ấy được gọi là Phật Độc Giác. Phật Độc Giác chỉ xuất hiện ở thời không có Phật Toàn Giác và Phật Pháp. Phật Độc Giác tạo duyên lành cho các chúng sinh biết hành thiện cung kính, cúng dường, phục vụ bậc vô lậu. Và Phật Toàn Giác là bậc không cần thầy dạy, tự mình giác ngộ Bốn Thánh Đế mà thành Phật. Vì biết chế định ngôn ngữ để chỉ dạy chúng sinh giác ngộ nên các vị được gọi là Phật Toàn Giác. Các vị ấy cần hành 10 ba-la-mật trong ít nhất 4 a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp.

Ví như học trò biết định luật do nhà bác học phát hiện ra không có nghĩa họ có trí như nhà bác học, cũng vậy, đệ tử giác ngộ Tứ Diệu Đế như Phật không có nghĩa họ có trí tuệ và khả năng khác như Phật. Phật đã nói rõ sự khác biệt giữa Phật tìm ra con đường và đệ tử đi theo con đường.²⁰⁰ Và ai bài xích Phật thì không phải đệ tử Phật. Vì có tà kiến đi tới khổ cảnh nên họ không liên can gì đến Phật và sự giác ngộ.

Vì Phật Toàn Giác, Độc Giác, Arahant giác ngộ Niết-bàn, có tham sân si=0 nên đều đi đến tịch diệt, giải thoát khổ.²⁰¹

Do không biết 12 nhân duyên chỉ là Khổ Tập Đế,²⁰² chỉ là một trong Bốn Thánh Đế nên các văn sĩ chế Pháp Hoa dùng sự thiếu học để “phát triển” sự phi pháp. Họ sáng tác ra thứ “Phật Duyên Giác” chỉ giác ngộ có Tập Đế,²⁰³ còn phạm phu.

²⁰⁰ - Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường chưa khởi, là bậc đem lại con đường chưa được đem lại, **là bậc tuyên thuyết con đường chưa được tuyên thuyết**, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thục về đạo. Còn nay, này các Tỷ-kheo, các vị **đệ tử là những vị sống theo đạo, tiếp tục thành tựu (đạo)**. Này các Tỷ-kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, **sự sai khác giữa Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bậc Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ**. (S.iii,66)

²⁰¹ Ở đây, này Sumanā, Ta nói **không có sự sai khác nào, tức là so sánh giải thoát với giải thoát**. (A.5.31)

²⁰² -Này các Tỷ-kheo, thế nào là **Duyên sinh**? Vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các tỷ-kheo, đây gọi là Duyên sinh.(S12.1)

²⁰³ “Phật, **vì người cầu đạo Thanh văn, nói pháp Tứ đế** thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết cứu cánh Niết-bàn. **Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp Mười hai nhân duyên. Vì hàng Bồ-tát nói Sáu pháp ba-la-mật** làm cho chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành bậc Nhứt thiết chủng trí.” (Pháp Hoa - Phẩm Tựa)

Nghe Phật mà giác ngộ thì là Thanh Văn, không phải Phật Toàn Giác/Độc Giác. Vì Phật là không cần thầy dạy, do tự giác ngộ Tứ Diệu Đế mà thành Phật nên không có 3 thừa, không có chuyện Phật dạy bồ-tát giác ngộ thành Phật.

Cùng Lúc Có Hai “Phật”

Pháp Hoa còn chế chuyện có 2 Phật Toàn Giác xuất hiện cùng lúc, cùng nơi.²⁰⁴ Đây là sự bịa đặt, không phải suy diễn.

Thật ra, Phật đã tuyên bố không thể cùng lúc, cùng một thế giới có hai Phật Toàn Giác cùng xuất hiện.²⁰⁵ Thực tế, vì có sự diệt độ nên thế gian không có vô số Phật Toàn Giác cùng tồn tại cũng như vắng bóng vô số vị Arahant thuở xưa.

Mục Đích

Pháp Hoa chế Phật ra đời là vì từ bi muốn độ đời tỏ ngộ “tri kiến Phật”, thứ là đại ngã, tà kiến.²⁰⁶ Cái “từ bi trí tuệ” đó là rỗng tuếch vì khiến đời có đại tà kiến đi tới cõi khổ. Sự thật, Phật ra đời chỉ để dạy chúng sinh biết sự khổ và diệt khổ.²⁰⁷

²⁰⁴ *Bấy giờ, hàng đại chúng thấy hai đức Như Lai ngồi xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp bảy báu* thời đều nghĩ rằng: ‘Đức Phật ngồi trên cao xa, cúi mong đức Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được ở trên hư không.’” (Pháp Hoa - Hiện Bảo Tháp)

²⁰⁵ *Sự kiện này không xảy ra*, này các Tỷ-kheo, *không có được: Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần*, sự kiện này không xảy ra. (A.1.15.10)

²⁰⁶ *Xá-lợi-phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế Tôn chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Các đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai Tri kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời; vì muốn chỉ Tri kiến Phật cho chúng sanh mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ Tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh chứng vào đạo Tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời.* (Pháp Hoa - Phương Tiện)

²⁰⁷ *Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.* (M.22)

Thú Cái “Chạy Cúng” “Thành Phật”

Các loài thú như rồng, kim sí điều... thì đều là những loài vô nhân, không có nhân vô tham, vô sân, vô si khi tục sinh, dù cho có giả làm người thì cũng không thể chứng thiện, Đạo-Quả. Do đó, Phật đã trực xuất con rồng biến làm người để xuất gia, không cho chúng xuất gia trong Giáo Pháp. Và Phật dạy nó cách tái sinh làm người là hành giới bố-tát.²⁰⁸

Và truyện Pháp Hoa thì có thú cái là long nữ không cần nghe hiểu, tu tập, giác ngộ mà chỉ cần “chạy” “cúng Phật” viên châu báu giá trị rất lớn thì liền “thành Phật”.²⁰⁹ Thật ra, bố thí chỉ là duyên lành chứ không phải là nhân giác ngộ. Bố thí là thiện nghiệp cho quả lớn nếu người cho và nhận đều thanh tịnh, chứ không do giá trị vật thí lớn (M.142). Và

²⁰⁸ - Các người là **loài rồng không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này**. Nay rồng, **người hãy đi đi**. Và hãy **tiến hành Uposatha vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng** ở ngay nơi ấy, như thể người sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và sẽ thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng.

Này các tỳ khưu, **loài thú chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên rồi thì nên trực xuất**. (Vin.Mv.I)

²⁰⁹ Lúc đó, Long nữ có một **hột châu báu, giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên đức Phật. Phật liền nhận lấy**. Long nữ nói với Trí Tích Bồ-tát cùng Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

- Tôi hiến châu báu, đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?

- Rất mau.

- Lấy sức thần của các ông **xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó**.

Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy **Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ-tát, liền qua cõi Vô cầu ở phương Nam ngồi tòa sen báu thành bậc Đẳng chánh giác**. (Pháp Hoa – Đề-bà-đạt-đa)

để thành Phật thì phải hành 10 ba-la-mật qua vô số kiếp và kiếp chót phải hành Đạo Đế mới giác ngộ thành Phật chứ không phải chỉ bố thí mà thành Phật. Đạo Phật không có *pháp môn cúng* mà thành Phật. Phật xuất gia, từ bỏ vương vị, diệt tận tham không phải để có châu báu. Phật cấm tử-kheo dùng tiền, xem được dùng tiền như được tự do hưởng dục, là "*phi Sa-môn pháp*"(S.iv,325).²¹⁰ Lại nữa, từ khi được thọ ký đến khi giác ngộ thành Phật thì bồ-tát không là người nữ. Người nữ còn không thể thành Phật thì nói gì đến *thứ cái*.²¹¹

Và ai bị thọ khổ thì khó kham nhẫn, quân bình các căn để nghe và hành thiện pháp. Nhiều người vì đau bệnh mà không muốn nghe Pháp thì nói gì đến chúng sinh nọ quý, địa ngục đang bị đói khổ. Hơn thế, đó là loại người khổ, không có nhân giác ngộ, không thể thực hành thiện Pháp.

Tuy vậy, các văn sĩ đã chế ra "*Địa tạng vương bồ-tát*", thứ bồ-tát như thần linh bề gãy quy luật tự nhiên, làm thầy dạy chúng sinh địa ngục giác ngộ thành Phật. Mà thực chất thì Phật là không cần thầy. Nhiều người ca ngợi "*Ta không vào địa ngục thì ai vào?*" Thật ra, dù muốn hay không thì ai chấp tà kiến đến lúc chết đều rơi vào địa ngục. Họ vào địa ngục để chịu quả khổ do nghiệp tà kiến chứ không thể tể độ gì ai.

²¹⁰ "Đối với ai được dùng vàng bạc, người ấy cũng được phép dùng năm dục trưởng dưỡng. Đối với ai được phép dùng năm dục trưởng dưỡng, người ấy hoàn toàn thọ trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp." (S.iv,325).

²¹¹ **Sự kiện này không xảy ra**, này các Tử-kheo, **không có được**: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra.(A.1.15.12)

“Thường Còn Chẳng Mất”

Bậc Toàn Giác luôn biết cách dạy, sách tấn, đạt mục đích bằng lời chân thật, không lừa dối ngu ngốc. Vì thấy thế gian và thân 5 uẩn là vô thường, khổ trong từng sát-na nên Phật không ca ngợi hiện hữu dù chỉ sát-na.²¹² Vì không còn tham nên Phật diệt độ. Vì Phật diệt độ, không được gặp Phật nên nhiều người buông lung, thiếu lòng tin, khiến Giáo Pháp bị chia rẽ, suy vong. Nếu Phật còn tại thế thì sẽ không như thế.

Tuy vậy, Pháp Hoa cho *“Phật” thường còn*,²¹³ đệ tử mà thấy Phật thường còn, dễ gặp thì sẽ lười nhác, bất kính Phật.²¹⁴ Nó không biết sự có mặt bậc trí là lợi ích, còn sự vắng mặt là tổn hại, không biết Phật tử tu tập là để thoát khổ sinh tử luân hồi cũng như kính Phật, thấy Phật cao quý là vì trí tuệ, phẩm chất của Phật *chứ không phải vì khó gặp* mà kính Phật và tinh tấn tu tập. Khó gặp không có nghĩa là kính trọng. Con người khó gặp Hitler không có nghĩa là họ kính Hitler. Việc bảo thường còn rồi nói diệt độ, bảo thường còn và dạy từ bi mà lại không tiếp tục từ bi tế độ mới làm người trí bất kính trọng, không tin và không nghe lời kẻ xảo ngu như thế.

²¹² Ví như, này các Tỷ-kheo, **một ít phân có mùi hôi thúi**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta **không tán thán hiện hữu dầu cho có ít thôi**, cho đến **chỉ trong thời gian bùng ngôn tay**.” (A.1.18.13)

²¹³ “Như thế, từ ta thành Phật nhần lại, thật là lâu xa, **thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thường còn chẳng mất**.” (Pháp Hoa - Như Lai Thọ Lượng)

²¹⁴ Nếu thấy đức Như Lai **thường còn chẳng mất, bèn sanh lòng buông lung nhàm trễ, chẳng có thể sanh ra ý tưởng khó gặp gỡ cùng lòng cung kính**, cho nên đức Như Lai dùng **phương tiện** nói rằng: “Tỳ-kheo phải biết, các đức Phật ra đời khó có thể gặp gỡ.” (Pháp Hoa - Như Lai Thọ Lượng)

Vì đã diệt tận tham nên Phật sống theo sự từ bi trí tuệ, không mê cung kính, không ô nhiễm bởi 8 ngọn gió đời.²¹⁵ Trái lại, Pháp Hoa cho “Phật” mê cung kính, không có từ bi. Vì mê cung kính nên dù “*thường con*” vẫn không từ bi tế độ lâu dài, để Giáo Pháp diệt vong, để đệ tử thấy khó gặp mà biết cung kính. Truyện tạo ra “*phương tiện*” là lời thiếu năng “*chẳng phải thiết diệt độ, mà bèn xướng nói sẽ diệt độ*”,²¹⁶ tức là phủ định sự diệt độ và lời chân thật về diệt độ của đức Phật.

Truyện Pháp Hoa còn chế ra cái gọi là “*Diệu Quang Bồ-tát* trì kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà *diễn nói*” (Phẩm Tựa). Tuy hô hào “*thường còn*” nhưng “Phật” Đại thừa không từ bi thuyết Pháp Hoa dù chỉ 80 năm.

Trong khi Phật diệt độ thì truyện tuy hô “*không*” nhưng cho “Phật” chấp thủ hiện hữu, “*thường còn chẳng mất*”, khiến đời có tà kiến chấp đại ngã, đi tới cõi khổ, không biết từ bi.

<i>Đêm dài cho kẻ thức,</i>	<i>Nhiều lần và nhiều lần,</i>
<i>Đường dài cho kẻ mệt,</i>	<i>Kẻ ngu nhập bào thai.</i>
<i>Luân hồi dài, kẻ ngu,</i>	<i>Nhiều lần và nhiều lần,</i>
<i>Không biết chơn diệu pháp</i>	<i>Lại sanh rồi lại chết.</i>
<i>(PC 60) Bạc đại trí, đại tuệ,</i>	
<i>Không sanh đi, sanh lại. (S.i,173)</i>	

²¹⁵ Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác **cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai**, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai **không có hoan hỷ, sung sướng, tâm không thích thú**. (M.22)

²¹⁶ “Ta xưa tu hành đạo Bồ-tát, cảm thành thọ mạng, nay vẫn chưa hết, lại còn hơn số trên, nhưng **nay chẳng phải thiết diệt độ, mà bèn xướng nói sẽ diệt độ**.” (Pháp Hoa - Như Lai Thọ Lượng)

Ví như một người nhà giàu có thể chọn mua các món đồ, cũng vậy, từ phước thiện thù thắng, bồ-tát chọn dòng họ, người mẹ, nơi tái sinh ở kiếp chót tốt nhất cho việc giáo hóa chúng sinh và đó là vùng Ấn Độ. Với đạo Phật, Tàu và các nước khác là xứ biên địa, tiếng Tàu và tiếng các nước khác thì không thể trình bày tốt Giáo Pháp.

Chính phước báu khiến bồ-tát có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Và dòng dõi cao quý, hình tướng cao đẹp là các duyên lành để người thường, các dòng quý tộc, bà-la-môn tìm đến Phật để nghe thuyết Pháp. Thế gian là luôn có những người không tin vào trí tuệ của một người thiếu phước tướng hay có dòng dõi hạ liệt. Chỉ những ai “*trực chỉ vô minh*”, mất trí phân biệt, không có Tam Minh, không biết quá khứ, vị lai, căn cơ chúng sinh, không phải là Phật, không nên dạy ai thì mới không cần dòng dõi hay tướng tốt.

Thực tế, Sanskrit là thứ tiếng chuyên được các bậc thầy bà-la-môn ngoại đạo sử dụng. Nếu Phật dùng Sanskrit thì sẽ tiện cho các bà-la-môn hay chống Phật xuyên tạc, bịa đặt kinh điển. Và Phật không thuyết Pháp bằng tiếng Sanskrit của giới bà-la-môn. Hơn thế, Phật thuyết Pháp cho Đại Phạm Thiên, đấng Tối cao của bà-la-môn, bằng tiếng Pāli.

Thực tế, do đức Phật dạy bằng tiếng Pāli mà đã ngăn trở, tách bạch phần nào sự chế đặt, bóp méo Giáo Pháp. Cụ thể, các văn sĩ bà-la-môn chỉ dùng Sanskrit để tạo ra Kinh, Luật.

Ví dụ, họ đã xem Đại Phạm Thiên vương là Đấng Sáng Tạo muôn loài,²¹⁷ đúng với giáo lý bà-la-môn, trái với đạo Phật. Do đó, để biết đó là đúng Pháp hay không thì cần đối chiếu với kinh điển Pāli được các vị Thánh Tăng Arahant kết tập.

Thật ra, bà-la-môn thời cổ là những người biết giữ giới, thiền định. Tuy vậy, thời đức Phật, có nhiều bà-la-môn theo kinh Veda làm nghề tà mạng không thể nói lời chân thật.²¹⁸ Do đó, khi nghe đức Phật nhắc có 5 hạng bà-la-môn xưa thì bà-la-môn Dona, người tự nhận là bà-la-môn chính tông, lại xem mình không xứng là hạng bà-la-môn thấp nhất.²¹⁹

²¹⁷ Lại như trời **Đại phạm thiên vương là cha của tất cả chúng sanh**, kinh này cũng thế, là cha của tất cả Hiền Thánh: bậc hữu học, vô học cùng hàng phát lòng Bồ-đề. (Pháp Hoa – Dực Vương Bồ-tát Bản Sự)

²¹⁸ - Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **địa lý**; này Chì, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn củi mặt xuống. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **thiên văn**; này Chì, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **đưa tin tức, làm trung gian môi giới**; này Chì, các vị ấy được gọi các Sa-môn, Bà-la-môn ăn hưởng mặt về bốn phương chính. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Chì, nuôi sống bằng những tà mạng hèn hạ như **bói toán**; này Chì, các vị ấy được gọi những Sa-môn, Bà-la-môn ăn hưởng mặt về bốn phương phụ. (S.iii,238)

²¹⁹ - Thưa Tôn giả Gotama, **nói về tôi, nói một cách chơn chánh là nói như vậy**. Thưa Tôn giả Gotama, **tôi là Bà-la-môn**, thiện sanh cả từ mẫu hệ đến phụ hệ, **huyết thống thanh tịnh** cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề **huyết thống thọ sanh**; là **nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedā với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống** là thứ năm, **thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về thuận thể và tướng của vị Đại nhân**.

Phật có quan điểm về bà-la-môn khác với giới bà-la-môn. Phật nói bậc Arahant mới là bà-la-môn, khác với quan điểm của giới bà-la-môn là dựa vào *huyết thống, thông hiểu Veda*...

*Người không còn tham ái, Đoạn hết các kiết sử,
Có trí, không nghi hoặc, Không còn gì lo sợ
Thể nhập vào bất tử, Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn. (PC 411) Ta gọi Bà-la-môn (PC 397)*

Thực tế, có rất nhiều bà-la-môn là đệ tử Phật, như ngài Sāriputta, Moggallāna là hai vị Thượng Thủ Thanh Văn. Thật ra, vì không học, hành theo Kinh-Luật chứ không phải vì có lý lịch bà-la-môn mà một người không phải là tỷ-kheo. Và kẻ ly trí thì ưa tham sân si, không ưa Kinh-Luật. Vì vậy, họ ưa các lời dạy trái với Kinh-Luật của các thầy phạm phu, nhưng bác bỏ các chú giải, sự giảng rộng hợp với Kinh-Luật, được các vị Arahant xác thực từ các vị Tỷ-kheo có xuất thân bà-la-môn như ngài Sāriputta, Buddhaghosa...

- Nay Dona, có phải các **Bà-la-môn thời xưa**, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ấy tên là Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Angīrasa, Bhāradvāja, Vāsettha, Kassapa, Bhagu. **Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này:** "Vị đồng đẳng với **Phạm thiên**, vị đồng đẳng với **chư Thiên**, các vị có giới hạn, các vị vượt lên giới hạn và **thứ năm là Bà-la-môn Chiên-đà-la**". Nay Dona, **Ông là ai giữa các vị ấy?**

- Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng con **chưa thành tựu đầy đủ Bà-la-môn Chiên-đà-la**. (A.5.192)

Hạt và Hư Không

Ngược với thế gian, dòng Huyền Giác hô hư vô là bản thể của mọi vật. Nó không biết sắc gây ra dao động sóng-hạt.²²⁰ không có các sắc, hạt hạ nguyên tử thì không có thế gian. Để thức tỉnh tổ, cần gõ vào “bản thể” hư không trong đầu tổ.

Ví như $0 + 0 + \dots + 0 = 0$, cũng vậy, hư không chỉ tạo ra hư không chứ không tạo ra sự hiện hữu 5 uẩn, hư không không phải là 5 uẩn hay vật chất, ý thức. Tương tự, epsilon dù nhỏ đến đâu thì epsilon cũng không phải là 0, các hạt vật chất dù nhỏ đến đâu thì cũng không phải là hư không. Hư không xen giữa các hạt chứ hư không không phải là hạt. Trong hư vô thì chỉ có hư vô, chứ trong hư vô không có hạt. Nơi nào có hạt thì nơi đó không thuần là hư vô. Hư vô chỉ tạo ra hư vô, còn hạt tạo ra sự hiện hữu. Bỏ 5 uẩn thì chỉ có hư vô, **không có thế giới. Hiếm mới quý**, hạt tuy nhỏ nhưng quyết định sự hiện hữu. **Bản chất thế gian là 5 uẩn và hư vô**, không có cái gọi là “bản thể mọi vật là hư không”. Tuy vậy, để có nhất nguyên, nó mất trí phân biệt, quy các đối tượng có quan hệ với nhau là một, không biết có nhiều đối tượng khác nhau. Nó luôn đi tìm bản thể, mọi ví dụ luôn quy thứ tồn tại do nhiều nhân duyên thành chỉ do một nhân. Đó là sự đối nghịch với lý Duyên Khởi, có nhiều nhân và duyên.

²²⁰ Ngũ căn của chúng ta chỉ có thể nhận thức được trong một tần số giới hạn, trong một kích thước giới hạn, nếu khả năng nhận thức của ngũ căn tinh tế hơn hàng vạn hàng triệu lần thì khi nhìn vào một vật ta chỉ nhìn thấy trong đó những khoảng không bao la với những dao động sóng và **hạt**. Vậy **khoảng không mới là bản thể của bất kỳ mọi sự vật**, cho nên nhà Phật khẳng định “**Thực tướng của tất cả các pháp là không tướng**” (LL1DT)

Và Phật dạy là có các pháp tồn tại do duyên, gọi pháp nào có tồn tại là có, không tồn tại là không có.²²¹ Tuy vậy, dòng Huyền Giác không biết thế giới là không tánh, trống không đối với tánh ngã “*tánh biết*”,... chứ không trống vắng đối với các sự thật chế định hợp thành, các thực thể 5 uẩn vô ngã. Nó không biết xe Honda là sự thật chế định hợp thành do nhiều bộ phận tạo ra và tận cùng là các thực thể sắc uẩn.²²² Nó không biết rằng do các bộ phận hợp lại mà đó gọi là xe Honda. Nó biết chuỗi tồn tại do nhiều yếu tố như nước...²⁷⁷ nhưng lại không biết xe Honda tồn tại do nhiều bộ phận. Nó biết yên xe không phải là xe, nhưng chấp nước là chuỗi, sau khi ăn chuỗi thì chuỗi là nước đi mọi nơi.²⁷⁸ Con người thì thấy có xe Honda, sau khi ăn chuỗi thì mất chuỗi. Dòng Huyền Giác bác bỏ xe Honda nhưng chấp chuỗi không mất.

²²¹ Và ***cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có***. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: “***Cái kia có, cái này có***”. Như vậy, này Ananda, ***cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo***, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, ***không tánh***. (M.121)

²²² Toàn bộ thế giới vạn hữu đang hiện diện đây đều ***phi nhân duyên, phi tự nhiên***, đều bất khả tư nghì vì không thể chỉ ra được nó là cái gì. Ví dụ, bạn có chiếc xe honda, vậy cái gì là xe honda? ghi đông chẳng? không phải! yên xe chẳng? không phải! sườn xe chẳng? máy xe chẳng? cũng không phải! ***honda chỉ là một tên gọi, một giả danh***, nó được phối hợp lại từ những cái giả danh khác, ***những cái giả danh khác lại được phối hợp từ những cái giả danh khác nữa, tất cả là một chuỗi dài những cái giả danh***, không có cái gì để gọi là honda. Nhà Phật gọi: “thực tướng tất cả các pháp là không tướng” nên “Pháp pháp hà tăng pháp” (pháp pháp mà chưa từng pháp) hay “***Bổn lai vô nhất vật***” (xưa nay không một vật). ***Thế gian này là trống vắng hoàn toàn, các pháp đang diễn ra âm ỉ mà thực sự trống rỗng, nó không có nguồn cội xứ sở, không có tự thể, tự tính, tự ngã.*** (LL1DT)

Ngược với trí tuệ con người, dòng Huyền Giác cho rằng xưa nay chưa từng có dù chỉ một vật, “*bổn lai vô nhất vật*”. Nó thật sự không biết đến sự tồn tại hợp thành từ 5 uẩn, không biết con người là tập hợp nhiều phần tử với tột cùng là các thực thể 5 uẩn, không biết xe Honda là một tập hợp sắc uẩn. Con người dựa vào thực tế có vật do nhiều bộ phận tạo thành mà có sự đặt tên cho vật, từ vật mà có danh tên gọi. Trái lại, nó dùng danh để tạo ra danh, nó dựng ra giả danh để phủ nhận thực tế có sự tồn tại của vật do nhiều bộ phận hợp thành, từ đó nó nghĩ xưa nay chưa từng có dù chỉ một vật, “*bổn lai vô nhất vật*”. Với hý luận về “*không*”, nó có nhận thức dựa trên hý luận ảo tưởng, sống trái với cái mà nó coi là chân lý. Để thức tỉnh trở về với thực tế, hết hý luận thì cần gõ vô thứ “*chưa từng là đầu tổ*” bằng thứ “*chưa từng là cây gậy*”.

Ngoài bác bỏ nghiệp quả,²²³ chấp hư không là bản thể,²²⁰ xem gõ đầu tổ là do “*tánh biết*”, mạng người là mạng ta,²²⁴ dòng Huyền Giác còn có cái gọi là “*trời tru đất diệt*”.²²⁵ Do đó, ngoài đại ngã “*tánh biết*”, nó còn có cái ngã “*trời đất*”.

²²³ Vì vô ngã nên vạn pháp như lai, muôn pháp vô sở bất tại, **không có biệt nghiệp, không có cộng nghiệp**, nghiệp chính là dòng sống đang hiện diện.

²²⁴ Trong mê lầm thì thấy mình là cá thể độc lập, sự sống của mình độc lập đối với các sự sống khác, mình với thế giới vạn hữu là riêng khác **mà không thấy rằng cảnh đối tượng chính là tâm của mình, sự sống của người cũng chính là sự sống của mình, mình và thế giới vạn hữu không hai**. Nếu thấy được vậy thì mê lầm sinh tử chấm dứt. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²²⁵ Người **không biết yêu thương chính bản thân mình sẽ bị trời tru đất diệt**. Người vì yêu mình mà **chà đạp lên mạng sống của người khác cũng sẽ bị trời tru đất diệt** (MQĐ). (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

“Duy-ma-cật”

Và Phật dạy là chỉ có giác ngộ Tứ Thánh Đế mới đoạn tận lậu hoặc.²²⁶ Người tại gia lần xuất gia đều có thể giác ngộ Bốn Thánh Đế. Sự khác biệt giữa họ là mức độ thuận duyên cho sự tu tập. Giác ngộ dễ hay khó, nhanh hay chậm là do ba-la-mật, căn tánh, sự nỗ lực, duyên lành. Do hành Đạo Đế Giới Định Tuệ mà vô số cư sĩ đạt quả giải thoát. Vì ngộ cư sĩ không hành được Giới Định Tuệ, ngộ tạo ra thứ phi Đạo Đế, *hợp với tham sân si của số đông* là bản ý của Phật, ngộ không giác ngộ Tứ Diệu Đế vẫn có thể đoạn tận lậu hoặc nên các văn sĩ chế tác kinh, *mở ra cánh cửa phi pháp, giới cấm thủ*.²²⁷

²²⁶ *Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?*

Này các Tỷ-kheo, *cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ"*, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, *cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ tập"*, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, *cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là khổ diệt"*, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, *cho người biết, cho người thấy, "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt"*, là sự diệt tận các lậu hoặc. (It. 103)

²²⁷ Quả thật chúng ta thấy lộ trình tu tập giải thoát trong Kinh tạng Nguyên thủy chỉ dành cho những người buông bỏ đời sống thế tục. Pháp môn cao nhất của người cư sĩ là tu tập Bát quan trai giới, còn hành **thiền** thì gần như **chỉ dành cho đệ tử xuất gia**. Chủ trương như vậy không có gì sai, nhưng đó **không phải là bản ý của Đức Phật; Đức Phật đã nhiều lần xác định người tại gia nếu đoạn trừ các lậu hoặc vẫn giải thoát**. Tuy nhiên, các thời kỳ Phật giáo Bộ phái đã đóng bít cánh cửa **cơ hội giải thoát của người cư sĩ, đạo Phật như là dành riêng cho thiểu số**. Điều đó đã đưa đạo Phật vào chỗ bế tắc vì mục đích của đạo Phật là cứu độ chúng sinh thoát khổ. (Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật - Thích Viên Giác)

Hơn nữa, vì Phật chỉ trích tham ái, ca ngợi thiền tịnh,²²⁸ nên nhiều người tham dục đã làm văn sĩ tạo ra kinh điển, nghịch đảo lời Phật. Cụ thể, để thỏa mãn cái tôi cư sĩ, họ sáng tác ra “*Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh*” nói về nhân vật cư sĩ tên “*Duy-ma-cật*” ưa giả dối, ngạo mạn cũng như cho “*Phật*” nói và làm những điều phi lý vô ích. Tác phẩm đề cao cư sĩ, khi dễ người xuất gia, kể cả Phật và các đại đệ tử của Phật.

Tác phẩm tả “*Duy-ma-cật*” là người “*biện tài vô ngại, du hí thần thông, cho đến tổng trì, được vô sở úy, hàng phục ma oán, nhập pháp môn thâm diệu, khéo dùng trí huệ, thông đạt phương tiện, đại nguyện thành tựu, thấu rõ tâm chúng sanh, hay phân biệt các căn lợi钝, nơi Phật đạo tâm đã thuần thực, quyết định Đại Thừa, việc làm chẳng cần tác ý, tâm lượng như biển, oai nghi đồng Phật, chư Phật khen ngợi, các vua chúa trời người thấy đều kính trọng*”. Thực tế, trong số các nam cư sĩ được Phật tuyên dương không có ai tên Duy-ma-cật. (A.1.14)

Trong khi người trí luôn biết cách đạt mục đích bằng sự chân thật và tử tế thì “*Duy-ma-cật*” dùng giả bệnh để gặp và “*dạy dỗ*” các vị Thánh đệ tử của đức Phật. Nó ngạo mạn, thiếu giáo dục khi lừa dối giả bệnh, không có trí thỉnh mời. Và “*Phật*” bị mắc lừa. Vì không biết “*Duy-ma-cật*” ngạo mạn, đóng kịch giả bệnh nên “*Phật*” yêu cầu các đệ tử đi thăm nó.

²²⁸ *Này Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Này Tỷ-kheo, hãy tu Thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau sẽ phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Thầy. (A.v.73)*

Các văn sĩ cho “*Duy-ma-cật*” hưởng dục, có vợ con mà vẫn có Sa-môn hạnh.²²⁹ Họ không biết hành dâm không phải là Sa-môn hạnh, Tỷ-kheo mà hành dâm là bị trục xuất. Họ không biết rằng khác với nữ, nam nếu không có dục thì không thể hành dâm. Vì dục mà hành dâm nhưng lại cho là thanh tịnh, có Sa-môn hạnh nên đó là sự điên đảo, lừa bịp.

Ví như người trí không ưa ô uế, cũng vậy, ai thanh tịnh thì không có các hành động cần có tham sân si như cờ bạc... Và người trí chỉ được tôn trọng, được lắng nghe từ người trí chứ không phải kẻ ngu. Phật không có chủ trương ác thuyết là dạy cho kẻ ngu.¹³ Và các Phật tử dù tìm đến nghe Pháp còn chưa chắc hiểu đúng Pháp. Tuy vậy, các văn sĩ ấy lại cho “*Duy-ma-cật*” đến chỗ cờ bạc,... những nơi dễ bị ăn dèp khi nói Pháp, để “độ” người đang cuồng tham sân si. Thật ra, chỉ khi hòa theo tham sân si thì kẻ ngu mới nghe. Hòa theo phi pháp là cổ vũ phi pháp, hại người chứ không phải là độ.

Trong khi Phật không tán thán sự hiện hữu dù trong sát-na thì như các tôn giáo khác vẽ ra thiên đàng vĩnh cửu, truyện *Duy-ma-cật* vẽ ra thứ “*cõi Phật*” “*thanh tịnh*” “*thường còn*”, đáp ứng sự tham ái hiện hữu, mở ra cánh cửa phi pháp.

²²⁹ Dù hiện thân bạch y mà **giữ giới hạnh trong sạch của Sa Môn**, dù ở tại gia mà không đắm nhiễm cõi đời, **thị hiện có vợ con quyến thuộc mà thường tu thanh tịnh hạnh**, dù mặc đồ quý báu mà dùng tướng tốt để trang nghiêm, dù ăn uống theo người đời mà **lấy Thiền duyệt làm mùi vị**, hoặc **đến chỗ cờ bạc, uống hát vẫn tùy cơ độ người**, dù **thọ pháp ngoại đạo mà chẳng hoại chánh tín**, dù hiểu rõ thế pháp mà thường ưa Phật pháp. (*Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh*)

Đừng nghe các văn sĩ hý luận về “không”, mà hãy nhìn họ rất ráo tham chấp thủ sự hiện hữu “cõi Phật”.²³⁰ Thực chất, hý luận “không” của họ chỉ là những sự phủ nhận hiện thực và lời Phật. Do ác ý, không có từ bi, trí tuệ, “Phật” của truyện không cho “chúng sinh bình đẳng” thấy “cõi Phật”.²³⁰

Ví như $1+1=2$ là sự thật khách quan không tùy thuộc vào chủ quan có học hay thất học, cũng vậy, sự thật tốt cùng không phải thứ thay đổi tùy theo tâm tịnh hay bất tịnh. Với tâm thanh tịnh, không tham ái chấp thủ, Phật thấy bản chất thế gian là 5 uẩn sinh diệt vô thường, khổ, vô ngã ở từng sát-na, và không khen sự hiện hữu thế gian dù chỉ sát-na.²³¹ Vì **thấy thế gian là khổ** nên Phật mới tế độ chúng sinh. Còn Niết-bàn, đối tượng của Thánh Quả Định được Phật ca ngợi, là pháp xuất thế gian, không liên can gì đến 5 uẩn lẫn “cõi Phật” đầy châu báu của các tông phái. Do đó, tùy đối tượng mà Phật thấy đó là khổ hay bất khổ. Phật luôn phân biệt 5 uẩn Khổ Đế với Niết-bàn Diệt Đế và không có cái gọi là “tâm tịnh, độ tịnh”. Tuy vậy, truyện Duy-ma-cật hý luận thấy thế giới khổ hay lạc là do tâm chủ quan có/không có phân biệt chấp thủ.²³²

²³⁰ “Phật bảo Xá Lợi Phất: **Cõi Phật ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ người thấp kém, nên thị hiện cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi.**” (Duy-ma-cật - Phật Quốc Thứ Nhất)

²³¹ “Ví như, này các Tỷ-kheo, **một ít phân có mùi hôi thúi.** Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta **không tán thán về hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay.**” (A.1.18.13)

²³² Thế giới bản chất là pháp giới (Dhamadattu), **khi tâm phân biệt chấp thủ thì thế giới đầy đau khổ và biến động nhưng khi tâm không còn chấp thủ nữa thì thế giới trở nên an bình vô ngại.**

Phật không khen khổ hiện hữu dù chỉ sát-na.²³¹ Trái lại, do ảo tưởng có đại ngã “*thể tánh*” nên truyện Duy-ma-cật xem mọi biểu hiện khổ đau trên đời là mầu nhiệm.²³³

Thực chất, không phải vô cớ, chính vì tham sân si mà chúng sinh luân hồi vô số kiếp. Và tất cả tham sân si đều có đối tượng của nó, và đối tượng đó là thể gian. Nói cách khác thì mọi sự trên thể gian này là duyên gây ra tham sân si, trói buộc chúng sinh trong khổ đau luân hồi. Chỉ khi có đức Phật và Giáo Pháp thì chúng sinh mới biết sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi ba giới, bốn loài. Và để giải thoát, chúng sinh cần thực hành theo lời Phật chứ không cần theo thói quen tham ái thể gian, nhờ đó mới có thể viên mãn trí ly tham, giác ngộ Niết-bàn, chấm dứt sinh tử luân hồi. Các văn sĩ không biết mọi sự thể gian là duyên gây tham sân si và chỉ nhờ hành theo lời Phật thì mới có thể ly tham thể gian. Vì chấp có “*thể tánh thanh tịnh*” và có “*biểu hiện mầu nhiệm*” của “*thể tánh*” nên họ xem duyên gây tham sân si, trói buộc vào luân hồi là có “*tác dụng giáo dục con đường giải thoát*”.²³⁴ Họ không biết trí học, hành theo lời Phật mới đưa tới giải thoát.

²³³ Tất cả những gì được biểu hiện trên cõi đời này **đều là biểu hiện của thể tánh thanh tịnh, do đó chúng là mầu nhiệm, là không thể nghĩ bàn.** (Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật)

²³⁴ Điều này rất có ý nghĩa: một là tất cả, **những biểu hiện của thế giới hiện tượng** như gió thổi, mây bay, hoa nở, hoa tàn, cho đến kẻ cướp giết, trộm cắp, ma quỷ cám dỗ... **đều là tác dụng giáo dục con đường giải thoát, tu tập giải thoát không ra ngoài thế giới tầm thường phạm tục ấy, do vậy chẳng có hiện tượng nào là không mầu nhiệm.** (Khái Quát Tư Tưởng Kinh Duy Ma Cật)

“Tứ Diệu Đế”

Thực chất, Phật (Buddha) có nghĩa là người Giác Ngộ. Sự giác ngộ đó là giác ngộ, thấy biết trực tiếp Bốn Thánh Đế. Sự giác ngộ đó không phải là sự suy tư, tìm tòi, hý luận. Và Bốn Thánh Đế là Bốn Chân Lý Cao Thượng không phải chỉ để biết mà là để thấy. Do không biết Bốn Thánh Đế là những sự thật cần được tu tập, giác ngộ nên có người xem Bốn Thánh Đế chỉ như thứ để tìm tòi, suy tư, hý luận.²³⁵

Do vô minh, thiếu học, không biết bản chất của thế gian là 5 uẩn sinh diệt vô thường, chịu khổ trong từng sát-na, không biết bất kể lạc hay khổ thì đều là khổ hay hướng đến sự khổ, không biết đến sự khổ trong bốn đường ác đạo do các nghiệp tham sân si nên có người tham ái tìm lạc trong luân hồi, bác bỏ Khổ Đế, Sự Thật Cao Thượng về Khổ.²³⁶ Họ không biết trái với sự thật là giả dối, sai sự thật. Đời thường không biết có khổ cho đến khi lạc kết thúc hay khi khổ hiện rõ.

²³⁵ Nếu có ai hỏi, thầy Nhất Hạnh đã hiểu hết Tứ Diệu Đế chưa? - tôi sẽ trả lời, chưa! Tôi hiểu đã khá, nhưng chưa hiểu hết. **Sang năm tôi có thể hiểu về Tứ Diệu Đế sâu hơn năm này.** Cứ như vậy cái hiểu của mình càng ngày càng sâu hơn, cao hơn nếu mình có tu, có học, nếu mình không nghĩ rằng mình đã hiểu rồi. Sự thật là mình chưa hiểu hoàn toàn, mình chỉ hiểu một ít thôi. Cái này cũng đúng với Bát Chánh đạo, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần, Bát Thánh đạo phần. (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²³⁶ Đời chỉ là khổ thôi chứ không là cái gì khác, đó không phải là sự thật toàn vẹn. **Giảng sự thật thứ nhất đời là khổ**, life is illbeing là **chỉ đúng phân nửa sự thật** vì đời cũng có thể rất vui, có thể thoải mái, thông thoáng, nhẹ nhàng, không phải chỉ bế tắc sầu khổ mà thôi. **Cho nên sự thật thứ nhất không phải đời là khổ.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

Vì không biết lạc là sinh diệt vô thường, cũng vẫn là khổ nên có người nghĩ lạc là Khổ Diệt Đế, Sự Thật Cao Thượng thứ ba.²³⁷ Thực chất, Khổ Diệt Đế là sự đoạn tận tham,²³⁸ là pháp xuất thế gian,¹⁹⁸ chẳng liên can gì đến lạc ở thế gian.

Để biến khổ thành lạc, có người đã đánh tráo đối tượng. Ví như thấy bị giết là lạc vì có sự vui của kẻ thù, cũng vậy, họ thấy sinh là lạc vì có sự vui của người khác.²³⁹

Để biến khổ thành lạc, có người hý luận nói sai sự thật. Họ biến sự khổ do già lão, răng rụng, chân yếu, tay run, nặng nề chậm chạp về thân, lẫn sự lú lẫn hay quên về tâm của tuổi già thành tâm “sâu sắc” và thân “nhẹ nhàng”.²⁴⁰ Cái “có thể” của họ là không dành cho hầu hết con người.

Lại nữa, họ còn xem chết là không khổ vì nhờ đó có thân tươi trẻ.²⁴¹ Thật ra, trong khổ nghĩ là lạc thì đó là điên đảo,

²³⁷ Sự thật thứ nhất xác định sự có mặt của khổ đau. **Sự thật thứ ba xác định sự có mặt có thể có của hạnh phúc.** Hai sự thật đó đối đãi với nhau.

²³⁸ Đây các Tỷ kheo, và **thế nào là Khổ diệt Thánh đế?** Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm. (D.22)

²³⁹ **Ngày xưa định nghĩa khổ thì có sanh, có già, có bệnh, có chết. Bây giờ chúng ta không hẳn phải định nghĩa giống như ngày xưa. Tại vì sanh ra một đứa con có thể mang lại niềm vui cho rất nhiều gia đình. Mình có thể ăn mừng khi có những đứa con sinh ra, vì thế sinh chưa hẳn đã là khổ.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²⁴⁰ **Già có thể nhẹ nhàng, có thể ung dung, có thể sâu sắc hơn nên già chưa hẳn là khổ.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²⁴¹ **Chết không hẳn chỉ là khổ.** Với một người đã sống lâu, đã mệt mỏi, đã có những khó khăn trong cơ thể thì **chết là một cái rất tốt cho họ để họ có thể tiếp tục dưới dạng khác trẻ hơn, tươi hơn, mát hơn.** (Nhất Hạnh)

tà kiến.²⁴² Nghiệp tham sân tà kiến khi cho quả tái sinh thì đó là súc sinh, ngựa quỳ,... không phải người có thân tươi trẻ.

Đối với bệnh tật, thay vì biến khổ thành lạc như đối với sinh-già thì có người thấy lợi ích và sự cần thiết của khổ, bệnh tật. Họ thấy nhờ có khổ đau mà họ trưởng thành và biết thế nào là hạnh phúc: “*Vì vậy cho nên cái khổ rất là cần*”.

Thật ra, ai thiếu trí mới nghĩ nhờ khổ thì mới biết có hạnh phúc và trưởng thành.²⁴³ Ai ít trí mới nghĩ chỉ có thể trưởng thành trong chiến tranh và khổ đau, mới không ưa và không biết trưởng thành trong hòa bình và hạnh phúc. Trái lại, người trí không ưa khổ, không cần trưởng thành trong khổ. Họ biết hạnh phúc và muốn trưởng thành trong hạnh phúc. Họ không cần có khổ thì mới biết có hạnh phúc. Trong khi chưa biết thương yêu và biết hạnh phúc mà không cần có khổ thì kẻ thiếu trí muốn biết thương yêu qua khổ đau, thấy khổ rất là cần thiết. Vì thấy sự khổ trong từng sát-na nên Phật không ca ngợi sự hiện hữu dù chỉ sát-na.²³¹ Trái lại, như ruồi mê phần uế, kẻ ly trí thấy khổ là cần thiết.

²⁴² ***Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. (A.4.49)***

²⁴³ ***Bệnh cố nhiên là khổ rồi. Nhưng nếu không có bệnh thì mình không có cơ hội để thấy được, không bệnh là hạnh phúc. Chính khổ đau làm cho mình thành người. Nơi nào không có khổ đau, nơi đó con người không lớn lên được, không biết thương, không biết hiểu, hai điều làm cho người ta hạnh phúc. Nhất là hiểu biết và thương yêu, hai cái đó chỉ có thể un đúc được khi có khổ đau. Hiểu được cái khổ thì mình mới chấp nhận thương yêu. Vì vậy cho nên cái khổ rất là cần. Mỗi người cần có một ít khổ đau, vấn đề là liều lượng của khổ đau. (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)***

Thực chất, vì tham ái mà chúng sinh mới có sự hiện hữu, luân hồi. Tham là *phiền não ngủ ngầm* của tất cả chúng sinh, chỉ cần có duyên và sự không khéo tác ý là tham ái khởi lên. Và người trí xem bốn vô lượng tâm từ bi hỷ xả là thiện chứ không xem tham ái là thứ gì đó cao quý cần phải đạt được. Hơn thế, người trí *quán vô thường, khổ, vô ngã* là để ly tham, giải thoát khổ. Tuy vậy, có người xem tham ái là điều tốt cần phải có. Họ không biết nghiệp tham ái cho quả tái sinh nơi khổ cảnh. Và để biết ái, họ thấy cần phải có khổ đau.

Có vô số sự thật trên thế gian. Tuy vậy, *giá trị và vai trò của chúng* là khác nhau. Vì nếu giác ngộ Tứ Thánh Đế thì sẽ giải thoát khổ nên đó là *Bốn Sự Thật Cao Thượng*. Và Khổ Đế, *Sự Thật Cao Thượng về Khổ* có nghĩa đó là sự thật cao thượng chứ không có nghĩa khổ là cao thượng. Tuy vậy, có người cần khổ, nghĩ khổ là cao quý vì có thể học từ khổ.²⁴⁴ Từ khổ, họ học ra bài học về ái, tạo nghiệp tham ái để có quả khổ. Do chưa được trưởng thành, họ cần khổ và không biết rằng Phật không tán thán sự khổ và Phật Pháp là để thoát khổ.

Kẻ ly trí mới ưa khổ, tự hại mình, không muốn thoát khổ. Họ không biết trí học Phật Pháp để thoát khổ mới cao quý. Họ không biết lạc trong Phạm hạnh của bậc trí thì khác với dục lạc của kẻ ly trí “*Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng nhờ lạc và hỷ mà bốn Thánh đế được chứng ngộ.*” (S.v,440)

²⁴⁴ Nếu mình *chỉ là nạn nhân của khổ đau, không học hỏi được từ khổ đau, sợ hãi trốn tránh khổ đau, thì cái khổ đó không còn cao quý nữa.* (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

Trong khi Phật dạy “*cầu bất đắc là khổ*” thì có người chế ra cái gọi là “*cầu đắc cũng khổ*”, và xem đó là thâm thúy sâu sắc hơn lời Phật dạy.²⁴⁵ Thực tế, con người có nhiều mong cầu, không cần cầu này đắc thì mới có cầu khác. Và cầu là khổ khi bất đắc chứ cứ cầu là đắc thì không phải là khổ. Họ không biết rằng có cầu mới không có nghĩa đắc cũ là khổ, không biết rằng bất đắc mới khổ chứ cứ đắc thì không khổ.

Ái là do duyên sinh, ái là có thể thay đổi, không bất biến. Và Phật dạy “*ái biệt ly là khổ*”, ái nhiều thì biệt ly khổ nhiều, không ái thì biệt ly không khổ. Tuy vậy, do không biết rằng vì hội ngộ ái mới nên mới có lạc, cũng như vì hết ái cũ nên biệt ly ái cũ hết khổ nên có người hý luận “*ái biệt ly là lạc*”.²⁴⁶ Họ không biết rằng nếu ái cũ không đổi thì biệt ly còn khổ, và do hết ái cũ nên biệt ly không khổ.

Tuy vậy, họ không hý luận biến sâu bi khổ ưu não là lạc. Họ có thể đánh tráo đối tượng như kiểu biến “*sinh là lạc*” để biến sâu bi khổ ưu não là lạc: “*vì có sự vui của kẻ thù trước sâu bi khổ ưu não của họ nên sâu bi khổ ưu não của họ là lạc*”.

²⁴⁵ **Cầu không được thì khổ nhưng cầu được cũng khổ như thường. Sự thật này cũng không đúng lắm. Cầu cái đó, được rồi thì mình cầu cái khác. Thành ra cầu đắc cũng khổ chứ không phải cầu bất đắc mới khổ. Vấn đề ở chỗ cầu hay không cầu mà thôi.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²⁴⁶ **Ái biệt ly, khổ. Thương nhau mà không được ở gần nhau, khổ. Đây là sự thật nhưng chỉ là một nữa của sự thật thôi. Ban đầu bị chúng gởi đi xóm khác, cũng hơi buồn. Ai ngờ đi xóm khác những vướng mắc kia tan đi, mình khỏe. Mình hạnh phúc hơn nhiều. Mình có những dây mơ rễ má, vướng mắc cái này, vướng mắc cái kia, tưởng rằng không gần nhau thì khổ lắm. Ai dè qua xóm kia ở một năm rồi, không muốn về nữa. Thành ra ái biệt ly chưa hẳn là khổ. Nó có thể đem lại hạnh phúc.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

Thật ra, để vượt qua khổ tâm thì cần có trí biết sự thật và sự khéo tác ý. Cụ thể, tác ý đến sự thật bản chất thế gian là vô thường, khổ, vô ngã hoặc khéo tác ý đến nghiệp quả, sự vô thường và từ bi hỷ xả là cách người trí vượt qua khổ tâm.

Vì không biết *đạo Phật là của Phật*, không biết có vô minh, thất học, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai nên có kẻ gọi các hý luận trái với sự giác ngộ của bậc Thiên Nhân Sư là “*khoa học*”.²⁴⁷

Và Phật không tể độ nổi kẻ ngu. Phật không ác thuyết,¹³ thuyết cho kẻ ngu, *không bóp méo Pháp để thỏa mãn, chiều ý, thu hút kẻ ngu*. Phật không dạy cái gọi là “*khế cơ*” đáp ứng nhu cầu tham sân si của kẻ ngu.²⁴⁸ Vì không biết có trí-ngu, không biết mình là ai, không biết trái với Phật là phạm phu nên có người đã đổi trắng thay đen, bài xích lời Phật, khiến tín đồ u mê si ái, rơi xuống khổ cảnh tam tối, gây mất pháp. Họ ngạo mạn nghĩ đối nghịch với Phật là có trí hơn Phật.²⁴⁹

²⁴⁷ **Phật học là một khoa học. Mình là một học giả**, mình là một nhà khoa học, mình **phải khám phá càng ngày càng sâu thêm** chứ tại sao cứ ngồi đó mà lập đi lập lại những điều người xưa đã nói. Tổ Lâm Tế đã nói như vậy đó. **Đừng ê a lập lại những giáo điều của người xưa. Mình đâu phải là cái máy record, mình đâu phải là cái máy cassette.**(Nhất Hạnh)

²⁴⁸ **Phật pháp phải khế cơ**, tức là nó **phải đáp ứng được những nhu yếu đang có thực của con người.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²⁴⁹ Một cách hay nhất để biết ơn người xưa là **phải học cái hay của người xưa và làm cho hay hơn người xưa.** Cha mẹ luôn luôn muốn cho con hay hơn mình, thầy luôn luôn muốn **học trò, đệ tử giỏi hơn mình** vì vậy cho nên mình phải đi tới. **Đạo phật càng ngày càng đẹp hơn càng rộng hơn, càng sáng hơn** chứ **đừng giữ lại cái đạo Phật của năm xưa.** Vì vậy cho nên sau khi đã có đạo phật nguyên thủy, mình đã có đạo phật bộ phái rồi đạo phật Đại thừa, rồi đạo phật nhập thế. **Phải càng ngày càng đi lên.**(Nhất Hạnh)

Do không biết 5 uẩn sinh diệt trong sát-na, không biết có sự khổ do tái sinh vào cõi *súc sinh*... nên có người có hý luận *"không phải đời là khổ"*,²⁵⁰ họ có *"chân lý"* khác đạo Phật. Họ không biết lạc thế gian là do duyên sinh, là vô thường, phải chịu diệt, không biết có phiền não sinh lên vì lạc bị diệt, không biết lạc phải bị diệt có nghĩa là lạc bị khổ. Hơn thế, vì không biết các thực thể 5 uẩn là sinh diệt không ngừng nên họ nghĩ là có một cái ngã thường còn, không sinh diệt.²⁵¹

Do thiếu học, có người nghĩ lạc tạm bợ, do duyên sinh là Diệt Đế: *"Vì vậy Diệt Đế là sự có mặt của hạnh phúc, của an vui"*. Họ ngỡ Khổ Diệt Đế là hữu vi,²⁵² do duyên ba Đế khác.²⁵³

²⁵⁰ **Đời chỉ là khổ thôi chứ không là cái gì khác, đó không phải là sự thật toàn vẹn.** Giảng sự thật thứ nhất đời là khổ, *life is illbeing* là chỉ đúng phân nửa sự thật vì đời cũng có thể rất vui, có thể thoải mái, thông thoáng, nhẹ nhàng, không phải chỉ bế tắc sâu khổ mà thôi. Cho nên sự thật thứ nhất không phải đời là khổ. (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²⁵¹ **Diệt là cái gì diệt mới được chứ! Sanh là cái gì sanh mới được chứ!** Diệt tức phiền não diệt. Mà phiền não diệt tức hạnh phúc sanh ra, an lạc sanh ra. Đó là đứng về phương diện hiện tượng mà nói, tướng mà nói. **Còn đi sâu vào làm gì có sanh mà có diệt?** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

²⁵² Ngày xưa có thầy nói rằng nếu phân tích bốn sự thật này ra thì sẽ có một cái là vô vi và ba cái là hữu vi. Diệt đế là Niết Bàn là vô vi còn ba cái kia là hữu vi. **Nói như thế để khiến người hiểu nhầm lẫn.** Làm sao hữu vi trộn lẫn với vô vi. Nó đứng một hàng, nếu vô vi thì vô vi hết, hữu vi thì hữu vi hết. **Làm sao một cái vô vi, còn những cái còn lại là hữu vi.** (Nhất Hạnh)

²⁵³ Trong Tâm kinh, mình tụng hàng ngày, phần lớn mình tụng như con vẹt. Đã nói không có khổ, không có tập, không có diệt, không có đạo. Nó có nghĩa, tách rời ba cái kia thì không thể có cái này. **Khổ đế không có thực tại riêng biệt, nó được tạo bởi ba cái đế kia.** Tập đế cũng vậy, nó không phải là sự thật riêng biệt, nó được làm bởi ba cái kia. Đạo đế cũng vậy và **Diệt đế cũng vậy thôi.** (Tứ Diệu Đế - Nhất Hạnh)

Họ không biết vô vi là sự đoạn tận tham sân si, lộ đến vô vi là Đạo Đế,²⁵⁴ và Diệt Đế là sự đoạn tận tham,²⁵⁵ không biết “Diệt Đế” của họ chẳng liên can gì đến đạo Phật, không biết Niết-bàn là pháp xuất thế gian, không có chuyển vận,²⁵⁶ là vô vi, không có sinh, trụ, diệt.²⁵⁷ Họ không biết đến Đạo Trí đoạn tận tham, có đối tượng là Niết-bàn. Giáo lý ngoại đạo khác với đạo Phật. Hiểu ngược Phật Pháp là hiểu ngoại đạo.

Thật ra, đạo Phật không phải chỉ biết nói khổ và dừng lại ở đó. Đạo Phật chỉ rõ sự diệt khổ và đường đến sự diệt khổ. Tùy căn tánh, ba-la-mật mà Phật tử chọn diệt khổ lâu dài hay vĩnh viễn. Họ có thể hành thiện pháp để có lạc lâu dài hay hành Giới Định Tuệ để giác ngộ Niết-bàn, đoạn tận mọi sự khổ trong sinh tử luân hồi. Tuy vậy, đạo Phật không có cái gọi là dùng ái để có lạc nhỏ trước mắt, để bị khổ lâu dài.

²⁵⁴ - Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là vô vi?** Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si.**

- Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Con đường Thánh đạo Tám ngành, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi. (S.iv,361)

²⁵⁵ Này các Tỷ kheo, và **thế nào là Khổ diệt Thánh đế?** Sự diệt tận không còn duyên tiếc tham ái, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm. (D.22)

²⁵⁶ “Này các Tỷ-kheo, có xứ này, tại đây **không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió;** không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố **không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh; không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau.**” (Ud.80)

²⁵⁷ Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi. Thế nào là ba? Sanh không được trình bày rõ, diệt không được trình bày rõ, sự biến dị khi đang trú không được trình bày rõ. (A.3.47)

Theo Giới Luật, Tỳ-kheo được phép dùng thịt với điều kiện thịt đó *không có nguyên nhân vì họ mà giết*. Nếu thấy, nghe, nghi thịt vì mình mà giết thì không được phép thọ dụng.²⁵⁸

Với quy định ấy, đức Phật đã ngăn không cho các đệ tử có sự liên đới đến sát sinh. Thực chất, các đồ tể sát sinh không phải để đem cho, không ai ép họ, mà vì *mình*, vì *lý do nuôi mạng, lý do kiếm tiền* mà họ sát sinh. Nếu không có sự bao thầu, chỉ định, đặt hàng trước hay mua theo định kỳ thì các cư sĩ cũng đã tránh được việc đồ tể sát sinh vì cá nhân cư sĩ. Như vậy, cư sĩ có trí tuệ thiện xảo còn không liên đới đến việc sát sinh, nói gì đến chư Tăng dùng thịt do họ mua.

Và việc diệt sâu bọ là vì lợi ích người trồng không phải vì người mua. Nếu bắt phân biệt kẻ này với kẻ kia, miếng thịt vô tri với chúng sinh hữu tình, có ý với không có ý sát sinh thì đừng nên đi lại, ăn mặc... để *“tránh bị liên đới tới sát sinh”*.

Thật ra, giới không sát sanh bị vi phạm khi có đủ 5 chi:

²⁵⁸ *Này Jīvaka, những ai nói như sau: “Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama tuy biết thể vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình được làm cho mình”, những người ấy không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật.*

*Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, **thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi vì mình mà giết**. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng.*

*Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, **thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe và không nghi vì mình mà giết**. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng. (M.55)*

- 1) Con vật ấy còn sống.
- 2) Biết con vật ấy còn sống.
- 3) Có ý muốn giết con vật ấy.
- 4) Nỗ lực giết con vật ấy.
- 5) Con vật chết bởi nỗ lực ấy.

Nếu không có ý sát sinh thì việc *cày cấy, nấu ăn, đi lại...* là *không phạm giới hay nghiệp sát sinh*. Nếu đó là *nhằm mục đích giết sâu bọ* thì có thể phạm giới. Cố ý sát sinh dù là để bổ thí hay vì bất kỳ lý do gì thì cũng là ác nghiệp. Vì không quy y Pháp nên nhiều tông phái cứ đi lại,... mà chê tam tịnh nhục.

Ăn không phải là nhân giác ngộ. Ăn không làm con người thanh tịnh. Đời có nhiều kẻ ăn chay nhưng giả dối, tà mạng. Chính giới giúp thân-khẩu không có lỗi và thiền định giúp tâm thanh tịnh.²⁵⁹ Phật giác ngộ và dạy bản chất thế gian là 5 uẩn vô thường, khổ, vô ngã, cần ly tham sân si thế gian, giác ngộ Niết-bàn chứ không dạy thế gian là thanh tịnh.

Chỉ có tu tập Đạo Đế mới đưa tới giải thoát, xem ăn chay là pháp tu giải thoát là chấp giới cầm thú. Nếu ăn thực vật là pháp tu thì dê, bò... tu hành từ lúc chào đời! Nếu ăn chay là pháp tu giải thoát khổ thì loài bò... giải thoát từ lâu.

Thực tế, Devadatta đã từng thỉnh cầu đức Phật quy định không được phép dùng thịt cá nhưng đã bị Phật bác bỏ.²⁶⁰

²⁵⁹ “Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh.” (S.iii,151)

²⁶⁰ -Này Devadatta, ta cho phép chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng. **Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện** là: “Không thấy, không nghe, và không nghi ngờ.” (Tạng Luật - Phân Tích Giới Bồ - Điều Saṅghādisesa Thứ Mười)

Và Phật cấm 10 loại thịt vì lý do đạo đức, giữ niềm tin với người có đức tin, tôn trọng biểu tượng vương quyền, giúp Tỷ-kheo an toàn.²⁶¹ Phật dạy Tăng cần ít dục, biết đủ, biết giới quán tưởng tính vật chất, bất tịnh, chức năng vật dụng.

Và thanh tịnh có được là do thực hành Chánh Pháp chứ không phải là do ăn thực vật như trâu, bò...

Sát sanh và hành hình,	Không phải do lỏa thể,
Đả thương và bắt trói,	Đầu trọc và bện tóc,
Trộm cắp và nói láo,	Không do tro trét mình,
Man trá và lừa đảo,	Mặc da thú khô cứng,
Giả bộ kẻ học thức,	Không phải do săn sóc,
Đi lại với vợ người,	Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Đây là đồ ăn thối,	Không do nhiều khổ hạnh,
Ăn thịt không phải thối.	Để được chứng bất tử,
	Không bùa chú tế tự,
Phẫn nộ và kiêu mạn,	Các tế đàn thời tiết,
Cứng đầu và chống đối	Làm con người trong sạch,
Man trá và tật đố,	Nếu nghi hoặc chưa đoạn.
Nói vô ích, huênh hoang,	Do sống hộ trì căn,
Kiêu mạn và quá mạn,	Với các căn nhiếp phục,
Thân mật với kẻ ác,	Vững trú trên Chánh pháp,
Đây là ăn đồ thối,	Thích chân trực, hiền hòa,
Ăn thịt không phải thối.	Vượt khỏi các tham ái,
	Đoạn tận mọi khổ đau,
Không phải do cá thịt,	Bậc trí không nhiễm dính,
Cùng các loại nhịn ăn,	Điều được thấy, được nghe.(Sn 42)

²⁶¹ Thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và chó sói. (Vin.Mv.vi)

Có hai loại "sự thật" ngược nhau là sự thật của người trí và "sự thật" của kẻ mất trí. Khác người trí, kẻ mất trí có thể có "sự thật" "*chuối là bò/gà*", coi sự lẫn lộn, mâu thuẫn, phi logic là cao siêu. Để thu hút tín đồ, dù đời sau có căn cơ thấp, các tông phái vẫn gọi giáo lý thỏa mãn tham sân si ngã mạn mâu thuẫn với lời Phật do họ chế là siêu hơn và khế cơ với đời sau. Thật ra, đó chỉ là thứ giáo lý tà kiến, gây mạt pháp.

Vì vô minh, tham hiện hữu nên vô số người và tôn giáo chấp có đại ngã, tiểu ngã. Trái lại, Phật, bậc Đại Giác Ngộ tuyên bố "*tất cả pháp vô ngã*", không dạy "*tất cả pháp đại ngã*".

Ngược với Phật, các tông phái lôi kéo tín đồ bằng giáo lý tham ái chấp ngã như ngoại đạo với ngôn từ nhái đạo Phật. Họ coi sự chấp có đại ngã là dành cho người có căn cơ cao. Phật coi chấp ngã là điên đảo (A.4.49), họ coi đại ngã là thật. Phật nói khổ là sự thật, Khổ Đế (A3.61), họ coi khổ là huyễn. Phật nói thực tại do duyên là có,⁷⁴ họ coi thực tại là huyễn.

Có nhiều tông phái ăn chay và chấp có đại ngã Phật tánh bất biến thanh tịnh tự tại, có đầy đủ công đức, có quyền quyết định mọi sự dụng. Thực chất, đó là tà kiến giúp tín đồ thỏa mãn cái tôi và sự tham hiện hữu. Đó là sự bịa đặt vì cái gọi là tự tại đầy công đức đó đã để thế gian sống trong khổ, không cho sống trong lạc thật. Thay vì giữ giới Phật thì họ hù ăn thịt là đứt giống từ bi, bất ngộ "*Phật tánh*". Thật ra, "*Phật tánh*" là thứ vô dụng, có giá trị ảo tưởng, nhằm đáp ứng ước muốn hiện hữu. Vì ngu si bất lực nên cái tự tại đó dễ bị đứt giống từ bi, không để chúng sinh trực ngộ "*Phật tánh*".

Để ai từng ăn thịt trong luân hồi có thể giác ngộ, họ nói sám hối, cúng và ăn chay lại thì sẽ nổi giống từ bi. Thật ra, thế gian 5 uẩn là sinh diệt vô thường trong sát-na, chỉ có dứt giới, sám hối, xin giới, giữ giới, không có thực thể tồn tại lâu dài để mà có thể bị dứt hay nổi. Thật vô lý khi Phật tánh thanh tịnh mà làm ác. Khi dụng là ác bất tịnh thì họ nói do phiền não che mà Phật tánh thanh tịnh tùy duyên làm ác. Mà nếu tự tại thì Phật tánh không để bị che, nếu bị che thì Phật tánh không tự tại. Phật tánh là bị nhiễm ô, không phải đại ngã thanh tịnh bất biến khi để phiền não dẫn đi làm ác. Vì Phật tánh bị tùy thuộc duyên nên đó không phải là ngã. Thực chất, Phật tánh là khái niệm ảo tưởng được dựng lên nhằm phủ nhận chân lý vô ngã. Vì “*tất cả pháp vô ngã*” nên đừng níu kéo có một cái ngã để ngộ. Tông phái nào làm đời chìm vào ảo tưởng, có nghiệp tà kiến chấp đại ngã, đi tới quả khổ thì không thật có từ bi, trí tuệ, công đức.

Pháp chân đế 5 uẩn và tục đế thế gian đều vô thường khổ vô ngã. Còn đại ngã thì lý thuyết chả tương đồng/can hệ gì với thực tại. Các tông phái sống trong ảo tưởng về đại ngã.

Ví như kẻ lừa dối không sống theo những gì mà họ nói, dù nói đó là rau sạch thì họ vẫn không ăn rau xị thuốc đó, cũng vậy, bậc giác ngộ của các tông phái tuy “*ngộ*” đại ngã thường còn, bác bỏ thật có sinh tử nhưng họ lại đòi ăn như người đời. Lẽ ra họ nên trụ nơi “*Phật tánh*”, từ bỏ ăn, thể hiện thật có “*Phật tánh*”. Kẻ thiếu trí thì có sự mâu thuẫn, nói lời phi pháp và không sống đúng theo “*chân lý*” của mình.

Và các tông phái có điểm chung là không chấp lời Phật. Họ kẹt chấp vào ăn mặc, đại ngã, trụ nơi phi pháp. Vì chấp đại ngã là thật có, phủ nhận sự tồn tại do duyên là thật có, bác bỏ thật có sinh tử nên họ cần sự mất trí phân biệt, cần phá sự thật, lẽ phải, thiện-ác mà Phật đã phân biệt, chỉ dạy. Do đó, họ sống trong ảo tưởng, sống trái với điều họ nói.

Và có tông phái xem Phật tánh bất nhơ, bất tịnh. Tuy vậy, bất kể sự hý luận Phật tánh là tịnh hay bất cấu bất tịnh thì đó đều là phương tiện để họ tham sân si ác giới nhưng vẫn kiêu ngạo bảo rằng ta có “*Phật tánh*” tịnh/bất cấu bất tịnh, phủ bỏ sự hành theo lời Phật. Cụ thể, “*thiền sư*” Nam Tuyền nhờ chấp vào đại ngã tự tại, đứng ngoài nhân quả mà tâm không dao động khi giết mèo thay vì đi tự sát để dạy đạo.²⁶² Đó là “*thiện xảo*” giúp đời điên đảo, chẳng phải ngộ sự thật gì. Với thiền tông, vì *không thật có sinh tử* nên trảm Nam Tuyền cũng là cách đệ tử chứng tỏ sự “*giác ngộ*” và giúp “*thiền sư*” sống thật với “*đại ngộ*” đại ngã bất tử. Vì ai cũng cầu ăn ngon nên “*thiền sư*” cần ăn phần để thể hiện sự vô ngại, vô sở trụ. “*Thiền sư*” bị kẹt chấp vào ăn, không biết từ bỏ ăn khi có thứ “*chân lý*” coi sinh tử là huyễn, thấy đời là lạc nhờ sự mất trí.

²⁶² Sư nhân hai đường đông tây giành nhau một con mèo, sư bắt gặp nói với chúng rằng: “Nói đúng đạo lý thì cứu lấy con mèo, còn nói không được thì chặt chết con mèo đấy.”

Mọi người tịch lời, sư liền chặt chết con mèo. Triệu Châu từ ngoài trở về, sư bèn lập lại y lời ban nãy để khảo thị. Châu bèn tháo dép để lên đầu mà đi. Sư nói: “Nếu có ông tại đó thì đã cứu được con mèo rồi.” (Cảnh Đức Truyền Đăng Lục (Quyển 8))

“Tổ Y Bát” - Cú Lừa Vĩ Đại

Ở đời, 9 người 10 ý và điều đó không có nghĩa là ai cũng nói đúng sự thật, theo sự thật, lẽ phải.

“*Tất cả pháp vô ngã*”, không ai có thể áp đặt người khác thay đổi quan điểm. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là không ai được phép nêu ra bằng chứng bác bỏ sự lừa dối, phi pháp. Phận sự người trí là nói lên sự thật, chỉ trích sự giả dối sai trái mà không cần tất cả đều biết hay chấp nhận sự thật, thay đổi vì sự thật. Ở đời, có ai chưa từng sai lầm? Vậy nên người trí không cần phải im lặng trước sự lừa dối, hại đời. Sự thật vẫn luôn dành cho người không vì cái tôi mà cố chấp thủ sự giả dối. Người hữu duyên còn tỉnh táo thì biết chấp nhận sự thật, từ bỏ sự giả dối, tà kiến, quả khổ.

Và thiên tông là tông phái tự nhận “*có nguồn gốc*” từ việc “*Phật*” “*truyền y bát*” cho “*sơ tổ*” MahāKassapa là một vị Arahant và dần “*truyền*” đến Bồ-đề-đạt-ma. Bồ-đề-đạt-ma là người mặc y ngoại đạo tự nhận là “*tổ y bát*” và cũng là “*sơ tổ*” của thiên tông Tàu. Trong khi Phật tôn trọng biểu tượng, sự kỷ luật, đặt nhiều giới luật về y, cách may và đắp y thì có nhiều người chấp y và giới ngoại đạo tự nhận là đệ tử Phật.

Trước khi diệt độ, khi được hỏi, Phật tuyên bố không có “*mật giáo*” gì,²⁶³ sau khi Phật tịch diệt thì Pháp và Luật là

²⁶³ - Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, **không có phân biệt trong ngoài** (mật giáo và không phải mật giáo), vì nay Ananda, đối với các Pháp, Như Lai **không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay** (còn giữ lại một ít mật giáo). (D.16)

Đạo Sư.²⁶⁴ Vì Phật đã chỉ định Pháp và Luật là bậc Đạo Sư cũng như đệ tử thì thiếu trí và tỷ lệ kém trí ngày càng tăng, Giáo Pháp là hướng đến vô thường, các vị Thượng Thủ Thanh văn và Đại Thanh văn thì chỉ có ở thời đức Phật nên đạo Phật không cần có đệ tử là “*tổ y bát*” làm rồi bậc Đạo Sư. Đạo Phật không có cái gọi là tổ lần tổ y bát mặc y ngoại đạo.

Đệ tử là đệ tử, đệ tử cần quy y Tam Bảo, đệ tử không phải là Bổn Sư. Không có đệ tử nào hơn bậc Đạo Sư, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Thực chất, “*tổ y bát*” là kết quả của sự bất tuân Pháp và Luật, không quy y Tam Bảo.

Để một tổ chức tồn tại tốt đẹp lâu dài, không chia rẽ thì cả giáo lý và người kế vị đều cần được minh bạch. Vì tâm là “*pháp môn*” bất minh, vì không cần phải đóng tuồng mờ ám khi có thể nói rõ nên Phật đã nói Giáo Pháp là bậc Đạo Sư.

Và ngài Ananda, thị giả của Phật đã khẳng định đức Phật không chỉ định ai, cũng như chư Tăng không có thỏa thuận ai là nơi nương tựa mà chính Giáo Pháp là nơi nương tựa.²⁶⁵

²⁶⁴ - Nay Ananda, **Pháp và Luật**, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, **chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người**. (D.16)

²⁶⁵ - Nay Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sắp đặt: “Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông sẽ y chỉ vị này”.

-Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: “Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này”.

-Này Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi. (M.108)

Thiền tông dẫn đầu là tổ y bát ưa diễn trò thì chủ trương "bất lập văn tự", không theo kinh điển tu tập Đạo Đế, cố chấp sở đắc tham sân si, trực chỉ vô minh, chấp có ngã "bản lai diện mục", không thấy biết thể gian 5 uẩn là vô thường, khổ, vô ngã trong sát-na, không có trí ly tham, giác ngộ Niết-bàn.

Trong khi Phật dạy chỗ chấp Pháp là của ta⁵⁷ và người trí học tập kinh điển là để hành đúng, tránh hành sai, thì họ ngộ cú hành là đúng, không biết hành của ngoại đạo là phi Phật Pháp, hành trái lời Phật là sai nên đòi "bất lập văn tự".

Vì Phật cấm trò câm như ngoại đạo²⁶⁶ nên đạo Phật bác bỏ cái gọi là "niêm hoa vi tiếu" và "truyền tâm ấn" của thiền tông.

Các tông phái không biết là khác với Phật Toàn Giác và Phật Độc Giác không cần thầy hay Pháp của ai, đệ tử Phật cần nghe Pháp. Đệ tử Phật được gọi là Thanh Văn là vì nghe theo lời Phật, không phải vì theo "pháp môn" câm. Do đó, họ chế đệ tử ngang với bậc Toàn Giác, tạo "sơ tổ" là Arahant còn hậu tổ "kiến tánh thành Phật" vô minh, mù 5 uẩn, quá khứ - vị lai. Thật ra, chỉ những ai ly trí thường nói lời sai trái mới cần "pháp môn" câm. Do có "pháp môn" câm nên thiền tông không liên can gì đến Thanh Văn đệ tử Phật.

Giáo Pháp không phải là vở tuồng câm. Câm chỉ có nghĩa là không có nghiệp nói. Câm không có nghĩa là thanh tịnh hay chứng Niết-bàn. Người không biết gì cũng biết câm.

²⁶⁶ - *Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rõ đại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bất chước kẻ câm. Này các tỳ khưu, không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là bất chước kẻ câm; vị nào thọ trì thì phạm tội dukkaṭa. (Vin.Mv.4)*

Trong khi đệ tử Phật được gọi là *Thanh Văn* vì cần nghe theo lời Phật thì các tông phái hý luận ra “*pháp môn*” cho “*Phật*” đóng kịch câm, tạo hình tượng, để họ nói ra lời giải “*tâm ấn*”.

Trừ lúc trả lời thỉnh mời theo cách “*im lặng đồng ý*”, với Toàn Giác Trí, khác với kẻ câm vì không biết nói gì, Phật có đủ trí nói và trả lời đúng sự thật kể cả đó là pháp siêu thế Niết-bàn cho ai có trí hiểu. Kinh điển lời Phật là duyên giúp hiểu biết sự thật, từ đó hành đúng và giác ngộ đúng chân lý. Lời Phật không tạo/làm biến đổi chân lý, khiến không thể giác ngộ. Vì không biết có thể mô tả và giác ngộ chân lý, ngỡ lời nói phải là sự thật ấy/sự ngộ chân lý ấy thì mới coi là nói nên các văn sĩ chế “*Từ đêm chứng đạo đến đêm Niết-bàn, trong khoảng giữa đó, Như Lai chưa từng nói một chữ*” (*Lăng Già*).

Thực tế, có rất nhiều y vãi được cúng dường đến Phật. Và dĩ nhiên, Phật không dùng hết số y đó mà là đem cho đệ tử. Tuy vậy, tài vật là tài vật, tài vật không phải là đạo lý, và không có đạo lý đệ tử ngang hàng với bậc Thiên Nhân Sư.

Thật ra, tất cả Tỷ-kheo đều không có Nhất Thiết Trí, đều đánh lễ Phật, đều là học trò, đều không bình đẳng với Phật. Người trí thì không tin chuyện Phật mời vị MahāKassapa ngồi chung pháp tọa lần chuyện vị ấy tự ý đến ngồi chung. Đạo Phật là có Giới Luật, có quy củ, không phải đạo vô chấp kỷ luật như một số loài vật. Do đó, chỉ có những Tỷ-kheo đồng đẳng, cách dưới 3 năm mới được ngồi chung ghế.²⁶⁷

²⁶⁷ *Này các tỳ khưu, ta cho phép ngồi với vị khoảng cách ba năm (trở lại). (Vin.Cv.1)*

Và những ai chấp đại ngã “*Phật tánh*” mới là thật có, chấp “*chúng sinh bình đẳng*” thì cần sống thật với “*sự thật*” ấy, cần bình đẳng ăn ngủ ngồi nằm với loài vật. Họ cần được xem như loài vật, có “*tánh biết*” bất phân thiện-ác như loài vật.

Ngoài việc là một trong số nhiều đệ tử Arahant lục thông của Phật, ngài MahāKassapa còn là Đại Thanh văn Đệ nhất về hạnh đầu đà.²⁶⁸ Khác với trì giới, thiền định và trí tuệ,²⁶⁹ đầu đà không quyết định sự giác ngộ. Thực tế, Phật bác bỏ thỉnh cầu buộc chư Tăng phải hành đầu đà ngụ trong rừng của Devadatta.²⁷⁰ Vì muốn tán dương hạnh tinh tấn, ít dục-biết đủ mà Phật đã cho phép hành một số khổ hạnh đầu đà.

Vì không thật quy y Pháp Bảo, không tu Đạo Đế, chấp thủ đại ngã nên tổ Bồ-đề-đạt-ma không phải đệ tử Phật. Do đó, tổ có thể tự nhận mình là “*minh tâm kiến tánh*”, “*thành Phật*”. Vì không tu tập Đạo Đế nên tổ không phải là *đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ sa-môn*.²⁷¹ Vì mù 5 uẩn Khổ Đế, 12 nhân duyên Tập Đế, chưa giác ngộ Bốn Thánh Đế nên tổ là vô minh.²⁷²

²⁶⁸ Trong các vị đệ tử... thuyết về hạnh đầu đà, tối thắng là MahāKassapa. (A.1.14.4)

²⁶⁹ Trong các vị đệ tử... đại trí tuệ, tối thắng là Sāriputta. (A.1.14.2)

Trong các vị đệ tử... tu Thiền, tối thắng là Kaṅkhā Revata. (A.1.14.7)

Trong các vị đệ tử... trì Luật, tối thắng là Upāli. (A.1.14.10)

²⁷⁰ Đây Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng; (Vin.Vi.I)

²⁷¹ Đây Subhadda, **trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.** (D.16)

²⁷² “**Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt.**” (S.ii.2)

Phật dạy Pháp là để tu-chúng, không phải vật để truyền và không dạy cái gọi là truyền y bát. Các tổ thì có trò y bát, biến y bát thành “*báu vật trấn sơn*”. Đó là khởi nguồn của nhiều sự phi pháp và sợ hãi. Vì chấp ngã và ngôi vị “*tổ*” nên các *tổ phạm phu* đó đã có những cuộc trốn chạy nhiều năm.

Thế gian là luôn có người thiếu trí. Vậy nên hành động của người thiếu trí không nhất thiết sẽ bị tất cả mọi người chỉ trích, trái lại, điều đó có thể được nhiều người hâm mộ. Kẻ thiếu trí không chỉ biết nói lời phi pháp mà còn biết cầm và hành động điên đảo. Họ không biết có trí-ngu, không biết rằng trái ngược với người đời còn có sự điên đảo, mất trí. Tuy vậy, có nhiều người tôn thờ hình tượng dụng công gánh vác, không biết nói hay viết lời có ý nghĩa. “*Hắn có thể trông như một thằng ngu và nói như một thằng ngu, nhưng đừng để điều đó lừa bạn. Hắn thực sự là thằng ngu đấy.*” (Groucho Marx). Tuy vậy, trí-ngu là vô thường chỉ cách nhau một ý niệm, bỏ giả chính là trí còn cố chấp giả là chí ngu.

*Nhàn lau lướt sóng, tưởng thân tiên,
Hóa ra trốn chạy, dạ chẳng yên.
Vua Lương không phục, tìm đường lánh,
Tự tại cái gì? Chỉ mị người!
Thánh nhân vô úy với gươm đao,
Tổ lại dùng mưu thoát xích xiềng.
Rơi cái 'như huyễn', lời cái khiếp,
Tổ sư si mạn chuốc lụy phiền!*

“Các Pháp Phi Nhân Duyên, Phi Tự Nhiên”

Thực chất, chúng sinh và thế giới tồn tại và vận động do nhiều duyên, không có thứ gì vô duyên hay chỉ do một duyên quyết định sự tồn tại hay vận động.

Và con người thì hay nhìn thế gian theo sự thật chế định hợp thành. Họ thấy con người được tạo nên từ các bộ phận. Các bộ phận ấy *không phải là con người* mà là duyên tạo nên con người. Không ai gọi tim gan hay xác vô tri là con người. Họ gọi đó là người vì các duyên vật chất - ý thức nhất định.

Và sự sinh ở thế gian là sự xuất hiện quả từ nhiều duyên nhất định kết hợp, không phải sự đẻ từ duy nhất một duyên. Lý do phân biệt *duyên* là vì có vô số thứ không tạo ra quả ấy.

Ai cũng biết cha mẹ là *duyên sinh* con, không ai nói một mình cha hay mẹ sinh con. Ai cũng biết rằng dù có duyên cha mẹ thì cũng chưa chắc có con. Họ biết sự sinh cần nhiều duyên chứ không phải chỉ một duyên. Vì để giao tiếp thuận lợi, không đông dài nên họ mới nói cha/mẹ sinh con.

Thật ra, vì đó không phải là con người mà khi kết hợp lại thì tạo ra con người nên *đó được gọi là duyên*. Vì không phải cái gì cũng tạo nên con người nên mới có sự phân biệt duyên và vô duyên. Và những gì có tham gia mới được coi là duyên, không có mặt thì không phải duyên. Do không biết đến sự sinh từ nhiều duyên kết hợp và đứa con được sinh từ các duyên có ở nơi người mẹ, không phải ở nơi khác nên dòng Huyền Giác hô “*đứa con không phải do người mẹ sinh*”.

Dòng Huyền Giác có định nghĩa kỳ dị về sự sinh, thể gian không có kiểu sinh đó. Trong khi sự sinh ở thể gian là do nhiều duyên kết hợp thì nó xem sinh là **sự đẻ từ một duyên**, quả có trước và chui ra từ duyên ấy. Từ đó, nó có thể giới quan điên đảo về sinh, có cái gọi là “vô sinh”, “từ vô sinh mà sanh”.

Vì khi áp dụng định nghĩa sự sinh quái đản ấy cho từng duyên riêng rẽ thì không có sự sinh nên dòng Huyền Giác chế ra “**phi nhân duyên sinh**”.²⁷³ Dùng từ “**duyên sinh**” với định nghĩa sự sinh quái dị ấy thì nó có cái gọi là: “**khái niệm duyên sinh** hiểu đến đây chính thật là **vô sinh vô diệt**”.²⁷⁴ Nó không biết sự xuất hiện chuỗi trên buồng là sự sinh do các duyên kết hợp. Nó chỉ biết riêng lẻ, không biết đến sự kết hợp.

Từ định nghĩa ấy, dòng Huyền Giác đã hý luận ra đủ thứ lẫn lộn điên đảo: “sinh không từ đâu sinh”, “vô sinh, vô bất sinh”, “từ vô sinh mà sanh”, biến sinh diệt do duyên là “vô sinh vô diệt”.

Sau khi lẫn lộn, hý luận ra “**phi nhân duyên sinh**”, thấy “**phi nhân duyên sinh**” đồng nghĩa với sự sai trái là vô duyên, tự nhiên sinh, thì thay vì từ bỏ “**phi nhân duyên sinh**”, dòng Huyền Giác cố chấp cái sai, hý luận ra mệnh đề mâu thuẫn

²⁷³ Trên cây chuối có buồng chuối, **trước khi có buồng chuối thì trong** cây chuối không có buồng chuối, tìm ở các duyên để sinh ra buồng chuối, như **trong** đất, **trong** phân bón, **trong** nước, **trong** không khí, ánh sáng và gió trời, tất cả đều không có buồng chuối, vậy **buồng chuối không phải do nhân duyên sanh**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁷⁴ Vậy buồng chuối **có mặt là phi nhân duyên, phi tự nhiên**. Không phải chỉ có buồng chuối mà **vạn pháp đều như vậy: vô sinh, vô bất sinh**. Vì vậy **khái niệm duyên sinh** hiểu đến đây chính thật là **vô sinh vô diệt**. (LL1DT)

“Nhà Phật nói: *các pháp phi nhân duyên, phi tự nhiên*”.²⁷⁵

Do mất trí phân biệt nên dòng Huyền Giác một mặt hô lý *duyên khởi*,²⁷⁶ mặt khác phủ nhận duyên khởi, hý luận ra cái gọi là “*các pháp phi nhân duyên*”. Nó không biết rằng đại ngã “*tánh biết*” là trái với lý duyên khởi, nghiệp báo.

Do không biết chuỗi sinh nơi nhiều nhân duyên kết hợp, chỉ biết có tồn tại chuỗi và chuỗi không sinh từ một duyên, nên dòng Huyền Giác nghĩ chuỗi “*sinh không từ đâu sinh*”. Nó chỉ biết riêng rẽ một duyên, dùng một duyên làm cơ sở ra kết luận đối nghịch với thế giới tồn tại và vận động do nhiều nhân duyên kết hợp.

Tuy có lúc biết nước không phải chuỗi,²⁷⁷ nhưng có lúc dòng Huyền Giác mất trí phân biệt chuỗi với nước, nó chấp nước là chuỗi, sau khi ăn, chuỗi không mất đi mà chuỗi là nước đi khắp nơi, không về một nơi, chuỗi là vô diệt: “*chuỗi không có chỗ để về*”.²⁷⁸ Nó không biết chuỗi sinh diệt do duyên,

²⁷⁵ Nếu những quả chuỗi này **không phải do nhân duyên sanh thì đương nhiên là tự nhiên sanh**, nhưng trong thế giới vạn hữu, chưa có cái gì tự nhiên sanh. Vậy là, những **quả chuỗi này từ vô sinh mà sanh**. **Nhà Phật nói: các pháp phi nhân duyên, phi tự nhiên**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁷⁶ “Nói đến đạo Phật **không thể không nói đến lý duyên khởi**, nó là nguồn cội của sự sống, nguồn cội sự vận động của thế giới, là thành phần không thể thiếu của giáo lý Phật giáo.” (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁷⁷ “**Quả chuỗi hiện diện là do vô lượng vô biên những yếu tố không phải chuỗi mà có, nó không xuất phát từ một nơi nào**”. (LL1DT)

²⁷⁸ “**Nếu bạn ăn quả chuỗi vào trong bụng, bạn thử coi nó sẽ đi về đâu, nó là những đám hơi nước bốc lên trời, nó là những đám mây, vậy trái chuỗi đi về đâu? Trái chuỗi không có chỗ để về. Vạn pháp như lai**.” (LL1DT)

không biết rằng sau khi ăn chuối thì chuối diệt, chuối duyên sinh ra phân chứ *chuối không phải là nước hay phân*.

Do không biết phôi chỉ là sắc uẩn, không biết con người là 5 uẩn nên dòng Huyền Giác không biết khoảnh khắc xuất hiện 5 uẩn là sự sinh của con người.²⁷⁹ Nó không biết **sự sinh do nhiều duyên kết hợp**, thiếu duyên thì không sinh, không phải cứ có sắc trứng, tinh trùng vô tri thì có sự sinh.

Do thiếu học, không biết đến *sinh tử do các duyên hợp tan*, không biết con người là pháp vô ngã *tồn tại do duyên tập hợp 5 uẩn*, không biết xác chết chỉ là sắc uẩn không phải 5 uẩn nên dòng Huyền Giác không biết sự tan rã 5 uẩn là sự chết. Do “*trực chỉ vô minh*”, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, nên nó không thấy biết sự xuất hiện và tan biến 5 uẩn, không biết có sinh tử và khoảnh khắc sinh tử.²⁸⁰

²⁷⁹ Thiền tông cho rằng không có sinh tử, nếu có sinh thì phải có tử, nhưng với một con người, thì **sự sinh bắt đầu từ đâu?** Nếu tính từ khi ra khỏi bụng mẹ thì không đúng, vậy trước đó thì sao?, khi thai nhi nằm trong bụng mẹ đã là một cơ thể sống, vậy cơ thể sống này được sinh từ khi nào? nếu tính từ cái đêm cha mẹ ăn nằm với nhau cũng không đúng, nếu không có trứng và tinh trùng. Trứng và tinh trùng cũng là một thực thể sống và vận động, trước trứng và tinh trùng là cái gì? là cơm gạo, là nước, là ánh sáng, là gió trời, v.v... Vậy thời điểm sinh là thời điểm nào? Thời điểm sinh không xác định thì thời điểm tử cũng không xác định, **nên nói không có sinh tử.**(LL1DT)

²⁸⁰ "Này các Tỷ kheo, **thế nào là sanh?** Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, **sự xuất hiện các uẩn**, sự hoạc đắc các căn.

Này các Tỷ kheo, **thế nào là chết?** Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự tử trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, **các uẩn đã tận diệt**, sự vất bỏ tử thi." (D.22)

Như kẻ mất trí nghĩ phân là chuỗi, dòng Huyền Giác không phân biệt 5 uẩn với 1 uẩn, nó chấp con người bất tử, sau khi tắt thở thì con người 5 uẩn là sắc nước... đi khắp nơi, không về một nơi: *“không có chỗ để về. Vạn pháp như lai”*.

Không chỉ mất trí phân biệt *chuỗi* với *nước*, một duyên với nhiều duyên, 5 uẩn với 1 uẩn, dòng Huyền Giác còn mất trí phân biệt quá khứ-hiện tại, duyên-vô duyên, không gian và thời gian, không biết rằng quả xuất hiện là do những duyên ***có mặt ở hiện tại***, *không phải ở quá khứ, vị lai*. Duyên quá khứ đã làm xong phận sự cho quả ở quá khứ, duyên quá khứ không có vai trò cho quả ở hiện tại, ông bà sinh ra cha mẹ chứ ông bà không sinh ra cháu.

Do không biết đến sự sinh do các duyên có mặt kết hợp, không biết có duyên và vô duyên, ngõ cụt gạch quá khứ cũng sinh ra tổ nên dòng Huyền Giác hý luận về cái gọi là toàn pháp tái sinh.²⁸¹

Vì không biết có *duyên* và *vô duyên*, không biết chuỗi sinh do duyên, không biết có vô số thứ vừa không phải là chuỗi vừa không phải là duyên sinh chuỗi như lửa, sắt... nên dòng Huyền Giác hý luận rằng *“Quả chuỗi hiện diện là do vô lượng vô biên những yếu tố không phải chuỗi mà có”* (LL1DT).

²⁸¹ Vô ngã nên toàn pháp tái sanh, chúng sanh tái sanh, toàn pháp luân hồi. Một bông hoa nở là bởi toàn thể pháp giới trùng trùng duyên khởi để cho một bông hoa nở, một hạt bụi trần bay lên, cả địa cầu thấu nhận.(LL1DT)

“Tánh Không”

Ví như việc trộn cát vào cơm, cũng vậy, các tông phái đã tạo ra các tư tưởng trái với lời Phật và gọi đó là “Phật Pháp”. Cụ thể, dòng Huyền Giác cho “tánh không” vào đạo Phật.²⁸²

Thực tế, chẳng có cái gọi là “tánh không” trong toàn bộ kinh điển do chư Thánh Tăng Arahant kết tập. Thực chất, nguồn cội của “tánh không” là đến từ các tông phái.

Kinh điển chỉ có “không tánh”²⁸³ nghĩa là không có cái tánh ngã, kinh điển bác bỏ các thứ ngã như “tánh không”. Chính các văn sĩ là đấng sáng tạo của cái gọi là “tánh không”.

Hô hào vô ngã, dòng Huyền Giác biến thể giới vận động do các duyên vô ngã thành thể giới có đại ngã “tánh không” là nguồn cội, quyết định sự vận động của thể giới.²⁸⁴

Do thiếu học, dù ở trong thể giới của các duyên nhưng dòng Huyền Giác không biết gì ngoài đại ngã “tánh không”,

²⁸² Phật thuyết pháp càng ngày càng thâm sâu, đến tột cùng Phật giảng vi diệu pháp ở cõi trời Đao lợi. “Tánh không” là một trong những đỉnh cao của giáo lý Phật giáo. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁸³ Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có”. Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh. (M.121)

²⁸⁴ “tánh không” là vô cùng thâm sâu, là đỉnh cao của giáo lý Phật giáo, để giải thích nguồn gốc diễn ra thể giới vận hữu, nguồn gốc diễn ra quy luật vận động của thể giới vận hữu, nguồn gốc của tham, sân, si, mạn nghi tà kiến, nguồn gốc của ai, lạc, hỉ, nộ, ái, ố, dục. Do đâu mà con người bị lôi cuốn vào những biến động mà con người không mong muốn. (LL1DT)

không biết Phật đã chỉ duyên sinh tham sân si²⁸⁵ lẫn duyên khiến tham sân si không sinh.²⁸⁶ Tất cả đều chẳng liên can gì đến cái gọi là "*cội nguồn*" "*tánh không*" "*thâm sâu*", "*đỉnh cao*".

Ví như Ngô Thừa Ân có thể lý giải mọi thứ trong thế giới Tây Du Ký của mình, cũng vậy, các văn sĩ có thể giải thích mọi điều trên thế gian, cội nguồn của thế gian bằng hý luận dựa trên đại ngã "*tánh không*".

Ví như có người mê Tây Du Ký nhưng ghét Phong Thần và ngược lại, cũng vậy, có những kẻ ưa thích thế giới quan tham sân si chấp ngã của tôn giáo này hơn tôn giáo kia.

Cũng như $1+1=2$, chân lý Tứ Thánh Đế là không thay đổi, không tùy thuộc thời gian. Và chân lý Bốn Thánh Đế là sự bác bỏ "*tánh không*", thứ ảo tưởng có vai trò là đại ngã thường còn quyết định sự tồn tại và vận động của thế gian.

²⁸⁵ *Tịnh tướng và không như lý tác ý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tham sanh khởi.*

Chướng ngại tướng và không như lý tác ý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến sân sanh khởi.

Tiếng nói của người khác và không như lý tác ý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi. (A.2.11.7)

²⁸⁶ *Tướng bất tịnh, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, thời dục tham chưa sanh không sanh khởi, hay dục tham đã sanh được đoạn tận.*

Từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, thời sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận.

Nếu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận.

Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, hay chánh kiến đã sanh được tăng trưởng. (Tăng Chi-Phẩm Đoạn Triền Cái)

“Mở Miệng là Sai”

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác luôn có sự lẫn lộn, tự mâu thuẫn. Nó hay hý luận về “*thể tánh*”, “*Phật tánh*”, “*tánh không*”, rồi nhận sai khi hý luận về chúng.²⁸⁷

Trong khi đức Phật dạy “*tất cả pháp vô ngã*” (PC.279), thì một mặt dòng Huyền Giác chấp nhận “*Phật đã khẳng định: Vạn pháp vô ngã*” (LL1DT), mặt khác nó chấp cái ảo tưởng “*thể tánh*” là “*thật có*” rồi hô không biết đó là ngã hay vô ngã. Thật ra, cái “*thể tánh*”... đó có tính chất là đại ngã thường còn dù cho nó không xem đó là ngã. Thực chất, tri kiến đó là một trong các cánh cửa mở ra không gian tà kiến rộng lớn.

Ví như người thiếu trí biết cách làm những điều sai trái, cũng vậy, dòng Huyền Giác dù biết nói về “*thể tánh*” là sai thì nó vẫn không ngừng hý luận về “*thể tánh*”.

Trong khi ưa hý luận, *phiêu lưu* với cái “*thể tánh*” ảo tưởng, ưa tuồng cảm, *sự sống lại, gánh đép về quê* của Bồ-đề-đạt-ma, điên đảo thấy chuỗi là nước, tổ bắt tử, bác bỏ sinh-tử do các duyên hợp tan, đối nghịch trí tuệ con người và đạo Phật thì dòng Huyền Giác tự tăng bốc “*Thiền tông không chủ trương phiêu lưu trong sự tưởng tượng, thiền tông chỉ trình bày những gì mà trí tuệ con người nhận thức được, thiền tông không nói những chuyện huyền hoặc hay truyền thuyết*”(LL1DT).

²⁸⁷ “*thể tánh, Phật tánh, tánh không, không thể nói nó là cái gì, vì mở miệng thì đã sai rồi, thì làm sao có thể luận về nó là có ngã hay vô ngã.*” (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Và ngôn ngữ là dùng để diễn đạt các ý niệm, tính chất của đối tượng, không phải để trải nghiệm đối tượng ấy, không thể tả vị ngọt cho kẻ *chưa từng nếm vị ngọt*, ngoại trừ nói ngọt không phải là đắng, chua, cay, mặn, chát, lợ, vô vị.

Thực tế, lời Phật dạy là để biết đúng sự thật chứ không phải trải nghiệm các sự thật mà Phật nói. Muốn thấy biết, trải nghiệm các sự thật ấy thì phải thực hành và giác ngộ. Không ai dùng ngôn ngữ để có được trải nghiệm Niết-bàn. Ngôn ngữ chỉ có thể nói về tính chất của Niết-bàn, do vậy mà đức Phật có thể nói lời chân thật về Niết-bàn.

Và Phật có dư trí tuệ nói lên sự thật về pháp hiệp thể lẫn pháp siêu thể Niết-bàn. Lời Phật dạy và sự hiểu biết đúng của đệ tử không làm sự thật thay đổi tính chất khiến đệ tử không thể giác ngộ. Lời Phật dạy giúp các đệ tử đóng khung trong trí tuệ, có trí nhận biết sự thật, phát hiện ra tà kiến. Nhờ đức Phật dạy Niết-bàn là pháp xuất thế gian, không có sinh diệt, vô sở duyên,²⁵⁶ không y cứ 5 uẩn mà đệ tử Phật bác bỏ “sinh tử tức Niết-bàn” lẫn cái “tánh biết” y cứ 5 uẩn mà lại còn “tánh biết và Niết bàn đồng nghĩa” (LL1DT). Ở đây, dòng Huyền Giác tưởng có “tánh biết” gắn chặt với 5 uẩn đồng nghĩa với Niết-bàn, pháp xuất thế gian 5 uẩn.

Do thiếu học, không biết Niết-bàn là gì, không biết điều Phật dạy về Niết-bàn,²⁵⁶ do chỉ có thể nói sai Niết-bàn nên dòng Huyền Giác còn cho rằng “*khi mở miệng để nói Niết bàn thì đã sai rồi*” (LL1DT). Điều này là đúng với riêng nó.

“Tánh Biết”

Trong khi các hiện tượng vật chất vận động theo quy luật tự nhiên thì người tiền sử tưởng có thần linh đứng sau các hiện tượng tự nhiên, từ đó họ tạo ra *thần sấm*... Nigantha thì ảo tưởng có “*linh hồn*” đằng sau chúng sinh, vạn vật. Dòng Huyền Giác có mô hình “*thể-tướng-dụng*”, với “*thể tánh*” có vai trò là linh hồn, đại ngã, nguồn cội đằng sau sự vận động của chúng sinh, sự vật. Nó nhân cách hóa, cho sự vật “*biết*” trong khi “*biết*” là việc của ý thức, không phải của vật chất. Nó mất trí phân biệt vật chất vô tri với ý thức. Thực chất, thể tánh... là thứ có vai trò lý giải thế giới theo sự vô minh, mù 5 uẩn, là sản phẩm tà kiến của kẻ não ngẩn chỉ biết có duyên vật chất hiện tại, không biết có duyên ý thức quá khứ.

Và vật chất gỗ luôn cháy do lửa không có nghĩa là ai cũng biết đọc. Nhờ có duyên ý thức học quá khứ mà có biết đọc. Không thể thất học mà “*hiện diễn*” sự đọc. Khác với vật chất vô tri chỉ vận động theo duyên hiện tại, ý thức có khả năng liên hệ đến các duyên quá khứ, tư duy nhờ duyên quá khứ. Chỉ có duyên và quy luật tự nhiên quyết định sự vận động. Vì không biết bản chất thế gian là 5 uẩn vô ngã vận động do duyên quá khứ và hiện tại nên dòng Huyền Giác ngộ có cái ngã “*tánh biết*” quyết định sự vận động, “*như nhiên mà diễn*”,²⁸⁸

²⁸⁸ “*Tánh biết*” và Niết bàn đồng nghĩa, vì như pháp mà tánh biết hiện diễn. Với “*tánh biết*”, không có cái gì là tốt-xấu, đúng-sai, thiện-ác. Mọi phẩm cách tốt xấu thiện ác, là do con người chấp thủ sự dụng tùy theo nghiệp cảm mà gán đặt, “*tánh biết*” chỉ như pháp yên nhiên như nhiên mà diễn. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

nhân quả liền kề, tự nhiên biết đọc, bất cần duyên học. Vì chấp tất cả là do đại ngã “*tánh biết*” quyết định sự vận động “*như nhiên mà diễn*”, nó bác bỏ có tốt-xấu, đúng-sai, thiện-ác.

Do duyên trí thấy bản chất thể gian là 5 uẩn vô thường-khổ-vô ngã mà có sự đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn, không có cái đại ngã “*tánh biết*” nào “*như nhiên mà diễn*” không tu mà giác ngộ. Cái “*tánh biết thường còn*” “*hiện diễn tất cả pháp*”,²⁸⁹ thực chất là thứ ảo tưởng, có giá trị ảo tưởng.

Dòng Huyền Giác chỉ biết sự vận động như vật chất, dựa trên hiện tại, không biết đến quá khứ. Nó có thể giới quan là mô hình “*thể-tướng-dụng*”, với sự “*hiện diễn*” của “*tánh thể*”, Nó bất cần ba-la-mật tu tập trí thấy biết, ly tham. Nó dựa vào cái nhìn vô minh “*tự nhiên đại ngộ*” “*Niết-bàn*”, diệt tận tham. Nó hý luận “*ngộ*” đại ngã “*tánh biết*” là không còn lậu hoặc.²⁹⁰ Thật ra, giác ngộ Tứ Diệu Đế vô ngã mới đoạn tận lậu hoặc.²⁹¹

²⁸⁹ *Tánh biết hiện diễn tất cả các pháp mà cũng chính là các pháp đó.*(LL1DT)

²⁹⁰ **Người đắc thánh chính là người ngộ được “*tánh biết*”, là người không còn lậu hoặc**, đức Phật dạy: “*Này các tỷ-kheo! Ta nói có sự đoạn trừ các lậu hoặc với người biết và thấy, chứ không phải với người không biết và không thấy.* (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

²⁹¹ *Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc? Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “**Đây là Khổ**”, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “**Đây là Khổ tập**”, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “**Đây là khổ diệt**”, là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy, “**Đây là Con đường đưa đến khổ diệt**”, là sự diệt tận các lậu hoặc. (It. 103)*

Con người là có ý thức và khác vật chất vô tri ở chỗ là có ý thức trí-ngu, đúng/sai sự thật. Và cái “*tánh biết*” ảo tưởng thì như kẻ mất trí hay vật chất vô tri vô đạo “*không có cái gì là tốt-xấu, đúng-sai, thiện-ác*” (LL1DT). “*Tánh biết*” là công cụ lý giải thế giới theo sự vô minh, là sản phẩm của tà kiến.

Với ngã “*tánh biết*” mới là “*thật có*”, dòng Huyền Giác thấy đá tổ là do “*tánh biết hiện diễn*”, không phải do ác ý, ai thấy ác là do có ý thức khác loài vật và vật chất vô tri. Chấp có ngã hiện diễn là *trái với sự thật thế gian vận động do duyên vô ngã*.

Nhờ mất trí phân biệt kiểu sau khi ăn thì chuối là phân mà có những người chấp có “*tánh biết*” thường còn, “*tánh biết*” mùi của chuối là một với “*tánh biết*” mùi của phân. Hơn nữa, do chấp tất cả là do đại ngã “*tánh biết*”, họ đề cao bình đẳng, phản đối phân biệt trí-ngu, thiện-ác, lẫn khen thiện, chê ác. Tuy vậy, họ đủ tham sân si để không chịu bị làm ác. Do đó, họ có tiêu chuẩn kép, tuy phản đối chê trách kẻ ác nhưng họ sẽ không bỏ qua mà đánh những kẻ cướp vào nhà mình.

Những ai chấp có đại ngã “*tánh biết*”... thì nghĩ rằng mọi hành động chúng sinh đều do “*tánh biết như nhiên mà diễn*”. Họ không biết đến ý thức học tập, kinh nghiệm quá khứ; không biết gốc rễ của hành động là tâm tham, sân, si hoặc vô tham, vô sân, vô si; không biết *mọi tâm đều do duyên sinh*, do duyên học tập, kinh nghiệm quá khứ và sự khéo hay không khéo tác ý ở hiện tại. Vì ngã “*tánh biết*” là nguồn cội của hành động nên họ thấy hành động của kẻ ác là tất yếu.

Do đó, thay vì từ bi với nạn nhân và chê trách kẻ ác thì họ có thể “từ bi”, “tỏ ra sâu sắc thấu đáo”, xem kẻ ác là vô tội và đổ thừa cho “tánh biết như nhiên mà diễn” theo hoàn cảnh khách quan. Vì không phải là nạn nhân nên họ có thể còn kêu gọi tha lỗi, đừng trách IS, dù IS giết nhiều người, bất kể IS không thấy có tội, chẳng xin lỗi và chẳng cần ai tha lỗi. Họ không biết rằng trước cùng một hoàn cảnh, ý thiện và ác là có thể tráo đổi, không có cái gọi là “như nhiên mà diễn”.

Ý dẫn đầu các pháp,

Ý làm chủ, ý tạo;

Nếu với ý ô nhiễm,

Nói lên hay hành động,

Khổ não bước theo sau,

Như xe, chân vật kéo.(PC 1)

Ý dẫn đầu các pháp,

Ý làm chủ, ý tạo,

Nếu với ý thanh tịnh,

Nói lên hay hành động,

An lạc bước theo sau,

Như bóng, không rời hình.(PC 2)

Thật ra, thế gian không chỉ có vật chất mà còn có ý thức, cả hai là có tính chất khác nhau. Vật chất vô tri có thể duyên sinh ý thức nhưng nó không đồng đẳng với ý thức. Vật chất không có trí nhớ, không biết suy tư dựa trên duyên quá khứ và hiện tại mà chỉ có thể vận động theo các duyên hiện tại theo quy luật tự nhiên nhất định. Ý thức có khả năng nhớ biết, suy tư dựa trên kinh nghiệm quá khứ và duyên hiện tại. Hơn thế, ý thức còn duyên sinh ra sắc do tâm sinh nhờ đó mà có sự vận động của thân vật chất. Vì có khả năng suy nghĩ đúng/sai sự thật, lựa chọn hành động mà ý thức như ông chủ trí/ngu điều khiển cỗ máy thân vật chất vô tri.

“Phật Tánh”

Vì “tất cả pháp vô ngã” không phải “tất cả pháp đại ngã” nên sự chấp có đại ngã như ngoại đạo là nghiệp tà kiến,²⁴² đưa tới cội khổ.¹⁰ Dạy chấp có ngã “Phật tánh”²⁹² là hại đời, càng xa sự thật, không phải là độ. Việc các luận sư tái chế “Phật tánh” là “tiềm năng giác ngộ” vẫn phi pháp. Tiềm năng là khả năng do duyên, đó không phải là thực thể tiềm tàng hay có sẵn để mà giác ngộ. Không thể giác ngộ đối tượng là khả năng. “Giác ngộ” “tiềm năng giác ngộ” là biến “khả năng” thành “đồ vật” cần phải tìm và ngộ. Đó là hý luận phi pháp.

Ví như nhờ duyên học toán mà biết $1+1=2$, vô duyên thì không biết, chả cần tưởng có “hạt giống” hay “tiềm năng biết làm toán” hay có cái “Toán tánh” quyết định sự biết làm toán. Cũng vậy, nhờ có duyên tu tập Đạo Đế ly tham sân si thì có đoạn tận tham sân si, giác ngộ Niết-bàn, vô duyên thì vô giác. Không thể cùng vô minh, tham sân si mà giác ngộ sự thật. Không cần ảo tưởng có “hạt giống” hay “tiềm năng giác ngộ” hay đại ngã “Phật tánh”, “tánh giác”, thứ nằm ngoài quy luật nhân quả, không có nguồn cội, quyết định sự giác ngộ. Chỉ có nghiệp tu tập Đạo Đế và nghiệp lực đưa tới quả giác ngộ. Nghiệp thức sau khi sinh thì liền diệt và để lại nghiệp lực. Nghiệp lực vô thường truyền trong dòng danh sắc sinh diệt cho tới khi ra quả là câu nối giữa nghiệp thức đã diệt quá khứ và quả sinh sau đó, không có cái ngã, cái thể nào tạo sự ra quả.

²⁹² Người dứt sạch phiền não vừa **thấy rõ Phật tánh**, đây được gọi Đại Niết bàn. Đại Niết bàn đầy đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. (Đại Bát Niết Bàn-Đại thừa)

Không Thành Có và Có Thành Không

Những gì có tồn tại thì cần được xem là có, bất kể chúng vô thường hay do duyên sinh.²⁸³ Vô thường nghĩa là không thường còn. Vô ngã là không có quyền quyết định sự tồn tại. Vô thường và vô ngã không có nghĩa là giả dối, không có. Do bị sinh tử do duyên, không làm chủ sự tồn tại nên ông bà sơ vô thường vô ngã, là không còn chứ không phải là không có.

Thay vì ý thức sự thật là có pháp vô ngã, có duyên sinh tử, duyên phiền não, thoát khỏi ngã tưởng thì dòng Huyền Giác không từ bỏ chấp ngã mà chấp chỉ có ngã mới là thật có còn vô ngã là không thật có, chỉ có ngã mới sinh tử, phiền não, giác ngộ, coi vô ngã là không có sinh tử, phiền não, giác ngộ. Do chấp ngã nên nó nghĩ không có ngã là không còn gì cả, nó không biết có pháp vô ngã và sinh tử của pháp vô ngã.²⁹³ Vì không biết có pháp vô ngã nên nó biến *CÓ thành KHÔNG*. *Pháp môn đá đít* sẽ giúp thức tỉnh kẻ ngủ mê trong ảo tưởng.

Trong khi Phật giác ngộ “*Tất cả pháp vô ngã*” (PC.279) thì dòng Huyền Giác ảo tưởng *CÓ* đại ngã “*tánh thể*” quyết định sự tồn tại và vận động của thế gian, biến *KHÔNG* thành *CÓ*. Vì chấp có đại ngã thường còn nên nó bác bỏ sinh tử.

²⁹³ *Khi chưa học Phật, phản ứng của thân vật lý này như thế nào thì sau khi học Phật rồi, phản ứng của thân vật lý này cũng vẫn thế, điều khác nhau căn bản của người đã giác ngộ giải thoát với người phàm là ở nhận thức, người giác ngộ thì không còn lầm tưởng rằng thực có ta, thực có phiền não, thực có sanh tử để ta xa lìa, thực có niết bàn để ta chứng đắc, chỉ vậy thôi. Tất cả lầm nhận này vì không biết rõ đường đi nẻo về của ý thức thêu dệt ra. (LL1DT)*

“Bình Đẳng”

Ví như vì có các tính chất khác nhau mà vật chất vô tri như vàng, bạc không bình đẳng hay bằng giá trị, cũng vậy, thân-khẩu-ý thiện với bất thiện, trí với ngu, siêng với lười, chúng sinh 5 uẩn với vật chất sắc uẩn vô tri là vô bình đẳng.

Ý thức là mấu chốt khác biệt giữa con người với loài vật và vật chất. Hạ thấp vai trò của ý thức thì sẽ có cái nhìn như loài vật, bóp méo sự thật. Tử bi như nhau với chúng sinh, chúng sinh đều có 5 uẩn, đều do duyên *không có nghĩa là chúng sinh bình đẳng*. Kẻ vu oan giá họa, giết người cướp của thì không có phẩm giá, không bình đẳng với người có giới, trí tuệ. Xem tất cả đều bình đẳng là hời hợt, gây hỗn loạn, tai họa cho đời. Vì ý thức trí-ngu, siêng-lười có ở mọi tầng lớp nên sự phân biệt đó *không có nghĩa kỳ thị dòng dõi, tầng lớp, chủng tộc*. Tuy vậy, kẻ ít trí hay tìm cố bình đẳng với bậc trí.

Thực tế, đạo Phật bác bỏ sự tồn tại cái ngã. Trái lại, các tông phái hô hào vì chúng sinh, vạn vật đều có cái *"thật có, không giả dối"* là *"tánh biết"*,... những thứ có vai trò là đại ngã quyết định sự vận động, giác ngộ của chúng sinh và vạn vật nên *"chúng sinh, vạn vật bình đẳng"*. Tuy vậy, họ lươn lẹo không theo *"chân lý bình đẳng"*, không chịu bình đẳng với đá dù đá cũng có cái *"thật có"* là *"tánh biết"*, *"thể tánh"* là thứ quyết định đá *"kiến tánh thành tổ"*. Đừng nghe họ nói *"vạn vật bình đẳng"* mà hãy nhìn họ bất bình đẳng với đá. Thực chất, họ cần tự xem họ là bình đẳng với loài vật và vật chất vô tri.

Do khác biệt về giới và tuệ mà người già đánh lễ vị sư trẻ, cúng dường Phật thì có phước hơn cho phàm phu,²⁹⁴ cố ý hại Phật chảy máu thì nghiệp nặng hơn sát sinh.²⁹⁵ Do đó, chúng sinh là không bình đẳng.

Thực chất, các vị Arahant đều bình đẳng với Phật về sự giải thoát,²⁹⁶ đều có tham sân si=0, đều tịch diệt Niết-bàn nhưng điều đó không có nghĩa họ bình đẳng với Phật về các trí nằm ngoài sự giác ngộ. Và Phật dạy từ bi như nhau với con người và loài vật chứ Phật không dạy trí-ngu, thiện-ác là bình đẳng. Hơn nữa, vì bác bỏ mọi loại ngã nên đạo Phật không có lý do xem “*chúng sinh bình đẳng*”. Do vậy, áp đặt sự bình đẳng, cào bằng những sự khác biệt về tính chất vật lý, ý thức trí tuệ, đạo đức, siêng-lười là bất công, phản tự nhiên.

²⁹⁴ Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức. **Sau khi bố thí cho các phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.** Sau khi bố thí cho các **phàm phu gìn giữ giới luật**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức. Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã **ly tham trong các dục**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức. Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng **quả Dự lưu?** ... **quả Nhất lai?** ... **quả Bất lai?** ... **quả A-la-hán, đệ tử Như Lai?** Còn nói gì đến những vị **Độc Giác Phật?** **Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?** (M.142)

²⁹⁵ Có năm nghịch tội này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không có thể chữa trị. Thế nào là năm?

Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. (A.5.129)

²⁹⁶ Ở đây, này Sumanā, Ta nói **không có sự sai khác nào, tức là so sánh giải thoát với giải thoát.** (A.5.31)

Và trí-ngu, sự hiện hữu và tịch diệt là không bình đẳng. Do đó, kẻ vô minh còn luân hồi sinh tử không bình đẳng với bậc Giác Ngộ đã diệt độ, không còn sinh tử hiện hữu. Tuy vậy, do không biết Phật đã tịch diệt, do không biết có sinh tử của pháp vô ngã nên dòng Huyền Giác ngỡ mình bình đẳng với Phật.²⁹⁷ Nó không biết tuy không có ngã và sinh tử của ngã nhưng có pháp vô ngã và sinh tử của pháp vô ngã. Nó không biết rằng do bị sinh diệt trong sát-na lần sinh tử trong kiếp người, không có quyền làm chủ sự tồn tại mà con người là vô ngã.

Và dòng Huyền Giác đánh tráo bình đẳng với lẽ tự nhiên. Nó thấy mọi thứ trên thế gian, bất kể chúng có tính chất trái ngược thì tất cả đều bình đẳng, trí-ngu, giàu-nghèo là bình đẳng. Nó thấy mọi sai biệt đều là không có sai biệt.²⁹⁸ Tuy vậy, đừng nghe nó hô hào vô sai biệt mà hãy nhìn nó phân biệt mình với gà, không chịu bình đẳng với gà.

Thực tế, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật không có nghĩa là pháp luật đối xử với kẻ phạm pháp hay thủ ác bình đẳng với nạn nhân và người bình thường.

²⁹⁷ Ở nơi sanh tử, tôi và đức Phật cũng bình đẳng, **bình đẳng ở chỗ cũng chẳng ai sanh cũng chẳng ai tử**. Sau khi **nhắm mắt tắt thở**, đức Phật đi về đâu thì tôi và chúng sanh cũng đi về đó. Cũng là sự bình đẳng. (LL1DT)

²⁹⁸ Giàu nghèo là lẽ tự nhiên của xã hội, cũng như nắng mưa là chuyện tự nhiên là của đất trời.

Có giàu có nghèo mới là bình đẳng.

Có khôn có dại mới là bình đẳng

Mỗi mỗi có sự sai biệt mới là vô sai biệt. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Makkhali, Kẻ Ngu Si

Ví như một tên cướp thì không gây hại bằng một tổ chức ca ngợi và đào tạo cướp, cũng vậy, một người bất phân biệt *thiện-ác, tốt-xấu, lợi-hại* thì không tai hại bằng một tôn giáo có giáo lý dẫn dắt tín đồ đến sự tổn hại cho mình và người.

Và Phật đã chỉ ra giáo lý tai hại nhất ở thời đức Phật.²⁹⁹ Sở dĩ chủ thuyết “*Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn*” là tai hại nhất vì đó không chỉ là tri kiến sai trái, trái với sự thật 12 nhân duyên Khổ Tập Đế, khiến con người có ý nghiệp si bất thiện đưa đến quả khổ lâu dài mà nó còn khiến con người bất phân biệt thiện-ác, tích cực làm ác, dễ dãi trong thiện pháp, hại cho mình và người.

Vì không biết có pháp vô ngã sinh do duyên, không biết có cộng nghiệp và biệt nghiệp là các pháp vô ngã sinh do duyên 5 uẩn, không biết có duyên ba-la-mật, ý thức học tập, kinh nghiệm quá khứ, nghĩ có đại ngã “*tánh biết*” “*hiện diện*” sự vận động nên giống Makkhali, dòng Huyền Giác bác bỏ sự tồn tại của pháp vô ngã là cộng nghiệp và biệt nghiệp³⁰⁰

²⁹⁹ - Đây các Tỷ-kheo, **trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất.** Đây các Tỷ-kheo, **Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau; có kiến như sau: “Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn”.** Đây các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời **như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.** (A.3.135)

³⁰⁰ Vì vô ngã nên vạn pháp như lai, muôn pháp vô sở bất tại, **không có biệt nghiệp, không có cộng nghiệp,** nghiệp chính là dòng sông đang hiện diện. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiên)

Và Makkhali có tri kiến sai sự thật chứ không điên đảo, đảo lộn có là không, không là có, thật là giả, giả là thật.

Và Phật dạy thứ có tồn tại thì xem là có, không tồn tại thì xem là không,³⁰¹ thật có 5 uẩn Khổ Đế vô thường, khổ, vô ngã ở từng sát-na. Phật không dạy “vượt lên trên” “đổi đổi” hữu-vô.

Trái lại, vì ngủ mê trên giường “tánh biết”, chấp đại ngã “tánh biết” mới là thật có nên dòng Huyền Giác xem mọi sự hiện hữu, khổ-lạc, phước-tội chỉ là giấc mơ không thật.³⁰² Vì nghĩ khổ chỉ là giấc mơ, không có trí biết thật có khổ lẫn trí biết cần tránh khổ nên dòng Huyền Giác khi dễ mưu cầu hạnh phúc lâu dài, điên đảo, tai hại hơn Makkhali.

³⁰¹ Và **cái gì không có mặt ở đây**, vị ấy xem **cái ấy là không có**. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: “**Cái kia có, cái này có**”. Như vậy, này Ananda, **cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo**, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, **không tánh**. (M.121)

³⁰² Có ba người cùng nằm trên một cái giường, **cái giường ấy có tên là tánh không, tánh biết, Phật tánh**. Người thứ nhất thì đang tỉnh thức, người thứ hai đang nằm mơ, thấy mình bị khổ cực, đoạ đầy bị té sông, té suối khóc than. Người thứ ba cũng đang nằm mơ, được sung sướng, được hưởng phước báu, cười vui.

Người tỉnh nghe một người thì khóc than, người kia thì vui cười trong cơn mơ, liền lay bảo, chẳng khổ, chẳng vui gì đâu, hai anh đang trong cơn mơ, sự thật thì hai anh đang nằm trên giường cùng với tôi.

Trong cơn mơ, người khổ, người vui gặp nhau, anh vui bảo anh khổ: tao sướng, vì kiếp trước tao tạo nhiều phước báu.

Sự thật thì cả ba đều nằm chung trên một chiếc giường chẳng khổ, chẳng vui.

Nếu có tội, thì **tội cũng chỉ trong mơ**, nếu có **phước thì phước cũng chỉ trong mơ**. **Chẳng thật có tội, chẳng thật có phước**, “trong mộng lao xao bày sáu nẻo”, “tỉnh ra (thì) bằng bọt chẳng ba ngàn” (LL1DT)

Đừng nghe các tông phái nói “không” với thế gian mà hãy nhìn họ sống trong giả dối, không sống với “chân lý” khi dụng công làm ăn. Vì có giáo lý dựa vào ảo tưởng, sai sự thật nên họ có sự hành trái với giáo lý. Phải hành trái với giáo lý chứng tỏ giáo lý đó sai trái, không giúp giáo lý đó là chân lý.

Vì chấp có cái đại ngã “tánh biết” “trong sáng” “thường còn” quyết định sự vận động, dòng Huyền Giác thấy chẳng có gì xấu xa, tội lỗi khi đập tổ. Tất cả đều do “tánh biết” “như nhiên hiện diện”, không có liên can gì đến ý thức sân si vô thường để có thể gọi đó là tội lỗi. Để thức tỉnh người ngủ mê về với thực tại thì cần áp dụng “chân lý” của họ lên họ, cần đá họ, giúp họ biết khổ đau là có thật.

Vì chấp ngã quyết định sự vận động, dòng Huyền Giác không biết có sự vận động theo *quy luật tự nhiên*, không biết hoa nở do duyên, có vô số duyên làm hoa không nở, nó ngỡ mây gió là có suy nghĩ, có mây gió vận động là có hoa nở.³⁰³

Những ai chấp thủ tà kiến thì không chỉ không thấy biết 5 uẩn, thức tục sinh, nghiệp quả, quá khứ-vị lai, các loài hóa sinh mà còn thường chỉ biết có con người. Họ hay nghĩ sau khi chết thì lại tái sinh là đứa bé. Thật ra, trừ khi có thiện nghiệp chấp nhận chánh kiến có nghiệp báo sinh tử luân hồi, ai chấp thủ tà kiến lúc cận tử sẽ “có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh” (M.57).

³⁰³ *Cả thế giới vạn hữu chuyển động, cả trời trăng mây nước chuyển động, chỉ để làm cho một bông hoa nở. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

Vì nhìn đời bằng sự vô minh thiếu học, không biết đến sự tồn tại do duyên, vô thường trong sát-na, chấp chỉ đại ngã “*tánh biết*” mới thật có ý nghĩa nên dòng Huyền Giác bác bỏ sinh tử, khi dễ sự tồn tại các pháp vô thường.³⁰⁴ Hơn nữa, vì thiếu học, dòng Huyền Giác không biết đến 5 uẩn Niết-bàn, 5 uẩn tịch diệt, chấm dứt sự hiện hữu sinh tử luân hồi nên nó ảo tưởng có cái gọi là “*dòng sông từ vô thủy đến vô chung*”.

Ví như kẻ mất trí ngộ phân là chuối, sau khi ăn chuối thì chuối không mất đi vì phân là 1 với chuối, phân là do chuối nặn ra, chuối là thường còn đi khắp nơi không về một nơi. Cũng vậy, với sự chấp đại ngã “*tánh biết*” thường còn mới là thật có, với tỷ dụ nặn đất sét, coi con người 5 uẩn là một với sắc uẩn xác chết, dòng Huyền Giác phủ nhận có sinh tử.³⁰⁵ Nó không biết duyên hợp - tan 5 uẩn là sinh tử, không biết bản chất thể gian là 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na. Vì 5 uẩn sinh diệt vô thường trong sát-na nên không có đại ngã “*tánh biết*” “*thường còn*”, “*cội nguồn*” thể gian.

³⁰⁴ Đời người như một lượn sóng, là kết quả từ sự vận động của đại dương. Đại dương mới là vĩnh cửu, lượn sóng có hay không có đâu có ý nghĩa gì. Ta chẳng là gì cả, **đâu có cái gì để gọi là sống, đâu có cái gì để gọi là chết**, vì sống chết chỉ như một khúc biến tấu trong một bản đại hợp xướng của **dòng sông từ vô thủy đến vô chung**, tất cả chỉ là **trò đùa của “tánh biết”**, là **sự hiện diện của thức tâm**, cũng như một lượn sóng tung lên là bởi sự ngẫu hứng của đại dương. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiên)

³⁰⁵ Và quan trọng nhất, **do vô ngã nên không có ai sanh, không có ai tử**, ví như ta có **một thau đất sét, nặn ra hình người, hình chó, hình mèo**, rồi nếu không thích ta vo tròn hình người thành quả bóng. Vậy người đó **đâu có sinh ra và chết, vì đất sét vẫn là đất sét, đất sét có mất đi đâu**. (LL1DT)

Vì có sự chấp có đại ngã “tánh biết” “thường còn”, bác bỏ sinh tử vô thường nên dòng Huyền Giác có sự điên đảo.³⁰⁶

Và dòng Huyền Giác cố chấp thủ tâm hạ liệt, ngộ hý luận trong sự mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, không thấy biết 5 uẩn sinh diệt vô ngã trong sát-na là “thiền”, là “ngộ” và ngộ từ đó có thể “không làm nhận về thân phận tự ngã, không làm nhận về hiện tượng sanh tử”.³⁰⁷ Nó không biết tâm cao thượng mới thấy biết đúng sự thật, còn tâm hạ liệt là nhìn sai sự thật.

Tuy không có trí biết ý nghĩa “tổ y bát” mặc y ngoại đạo nhưng dòng Huyền Giác có những hý luận về giác ngộ. Nó xem sự tu tập Đạo Đế để giác ngộ Niết-bàn, đạt cứu cánh diệt tận khổ đau của Phật và các vị Arahant là dối gạt.³⁰⁸ Nó không biết có tà kiến, nó ngộ hý luận ra thứ “ngộ” trái với sự giác ngộ của Phật có nghĩa là nó “phát triển”, “cao hơn” Phật.

³⁰⁶ **Trong vô thường, nghĩ là thường**, này các Tỷ-kheo, đó là **tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo**. **Trong khổ nghĩ là không khổ**, này các Tỷ-kheo, đó là **tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo**. **Trong vô ngã, nghĩ là ngã**, này các Tỷ-kheo, đó là **tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo**. **Trong không thanh tịnh, nghĩ là thanh tịnh**, này các Tỷ-kheo, đó là **tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo**. (A.4.49)

³⁰⁷ Nếu đến với dòng thiền này để mong đắc thánh, để chứng thoát tục, để **đạt cao siêu**, để có quyền năng và huyền năng khác người thường, để **sở đắc một trạng thái tâm thù thắng** nào đó, thì tôi e rằng bạn sẽ thất vọng. Đơn giản, **thiền là giác ngộ, không ngộ thì chẳng có thiền, giác ngộ là không làm nhận về thân phận tự ngã, không làm nhận về hiện tượng sanh tử**, đây là cốt tủy của thiền. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³⁰⁸ Ngộ rồi thì bạn có đủ sức sáng tỏ, không làm lần không bị các tông phái tôn giáo dối gạt, hứa hẹn một cứu cánh hạnh phúc ở thì vị lai kèm theo phải **đáp ứng những điều kiện gì đó**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

“Không Có Ai Sanh, Chẳng Có Ai Chết”

Vô ngã có nghĩa là không có quyền làm chủ³²². Vô ngã là không có ngã chứ không phải là không có gì. Tất cả các pháp đều vô ngã có nghĩa là chỉ có, chỉ tồn tại pháp vô ngã.

Và người có trí thì ý thức sự thật chỉ có pháp vô ngã, có con người là tập hợp do duyên 5 uẩn là pháp vô ngã.

Và Khổ Đế là sinh-lão-bệnh-tử...³⁰⁹ Do không có quyền làm chủ sinh tử, phải bị sinh tử mà *con người là pháp vô ngã*.

Vì tuy hô vô ngã nhưng chỉ biết cố chấp ngã, chấp chỉ có ngã mới sinh tử, không biết có pháp vô ngã và sinh tử của pháp vô ngã nên dòng Huyền Giác bác bỏ sinh tử “*do vô ngã nên không có ai sanh, không có ai tử*”.³⁰⁵ Nó không biết tuy không có ngã, không có ngã sinh tử nhưng có pháp vô ngã là chúng sinh, có sinh tử của pháp vô ngã tồn tại do duyên.

Đừng nghe dòng Huyền Giác nói “không”, “không thật có” về thế gian, “không có ai sanh, chẳng có ai chết” mà hãy nhìn nó sống trong giả dối, tự mâu thuẫn khi dụng công làm ăn...

Thế gian không phải chỉ là vật chất. Và dòng Huyền Giác coi thế gian chỉ là vật chất, dùng ví dụ chỉ có vật chất để nói về thế gian. Nó dùng sự tồn tại vật chất để bác bỏ sự chết.³¹⁰

³⁰⁹ Đây là **Thánh đế về Khổ**, này các Tỷ-kheo. **Sanh là khổ**, già là khổ, bệnh là khổ, **chết là khổ**, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. (S.v,420)

³¹⁰ “**Trong tinh thần Phật giáo, không có cái gì bị chết, vì sự chết là sự hủy diệt**, mà nếu có sự hủy diệt, chỉ cần một điện tử hủy diệt thì cả vũ trụ sẽ thành tro bụi, mọi sự sống sẽ chấm dứt.” (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Nó không biết duyên hợp tan 5 uẩn là sinh tử,³¹¹ không biết xác chết vô tri thì không phải là con người. Nó chỉ biết nhìn thế giới theo khía cạnh vật chất và kiểu vận động đơn giản chỉ theo duyên hiện tại của vật chất, không biết đến trí nhớ, sự học tập, vận động phức tạp của ý thức. Do mù 5 uẩn, xem thế gian chỉ như vật chất nên dòng Huyền Giác có mô hình về thế gian là “*thể-tướng-dụng*”, không biết 4 vô sắc uẩn là không có hình tướng, ảo tưởng có ngã “*thể tánh*” thường còn của 5 uẩn sinh diệt vô thường trong sát-na mà bác bỏ sinh tử.

Ví như kẻ mất trí ngộ nước là chuối, cũng vậy, dòng Huyền Giác ngộ trứng, tinh trùng là con người. Nó không biết sinh là sự xuất hiện 5 uẩn. Thay vì xác định thời điểm sinh là thời điểm xuất hiện 5 uẩn từ duyên phối sắc vật chất thì nó đi tìm thời điểm sinh của trứng, tinh trùng. Ý mù 5 uẩn, không biết thời điểm hợp-tan 5 uẩn nên nó *bác bỏ sinh tử*.³¹²

³¹¹ "Này các Tỷ kheo, **thế nào là sanh?** Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, **sự xuất hiện các uẩn**, sự hoạch đắc các căn.

Này các Tỷ kheo, **thế nào là chết?** Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, **các uẩn đã tận diệt**, sự vất bỏ tử thi." (D.22)

³¹² Thiên tông cho rằng không có sinh tử, nếu có sinh thì phải có tử, nhưng với một con người, thì **sự sinh bắt đầu từ đâu?** Nếu tính từ khi ra khỏi bụng mẹ thì không đúng, vậy trước đó thì sao?, khi thai nhi nằm trong bụng mẹ đã là một cơ thể sống, vậy cơ thể sống này được sinh từ khi nào? nếu tính từ cái đêm cha mẹ ăn nằm với nhau cũng không đúng, nếu không có trứng và tinh trùng. Trứng và tinh trùng cũng là một thực thể sống và vận động, trước trứng và tinh trùng là cái gì? là cơm gạo, là nước, là ánh sáng, là gió trời, v.v... Vậy thời điểm sinh là thời điểm nào? Thời điểm sinh không xác định thì thời điểm tử cũng không xác định, **nên nói không có sinh tử**.(LL1DT)

“*Vạn Pháp Duy Thức*”

Thực chất, “*trí vô phân biệt*” là sự đối nghịch với trí tuệ. Vì không biết có sự hiểu biết và thiếu hiểu biết, hiểu biết đúng và hiểu biết sai, những kẻ duy tâm dùng ý thức chủ quan để quyết định sự tồn tại của sự vật: “*Nếu không có nhận thức của con người, thì vật chất có cũng như không*” (LL1DT).

Theo ý tưởng ấy thì vì kẻ duy tâm không có nhận thức gì về nguyên tử nên nguyên tử có cũng như không, vì không ai thấy được não nó nên não nó có cũng như không.

Khác với những kẻ duy tâm, con người tôn trọng sự thật khách quan hơn nhận thức chủ quan. Người trí không vì nhận thức ngu dốt của kẻ thiếu trí mà bác bỏ sự thật.

Với những kẻ duy tâm, các sự thật nằm ngoài hiểu biết của nó đều là hão huyền, có cũng như không. Với “*vạn pháp duy thức*”, càng ngu dốt thì càng loại bỏ được nhiều sự thật. Thực chất, “*vạn pháp duy thức*” được tạo ra là vì kẻ ngu, vẽ ra loại thế giới được vận động theo cách mà kẻ ngu là đáng Tào Hóa. Hơn nữa, “*vạn pháp duy thức*” còn là tuyên ngôn “*chân lý thuộc về kẻ ngu*”, là thế giới quan thượng tôn sự ngu.

Do mất trí phân biệt tên gọi với sự vật, những kẻ duy tâm ngộ tạo ra tên gọi có nghĩa là tạo ra sự vật, hiện tượng.³¹³ Ai tưởng tượng ra nhà cửa thì có nghĩa là đã tạo ra nhà cửa.

³¹³ Nếu con người **không nhận thức và đặt ra tên cho trời đất trăng sao, thì không có cái gọi là khái niệm trời đất trăng sao. Mọi sự vật đều do tâm người kiến tạo, nên mọi sự mọi vật cũng là tâm.** (LL1DT)

Cuối cùng nó biến mọi sự vật, hiện tượng đều là tâm. Với “*vạn pháp duy thức*” thì cát không do nhiều duyên sinh mà tâm là cái ngã độc lập kiến tạo ra cát và cát cũng là tâm.

Thật ra, trăng sao có thể là duyên sinh tâm, Thực chất, trăng sao không phải là tâm, trăng sao tồn tại từ trước khi có tâm nhận thức. Tâm đặt tên và ý niệm được duyên sinh sau đó. Tâm và ý niệm tạo ra tên gọi trăng sao, nghĩ về trăng sao, chú tâm không tạo ra trăng sao. Do đó, cái gọi là “*Mọi sự vật đều do tâm người kiến tạo*” chính là sự điên đảo, mất trí, đảo lộn nhân quả, biến tâm thành đại ngã tạo hóa.

Thế giới có các duyên sinh thân tâm, và xen kẽ, thân tâm tác động lại thế giới. Và dòng Huyền Giác hý luận “*Thế giới quanh ta, trời đất trăng sao, núi non sông hồ khoáng vật, động vật, thực vật, tất cả Duy tâm tạo. Đó là nội dung chữ tâm trong Phật giáo*” (LL1DT). Và đó là sự nghịch đảo nhân quả, không biết tâm là do duyên sinh, biến tâm được duyên sinh bởi giác quan, sự vật hiện tượng thành tâm là cái ngã tạo ra sự vật, hiện tượng. Nó không biết rằng dù có hay không có tâm nhận thức, dù tổ có chết thì hiện thực khách quan trăng... vẫn tồn tại. Do bất phân thật-giả, đúng/sai sự thật nên nó nghĩ các hý luận trái với thực tế đều cùng là sự thật.

Giáo lý dựa trên sự tự mâu thuẫn, trái với sự thật thực tế thì chỉ có giá trị như tiểu thuyết, là sự ảo tưởng, bịa đặt, thỏa mãn nhu cầu sở thích của người thiếu trí phân biệt. Kẻ mất trí phân biệt thì chỉ biết quy tất cả về 1, không biết có 2.

“*Tâm Vật Vốn Nhất Như*”

Nếu như Veda của bà-la-môn xem “*giải thoát*” có nghĩa là *con người hòa đồng vào bản thể của vũ trụ*, “*tiểu ngã*” hòa đồng với “*Đại Ngã vô biên*” thì dòng Huyền Giác dùng sự mất trí phân biệt để đồng nhất tâm với vật, tạo ra cái gọi là “*tâm vật vốn nhất như*”, từ đó có tri kiến tâm là một với vũ trụ.³¹⁴

Thật ra, vật là duyên sinh cảnh, cảnh là duyên sinh tâm. Cảnh sắc, thanh, mùi, vị, xúc, ý không phải là vật hay tâm. Vài tia sáng rời mặt trời hơn 8 phút thì không phải mặt trời. Ngửi mùi cá không biến tâm có hình dáng cá. Và giác quan là duyên sinh tâm, không có giác quan thì không có tâm. Như con dao không thể tự gọt chuôi, 2 bàn tay vỗ thì mới có tiếng vỗ, vì cảnh không phải là tâm nên tâm mới biết cảnh.

Tâm biết cảnh chứ không biết bản thân nhất như là một với vật, chỉ có tâm suy xét ly trí mới nghĩ tâm là một với vật. Do mất trí phân biệt vật với cảnh, bỏ đi tuệ suy xét, lấy lý do không biết ranh giới giữa tâm và vật,³¹⁴ dòng Huyền Giác dùng tâm suy xét ly trí để thấy tâm nhất như là một với vật.

³¹⁴ nếu không có bất cứ vật gì, thì tâm nhận thức cũng không có, vật đối tượng không thì **chủ thể Tâm nhận thức làm sao có**, đối vào đâu để nó có; chính ngay đang lúc nhận thức vật, thì **tâm vật vốn nhất như, không thể cho sự kiện đó là tâm hay là vật, vì nó không có ranh giới, phía nào là tâm nhận thức, phía nào là vật bị nhận thức**. Chữ tâm lúc này có nghĩa đích thực là cốt lõi, là tâm điểm của sự sống là sự vận động của pháp giới, “**ngoài tâm không vật, ngoài vật không tâm**”, cho nên **tâm đó không phải là tâm, vật đó không phải là vật**. Nên, nếu gọi có tâm, thì thế giới vạn hữu cũng là tâm, tâm tức thế giới vạn hữu. Nghĩa là trên đời này, không có cái gì ngoài tâm.(LL1DT)

Thật ra, biết cảnh là năng lực của tâm, nhưng “đem” tâm hợp nhất với vật là năng lực của người mất trí phân biệt.

Do mất trí phân biệt nên dòng Huyền Giác tự mâu thuẫn. Ban đầu thì xác định có chủ thể tâm thấy và khách thể vật được thấy nhưng sau lại tự phủ nhận. Với cái gọi là “*tâm vật vốn nhất như*” thì hóa ra tâm tự nhận thức nó, 1 bàn tay tự kêu. Với “*tâm vật vốn nhất như*”, tâm tỏ nhất như là một với cát, không có chủ thể tâm tỏ thấy và khách thể cát được tỏ thấy. Nó ngộ tâm phi vật chất có khối lượng... như vật chất, không biết rằng khác với nhãn nhĩ thức, ý thức có đối tượng trừu tượng, biết $1+1=2$, không cần đối tượng cảnh dục trần.

Vật-cảnh-tâm là khác nhau, không phải là 1, vật có trước là duyên sinh cảnh, xúc giữa cảnh với giác quan là một duyên sinh tâm. Cảnh sắc-thanh-mùi-vị-xúc là duyên sinh nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân thức. Thức đó là quả, không có quyền quyết định sự vận động của vật. Do đó, không có cái gọi là “*thức diễn*”. Vì ***quả không phải là duyên sinh nó*** nên dù do nhiều duyên thì thức vô thường vẫn là chủ thể nhận thức, không phải cảnh. Vì vô minh nên tâm nghĩ vật có tính khối liên tục, không biết vật là tập hợp sắc sinh diệt rất nhanh.

Thực chất, dù không có nhãn thức thì mặt trời vẫn ở đó, chỉ là vì vô duyên hay đui mù ngu dốt mà có thể không biết. Dòng Huyền Giác bắt phân biệt nhân quả, duyên sinh tâm, phủ nhận sự tồn tại khách quan bên ngoài tâm, hợp nhất tâm và vật “*ngoài tâm không vật, ngoài vật không tâm*”.

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác không biết rằng có suy xét đúng sự thật và suy xét sai sự thật, nó chấp những gì nó hý luận và “*nhận thức*” ra thì đều là “*chân lý*”.

Sự thật là không có sự vật, hiện tượng, chúng sinh nào tồn tại, vận động độc lập. Sự sinh ra, vận động và biến mất của chúng đều tùy thuộc vào nhiều duyên điều kiện.

Và nhân – duyên – quả là khác nhau, không phải là một. Tùy thuộc nhiều duyên không có nghĩa sự tồn tại, vận động của một sự vật, chúng sinh là do duyên bởi toàn vũ trụ. Cát không phải tổ, *không liên can đến sự sinh tổ*. Do nhiều duyên không có nghĩa có đại ngã tổ “*là một với thế giới vạn hữu*”.³¹⁵

Với dòng Huyền Giác, nếu gặp IS, tâm tổ nhất như với IS. Mạng sống của tổ là một với sát thủ IS. Và tâm tổ nhất như là một với sát thủ IS khi quyết định tự sát, khiến bị IS giết.

Lấy mất trí phân biệt làm đạo tràng, dòng Huyền Giác không biết đến sinh tử do duyên, không có trí suy xét, không biết tâm hữu tri khác với vật chất vô tri, không biết cảnh và giác quan là duyên sinh tâm chứ *không phải là tâm*. Thế giới coi “*tâm vật vốn nhất như*”, *bác bỏ sinh tử* là điên đảo, “*tánh biết*” là ảo tưởng thì nó tưởng là có trí tuệ con người.³¹⁶

³¹⁵ “*Trong mê lầm thì thấy mình là cá thể độc lập, sự sống của mình độc lập đối với các sự sống khác, mình với thế giới vạn hữu là riêng khác mà không thấy rằng cảnh đối tượng chính là tâm của mình, sự sống của người cũng chính là sự sống của mình, mình và thế giới vạn hữu không hai. Nếu thấy được vậy thì mê lầm sinh tử chấm dứt.*” (LL1DT)

³¹⁶ “*thiền tông chỉ luận về những gì giác quan con người nắm bắt được, trí tuệ con người nhận thức được*”(LL1DT)

“Trụ Xứ”

Với dòng Huyền Giác, tất cả đều có linh hồn thường còn gọi là “*tánh biết*”. Tuy hô hào vô ngã, nhưng nó biến thể giới vô ngã vận động bởi duyên sinh diệt thành ra là thể giới có cái ngã “*tánh biết*” quyết định sự vận động. Và cái gọi là “*tánh biết*” ấy có trụ xứ là vật chất và tinh thần.³¹⁷

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác tự mâu thuẫn khi xác định thứ “*tánh biết*” có trụ xứ là tinh thần và vật chất, tức 5 uẩn ấy là Niết-bàn không có trụ xứ.³¹⁸

Thật ra, Niết-bàn là pháp xuất thế gian,³¹⁹ không liên can gì đến 5 uẩn, tức không có và không phải là tinh thần hay vật chất. Vì Niết-bàn không có trú, không có chuyển vận, không có sở duyên nên Niết-bàn chẳng có liên can gì đến thế gian lẫn cái gọi là “*tánh biết*” có trụ xứ là 5 uẩn.

Đạo Phật chỉ chấp nhận sự tồn tại do duyên, bác bỏ cái gọi là “trụ xứ. “Trụ xứ” chỉ là phương tiện hý luận ra đại ngã.

³¹⁷ *Ở đâu có cái biết, chắc chắn ở đó có sự tồn tại của vật chất, của tinh thần, của những năng lực và ý niệm thiêng liêng. (LL1DT)*

³¹⁸ *Niết bàn không là cõi để có thể đi về, niết bàn vô trụ xứ, niết bàn chính là Tánh Biết. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)*

³¹⁹ *“Này các Tỷ-kheo, có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh; không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau.” (Ud.80)*

“Niết-bàn”

Ví như người đời có thể bóp méo, tạo ra thứ đạo Phật của riêng mình, cũng vậy, dòng Huyền Giác đã hý luận ra thứ “Niết-bàn” có trụ xứ, tùy thuộc vào nhiều duyên,³²⁰ khác với đạo Phật.³¹⁹

Trong khi Phật dạy Niết-bàn là pháp xuất thế gian,³¹⁹ không tùy thuộc vào các duyên 5 uẩn, thì dòng Huyền Giác có thứ “Niết-bàn” là những sự tham ái, tùy thuộc vào duyên vật chất và tinh thần, phải chịu vô thường.

Cụ thể, dòng Huyền Giác vẽ ra thứ “Niết-bàn” tùy thuộc duyên sức khỏe tâm thần, có quả thiện được sinh làm người, có điều kiện về kinh tế, sức khỏe, chưa chịu quả ác nghiệp, đói rét, đòn roi, bệnh tật, nhờ vậy mà “*hoan hỷ thưởng thức cuộc sống với tâm thái bình an*”. Nó không biết rằng điều đó là tạm bợ, sẽ vô thường, không thể thoát khỏi khổ. Nó chỉ biết trước mắt, không biết rằng chừng nào còn tham sân si thì chừng đó còn luân hồi, chừng nào còn luân hồi thì chừng đó còn chịu quả khổ, còn có thể tái sinh vào cõi khổ như súc sinh... không đạt được thứ “Niết-bàn” tạm bợ đó.

³²⁰ **Niết bàn sẽ đến với bất kỳ ai đang sống giữa cuộc đời này khi họ có một sức khỏe tâm thần thật toàn hảo, nghiệp lực không còn chi phối tâm trí họ, họ rõ biết con đường sinh tử đi đâu, về đâu. Họ tự tại vô ngại sống giữa cuộc đời này, họ vui vẻ, hoan hỷ thưởng thức cuộc sống với tâm thái bình an và trong sáng, thiện cảm và tử tế, hiểu biết và bao dung với mọi người, họ phục vụ người khác với tâm trong sạch không vụ lợi, không mong cầu điều gì cho mình trong hiện tại và mai sau và đặc biệt họ không hề muốn mình trở nên, hay trở thành. (LL1DT)**

Và dòng Huyền Giác lừa mình, gạt người khi hý luận *“không mong cầu điều gì cho mình trong hiện tại và mai sau”*. Tuy hô không mong cầu gì nhưng nó cố dụng công làm ăn, mong được ăn no hưởng lạc, có điều kiện kinh tế, sức khỏe.

Ví như để thức tỉnh kẻ ngủ mê thì cần đập vỗ, cũng vậy, để thức tỉnh những ai đầy tham sân si có ảo tưởng là đang *“tự tại, vô ngại”* thì cần cho những liều thuốc như đá đít,... Nhờ đó chúng sẽ biết mình còn tham sân si ngã mạn và hiểu rằng với tham sân si ngã mạn thì không thể *“an nhiên tự tại”*, *“tự tại, vô ngại”* giữa dòng đời sôi động.

Ví như ISIS rõ biết đường lên thiên đàng với 72 trinh nữ, cũng vậy, dựa trên sự mù 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai, dòng Huyền Giác *“rõ biết con đường sinh tử đi đâu, về đâu”*.

Thật ra, chỉ khi thấy biết bản chất chúng sinh, vũ trụ chỉ là 5 uẩn cũng như thấy biết nghiệp quả, quá khứ-vị lai thì đó mới là thấy biết đúng sinh tử.

Sự thấy biết đúng sinh tử là không dành cho những ai tâm đắc với sự vô minh hạ liệt, tưởng hý luận về sinh tử là *“rõ biết con đường sinh tử đi đâu, về đâu”*. Sự thấy biết đúng sinh tử không dành cho những ai chưa có trí biết phân biệt nước với chuối, nghĩ chuối là nước đi khắp nơi, không về một nơi, *“vạn pháp Như Lai”*. Sự thấy biết đúng không dành cho những ai không có trí nhận biết và từ bỏ các thứ thầy lừa dối, *tự nhận là đệ tử Phật* nhưng ngạo mạn bài xích Phật, những kẻ mặc y ngoại đạo tự nhận là *“tổ y bát”*, đệ tử Phật.

“Thực Tính”

Và do thiếu học, không thấy biết 5 uẩn do duyên sinh là những thực thể tốt cùng có thực tính, dòng Huyền Giác đã cho rằng do duyên sinh thì không có thực tính.³²¹

Thực ra, vô ngã chỉ có nghĩa là không có quyền làm chủ sự tồn tại và vận động.³²² Vô ngã được xác định không dựa trên việc do duyên sinh hay do không có thực tính. Cả pháp do duyên sinh là 5 uẩn lẫn pháp không do duyên sinh là Niết-bàn đều là pháp chân đế, đều là các thực thể tốt cùng, không phải khái niệm, đều có thực tính và đều vô ngã.

Năm uẩn là do duyên sinh. Do không làm chủ sự tồn tại, phải chịu khổ sinh diệt vô thường nên 5 uẩn là vô ngã.³²³ Thực tính 5 uẩn là đặc tính thực thể 5 uẩn, tồn tại cùng với sự tồn tại vô thường của 5 uẩn. Thực thể Niết-bàn³¹⁹ thì có thực tính thường còn, không chuyển vận, không do duyên, vì *không có quyền* làm chủ sự tồn tại và vận động nên vô ngã.

³²¹ Khi Phật dạy một điều gì đó thì hàm ý rất sâu xa, mà người học Phật phải tỉnh ý mới nhận ra. Ví dụ Phật dạy: các pháp do duyên mà sanh, các pháp do duyên mà diệt. Ta nên hiểu Phật dạy về pháp duyên sanh, nhưng sâu xa hơn, Phật muốn dạy: **nếu các pháp do duyên sanh thì các pháp là không có thực tánh, nếu các pháp là không có thực tánh thì các pháp là vô ngã.** (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³²² “Như ông nói: “Sắc là tự ngã của ta”, ông **có quyền hành gì** đối với sắc ấy và có nói được rằng: “Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này” không?” (M.35)

³²³ Sắc, này các Tỷ-kheo, **là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã**; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: “Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi”. Thọ... tưởng... hành... thức... (S.iii,22)

Tâm Được Tu Tập

Thực chất, cả tâm và vật đều do duyên sinh. Tuy vậy, khác với vật chất, tâm có nhiều năng lực hơn, tâm quá khứ có thể duyên sinh tâm vị lai không liền kề. Quyết tâm hành thiền từ quá khứ có thể là duyên nỗ lực thiền hiện tại. Tâm là có thể rèn luyện. Người mới bắt đầu không thể định tâm trên hơi thở liên tục 3 giờ nhưng họ có thể quyết định ngồi 1 giờ, 2 giờ, tuần tự định tâm tốt trên 1, 2,... hơi thở rồi 1 giờ, 2 giờ... Với loài vật thì có thể huấn luyện một số kỹ năng. Và dòng Huyền Giác thì không biết rằng có thể tu tập tâm.³²⁴

Tâm là do duyên sinh. Phật dạy tâm không được tu tập thì khó sử dụng và tâm được tu tập thì dễ sử dụng.³²⁵ Với ai đã khéo tu tập thì dễ dàng định tâm trên đề mục thiền. Nhưng với những ai trôi theo dòng đời tham sân si, tâm đặc với tham sân si thì đó là điều không thể.

³²⁴ Bây giờ ta ra lệnh cho ý thức trong 10 phút sắp tới dừng khởi niệm. Nhưng không phải là 10 phút mà chỉ sau 1 - 2 phút, ý thức ào ào khởi niệm. Vậy, ý thức đâu tùy thuộc ta, vâng lời ta.

Ta muốn biết 5 phút tới, ý thức khởi niệm gì, ta sẽ bắt lực, vì ta không kiểm soát được ý thức. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³²⁵ Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, **lại khó sử dụng**, này các Tỷ-kheo, **như tâm không được tu tập**.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, **lại dễ sử dụng**, này các Tỷ-kheo, **như tâm được tu tập**.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, **như tâm không được tu tập**.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. (A.1.3)

“*Thường Còn*” và “*Vô Thường*”

Sự thường hay vô thường là dùng để nói lên sự tồn tại vĩnh viễn hay không vĩnh viễn của 1 thực thể. Chữ “*thường*” là chỉ sự thường còn của 1 thực thể chứ không có nghĩa là “*thường gặp*” loại thực thể đó. Thường gặp các tập hợp 5 uẩn sinh diệt chỉ có nghĩa 5 uẩn là vô thường, tầm thường, chứ không có nghĩa 5 uẩn là thường còn. Và “*vô thường*” là không thường còn, chứ không phải là “*phi thường*”.

Cái gì đặc biệt thì có thể gọi là phi thường chứ không thể gọi là vô thường. Thay vì gọi thứ đặc biệt, thứ thường còn, luôn tồn tại là phi thường thì dòng Huyền Giác ngụy biện đánh tráo khái niệm thay “*phi thường*” bằng “*vô thường*”, có hý luận thứ thường còn là vô thường.³²⁶

Do mất trí phân biệt, dòng Huyền Giác xem các thực thể khác nhau là một, coi sự thường gặp các thực thể vô thường khác nhau là sự thường còn, từ đó hý luận ra cái gọi là “*chân nghĩa của vô thường là thường*”.³²⁶

Ví như người ly trí xem “*vô giá*” đồng nghĩa với “*vô giá trị*”, cũng vậy, dòng Huyền Giác xem “*phi thường*” đồng nghĩa với “*vô thường*”, xem “*tầm thường*”, “*bình thường*” là “*thường còn*”.

³²⁶ Nếu trên đời có cái gì đó **không vô thường, nghĩa là thường**, nghĩa là **vô cùng đặc biệt**, trong trường hợp này, **nên gọi nó là vô thường**, còn cái **vô thường luôn luôn hiện diện quanh ta**, nó là một phần cuộc sống của ta thì cái vô thường ấy, **nên gọi là thường**, có một vị thiền sư đã phát biểu: **Chân như, chân nghĩa của vô thường, vô thường thị thường.** (LL1DT)

Và 5 uẩn là vô thường, tâm tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si và tâm vị Arahant đã đoạn tận tham đều sinh diệt. Chỉ Niết-bàn, pháp siêu thế, đối tượng của tâm Đạo-tâm Quả, là thường còn. Do không biết 5 uẩn sinh diệt trong sát-na nên ngoài việc chấp “*tánh biết thường còn*”, dòng Huyền Giác còn chế ra pháp vô tham thuộc thể gian 5 uẩn là thường còn.³²⁷

“Tự Tĩnh - Tự Định”

Trong khi người trí đến với Phật vì Phật là bậc Giác Ngộ, vì để thoát khổ thì nhiều người chế ra các “*pháp môn*” như diệt ngã, diệt động-loạn... vô nghĩa và cho đó là Phật Pháp.

Đạo Phật chỉ có hai loại thiền là thiền Định và thiền Tuệ. Thiền Định là để các tâm liên tục bắt 1 đối tượng thiền, giúp tâm thanh tịnh khỏi 5 triền cái, làm nhân gần cho sự hành thiền Tuệ. Mục đích của thiền Định là để thanh tịnh tâm, không phải để ngăn chặn sự động-loạn. Thiền Tuệ là dựa trên nhân gần thiền Định, thấy biết những sự thật tốt cùng của thể gian, trong đó có cả sự thực hành thiền của họ, quán sự vô thường, khổ, vô ngã của chúng để viên mãn trí ly tham, chứng đạt Lưu Tận Trí, đoạn tận tham, giác ngộ Niết-bàn, chấm dứt khổ luân hồi. Mục đích của thiền Tuệ là đoạn tận phiền não, không phải để giải quyết “*loạn-động*”.

³²⁷ Nếu bạn là người dị thường, pháp tham sân là từ tâm ý hiện khởi, nếu bạn diệt tận được tham sân nơi bạn thành công, lúc này **pháp vô tham vô sân** trở nên pháp có tự tính là **thường hằng** thường kiến. Vậy nó có **mâu thuẫn** với **chân lý vô thường** mà Đức Phật đã khai thị cho chúng sanh? (LL1DT)

Và dòng Huyền Giác nghĩ thiền là sự hý luận. Nó bày ra “loạn-động” và nghĩ mục đích thiền Định là “vĩnh viễn một bề tịnh định”, để từ đó, nó bác bỏ thiền Định và chế ra “tự định, tự tịnh”.³²⁸ Hý luận “tự định, tự tịnh” mà không phải “tự động, tự loạn” là nhằm thỏa mãn cái tôi muốn có tịnh, định, vì sự tâm đắc, không muốn lìa ô nhiễm tham sân si ngã mạn.³²⁹

Thật ra, trừ bậc Bất Lai khi nhập thiền Diệt chỉ còn sắc do nghiệp, nhiệt, vật thực sinh, không còn danh và sắc do tâm sinh, thì còn lại, dù bất tỉnh hay chìm giấc ngủ sâu thì danh và sắc vẫn luôn sinh diệt tức thời. Do vậy, bản chất thế gian 5 uẩn là **động trong từng sát-na**.

Do thấy biết sự khổ vô thường trong sát-na lẫn sự khổ trong cõi khổ nên đức Phật không ca ngợi sự hiện hữu dù chỉ sát-na.³³¹ Trái lại, nhờ mù 5 uẩn và các cõi khổ, dòng Huyền Giác mê sự hiện hữu, muốn cảm ơn sự vô thường.³³⁰

³²⁸ **vô thường là bản chất của thế giới, vì vậy chân nghĩa của nó là thường cũng có nghĩa là tự tịnh, tự định.** (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³²⁹ Thiền là để phá mê lầm, **nếu cho rằng tự thân mình là pháp sinh diệt động loạn**, rồi mình lui vào am thất, dụng công để tịnh, để định, đó là mê lầm, đã mê lầm thì không bao giờ thấy được sự thật, sự thật là các pháp “có động có tịnh” ấy, vốn tự tịnh - tự định; **tự tịnh - tự định là bản lai**. Dụng công để định là định nhập xuất, đem thực hành cái công phu tái lập đi lập lại “hết tịnh tới động, hết động tới tịnh” để cầu cái “**vĩnh viễn một bề tịnh định**”, rồi **duy trì cho hằng hữu là sai lầm**, giống như cố mài cục gạch để làm gương soi, uống phí và hoang phí vài mươi năm cuộc đời, đau đớn thay! Vậy mà cứ ngỡ là dụng công tinh tấn đúng đắn, lấy làm **tâm đắc lắm lắm**.

³³⁰ Nếu muốn nói lời cảm ơn thì **ta phải cảm ơn vô thường**, cảm ơn sự bất bình đẳng, cảm ơn sự sai biệt, **vì nó là những yếu tố bảo toàn sự vận hành của thế giới.** (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

“Niệm Sau Tu Niệm Trước”

Và đạo Phật có hai loại thiền là thiền Định và thiền Tuệ. Thiền Định là để thanh tịnh tâm, và chỉ có đối tượng là ở hiện tại. Còn thiền Tuệ là sự quán vô thường, khổ, vô ngã của 5 uẩn và nghiệp quả ở cả kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai. Thiền Tuệ quán 5 uẩn quá khứ là vô thường, khổ, vô ngã để duyên sinh trí ly tham quá khứ, thấy biết quá khứ không có cái ngã hay linh hồn thường còn nào chứ không phải tu sửa quá khứ. Thiền Tuệ thấy 5 uẩn của tiến trình tâm thiền Tuệ vừa xảy ra sinh diệt trong từng sát-na để sáng tỏ chúng là vô thường, khổ, vô ngã, không có cái ngã, linh hồn nào quyết định sự hành thiền. Thấy biết 5 uẩn ở mọi thời là để duyên sinh trí ly tham sân tà kiến, không phải tu sửa cái gì.

Do không biết mục đích hành thiền, dòng Huyền Giác có định nghĩa: *“Tu tâm có nghĩa là lấy niệm sau tu niệm trước”*,³³¹ từ đó bác bỏ sự tu tâm: *“niệm sau làm sao tu được niệm trước khi mà niệm trước không còn”*. Cái “tu tâm” ấy là do nó tạo ra và bác bỏ, chẳng liên can gì đến sự tu tập trong đạo Phật.

Và đạo Phật là có Pháp học, Pháp hành và Pháp thành. Phận sự đệ tử Phật là học Pháp học, hành Pháp hành để đạt Pháp thành. Và Pháp hành đó là Đạo Đế Giới Định Tuệ, có hành đúng, hành sai chứ không có cái gọi là tu sửa quá khứ. Đạo Phật biết 5 uẩn là vô thường, sau khi sinh là liền diệt,

³³¹ *Tu tâm có nghĩa là lấy niệm sau tu niệm trước. Nhưng niệm trước là niệm trước, niệm sau là niệm sau, khi niệm trước lặn thì niệm sau mới khởi, vậy niệm sau làm sao tu được niệm trước khi mà niệm trước không còn. (LL1DT)*

không có cái gọi là 5 uẩn thường còn để mà sửa đổi. Do đó, nếu quá khứ hành sai thì hiện tại cần hành cho đúng, không có cái gọi là sửa tâm quá khứ lại cho đúng.

Thật ra, tâm là do duyên sinh. Do duyên học Phật Pháp mà có tâm tu tập Đạo Đế Giới Định Tuệ, do có tâm tu tập Đạo Đế mà có tâm giác ngộ. Tâm trước duyên sinh tâm sau, chúng khác nhau, không phải là một và không cùng tồn tại. Do chấp vào đại ngã “*tánh biết*” “*như nhiên mà diễn*”, nên dòng Huyền Giác không biết đến sự tu tập lẫn không biết có tâm được tu tập như Phật đã dạy. Nó không biết tâm được tu tập có thể quyết định thời gian nhập thiền hay sử dụng thần thông như ý muốn. Do nghĩ chỉ có một tâm duy nhất tự thấy, tự sửa tâm nên nó có hý luận “*lấy tâm tu tâm*” như “*con dao tự gọt con dao*”, “*tự bông tự bẻ*”.³³² Thực tế, tổ thứ 40 của một dòng thiền chủ trương mù 5 uẩn, mê thích hý luận, bác bỏ sự thấy biết tâm, xem sự điên đảo là có trí hơn người.

Với đạo Phật, tu không phải là hý luận hay rèn sức khỏe về thân mà tu liên hệ đến tâm, là sự học Phật Pháp và hành Giới Định Tuệ để có trí tuệ thấy biết giác ngộ giải thoát khổ. Trái lại, dòng Huyền Giác chấp ngã, tham sân si, thiếu học, trái lời Phật, không hành Đạo Đế Giới Định Tuệ, mù 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai, đam mê hý luận “*Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ vô minh, kiến tánh thành tổ*”.

³³² ***Lấy tâm tu tâm là nói chơi cho vui vậy thôi, chuyện đó không bao giờ có, giống như lưỡi dao không thể gọt lại cán của nó, tự mình bông bẻ mình đi đạo chơi, chuyện đó không thể làm được. (LL1DT)***

Thực chất, chừng nào còn có thân 5 uẩn thì chừng đó còn tiếp xúc 5 cảnh trần sắc-thanh-mùi-vị-xúc, chừng nào còn tiếp xúc 5 cảnh trần, còn suy tư, còn nhu cầu, sở thích ăn mặc, nhà cửa thì chừng đó còn có duyên sinh tham sân, bất kể đó là ở rừng hay đô thị. Rừng rậm với những sự khổ đói, rét, nóng nực, muỗi mòng,... là nơi đầy đọa những ai nặng tính tham sân. Tuy vậy, do bởi có ít đối tượng dục lạc, ồn ào nên nơi đó thuận lợi cho sự hành thiền. Không có cái gọi là ở rừng từ lúc nhỏ như loài vật thì sẽ đoạn tận tham. Chỉ có hạnh kham nhẫn, biết khéo tác ý, ít dục biết đủ với sự tu tập thấy biết và quán bản chất thế gian chỉ là năm uẩn vô thường, khổ, vô ngã mới đưa đến sự viên mãn trí ly tham.

Do không biết đến bậc Arahant chứng đạt Lưu Tận Trí, đoạn tận tham nên dòng Huyền Giác có hý luận không thể diệt tham.³³³ Vì không rời chấp ngã nên nó ngỡ phải có ngã thì mới có diệt tham.³³⁴ Nó không biết tham sinh do duyên, không biết sự sống theo Pháp, tác ý thiện, tránh bất thiện là sự cắt duyên sinh tham chưa sinh lẫn đang sinh, không biết thiện và bất thiện không thể cùng lúc tồn tại, không biết nghiệp làm vắng mặt tham sân si là sự diệt tham sân si.

³³³ Xét cho cùng, có thể hạn chế tham sân, nhưng diệt tận tham sân là điều không thể, vì **tham sân là pháp duyên hợp, vì khi nó chưa đến, thì ta biết đâu mà diệt, khi nó đến thì đã đến, nó qua rồi thì đã diễn ra. Cả ba thời đều không thể diệt.** (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³³⁴ Suy cho cùng, mình là ai để tận diệt được tham sân, ngay đương xứ đây, mình không có, vạn pháp vô ngã, vậy lấy ai và cái gì để diệt tận tham sân.

Dòng Huyền Giác không biết rằng *chỉ có bậc Arahant* mới không còn tham sân si. Nó ngỡ là ai cũng có thể không còn tham sân như bậc Arahant. Vì không biết các vị Arahant không còn tham hiện hữu, chỉ chờ tịch diệt nên nó lo là các vị ấy không có chất lượng sống tốt vì không biết tham.³³⁵ Trong khi nhiều bộ lạc còn tham sân ở châu Phi chống đối đời sống hiện đại, chỉ ưa đời sống hoang dã thì nó ngỡ ai cũng có nhu cầu hiện đại để chứng minh lợi ích tham sân.

Và dòng Huyền Giác không có trí biết làm điều nên làm, tránh điều không nên. Nó chỉ biết hành động theo động cơ tham sân si chấp ngã,³³⁶ không biết đến trí tuệ, hành động mà không cần tham sân si. Nó chỉ biết tham sân, thiển cận, ngỡ chỉ tham sân mới đưa đến lợi ích, không biết tham sân là nhân đưa đến *khổ cảnh súc sinh...* và khổ luân hồi lâu dài.

³³⁵ **Nếu không có tính tham sân**, con người mãi mãi ăn lông ở lỗ, sinh sống bằng hái lượm. **Nhờ tham sân**, nhờ không bằng lòng với những gì đang có, vì khát khao một cuộc sống tốt đẹp hơn, no đủ hơn, tiện nghi hơn, đầy đủ hơn, mà nhân loại mới có ngày hôm nay, với **chất lượng cuộc sống** khác xa, rất xa so với chất lượng cuộc sống của con người thời hồng hoang nguyên thủy. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³³⁶ Nhưng nếu tham chỉ là lòng mong muốn, đói muốn ăn, khát muốn uống, muốn thoả mãn những nhu cầu vật chất cần thiết, **muốn cuộc sống tốt đẹp hơn, muốn sáng kiến phát minh** để cải thiện điều kiện lao động, muốn thành công để giúp ích cho cộng đồng, muốn giàu có bằng con đường lao động chân chính, muốn cuộc sống an lành, muốn xã hội ngày một tốt hơn. Nếu tham dục như thế thì chính lòng tham dục đang thúc đẩy cho xã hội phát triển và ngày một tốt hơn, để con người được hạnh phúc.

Nếu sân có nghĩa là không bằng lòng, không ưng ý, là nghịch lòng thì sự sân này có thể dẫn đến sự tốt đẹp hơn. Ví dụ: nhà bị đột, bức mình (sân) trèo lên lợp lại cho kín (tốt đẹp), sáng dậy mở cửa nhà, **thấy bãi cứt chó, bức mình (sân) dọn sạch, nhờ bức mình mà nhà cửa sạch sẽ.** (LLIDT)

Nó không biết người ưa sống trong Pháp, ưa tác ý đến thiện, hành động mà không cần tham sân. Nó không biết người có tánh từ bi thì biết vì người mà làm những điều tốt đẹp, tức làm các thiện pháp bố thí, giữ giới, phục vụ, có thể vì người mà dọn rác, không cần tham sân si, vì mình thì mới dọn.

Thật ra, tham sân có thể là duyên cho thiện pháp. Ví dụ, do yêu đứa bé mà cho kẹo, nghiệp bố thí ấy tuy bị ô nhiễm bởi tham nhưng đó vẫn là thiện, vẫn hơn chỉ dừng ở thương nhưng không cho hay giúp gì. Vì ghét A nên cho đồ người mà A ghét, nghiệp bố thí ấy tuy bị ô nhiễm bởi sân nhưng vẫn tốt hơn chỉ dừng ở sân. Ở đây, việc cho vũ khí, ma túy... thì không phải là thiện. Và người vì mình mà làm thiện tốt hơn kẻ vì ích kỷ mà không làm thiện. Kẻ làm thiện ngã mạn tuy thua người không ngã mạn nhưng tốt hơn kẻ ích kỷ ác giới. Và kẻ thiếu trí thì ưa chê ai vì mình mà làm thiện pháp chứ không chê ai vì mình mà dụng công làm ăn, ích kỷ, ác giới.

Đạo Phật có mục đích là thoát khổ. Phật không dạy lạc ngắn ngủi tốt hơn lạc lâu dài hay khổ lớn tốt hơn khổ nhỏ.

Thực chất, thiện pháp có nhiều loại và chỉ có Đạo Đế Giới Định Tuệ mới có thể đưa đến chứng đạt Lưu Tận Trí. Giữa các hành động, làm thiện vì mục đích đầu tư cho duyên lành chấm dứt sinh tử thì trí tuệ hơn là vì lạc trong luân hồi hay si không biết nghiệp quả, không làm thiện. Riêng các bậc Arahant thì có cả phàm trí lẫn Thánh Trí, không còn tham sân si để hành động vì tham sân si.

Thực chất, “bậc tu hành chân chính” của dòng Huyền Giác chỉ biết hý luận, làm thơ khoe mình “chứng đạo”, “an nhiên tự tại”, chứ chưa hề đoạn tận lậu hoặc tham sân si, giác ngộ Niết-bàn. Tuy hô vô ngã, có “nhận thức đúng” về “không”,³³⁷ “chẳng có ai chết”,³³⁸ mạng mình là mạng người nhưng họ sân si, không biết làm gì ngoài sân si bạo lực, không có từ bi trí tuệ, không có trí biết lợi - hại, điều nên làm.³³⁹

Do thiếu học, dòng Huyền Giác không biết có bồ-tát và các bậc Thánh cư sĩ. Bồ-tát đã vô số lần bố thí trong vô số kiếp quá khứ, không chỉ bố thí tất cả tài sản mà còn bố thí cả vợ con, chi phần cơ thể và mạng sống. Cụ thể, tiền thân Vessantara là kiếp mà bồ-tát đã bố thí vợ con. Nó không biết rằng các bậc Thánh cư sĩ dù có chết cũng không bao giờ phạm giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, dùng chất say.

³³⁷ “Với thiên tông, ngay khi đang sống đây, khi đang đi đứng nói cười đây mà cũng là không, **đương xứ tức không**, vốn dĩ **xưa nay là không**”. (LL1DT)

³³⁸ **Một vị thầy thiên tông giảng: vì vô ngã, nên không có ai sanh, chẳng có ai chết**, sau khi thân ngũ uẩn tứ đại này nhấm mất tất thảy, thì không có ai là người tái sanh, đó là sự thật. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³³⁹ Vì cho rằng sân là xấu, là cái cần phải đoạn tận, nên khi chứng kiến ăn cướp vô nhà, đánh đập vợ con, ông chồng vẫn thản nhiên ngồi nhìn, vì cho rằng **nếu chống lại kẻ ác là còn tham sân, là không phải Phật tử chân chánh không nên khởi ý sân**. Cái không sân ấy là đáng ca ngợi hay đáng bị khiển trách?

Ở đời chuyện đó, không bao giờ có, ngay cả với bậc tu hành chân chính.
(Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Và dòng Huyền Giác không biết điều kiện làm Phật tử là phải có lòng tin, nương tựa Tam Bảo và giữ ít nhất 5 giới. Nó ngỡ vô sân là điều kiện để là Phật tử chân chính.³³⁹

Do thiếu học nên dòng Huyền Giác không biết vô sân là phẩm chất chỉ có ở *bậc Thánh Bất Lai* và *Arahant*, không biết rằng sự suy xét tránh tham sân si không phải là pháp môn. Chỉ có những thiện pháp như từ bi hỷ xả, bố thí, giữ giới, nhập thiền, quán vô thường, khổ, vô ngã... mới là pháp môn tránh tham sân si. Sát-na tác ý thực hành thiện pháp chính là sát-na vô tham, vô sân. Theo quy luật của tâm, trong một sát-na thì chỉ có một tâm, một tâm chỉ biết một cảnh và tâm là sinh diệt vô thường, các tâm thiện và tâm bất thiện tồn tại xen kẽ nhau chứ không cùng tồn tại. Tác ý làm thiện dựa trên hiểu biết nghiệp quả là thiện nghiệp hợp trí, vô si, nếu không biết đến nghiệp quả thì đó là thiện ly trí, có si. Hành thiện vì duyên giải thoát luân hồi thì đó là ba-la-mật.

Thật ra, kẻ thiếu trí mới ưa giải quyết vấn đề bằng nói láo hay giết chóc. Người trí biết nghiệp quả khi gặp cướp thì có nhiều điều nên làm, không cần phải nhẫn nhịn hay đòi giết cướp hay để bị giết hết. Họ nghĩ điều nên làm, tìm cách ít khổ nhất, họ không cần ngăn cái ác này bằng cái ác khác tệ hơn. Họ sẽ không tiếc của, họ có thể ngăn cản, đỡ đòn, giục mọi người “*tẩu vi thượng sách*”, hô hoán tìm người giúp, cuối cùng là xác định có duyên sinh tử, có quả khổ rồi thì không cần tạo ác nghiệp gây khổ lâu dài cho mình và người.

Giới Luật

Thực chất, đặc tính của giới là sự phối hợp, là nền tảng cho các thiện pháp, có nhiệm vụ là chặn đứng tà hạnh, có thành tựu là không lỗi, có nhân gần là hổ thẹn tội lỗi (tàm) và ghê sợ tội lỗi (úy) (Thanh Tịnh Đạo).

Thật ra, giới dành cho đạo làm người cơ bản chỉ là 5 giới. Và do là một tôn giáo hướng đến sự giải thoát, nương nhờ các thí chủ, đạo Phật có các quy định về hành vi, lối sống, quan hệ trong nội bộ, với thí chủ và mọi người. Nhờ đó, các tỷ-kheo thành tựu sự không lỗi, không bị người trí chỉ trích, có sự an lạc làm nền tảng cho thiền Định, thiền Tuệ, là ruộng phước cho những ai cần phước. Và Phật chế giới là vì 10 điều lợi ích.³⁴⁰ Thực chất, giữ giới là cơ sở để Giáo Pháp tồn tại lâu dài. Giới Luật đức Phật thì được người trí ca ngợi, nhưng lại bị người thiếu trí, tham dục chê bai bài xích.

Thật ra, vì ác giới đem lại lợi ích nên nhiều người ác giới. Tuy vậy, đó là lợi nhỏ ngắn ngủi trước mắt so với quả khổ lâu dài do sự ác giới. Trái lại, giữ giới đem lại lợi ích lâu dài nhưng tùy theo căn tánh, mức độ tham sân si, tử bi, trí tuệ mà sự giữ giới của một người là khổ hay lạc.

³⁴⁰ *Này các tỷ khưu, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỷ khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỷ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. (Vin.Vi.1.1)*

Hơn nữa, Giới chỉ giúp ngăn cản sự vi phạm bất thiện thô thể hiện qua thân và lời nói. Giới không thể ngăn suy nghĩ tham sân, tà kiến. Chỉ có sự nhập định mới có thể ngăn cản 5 triền cái là *tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi khởi* lên trong tâm. Và sự thực hành thiền Tuệ thì diệt trừ tà kiến, hoài nghi về quá khứ-hiện tại-vị lai. Tham sân si là ngủ ngầm khi đang hành thiện, nó sẽ khởi lên khi có duyên. Chỉ Lưu Tận Trí mới vô hiệu hóa duyên sinh chúng.

Do người xuất gia hưởng đến ly tham, giải thoát thì phải khác với người tại gia hưởng dục nên Phật dạy mười điều quán tưởng của bậc xuất gia.³⁴¹ Bậc trí thì kham nhẫn trong thiện pháp, kẻ ly trí “*kham nhẫn*” với sự dễ duôi tham sân si.

³⁴¹ Mười điều quán tưởng của bậc xuất gia:

Bậc xuất gia **nên thường quán tưởng**: “Ta có **tướng mạo khác kẻ thế**”.

...quán tưởng: “**Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác**”.

...quán tưởng: “**Hành vi của ta phải khác kẻ thế**”.

...quán tưởng: “**Phải chăng ta không tự trách giới hạnh của mình được chứ?**”

...quán tưởng: “**Phải chăng các bạn đồng phạm hạnh trí thức khi xét đến ta, sẽ không chê trách ta về giới hạnh chứ?**”

...quán tưởng: “**Ta cũng phải biệt ly với tất cả những người thân kẻ mến**”.

...quán tưởng: “**Ta có nghiệp là sở hữu, ta thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là chỗ nương, ta tạo nghiệp tốt hay xấu gì thì sẽ hưởng quả của nghiệp ấy**”.

...quán tưởng: “**Ngày và đêm trôi qua, ta đã làm gì?**”

...quán tưởng: “**Ta có ưa thích ở nơi thanh vắng chăng?**”.

...quán tưởng: “**Ta có chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng của bậc thánh hay chưa? để lúc lâm chung các bạn đồng phạm hạnh hỏi đến, ta sẽ không hổ thẹn**”.(A.10.48)

Đức Phật chế định Giới Luật còn là vì từ bi, để ngăn đệ tử hưởng dục, tạo bất thiện nghiệp chứ không phải để làm hại đệ tử. Cụ thể, Luật thường có ngoại lệ cho các vị bị bệnh hay gặp tình huống bất trắc, tai nạn, nguy hiểm.

Vì đời luôn có kẻ hành động, phân biệt đúng-sai, tốt-xấu dựa trên tham dục sân si, ngã mạn nên không chỉ Phật bị vu khống,³⁴² mà Giới Luật cũng hay bị xuyên tạc, chỉ trích. Cụ thể, những vị Tỷ-kheo thực hành thu thúc lục căn, một trong bốn Thanh Tịnh Giới³⁴³, không để các căn phóng dật, có thể bị chỉ trích bởi những kẻ không biết Sa-môn hạnh, không biết phân biệt thiện, bất thiện.³⁴⁴

Và dòng Huyền Giác thì mất trí phân biệt đạo Phật với Khất sĩ, không biết giới Khất sĩ thì không phải giới đạo Phật. Cụ thể, nó có câu chuyện vì giữ giới mà chùa Khất sĩ không giúp dập lửa, khiến cả xóm bị cháy, trừ chùa không cháy.³⁴⁵

³⁴² Nữ ngoại đạo Sundarī bịa đặt quan hệ với đức Phật, rồi bị ngoại đạo thuê cướp giết để vu khống Phật, đám cướp bị bại lộ khi say rượu. (DhpA306)

³⁴³ Gồm các Giới là Giới Nuôi Mạng Chân Chính, Giới Thu Thúc Lục Căn, Giới Quán Tưởng Các Vật Dụng và Giới Bỏ Patimokkha.

³⁴⁴ Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khưu ấy đã mặc y, cầm y bát, và đi vào vùng Kīṭāgiri để khất thực. Vị ấy có **phong cách cứng chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi**. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đã nói như vậy:

- Người này là ai mà trông giống như kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bỏ thí đồ ăn đây? (VinVi.S13)

³⁴⁵ Người có giới luật đương nhiên là tốt hơn người phóng túng. Nhưng người bị giới luật trói buộc thì có thể tệ hơn người không có giới luật.

Thật ra, đạo Phật không phải là đạo của ngu dốt, ích kỷ, nhà hàng xóm cháy thì nhìn, đợi chùa bị cháy lan thì mới chữa lửa. Quả thật là đức Phật có quy định các Tỷ-kheo cần phải chỉnh tề khi vào làng nhưng vẫn là có ngoại lệ trong các sự cố như lũ lụt, hỏa hoạn, gặp thú dữ...³⁴⁶

Và ai ưa bài xích Giới thường không biết có điều ngoại lệ. Họ ưa tham dục, dùng sự cố để chỉ trích giới, trong đó, giới tăng tàng chạm người nữ dễ là đối tượng bị họ chỉ trích.³⁴⁷

Chuyện thứ nhất xảy ra tại tỉnh Bạc Liêu. Chuyện như sau: **trước mặt ngôi chùa khát sĩ có một xóm nhà dân ở đối diện, tối hôm ấy, đột nhiên bị hỏa hoạn**, các gia đình nạn nhân bận bưng bê đồ đạc ra khỏi nhà, các vị sư trong chùa tay xô, tay thùng, xách nước dập lửa, **vì thế mà y áo không trang nghiêm**. Bỗng vị sư trụ trì xuất hiện, bắt tất cả các sư phải trở về chùa và khiển trách: **tăng tướng oai nghi như vậy mà coi được à? giới luật để đâu? phải trở về chùa ngay!** Các sư trở về chùa, ngọn lửa cháy to hơn, thiêu rụi cả xóm. Về sau, dân quanh vùng đổ từ mặt nhà chùa, không ai đến viếng, các sư chán nản cũng bỏ chùa ra đi, ngôi chùa trở nên vắng vẻ, điêu hiu. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³⁴⁶ Và này các tỷ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “Ta sẽ quán y (nội) tròn đều” là việc học tập nên được thực hành. Nên quán y (nội) cho tròn đều với việc che kín vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị nào quán y (nội) để lòng thông ở phía trước hoặc phía sau **do không có sự tôn trọng** thì phạm tội dukkata (tác ác).

Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên **thì vô tội**. (Tạng Luật-Chương Ứng Học)

³⁴⁷ Và này các tỷ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “Vị tỷ khưu nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ là sự nắm lấy tay, hoặc nắm lấy búi tóc, hoặc sự vuốt ve bất cứ bộ phận nào thì tội saṅghādisesa.”

Vị không cố ý, khi tâm không ghi nhận (asatiyā), vị không biết, vị không thích thú, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội. (Điều Tăng tàng thứ 2)

Thật ra, nếu chạm người nữ mà không có tâm thích thú thì là vô tội. Nếu có tâm dục nhưng không chạm trực tiếp, mà gián tiếp qua dây, gậy... thì sẽ phạm giới nhẹ hơn.

Và dòng Huyền Giác còn có câu chuyện khó tin khác về giới không chạm người nữ. Câu chuyện kể giữa công trường xây dựng vắng vẻ thì có một cô gái không rõ vì sao chơi với kêu cứu trong một cái hồ và được một “vị sư” phát hiện. Và vị ấy đã dùng “*pháp môn*” “*câm*”, không hô hoán cũng như không có tâm bi *quảng* *dây*, *cây* *gỗ* ở công trường để kéo người mà lại chạy đi tìm người biết bơi nhảy xuống cứu.³⁴⁸ Ở đây, nó nghĩ là cứ biết bơi thì sẽ cứu được người đuối nước mà không biết rằng có nhiều trường hợp nạn nhân hoảng loạn ôm kéo người cứu khiến cả hai đều chết. Nó chỉ biết nghĩ ra điều ngu dốt là cứu người vì tham dục, cần nhảy xuống hồ.

Thực chất, do bị tử bi, trí tuệ, lợi ích lâu dài trói buộc mà người trí giữ giới. Do chấp tham sân si, lợi ích trước mắt, bị phiền não tham sân trói buộc mà nhiều người bài xích giới.

Thật ra, với cái gọi là “*vì vô ngã, nên không có ai sanh, chẳng có ai chết*”, dòng Huyền Giác không nên bận tâm đến cái chết và không có tư cách chê ai không cứu được người.

³⁴⁸ *Chuyện thứ hai; cũng ở miền tây, một vị sư đi qua một công trường đang xây dựng, vì đang nghỉ lễ, công trường rất vắng vẻ, bỗng sư nghe tiếng kêu cứu, chạy lại, sư thấy một phụ nữ đang chơi với trong hồ nước đầy. Vị sư chạy đi tìm người đến cứu, tìm được đến nơi, người phụ nữ ấy đã chết. Vị sư rất đau khổ, thốt lên: "Nếu tôi nhảy xuống cứu ngay thì đâu đến nỗi ..." Có người vặn hỏi: Sao sư không nhảy xuống cứu, sư trả lời: vì sư không được phép chạm vào thân thể người phụ nữ. (LL1DT)*

Với hý luận xem sự hiện hữu là “không”, “không thật có”, phủ nhận sự thật có sinh tử, chấp chỉ “tánh biết” là “thật có”, thấy tất cả là do “tánh biết như nhiên mà diễn”, không biết có nghiệp quả, ý thức học hành, trí-ngu thì dòng Huyền Giác chớ nên phân nân về cái chết hay về cách cứu người. Với nó thì đập nát tổ cũng chỉ là “như nhiên mà diễn”, không có gì là sai trái, tội lỗi. Nó không biết rằng chấp đại ngã là điên đảo.

Con người không ai tránh khỏi chết, nhưng đó không có nghĩa là ai cũng phải tái sinh vào khổ cảnh. Với tri kiến chấp ngã “tánh biết”, dòng Huyền Giác bác bỏ nghiệp quả, sinh tử, tức nó hại tín đồ có nghiệp tà kiến, đi đến khổ cảnh.

Ước Mơ

Đời không cấm ước mơ. Tuy vậy, có nhiều người dùng ước mơ để nghĩ mình hơn người. Và tông phái của những người chia rẽ Tăng có ước mơ “thành Phật cứu độ chúng sinh”, và hay dùng ước mơ ấy khi dễ người hành theo lời Phật.

Thật ra, các tông phái chỉ có ước mơ, tri kiến trái lời Phật chứ chẳng có gì là “cứu độ chúng sinh”. Tuy hô “từ bi”, “cứu độ chúng sinh” nhưng thực tế là họ tham ky cốp, tích trữ, ích kỷ không dám xả tài sản cho chúng sinh. Họ không có tư cách chê những ai học, hành, giúp mình và người giải thoát khỏi luân hồi. Dù có mục đích tốt thì thứ bồ-tát khiến đời có nghiệp tà kiến chấp đại ngã đưa đến khổ cảnh thực chất không phải độ mà là hại. Vì có tà kiến hại đời, không thật độ đời mà ngỡ là độ đời nên đó là nguy bồ-tát, tà trí, tà từ bi.

“Phẩm Chất Con Người”

Và dòng Huyền Giác chỉ biết có vật chất vô tri, không biết có ý thức và năng lực học tập, ghi nhớ, rút kinh nghiệm của ý thức. Nó chỉ có tầm nhìn cực đoan một duyên vật chất trong khi con người không phải chỉ là vật chất. Cụ thể, nó cho rằng “*phẩm chất con người*” được định hình bởi vật chất trứng và tinh trùng.³⁴⁹ Ở đây, nó ngỡ rượu có thể tức thời cắt đuôi tinh trùng, tinh trùng *đuối đuôi* vẫn có thể di chuyển thụ thai, khiến “*phẩm chất con người*” bị dị tật.

Con người hơn con vật là ở chỗ biết ý thức, không phải ở sức mạnh. Người to không có nghĩa là người tốt nhưng gà to lại được xem là gà tốt. Phẩm chất con người là nằm ở trí tuệ và đạo đức. Trứng, tinh trùng chỉ đảm bảo phần “*con*” trong “*con người*”, nó không thể định hình phẩm chất con người, không đảm bảo đó là người tử tế hay vô lại, không khiến ai biết đọc viết, có trí tuệ, đạo đức. Chỉ có ý thức học tập, ý chí nỗ lực mới định hình phẩm chất con người. Không có trứng,

³⁴⁹ ***Phẩm chất của một con người*** sắp ra đời sẽ được định hình trước cái ôm bố mẹ gặp nhau. Phẩm chất ông bố như thế nào sẽ có con tinh trùng tương ứng. Nếu ông bố là người có sức khỏe về thể chất và tinh thần, nếu ông bố là người sống đạo đức, điềm đạm, vị tha sẽ ảnh hưởng vào phẩm chất con tinh trùng. Đối với trứng của bà mẹ cũng tương tự. Nếu bố mẹ như thế thì đứa con sinh ra cũng hao hao với bố mẹ. Nếu ông bố là người nhậu nhẹt say sưa, ***trong cơn say xin*** lại đòi gần mẹ, trong trường hợp này, ***con tinh trùng bị đứt đuôi***, đứa bé sinh ra chắc chắn sẽ có dị tật. “***Tánh biết***” chỉ như pháp mà hiện diễn, ***hình tướng như thế nào thì “tánh biết” hiện diễn ra cái dụng như thế ấy***. Tướng người du côn thì “tánh biết” hiện diễn ra cái dụng du côn. ***Thế gọi là như pháp***. Tướng người du côn, bản chất con người ấy du côn, mà ***tánh biết diễn ra cái dụng đạo đức cao cả, hành vi thánh thiện, như thế là không như pháp***. ***Chuyện đó chắc là không có.*** (LL1DT)

tinh trùng, vật chất, *"tánh biết"* nào quyết định sự biết $1+1=2$.

Do mắt trí phân biệt, dòng Huyền Giác có thể giới quan đơn giản, không bận tâm bản chất phức tạp của thế giới. Nó nhìn đời đơn giản theo khía cạnh vật chất, theo cách hợp với *"trí tuệ"* của mình. Nó không biết con người là phức tạp, hơn loài vật và vật chất ở chỗ có ý thức. Thực tế, thế gian có nhiều người vẽ ra thế giới quan, mô hình lịch sử xã hội theo chủ quan méo mó, đảo lộn nhân quả, chỉ dựa trên yếu tố vật chất, bỏ qua yếu tố phi vật chất như *trí-ngu, sự học tập, giáo dục, kinh nghiệm, nhu cầu, sở thích, thời gian, nơi chốn...*

Vì con người có ý thức, không phải là vật chất vô tri nên dù tướng người là hiền hay dữ thì ý thức vẫn do duyên mà làm thiện-ác, không có ai ở đời chưa từng làm thiện và ác. Do vậy, không có cái gọi là *"hình tướng như thế nào thì "tánh biết" hiện diễn ra cái dụng như thế ấy. Tướng người du côn thì "tánh biết" hiện diễn ra cái dụng du côn. **Thế gọi là như pháp**."* Thực tế, vị Angulimāla là *có hảo tướng*, xuất thân từ gia đình Bà-la-môn danh giá, nhưng vì bị thầy lừa hại mà trở thành tên cướp giết cả ngàn người. Tuy vậy, sau khi được đức Phật tế độ thì đã tu tập và chứng quả Arahant. Kẻ nông cạn mới đánh giá con người *qua diện mạo, lý lịch, nguồn gốc xuất thân*.

Thực tế, *ý thức là có thể thay đổi 180°*. Khoảnh khắc trước có thể có suy nghĩ, hành động xấu ác, nhưng liền sau đó lại là thiện, hoặc ngược lại. Điều đó chẳng có can hệ gì tới tướng người lẫn phẩm chất trứng, tinh trùng.

Phần lớn, tâm thể nào thì có hành động, lời nói thể ấy. Tuy vậy, kẻ gian có thể ẩn giấu hoặc bộc lộ sự gian ác trong tướng người tử tế lẫn du côn. Do đó mà đời có câu ca dao, tục ngữ là: *“tốt gỗ hơn tốt nước sơn”, “dò sông dò biển dễ dò, nào ai lấy thước mà đo lòng người”*.

Như trẻ nhỏ, dòng Huyền Giác *nhìn mặt mà bắt hình dong*, có kết luận mau lẹ dựa vào dáng vẻ, hình thức bên ngoài, chỉ biết nhìn tướng mà không biết suy xét đời có sự lừa dối, hào nhoáng, không biết đời có nhiều kẻ dối trá, đạo đức giả, giỏi đóng kịch, làm thơ văn ca ngợi bản thân nhưng thật ra là tay sai ngoại bang, vu oan giá họa, giết người cướp của, bất kể đó là ân nhân. Bất kể tướng người là xấu hay đẹp thì chỉ có người thiếu trí mới lừa dối, làm và u mê đề cao, tin những điều ngu ngốc như câm, gánh dế... Người thiếu trí thì ít dễ tâm phân biệt cốt lõi đúng - sai, thật - giả, tốt - xấu. Họ thường chỉ biết đánh giá nông cạn hình thức bề ngoài.

Thực chất, trí tuệ, đạo đức, thể chất cha mẹ chỉ là một số duyên ảnh hưởng đến đứa con. Thế gian vẫn có câu *“cha mẹ sinh con, trời sinh tính”, “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”*. Không phải vô cớ Phật dạy *“Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí”*. Thực tế, sau khi nghe lời Phật, vô số người có hình tướng, tính cách khác nhau đã nỗ lực làm thiện, tránh ác. Do đó, không nên đánh giá phẩm chất con người hay có thể giới quan nông cạn, hời hợt chỉ biết có vật chất, chỉ nhìn hình thức bề ngoài hay vật chất trũng, tình trũng.

“Đạo Sống”

Và dòng Huyền Giác ngộ “*theo cuộc đời mà sống*” là hay ho mà không biết rằng theo cuộc đời là đấu đá, tham sân si, ngã mạn,³⁵⁰ mà như vậy thì không có cái “*tâm thái an dùng vô ngại*”³⁵¹. Đừng nghe nó nói “*không*”,³⁵² mà hãy nhìn nó “*an nhiên*” chấp tham sân si, dụng công làm ăn..., chứ không chấp giới. Vì đạo Phật là “*Đi ngược dòng, thâm diệu*” (M.85) nên thứ “*đạo sống*” ấy chẳng liên can gì đến đạo Phật.

Trong khi người trí biết sợ khổ, nhất là khổ lâu dài và bậc Lộ Tận không còn tham sân si, khổ tâm thì kẻ có nhiều si có thể không sợ khổ, nhất là khổ lâu dài, cần được thức tỉnh.

Đức Phật không buộc ai phải theo Phật. Lòng tin, trí tuệ, lợi ích lâu dài và đạo làm người đã ràng buộc người trí nghe theo Phật, làm thiện, tránh ác. Họ biết xấu hổ, sợ hãi khi bị tham sân si chế ngự mà ác giới. Họ không dùng miệng lưỡi để lộng giả thành chân, bào chữa, ca ngợi tham dục sân si để có thể ung dung làm ngược đạo lý con người và lời Phật.

³⁵⁰ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hạng người đi thuận dòng**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thọ hưởng các dục và làm các nghiệp ác. (A.iv.5)

³⁵¹ Đã có mặt trong đời **thì theo cuộc đời mà sống**, ai cũng vậy thôi, cũng phải làm ăn, cũng phải cố gắng để cải thiện cuộc sống, cũng gánh vác bao nhiêu sự việc cần thiết phải làm mà thế nhân gọi là trách nhiệm: với vợ con, với cha mẹ, với họ hàng, **khi tổ quốc lâm nguy cũng có thể xông pha vì sự sống còn của đồng bào tổ quốc**. Trong bốn bề sự việc mà **tâm thái an dùng vô ngại** ấy là **Đạo sống**. Cũng biết làm giàu, cũng cầu học hỏi, cũng sáng kiến, phát minh, **cũng lẫn lộn giữa dòng đời được mất**, hơn thua, xấu tốt mà **tự tại vô ngại** thì đó là **đạo sống**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³⁵² Với thiền tông, ngay khi đang sống đây, khi đang đi đứng nói cười đây mà cũng là không, **đương xứ tức không, vốn dĩ xưa nay là không**. (LL1DT)

Và do không bị trí tuệ ràng buộc nên dòng Huyền Giác không theo Phật. Họ **như các văn sĩ mê sáng tác hý luận** phản ánh suy tư *tham sân si hay ho*. Họ làm ngược, làm xuôi, bắt phân biệt đúng/sai sự thật và lời Phật. Họ thuận theo cuộc sống tham sân si, để sự kiêu mạn, phi pháp ràng buộc, trôi theo cuộc sống tham sân si mà nghĩ mình là mình.³⁵³

Đức Phật đã mất vô số kiếp để tự mình giác ngộ, rồi dạy Bốn Thánh Đế như đầu bếp tôi thương tốn công bày ra các món ngon bổ dưỡng. Tuy vậy, dòng Huyền Giác xem sự học theo lời Phật như là ăn đờm giải của Phật.³⁵⁴ Đừng nghe nó nói “*kính yêu Phật*”, “*hành theo lời Phật*”³⁵⁵ mà hãy nhìn nó bài xích Phật, *không hành Đạo Đế Giới Định Tuệ* theo lời Phật. Nó ngộ hý luận nghịch đảo những điều Phật dạy là “*trí tuệ*”, ngộ lờ hý luận điên đảo, ăn đờm giải do nó tạo ra là tốt hơn học, hành, giác ngộ những điều Phật đã giác ngộ và chỉ dạy.

³⁵³ “Phật là Phật, tổ là tổ, chân lý là chân lý, mình là mình, **đừng đặt chân mình lên đầu chân Phật**. Mình **lĩnh hội cái tinh túy**, mình **sống và hành động theo nhận thức của mình**, mình **có thể làm ngược**, mình **có thể làm xuôi**, mình có thể “*ung dung trong ràng buộc*” (Viên Minh), mình **sống thuận theo cuộc sống chứ không theo đúng sai**. **Mình phải luôn luôn là chính mình.**” (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³⁵⁴ Ý câu chuyện khuyên những người học Phật phải biết tiêu hoá những lời Phật dạy, **biến những lời Phật dạy thành trí tuệ**, bằng không, học chỉ để thuộc lòng, **chỉ để trích dẫn khi viết hay nói cho ai đó cho oai, để lờ người khác về sự học vấn của mình**, học như thế theo thuật ngữ ví von của Thiền gọi là **nuốt đờm giải của Phật, Tổ**, **học như thế không khác gì nhân viên ngân hàng suốt ngày ngồi đếm tiền, mà trong số tiền đó, chẳng có đồng xu các bạc nào là của mình.** (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

³⁵⁵ “**Kính yêu Phật**, mong cho **Phật giáo trường tồn**, không khác gì hơn là **cố công học hiểu và hành những điều Phật dạy.**” (LL1DT)

Đức Phật thuyết dạy là để giúp đệ tử có sự hiểu biết các sự thật, biết cả điều lợi ích lẫn điều khổ đau lâu dài. Với hiểu biết ấy, đệ tử của Phật khác với kẻ ngu và loài vật. Họ có nghề nuôi mạng vô hại, làm phước thiện³⁵⁶, có hiểu biết nghiệp quả, duyên sinh, không có cái ngã nào làm chủ sự tồn tại, biết vì lợi ích lâu dài, tránh ích kỷ, chấp ngã, ác giới.

*Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, Bố thí, hành đúng pháp,
Khéo huấn luyện học tập, Săn sóc các bà con,
Nói những lời khéo nói Làm nghiệp không lỗi lầm
Là điềm lành tối thượng. Là điềm lành tối thượng.
Hiếu dưỡng mẹ và cha, Chăm dứt, từ bỏ ác,
Nuôi dưỡng vợ và con, Chế ngự đam mê rượu,
Làm nghề không rắc rối Trong pháp, không phóng dật
Là điềm lành tối thượng. Là điềm lành tối thượng.(Sn 46)*

Thật ra, người trí là người biết thiện xảo trong tác ý, tùy đối tượng mà có sự tác ý để đạt thiện pháp. Và sự tác ý đúng là dựa trên hiểu biết về nghiệp quả, thiện-ác, biết bản chất thế gian là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Hơn nữa, họ biết thường suy tư đến các thiện pháp với tâm từ bi hỷ xả. Với tâm từ bi hỷ xả và hiểu biết nghiệp quả, họ sẽ dễ bố thí, giữ giới, làm thiện, tránh ác, *không sân si với đời hay quả khổ mà họ đang chịu*. Với sự khéo tác ý hoan hỷ các thiện nghiệp đã làm, lợi ích mà các chúng sinh khác đã nhận, cũng như

³⁵⁶ *Bố thí, giữ giới, hành thiện, cung kính bậc thiện trí, **phục vụ** (giúp đỡ), chia phước, hoan hỷ phước, nghe Pháp, thuyết Pháp, làm thắng tri kiến.*

biết nguyên tránh phạm lại bất thiện nghiệp quá khứ, người trí tạo ra thiện nghiệp mới, thoát sự hối tiếc sai pháp. Đạo sống của Phật tử là sự khéo tác ý thực hành thiện pháp theo lời Phật dạy. Nhờ hiểu biết nghiệp quả thiện-ác mà các Phật tử nhìn thế gian bằng con mắt trí tuệ, khác với kẻ ngu.

*Nghiệp ác đã được làm, Người hiền thấy là ác,
Như sữa, không đông ngay, Khi thiện chưa chín muồi.
Cháy ngầm theo kẻ ngu, Khi thiện được chín muồi,
Như lửa tro che đậy. (PC71) Người hiền thấy là thiện. (PC120)*

Thực tế, Phật tử phạm phũ là có thể bị khuất phục trước tham sân si mà làm các bất thiện pháp. Tuy vậy, chừng nào còn kính trọng Tam Bảo, còn tôn trọng sự thật thì chừng đó họ còn nhận biết họ là sai, còn không nhào nặn Giáo Pháp thành thứ hợp với danh lợi, thỏa mãn tham sân si, ngã mạn.

*Không đáng hổ, lại hổ. Không lỗi, lại thấy lỗi,
Việc đáng hổ, lại không. Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến, Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú. (PC 316) Chúng sanh đi ác thú. (PC 318)
Không đáng sợ, lại sợ, Có lỗi, biết có lỗi,
Đáng sợ, lại thấy không, Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận tà kiến. Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi ác thú. (PC 317) Chúng sanh đi cõi lành. (PC319)*

Ở đời thì không có ai chưa từng phạm sai lầm. Do vậy, vấn đề là biết chọn theo lý trí, lẽ phải, sự thật, có bản lĩnh nhận biết sai, không vì cái tôi mà cố chấp sự sai trái, giả dối.

“Tham Phước”

Thật ra, mục đích của Phật là giúp chúng sinh biết về khổ và diệt khổ.³⁵⁷ Trong đó, tuy Phật không nói cần duy trì Giáo Pháp nhưng chừng nào các đệ tử còn nỗ lực vì lợi ích lâu dài theo lời Phật thì chừng đó Giáo Pháp còn tồn tại.

"Dầu lợi người bao nhiêu,

Chớ quên phần tư lợi,

Nhờ thắng trí tư lợi.

Hãy chuyên tâm lợi mình." (PC 166)

Câu kệ Pháp Cú trên được Phật thuyết từ sự kiện một vị Tỷ-kheo khi biết Phật sắp diệt độ đã không ở bên Phật mà nỗ lực tu tập để chứng quả Arahant trước khi Phật diệt độ.

Tuy muốn đệ tử triệt để giải thoát khổ luân hồi nhưng *“tất cả pháp vô ngã”*, Phật *không thể* quyết định được điều đó. Tùy theo mức độ phiền não tham sân si và căn tánh mà các đệ tử của Phật có mong muốn và sự thực hành khác nhau.

Và con người ngày nay thì có nhiều tham sân si hơn thời đức Phật. Do đó, lẽ tự nhiên là chỉ số ít tu tập Giới Định Tuệ để giải thoát sinh tử luân hồi, còn phần lớn là làm thiện với chú nguyện đó là duyên lành, ba-la-mật cho sự giải thoát hoặc chỉ muốn đó là duyên lành để có lạc trong luân hồi. Và ai có lòng tin vào Tam Bảo, biết giữ giới, biết có thiện-ác, nghiệp quả Khổ Tập Đế, biết làm thiện, tránh ác, kính trọng Giới Định Tuệ thì đó là người đang hộ trì Giáo Pháp.

³⁵⁷ *Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ. (M.22)*

Ngược với kẻ ngu bắt cần lợi ích, đức Phật ra đời vì lợi ích của chúng sinh. Đức Phật thường nhấn mạnh đến lợi ích quả thiện để sách tấn đệ tử. Và Phật có tỷ dụ thiện nghiệp như kho báu không thể bị vua chúa, trộm cướp, tai họa nào xâm hại. Kho báu ấy đi cùng đến các cõi lành và đưa đến cả sự đoạn tận sinh tử luân hồi. Theo ngôn ngữ hiện đại thì thiện nghiệp là khoản đầu tư dài hạn vững chắc đúng theo mong muốn: quả lạc trong luân hồi hoặc đoạn tận luân hồi.

*Những khi người nam, nữ Đây là một kho báu,
Có bố thí, trì giới Có thể làm thỏa mãn,
Hoặc thiên định, trí tuệ, Mọi ước vọng thiên, nhân,
Kho báu khéo để dành. Dù họ mong muốn gì,
Kho này khéo để dành, Điều đạt được tất cả,
Đi theo người, không mất, Nhờ công đức phước nghiệp.
Giữa mọi vật phải rời,
Người cùng đi với nó. **Tứ vô ngại giải đạo,**
Không ai khác chia phần, **Tám cấp độ giải thoát,**
Không cướp nào lấy được. **Viên mãn trí Thanh văn,**
Vậy những kẻ tinh cần, Cả hai cách giác ngộ:
Hãy làm việc phước đức, Độc giác, Chánh Đẳng giác,
Kho báu ấy theo người, Tất cả đều đạt được,
Sẽ không bao giờ mất. Nhờ phước nghiệp công đức.(TT8)*

Vì không chỉ biết hiện tại nên kẻ trí cần quả lành lâu dài. Trái lại, người ít trí chỉ biết hiện tại, bắt cần lợi ích lâu dài. Người ác giới thì hay dùng từ bi làm cơ sở để dạy khôn và bài xích những ai làm thiện vì phước vì lợi ích theo lời Phật.

Và thay vì tích cực từ bi bố thí, dòng Huyền Giác chê sự bố thí rộng lớn, xem bố thí chỉ như chuyện ngoại đạo.³⁵⁸ Nó không biết keo kiệt ích kỷ là bất thiện, chê pháp bố thí mà Phật ca ngợi là sai trái, là xây lên cái ngã kiêu mạn với Phật.

Và dòng Huyền Giác coi bố thí chỉ vì phước thì chư Tăng không dùng được và không giúp Giáo Pháp³⁵⁹, để giúp được Giáo Pháp và chư Tăng thì phải có nguyện cầu chúc. Nó không biết sự bố thí, thực hành Đạo Đế Giới Định Tuệ mới giúp hộ trì Giáo Pháp chứ không phải là nguyện cầu.

Thật ra, Phật tử làm thiện đến chư Tăng bất kể vì mình, vì Tăng hay vì Giáo Pháp, có nguyện gì hay không thì đều là đang hộ độ, hộ trì chư Tăng và Giáo Pháp. Điều quan trọng là *chư Tăng có tiếp nhận thiện pháp và đạt lợi ích từ thiện pháp*. Chừng nào Phật tử không làm thiện pháp đến chư Tăng thì chừng đó chư Tăng và Giáo Pháp không được hộ độ, hộ trì.

Và sau khi cúng dường cho một vị sư thì việc vị ấy dùng hay cúng dường lại cho vị khác, có đạt nhiều lợi ích từ việc sử dụng hay không là tùy vào *ý định* và *sự thừa tự nghiệp* của vị ấy. Dù bố thí với lời nguyện cầu vì vị sư thì thí chủ cũng không thể quyết định được điều gì với vị sư. Trái lại, do nghiệp quả, thí chủ có thể nguyện đó là duyên lành cho quả trí tuệ, cõi trời... hay là ba-la-mật cho sự giải thoát ở vị lai.

³⁵⁸ *bên Thiên Chúa, họ cũng làm phước bố thí rất rầm rộ và hoành tráng. Ở khía cạnh này, Phật tử và các tín đồ Thiên Chúa giáo có khác gì nhau?* (L11D7)

³⁵⁹ *Làm phước cúng dường cũng cần thiết, nhưng nó chỉ vì mình, vì lợi ích của chính mình trong kiếp này và các kiếp sống vị lai, cúng dường như vậy chẳng làm cho Phật giáo trường tồn.* (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Bồ thí vì phước không có nghĩa người nhận thí sẽ bị hại. Người nhận có quyền từ chối mà không có ai ép buộc được. Trừ khi bồ thí thứ vô ích thì sự nhận thí giúp người nhận có lợi ích, bất kể thí chủ bồ thí vì cái gì, có nguyện hay không. Nhờ sự bồ thí Pháp của chư Tăng và sự bồ thí tài vật bất kể vì mình vì phước hay vì ai của thí chủ mà Giáo Pháp tồn tại.

Người trí làm phước không cần hồi báo không có nghĩa là không cần quả lành. Hơn ai hết, bồ-tát luôn làm thiện với tác ý đó là ba-la-mật giác ngộ thành Phật. Kẻ thiển cận biết làm ăn vì lợi ích ngắn ngủi trước mắt và dễ chê làm phước vì lợi ích lâu dài. Họ ích kỷ, vì cái ngã tham lợi ở hiện tại mà không hành thiện, không cho pháp vô ngã do duyên sinh ở vị lai có quả lành và nghĩ mình giỏi vì “*không tham*” phước.

Vì thế gian ngày càng nhiều ô nhiễm nên lẽ tự nhiên là Phật tử ưa làm thiện vì phước, *ít thiện xảo về từ bi, ba-la-mật*. Dù sẽ tốt hơn nếu biết *tác ý đến từ bi, ba-la-mật* thì làm thiện vì mình vẫn là thiện, vẫn có lợi cho đời, hơn là không làm. Vì làm thiện đưa đến lợi mình và người nên kẻ ích kỷ, đồ kỵ không chỉ bắt làm thiện mà còn ưa tìm cách chê làm thiện. “*Nói về bồ thí với người xan tham là ác thuyết.*” (A.5.157)

Thực tế, có nhiều người không tu tập Giới Định Tuệ theo lời Phật để thoát khổ sinh tử, cũng không làm thiện pháp theo lời Phật để giúp đời và có quả lạc lâu dài. Họ có cái ngã ngày càng to khi ưa bác bỏ, làm trái lời Phật. Họ vì mình, vì tham lợi mà dụng công làm ăn và chê ai làm thiện vì mình.

Như người thiện cận không ưa đầu tư dài hạn, họ bài xích những ai vì mình, vì tham lợi lâu dài mà tích cực làm thiện. Trong khi người trí không dừng lại ở tham mà còn có trí biết nghiệp quả, làm thiện giúp đời, đạt lợi ích lâu dài thì họ dừng ở tham ích kỷ. Trong khi Phật tử có thể ngã mạn về làm thiện thì họ ngã mạn vì ích kỷ, không làm thiện. Họ làm vì cái ngã tham lợi trước mắt và khi dễ tham phước. Họ thấy vì ích kỷ, tham lợi trước mắt mà không làm thiện thì tốt hơn vì tham lợi ích lâu dài mà phải làm thiện, giúp đời.

Do nhìn xa trông rộng, hiểu biết nghiệp quả, biết còn luân hồi, người trí hay nghĩ đến sự hành thiện pháp bất kể họ gặp hoàn cảnh tốt hay xấu. Họ không ích kỷ chấp ngã vì lợi trước mắt mà khéo tác ý đến từ-bi-hỷ-xả để thực hành thiện pháp, xem thiện pháp như sự đầu tư cho duyên lành. Nhờ tâm từ, họ không sân si trước đồng rác mà nghĩ đó là *cơ hội làm phước phục vụ dọn dẹp*. Với tâm bi, họ *bố thí, tránh sát sinh*. Với tâm hỷ, *thay vì ganh ghét, đố kỵ*, họ hoan hỷ với thành công và lợi ích của người khác. Với tâm xả, họ biết chấp nhận sự vô ngã, sự bất toại nguyện và quả của nghiệp bất thiện. Với trí tuệ, họ *biết làm điều nên làm mà không cần có tham sân như biết đói mà ăn chứ không cần vì tham mà ăn*.

Và người ít từ bi thì cùng với tu tập tác ý đến từ bi thì cần tác ý đến lợi ích lâu dài để có thể tích cực bố thí, giữ giới, giúp đời. Vì có thiện pháp, họ hơn những ai chỉ dụng công làm ăn, không tu tập Đạo Đế để giải thoát sinh tử luân hồi, cũng không bố thí, giữ giới giúp đời để có lạc trong luân hồi.

“Lợi Ích” Của Tà Kiến

Đời là có trí-ngu. Bậc trí có lạc và ý nghĩ khác với kẻ ngu.

Bậc trí vượt khổ, phiền não bằng trí biết Pháp và sự thật. Họ có thể đạt cận định bằng niệm chết, vượt ái bằng niệm bất tịnh, vượt sân bằng tâm từ. Trí biết đời vô thường, khổ, vô ngã giúp họ vượt *phiền não tham sân si, thoát khổ*. Họ biết vì *không có quyền làm chủ sự tồn tại, bị sinh tử* nên con người là vô ngã. Vì biết 5 uẩn sinh diệt do duyên trong sát-na nên họ *không chấp có đại ngã thường* còn quyết định sự vận động.

Và kẻ thiếu trí ưa bóp méo sự thật để có lạc trong ảo giác, ảo tưởng. Con nghiện thuốc lắc thì có lạc nhờ ảo giác, lạc ấy ngắn ngủi, lạc ít trước mắt, khổ nhiều lâu dài. Kẻ tà kiến thì thoát sợ hãi, có lạc nhờ ảo tưởng. Bản chất nó là mâu thuẫn, lờ người. Đừng nghe nó nói “*không*”, vô ngã, hãy nhìn nó *chấp thủ hiện hữu*, coi chuỗi thường còn, dụng công làm ăn, bác bỏ sinh tử, chấp có đại ngã. Vì chấp có đại ngã “*tánh biết*” quyết định sự vận động nên nó tự tại vô ngại trong ác giới, bị cuốn theo dòng đời tham sân si nhưng cao cao tại thượng coi đời như mộng, bác bỏ quả báo thiện-ác mà Phật giác ngộ.

Như thuốc lắc, tà kiến có thể đem lại tự tin, dễ chịu, **điều thì không sợ sùng**. Niệm A-di-đà hay tự kỷ ám thị “*không có chết*” đều có thể tạo cảm giác dễ chịu, không sợ chết. Tuy vậy, ai có tà kiến chấp có kẻ dẫn dắt tái sinh hay bác bỏ nghiệp quả sinh tử luân hồi vào lúc cận tử thì sẽ tái sinh vào khổ cảnh. Trái lại, ai biết có nghiệp quả luân hồi thì tái sinh cõi lành.

Thực tế, nhiều tôn giáo có câu trả lời về thể gian, sinh tử. Tùy lòng tin và mức độ tham dục sân si mà con người chọn tôn giáo hay thích câu trả lời nào. Những ai ưa sự ngã mạn, tự do không giữ giới, sợ sinh tử, cõi khổ, tâm đắc các pháp tham sân si, không ưa phân biệt thật-giả, đúng-sai, tốt-xấu, phải-trái thì sẽ thích chọn dòng Huyền Giác vì ở đó chấp có đại ngã, bác bỏ sinh tử nghiệp báo, không theo lời Phật và sự tu tập trí thấy biết bản chất tốt cùng của thể gian 5 uẩn, nghiệp quả quá khứ-vị lai, có được cái ngã ngày càng to khi bác bỏ và làm trái lời Phật, xem đó là “*phát triển*” hơn Phật.

Dòng Huyền Giác tự nhận là đạo Phật, có “*tổ y bát*” mặc y ngoại đạo. Tuy *hồ vô ngã* nhưng nó cậy thiếu học, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai để tạo ra đại ngã, bác bỏ nghiệp quả do Phật giác ngộ. Do có “*chân lý*” là sự điên đảo, tự mâu thuẫn nên nó sống trong ảo tưởng, không sống theo “*chân lý*”. Nó chấp chuỗi là nước, chuỗi thường còn, xác chết vẫn là con người, bác bỏ sinh tử, không biết có sinh tử do duyên và sinh diệt trong sát-na. Tuy hô “*không*”³⁶⁰ nhưng dụng công làm ăn,... Tuy hô “*bình đẳng*” nhưng không chịu bình đẳng với loài vật mà chỉ muốn bình đẳng với Phật.

Ai cũng từng có sai lầm. Trí-ngu là vô thường, cách nhau một ý niệm, bỏ ngu là trí, vấn đề là có bản lĩnh hay không. Người trí trung thành với *lý trí, sự thật, đạo lý, lẽ phải*, người thiếu trí trung thành với *tình cảm tham ái sân si ngã mạn*.

³⁶⁰ Với thiền tông, ngay khi đang sống đây, khi đang đi đứng nói cười đây mà cũng là không, **đương xứ tức không, vốn dĩ xưa nay là không.**(LL1DT)

Không - Vô tướng - Vô tác

Thật ra, con người đến với Phật vì Phật là bậc Giác Ngộ các Sự Thật Cao Thượng, vì để biết các sự thật cao thượng, không phải để không thấy biết, không khẳng chắc điều gì. Tuy vậy, có tông phái kiêu ngạo về sự thiếu hiểu biết và hoài nghi. Một mặt, cây vô minh, mù 5 uẩn, quá khứ-vị lai, nó hý luận bác bỏ và làm trái những điều Phật đã giác ngộ và chỉ dạy, mặt khác nó không khẳng chắc điều gì. Nó ngỡ không khẳng chắc điều gì là hay ho vì tránh có cơ sở để bị chỉ lỗi. Tuy vậy, bản thân sự không biết, không khẳng chắc điều gì đã là thiếu hiểu biết. Do không biết thiếu hiểu biết là tệ hại nên nó kiêu ngạo về sự thiếu hiểu biết. Quả thật, không ai đi tranh cãi với kẻ kiêu ngạo về sự thiếu hiểu biết, dùng sự thiếu hiểu biết làm “*pháp môn*”. Ví như không ai đi luận chiến với những kẻ IS cuồng tín, cũng vậy, không ai đi luận chiến với những kẻ cuồng tín, không có trí biết tỏ y bát mặc y ngoại đạo là tổ tự nhận, không có trí từ bỏ kẻ lừa dối nhưng lại ưa hô hào “*trí tuệ*”, “*thấy biết*”, “*giác ngộ sự thật*”. Nó nghĩ thiền là hý luận, nghĩ hý luận là thấy biết. Quả thật là không ai đi luận chiến với đạo trọc lóc sự hiểu biết.³⁶¹

³⁶¹ Thiền tông, nhất là Thiền tông Đông độ, **dòng thiền Ngài Huyền Giác**, dòng thiền này **không khẳng chắc bất kỳ điều gì, không có phương pháp hành trì, không có pháp môn, không sở cầu, sở chứng, sở đắc**, đức tin chỉ dùng khi còn sơ cơ, **chủ yếu ở sự thấy biết**. **Lấy: Không - Vô tướng - Vô tác để kiểm chứng nhận thức của mình**. Các học giả không chuyên của Phật giáo Nguyên thủy **muốn luận chiến với thiền tông**, không khác gì **muốn nắm tóc người trọc đầu**. (Lặng Lẽ Một Dòng Thiền)

Đặc trưng của đạo mất trí phân biệt là nói lời sai trái và mâu thuẫn. Có sự tự mâu thuẫn là cách nó *tránh bị chỉ trích*. Tùy theo tình hình và cảm hứng mà nó chọn lật chiều nào.

Thực chất, sự tự mâu thuẫn là vô lý, sai trái. Và dòng Huyền Giác một mặt tuyên bố không khẳng chắc điều gì, đây cũng là cơ sở để tránh bị chỉ lỗi, mặt khác lại bảo “*Lấy: Không-Vô tướng-Vô tác để kiểm chứng nhận thức của mình*”. Đã không khẳng chắc điều gì thì sao có thể khẳng chắc “*Không-Vô Tướng-Vô Tác*” là chân lý mà dùng? Dùng thứ không đảm bảo thì dùng làm gì? Nó đề cao “*thấy biết*” nhưng lại không thấy biết gì mà cần dùng “*Không-Vô tướng-Vô tác để kiểm chứng nhận thức*”. Kiểm chứng như thế thì đâu có biến nhận thức ấy là thấy biết đúng sự thật. Đã không thấy biết thì sao có thể đảm bảo nhận thức đó là đúng sự thật. Hô là “*Không-Vô Tướng-Vô Tác*” nhưng nó vẫn dụng công làm ăn, hô “*Thể-Tướng-Dụng*”. Đó là “*pháp môn*” ngụy biện, hý luận mập mờ, lẫn lộn, tự mâu thuẫn.

Và để thức tỉnh kẻ ngủ mê trong hý luận điên đảo thì cần vận dụng “*chân lý*” của nó lên nó. Cụ thể, cần phải dùng “*pháp môn*” gõ vào “*hư không*” trong thứ “*chưa từng là đầu tổ*” bằng thứ “*chưa từng là cây gậy*” để tổ trực tiếp biết thế nào là “*Không-Vô Tướng-Vô Tác*”, “*bổn lai vô nhất vật*”.

Thật ra, tỉnh hay mê đều do duyên. Cái nhìn nhân duyên là chừng nào còn chấp thủ sự thiếu học, ngã mạn, điên đảo thì chừng đó còn điên đảo. Trái lại, chừng nào biết từ bỏ, phản bác sự điên đảo thì chừng đó có chánh trí.

Tinh Thần AQ “Thành Phật”

Thực tế, có nhiều tông phái tạo ra các pháp môn vô vắn, vô lý cho đạo Phật để từ đó ca ngợi “pháp môn” “có lý” của nó hoặc “khai sáng” ra “pháp môn” “hay ho”. Chẳng nào còn có tín đồ u mê, cuồng tín, bỏ lý trí phản biện thì chẳng đó các “pháp môn” ấy còn có đất dụng võ. Thực tế, ngoài “tổ y bát”, thế gian là còn có Bốn Sư Thích Thông Lạc.

Thật ra, Phật được kính trọng vì là *bậc có trí tuệ, đức hạnh đáng được kính trọng* chứ không phải vì kính trọng Phật là pháp tu thành Phật. Nhờ duyên thấy Phật đáng kính trọng mà có nhiều người đã phát nguyện thành Phật, nỗ lực theo lời Phật dạy. Tuy vậy, kẻ thiếu giáo dục thì không biết đến sự kính trọng những người đáng được kính trọng.

Và do ngã mạn, thiếu học, tổ thứ 40 của một dòng thiền quy chụp kính trọng Phật là pháp môn tu thành Phật. Vì không có ai hành “pháp môn” kính Phật mà thành Phật nên tổ bày ra pháp môn phỉ báng Phật để thành Phật, hơn Phật. Ví như $1+1=1$ là sai không có nghĩa $1+1=-1$ là đúng, cũng vậy, kính trọng đức Phật không phải là pháp tu thành Phật không có nghĩa phỉ báng Phật là pháp môn tu thành Phật. Miệng lưỡi kẻ thiếu trí xem thường bậc trí chỉ chứng tỏ là nó ngu phi thường chứ không có nghĩa nó có trí hơn người. Ai khi dễ tổ thì sẽ bị thành tổ? Tổ được phong tổ là vì tổ đã phỉ báng “tổ y bát”? Nếu phỉ báng Phật mà “thành Phật” thì nhiều người ngoại đạo đều là “Phật”.

Và Phật giác ngộ ai phỉ báng bậc Thánh thì sẽ định cư ở cõi khổ.¹⁷³ Do đó, không thể phỉ báng Phật mà “*thành Phật*”. Ví như không ai tin trí toán học của kẻ giải $1+1=5$, cũng vậy, trừ những tín đồ mù quáng, điên đảo, u mê, ngu muội, không ai tin vào trí tuệ, đạo đức làm người của thứ đệ tử ấy.

Với Phật tử, chín ân đức Phật là sự thật hiển nhiên, không ai so mình với bậc Toàn Giác. Tuy vậy, do thiếu học, sân si ngã mạn, tổ thứ 40 của một dòng thiền phản đối sự độc quyền. Với “*vô sai biệt trí*”, nó không biết có trí-ngu. Nó không chịu thua Phật, nó không biết nó là độc quyền về tối ngu si, không biết nó tham sân si, không có Nhất Thiết Trí. Nó muốn hơn bậc Toàn Giác, nó ưa tăng bốc ví nó như là đứng trên vai người khổng lồ. Quả thật, nó chỉ là đứng trên đồng phân vô minh, không có trí tuệ thấy biết điều Phật giác ngộ. Ví như có học trò muốn “*phát triển*” lời thầy $1+1=2$ thành $1+1=-2$, $1+1=5$... cũng vậy, dựa vào vô minh thiếu học, nó hý luận ra những thứ “*chân lý*” mà Phật gọi là tà kiến. Nó dùng tinh thần AQ tự sướng xem hý luận phi pháp của nó là “*chân lý phát triển*”, là “*cao hơn*” sự thật mà Phật giác ngộ. Có đủ loại giấy được phát minh và điều đó không có nghĩa những sự viết bậy trên các loại giấy đó là “*phát triển sự thật*”.

Phật chỉ đem lại lợi ích cho những ai biết kính trọng, học và hành theo lời Phật. Những ai phỉ báng, làm trái lời Phật thì lại chịu quả khổ. Ở đời, vì đấu tranh cho bình đẳng mà con người lầm than. Tuy chấp đại ngã “*tánh biết*” nhưng tổ không chịu bình đẳng với gà, tổ phỉ báng Phật để “*hơn Phật*”.

Đạo Phật và Con Đường Diệt Khổ

Mục Đích Của Đạo Phật

Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ. (M.22)

Mục đích của đạo Phật là diệt khổ, giải quyết vấn đề muốn hạnh phúc của chúng sinh theo khía cạnh lâu dài hơn chỉ là trước mắt. Lâu dài là vĩnh viễn hoặc có giới hạn. Hạnh phúc nào rồi cũng vô thường, tức rồi cũng là khổ nên chỉ có chấm dứt luân hồi thì mới dứt vĩnh viễn mọi sự khổ. Mục đích tối hậu của đạo Phật là giải thoát triệt để sự khổ sinh già bệnh chết, sầu bi khổ ưu não, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán hội ngộ, mọi sự khổ trong luân hồi chứ không phải là diệt hữu. Vì thấy sự hiện hữu là khổ ở từng sát-na nên Phật không tán thán sự hiện hữu và có sự diệt độ, khác với sự hô “không” nhưng có thọ mạng vô lượng trong các kinh ra đời về sau. Mất trí phân biệt trí-ngu, tốt-xấu, nhập-xuất, ngộ đại ngã “bản thể”, “tánh biết”,... của sự hiện hữu là các tà kiến đưa đến khổ cảnh, không phải mục đích của đạo Phật.

Thực chất, Giáo Pháp chỉ có một vị là vị giải thoát khổ.³⁶² Phật luôn mong các đệ tử hướng đến chấm dứt khổ sinh tử luân hồi nhưng do duyên căn cơ trí tuệ, mức độ phiền não mà đệ tử Phật chọn nỗ lực thoát khổ vĩnh viễn hay tạm bợ hay tạo ba-la-mật, duyên lành cho sự giải thoát khổ ở vị lai.

³⁶² Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát.** (Ud 51)

Tỷ Dụ Về Sự Khổ

Và để giúp hình dung nước mắt khổ đau đã đổ trong vòng luân hồi, Phật so sánh chúng với nước trong bốn biển.

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là **dòng nước mắt tuôn chảy** do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông **phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này** chớ **không phải nước trong bốn biển lớn**.

Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các Ông **chịu đựng mẹ chết**.

... các Ông chịu đựng **con trai chết**...

... các Ông chịu đựng **con gái chết**...

... các Ông chịu đựng **tai họa về bà con**...

... các Ông chịu đựng **tai họa về tiền của**...

... các Ông chịu đựng **tai họa của bệnh tật**.

Vì sao? **Vô thi là luân hồi**, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sinh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông **từ bỏ**, là vừa đủ để các Ông **giải thoát đối với tất cả các hành**.(S.ii,179)

Đức Phật Thuyết Giảng Những Gì?

Để cứu độ chúng sinh, suốt 45 năm chuyển Pháp luân, Phật chỉ giảng Bốn Sự Thật Cao Thượng, tức Bốn Thánh Đế:

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapā mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapā?

- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapā mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapā.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

Nhưng **tại sao**, này các Tỷ-kheo, Ta **lại không nói ra những điều ấy?** Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy **không liên hệ đến mục đích**, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

Và này các Tỷ-kheo, **điều gì mà Ta nói?**

“Đây là Khổ”, này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói.

“Đây là Khổ tập”, là điều Ta nói.

“Đây là Khổ diệt”, là điều Ta nói.

“Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”, là điều Ta nói.

Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy **liên hệ đến mục đích**, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, **Niết-bàn**. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một **cố gắng cần phải làm để rõ biết**: "Đây là Khổ"... một **cố gắng cần phải làm để rõ biết**: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".
(S.v,437)

Do vậy, những gì mà các đệ tử Phật giảng thì cần phải tương đồng với Bốn Thánh Đế mà Phật giác ngộ.

Vì cốt lõi giáo lý các tông phái là trái với Bốn Thánh Đế nên đó không phải là điều Phật biết nhưng không nói.

Nhờ có các đệ tử Phật mà người đời sau biết tới đạo Phật. Nhờ có các tổ và văn sĩ chế ra giáo lý trái với Bốn Thánh Đế mà thế gian có thêm các giáo lý mà Phật gọi là tà kiến.

Nguyên Gốc Của Sinh Tử Luân Hồi

Và đức Phật đã giảng nguyên nhân của sinh tử luân hồi:

Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, do không thông đạt bốn Thánh đế mà Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này. Thế nào là bốn?

Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.

...Thánh đế về Khổ tập...

...Thánh đế về Khổ diệt...

Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này. (S.v,431)

Như vậy, chỉ cần không giác ngộ một Thánh Đế là vừa đủ để chúng sinh phải trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi.

Vì không hành Đạo Đế, không giác ngộ Tứ Thánh Đế nên các tông phái còn vô minh,³⁶³ luẩn quẩn trong luân hồi, không thoát khỏi khổ sinh tử. Tuy vậy, vì không biết sinh tử do duyên, 5 uẩn sinh diệt trong sát-na, không phân biệt được 5 uẩn với 1 uẩn nên họ có thể có tà kiến bác bỏ sinh tử.

Sự Chấm Dứt Sinh Tử Luân Hồi

Và chỉ khi giác ngộ toàn bộ cả Bốn Thánh Đế thì mới là giải thoát khỏi khổ sinh tử luân hồi:

*Này các Tỷ-kheo khi **Khổ Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu; khi **Khổ Tập Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu; khi **Khổ Diệt Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu; khi **Khổ Diệt Đạo Thánh đế** này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dấy dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, không còn hậu hữu nữa. (D.16)*

Do đó, nếu chỉ giác ngộ 12 nhân duyên Tập Đế thì đó còn là phàm phu. Do đó, “Phật Duyên Giác” là do sáng tác mà có.

³⁶³ “Này các Tỷ-kheo, **thế nào là vô minh?** Này các Tỷ-kheo, không rõ biết **Khổ**, không rõ biết **Khổ tập**, không rõ biết **Khổ diệt**, không rõ biết **Con đường đưa đến Khổ diệt**.” (S.ii,2)

Và 12 nhân duyên là vòng tròn do duyên, do nhân/duyên mà có quả, luân phiên nhau, với vô minh, hành, tham, thủ, (nghiệp) hữu thuộc về nhân, tạo nên vòng sinh tử luân hồi.

Bốn Thánh Đế

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, **năm thủ uẩn là khổ**.

-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này.

-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt?**

Đây là **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt. (A.3.61)

Khổ Diệt Đạo Thánh Đế (Đạo Đế)

Đức Phật chỉ thuyết dạy Bốn Thánh Đế và để diệt khổ thì phải thực hành Con Đường đưa đến Khổ diệt, tức Đạo Đế là Thánh đạo Tám ngành. Đạo Phật chỉ có một pháp môn là Đạo Đế, đạo Phật không có cái gọi là 84000 pháp môn. Số tông phái cùng với số “pháp môn” được tạo ra sau khi Phật tịch diệt vẫn ở xa con số 84000. Thật ra, một nhóm lời Phật tạo nên một ý nghĩa thì được xem là một pháp. Phật Pháp có 84000 nhóm pháp (pháp uẩn) chứ không có 84000 pháp môn.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là bát chi Thánh đạo, tức là **Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định**.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tri kiến? Đây các Tỷ kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Đây các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Đây các tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.

Này các Tỷ kheo thế nào là Chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh mạng? Này các Tỷ kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.

Này các Tỷ kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn? Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh niệm? Này các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời; trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, tinh cần tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định? Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, **chứng và trú Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Tỷ kheo ấy diệt tâm, diệt tứ, **chứng và trú Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, **chứng và trú Thiền thứ ba**. Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, **chứng và trú Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. (D.22)

Đạo Đế là pháp tuần tự,³⁶⁴ tùy theo duyên ba-la-mật mà sự tu tập, giác ngộ là dễ hay khó, mau hay chậm. Đạo Phật không có “pháp môn” “đốn ngộ” mà mù 5 uẩn. Do mù 5 uẩn, nghiệp quả nên đó là sự “đốn ngộ” của vô minh, ảo tưởng.

³⁶⁴ Này Pahàrāda, vì rằng trong pháp và luật này, **các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh**, nên này Pahàrāda, đây là vì điều chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. (A.8.19)

Đạo Đế là những bước đi có sự liên kết nhau mà bỏ bước thì sẽ không đi được, không đạt được mục đích đoạn tận khổ.

Và để thu hút đồ chúng, nhiều thầy biến Đạo Đế đưa đến ly tham, chấm dứt khổ sanh tử luân hồi thành cái gọi là “Bát Thánh Đạo” cho người mê làm giàu, gắn bó với luân hồi.

Phạm Hạnh và Mục Đích Của Phạm Hạnh

Con Đường đưa đến Khổ diệt cũng chính là Phạm hạnh. Đoạn tận tham sân si là mục đích tột cùng của Phạm hạnh.

Này Tỷ-kheo, **con đường Thánh đạo Tám ngành này là Phạm hạnh**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Tỷ-kheo, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là cứu cánh Phạm hạnh. (S.iv,7)

Phạm hạnh ấy là con đường trung đạo, đó không phải là lối hành xác làm khổ mình hay say mê hưởng dục, những thứ không liên hệ đến mục đích giải thoát khổ.

Có hai cực đoan, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành. Thế nào là hai?

Một là **đắm say trong các dục**, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.

Hai là **tự hành khổ mình, khổ đau**, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.

Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo**, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Và thế nào là **con đường Trung đạo**, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

Chính là **con đường Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. (S.v,420)

Con đường giác ngộ Niết-bàn là con đường cao thượng:

Này các Tỷ-kheo, không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng. Này các Tỷ-kheo, **phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng**. (S.ii,27)

Với người trí, con đường cao thượng này là của lạc và hỷ. Hỷ lạc liên hệ đến thiền và giới thanh tịnh khác với dục lạc.

Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân chuyển, khởi điểm không thể nêu rõ, đối với (những đau khổ) do bị thương đâm, do bị kiếm chém, do bị búa chặt. Dầu vậy đi chăng nữa, này các Tỷ-kheo, Ta cũng **không tuyên bố rằng nhờ khổ và ưu mà bốn Thánh đế được chứng ngộ**. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng **nhờ lạc và hỷ mà bốn Thánh đế được chứng ngộ**. (S.v,440)

Nhờ hỷ lạc với giới thanh tịnh, với thiện niệm giới, các bậc trí có thể đạt cận định dù khi đó sắp chết vì giữ giới. Khác với kẻ thiển cận chấp ngã, họ biết ai rồi cũng chết, chết do giữ giới thì tốt hơn là ác giới, tạo duyên khổ lâu dài.

Khổ Diệt Đế còn được gọi là vô vi và Đạo Đế là con đường đưa đến vô vi. Dĩ nhiên, ngoại đạo cũng có thể có thứ “vô vi” của mình, và đó chỉ là thứ liên hệ tới sự dính mắc hiện hữu, không liên can gì đến sự đoạn tận tham của đạo Phật.

- Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là vô vi?** Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si;** này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? **Con đường Thánh đạo Tám ngành,** này các Tỷ-kheo, đây **là con đường đưa đến vô vi.** (S.iv,361)

Đạo Đế là Tam Học Giới - Định - Tuệ

Thánh đạo Tám ngành tạo nên Tam học Giới-Định-Tuệ.

Hiền giả Visakha, Thánh đạo Tám ngành bị ba uẩn thâm nhiếp.

Hiền giả Visakha, chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, những pháp này được thâm nhiếp trong giới uẩn.

Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, những pháp này được thâm nhiếp trong định uẩn.

Chánh tri kiến và chánh tư duy, những pháp này được thâm nhiếp trong tuệ uẩn. (M.44)

Chánh Định Là Định Học

Và Chánh Định là định bậc thiền và đó cũng là Định học, là một trong Tam Học Giới Định Tuệ:

Có ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.

*Thế nào là **tăng thượng giới học**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng giới học.*

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tăng thượng định học**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng định học.*

*Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là tăng thượng tuệ học**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thật rõ biết: “Đây là khổ”... như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”... như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”.(A.3.88)*

Định Học là Duyên Của Tuệ Học

Này các Tỷ-kheo, **hãy tu tập định**. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết**. Và như thật rõ biết gì?

Như thật rõ biết: “Đây là Khổ”.

Như thật rõ biết: “Đây là Khổ tập”.

Như thật rõ biết: “Đây là Khổ diệt”.

Như thật rõ biết: “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”. (S.v,414)

Khổ Đế - Năm Thủ Uẩn

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?

Này các Tỷ-kheo, phàm có **sắc** gì **quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần**, có lậu hoặc, được chấp thủ; đây gọi là sắc thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, phàm có **thọ** gì... phàm có **tưởng** gì... phàm có các **hành** gì... phàm có **thức** gì... (S.iii,47)

Thực chất, 5 uẩn là các thực thể tột cùng có thực tính riêng, do chịu sự sinh diệt, không có quyền làm chủ sự tồn tại nên chúng là vô ngã. Vì 5 uẩn sinh diệt do duyên, vô thường trong sát-na nên không có cái ngã “tánh biết” hay “linh hồn” thường còn nào quyết định sự tồn tại, vận động của 5 uẩn.

Vì 5 uẩn bao gồm cả quá khứ, vị lai, trong, ngoài nên cần phải có chánh định để tuệ tri Khổ Đế, quá khứ, vị lai.

Ví như, này Sāḷha, người chiến sĩ bắn xa, cũng vậy, này Sāḷha, là Thánh đệ tử **có chánh định**; phạm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, **cần phải như thật thấy với trí tuệ** rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi”.

Phàm có thọ gì ... phàm có tưởng gì ... phàm có hành gì ... phàm có thức gì...”. (A.4.196)

Và mối liên hệ giữa danh-sắc và năm uẩn (nhóm) là:

Như vậy, vị ấy định nghĩa 27 **sắc** pháp này là “sắc uẩn”. Vị ấy định nghĩa **thọ** khởi lên theo 81 loại tâm là “thọ uẩn”, **tưởng** tương ứng với chúng là “tưởng uẩn”, **hành** tương ứng là “hành uẩn”, và **tâm** là “thức uẩn”.

Như vậy, bằng cách định nghĩa **sắc uẩn là sắc** và **bốn vô sắc uẩn là danh**, hành giả định nghĩa danh-sắc nhờ năm uẩn. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)

Và trong quá trình Tuệ quán quan hệ nghiệp quả Khổ Tập Đế ở các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, hành giả có thể thấy hình ảnh quá khứ, vị lai. Và vị ấy sẽ gặp chướng ngại nếu có dính mắc với kiếp sống ấy, nhất là khi thấy các kiếp thiên nhân, phạm thiên. Do đó, Phật dạy tuệ quán với tâm không tham ái, không hân hoan cũng như không truy tìm sự hân hoan.

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển
Biết vậy, nên tu tập,

Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.

(M.131)

Vì không biết 5 uẩn là một tập hợp 11 loại gồm quá khứ-hiện tại-vị lai,... của sắc-thọ-tưởng-hành-thức, vì không biết giác ngộ Khổ Đế là để thấy biết và đoạn trừ tham ái, tà kiến, hoài nghi 5 uẩn ở quá khứ-vị lai, vì không biết đến lời Phật giải thích “*quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng*”, nên có nhiều người hiểu sai mà bác bỏ Tuệ quán quá khứ-vị lai. Thật ra, Phật đã giải thích đó là sự thấy biết 5 uẩn quá khứ-vị lai theo cách không tham truy tìm sự hân hoan.

Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là không truy tìm quá khứ?** Vị ấy biết: “**Như vậy là sắc trong quá khứ**”, và **không truy tìm sự hân hoan trong ấy**; ...thọ...; ...tưởng...; ...hành...; ...thức...

Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là không ước vọng trong tương lai?** Vị ấy biết: “**Như vậy là sắc trong tương lai**”, và **không truy tìm sự hân hoan trong ấy**; ...thọ...; ...tưởng...; ...hành...; ...thức... (M.131)

Thật ra, thiên Tuệ là sự quán bản chất thể gian, tức 5 uẩn Khổ Đế và 12 nhân duyên Tập Đế là vô thường, khổ, vô ngã để từ đó viên mãn dần trí ly tham, chứng đạt Lưu Tận Trí, giác ngộ Niết-bàn. Vì vậy, đầu tiên cần thấy biết bằng trí tuệ sự thật thể gian chỉ là các tập hợp 5 uẩn, thấy biết đặc tính, chức năng, biểu hiện, nhân gần 5 uẩn, thấy biết 12 nhân duyên. Nếu quán danh trước thì cần dựa vào định tầng thiên³⁶⁵. Nếu quán sắc trước thì cần dựa vào cận định thiên tứ đại.³⁶⁶

³⁶⁵ Một người muốn hoàn tất việc này, trước hết nếu vị ấy **tu theo chỉ thừa** (cỗ xe tịnh chỉ), thì hãy xuất định từ một thiên thuộc sắc hay vô sắc nào cũng được, trừ phi tưởng phi phi tưởng xứ,

[Chú thích: người khởi sự làm công việc này thường gặp khó khăn khi phân biệt hình thức hữu cao nhất, tức phi tưởng phi phi tưởng xứ"-- Pm. 744. Sở dĩ như vậy là vì tưởng giảm tới độ vi tế (xem M. iii, 28)] và vị ấy nên phân biệt theo đặc tính, nhiệm vụ, v.v... những thiên chi tâm, tứ, ... cùng các pháp tương ứng với chúng (nghĩa là thọ, tưởng, v.v...). Khi vị ấy đã làm như vậy, tất cả các pháp ấy cần được định nghĩa là danh (nama) theo định nghĩa nghiêng về (namana), vì nó nghiêng về phía đối tượng. Nghiêng về phía một đối tượng có nghĩa rằng không có sự sanh khởi nếu không có một đối tượng hoặc có nghĩa là đặt tên cho đối tượng - Pm. 744)].

Rồi, cũng như một người, nhờ theo dấu một con rắn đã bắt gặp trong nhà, tìm ra được hang ổ của nó, cũng vậy, hành giả dò xét cái danh ấy, tìm cho ra sự sanh khởi của nó nương vào cái gì, và thấy rằng, nó y cứ vào sắc chất của trái tim. Sau đó, vị ấy phân biệt là "sắc" các đại chủng làm chỗ nương cho tim, và các loại sở tạo sắc khác có tứ đại làm chỗ tựa. Vị ấy định nghĩa tất cả đó là sắc (rūpa) vì nó bị quấy nhiễu (ruppana) bởi lạnh nóng. Rồi vị ấy định nghĩa vẫn tất là danh sắc cái danh có đặc tính nghiêng về, và cái sắc có đặc tính bị quấy nhiễu. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)

³⁶⁶ Nhưng một người theo quán thừa, **cỗ xe trí tuệ thuần túy**, hay cũng người theo chỉ thừa nói trên, phân biệt bốn đại vẫn tất và chi tiết, theo một trong nhiều cách đã nói trong chương Phân biệt Giới (Ch. XI, đ. 27). Khi các giới đã rõ rệt trong đặc tính chính xác của chúng, thì trước hết, trong

Và ai dùng cận định thiền tứ đại làm nền tảng tu tập minh sát thì đó là người theo cỗ xe thuần quán. Ngược lại, ai dùng các loại định bậc thiền làm nền tảng thì vị ấy là người hành theo cỗ xe Tịnh Chỉ.

trường hợp tóc do nghiệp sanh, hiện rõ mười loại sắc thuộc thân thập pháp là: bốn đại, màu, mùi, vị, thực tố, mạng và thân-tịnh-sắc. Và vì tánh thập pháp cũng hiện diện ở đây, nên có thêm mười sắc pháp nữa (tức chín thứ trước thêm tánh thay vì thân tịnh sắc). Và vì ba nhóm 8 pháp (với thực tố thứ tám, nghĩa là 4 đại, màu, mùi, vị và thực tố) thực sanh, thời sanh và tâm sanh cũng hiện diện nên còn có 24 sắc pháp khác. Như vậy có tất cả 44 sắc pháp trong mỗi phần thuộc 24 thân phần do cả bốn nguồn gốc sanh (nghiệp, tâm, thời, thực). Còn bốn thứ: mồ hôi, nước mắt, đờm, nước mũi do thời sanh và tâm sanh, thì có 16 sắc pháp từ hai nhóm tám (thực tố thứ tám trong mỗi nhóm). Bốn món gồm bao tử (tức đồ ăn chứa trong đó), phân, mủ, nước tiểu, do thời sanh, thì chỉ có tám sắc pháp (thực tố là thứ tám) do thời sanh mà thôi. Đất là phương pháp, trong trường hợp 32 khía cạnh của thân thể.

Nhưng có mười khía cạnh khác trở nên rõ rệt khi 32 khía cạnh này đã rõ. [Chú thích: 4 khía cạnh thuộc hỏa đại: cái gì làm nóng, tiêu hủy, đốt cháy, tiêu hóa và 6 thuộc phong đại: gió (hay năng lực) đi lên, gió đi xuống, gió trong bụng, gió trong ruột, gió trong tứ chi, hơi thở]. Và về những thứ này, trước hết 9 sắc pháp mạng căn (nhóm tám với thực tố thứ tám, thêm mạng), cũng trở nên rõ rệt trong cái phần hỏa do nghiệp sanh, làm tiêu hóa thực phẩm được ăn vào, v.v... Cũng rõ rệt thanh cữu pháp (nhóm tám như trên thêm âm thanh) trong cái phần phong đại do tâm sinh, là hơi thở, và 33 sắc pháp gồm mạng-cữu-pháp do nghiệp sanh, và ba nhóm 8 với thực tố thứ tám, trong trường hợp mỗi phần còn lại trong tám (phần) thuộc bốn nguồn gốc sanh.

Khi những sở-tạo-sắc (do chấp thủ) này đã trở nên rõ rệt trong 42 cạnh nói trên nghĩa là, 32 thân phần, 4 kiểu hỏa và 6 kiểu phong), thì 60 sắc pháp khác cũng trở nên rõ rệt với thập pháp tâm-cơ hay sắc căn, và năm căn môn mỗi thứ 10: thập pháp mắt, tai, v.v... Gồm tất cả lại dưới đặc tính “bị bức nã”, hành giả xem chúng là sắc.

Tâm Thanh Tịnh và Năm Chương Ngại

Và tâm thanh tịnh cũng chính là Chánh Định:

Ở đây, này các Vyagghapajjà, vị Tỷ-kheo ly các dục ... chứng và trú **Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba** ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là **tâm thanh tịnh**. (A.4.194)

Và Thanh Tịnh Đạo giải thích thêm:

Tâm thanh tịnh là tám thiền chứng cùng với định cận hành. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)

Xét theo thiền chi thì thiền vô sắc giống tứ thiền vì đều chỉ có hai thiền chi là định và xả. Chúng khác ở đối tượng.

Sở dĩ **định cận hành (cận định)** và **định an chỉ (bậc thiền)** được xem là tâm thanh tịnh là vì đều đã từ bỏ 5 triền cái.

Định có 2 thứ là định cận hành (upacàra) và định an chỉ (appanà): tâm trở nên định tĩnh theo 2 cách, trên bình diện cận hành và trên bình diện an chỉ. **Cận hành là do từ bỏ những triền cái và an chỉ là do sự xuất hiện các thiền chi.**

Khi vị ấy đã phân biệt sắc như thế, thì các pháp vô sắc trở nên rõ rệt theo căn môn, nghĩa là: - 81 loại tâm thể gian gồm hai bộ năm (34-38 và 50-54 xem đồ biểu), ba loại ý giới (39, 55 và 70), và 68 ý thức giới; - và 7 tâm sở (biến hành): xúc, thọ, tưởng, tư, mạng căn (7), nhất tâm (8) và tác ý (30). Bảy tâm sở này luôn luôn câu sanh với 81 loại trên. Nhưng các loại tâm siêu thể thì không thể được biết rõ bởi một người thực hành căn tuệ hay một người thuộc chỉ thừa (cổ xe tịnh chỉ), vì những loại tâm ấy vượt ngoài tầm họ. Gồm tất cả vô sắc pháp này lại dưới đặc tính “nghiêng về”, hành giả xem chúng là danh.

Đây là cách một thiền giả phân biệt danh-sắc một cách chi tiết, qua phương pháp phân biệt bốn đại chủng. (Thanh Tịnh Đạo - Kiến Thanh Tịnh)

Hai loại khác nhau chỗ này: **các thiền chi** (tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm) **không được mạnh trong định cận hành**, nên ở trong giai đoạn này, **tâm khi thì lấy tướng làm đối tượng, khi thì nhập trở lại hữu phần**, giống như một đứa trẻ được nâng lên, đứng trên hai chân, sẽ té xuống lại. Còn những thiền chi ở định an chỉ thì rất mạnh và vì thế, khi định này phát sinh thì lúc hữu phần dừng lại tâm có thể tiếp tục với một dòng tốc hành tâm suốt cả đêm ngày, giống như một người khỏe có thể đứng suốt ngày. (Thanh Tịnh Đạo-Kasina Đất)

Và 5 triền cái là các pháp chướng ngại bất thiện, khiến tâm không thể thấy được các pháp chân đế.

Tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi. **Có năm uế nhiễm này của tâm**, này các Tỷ-kheo, do năm uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm không được nhu nhuyễn, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn, không chơn chánh, định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

Và **khi nào**, này các Tỷ-kheo, **tâm được giải thoát khỏi năm uế nhiễm ấy**; khi ấy **tâm ấy được nhu nhuyễn, dễ sử dụng, sáng chói**, không bể vụn, **chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc**. (A.5.23)

Để hành thiền Tuệ, cần xuất khỏi cận định hay an chỉ định để quán chiếu sự vô thường, khổ, vô ngã của 5 uẩn. Và loại định lúc thực hành thiền Tuệ được gọi là sát-na định (định trong khoảnh khắc trên đặc tính vô thường, khổ, vô ngã):

“sau khi đã nhập và xuất từ những thiền này, hành giả thấy với tuệ rằng cái định câu hữu với thiền ấy là dễ hoại diệt, khi ấy vào lúc thật sự đắc tuệ quán (at the actual time of insight), sự nhất tâm trong một sát na (momentary) (sát-na định) khởi lên nhờ thâm nhập (đi sâu vào) (những đặc tính vô thường,v.v...) (Thanh Tịnh Đạo - Niệm Hơi Thở)

Như vậy, sát-na định của thiền Tuệ chỉ đạt được sau khi nhập và xuất khỏi cận định hoặc an chỉ định, là sự nhất tâm trong sát-na trên bản chất của 5 uẩn vốn sinh diệt rất nhanh.

Cỗ Xe Tịnh Chỉ & Cỗ Xe Thuần Quán

Vì thế gian là có trí-ngu, thiện-ác nên Giáo Pháp có điểm tương đồng với người trí, khác với kẻ ngu và loài vật. Tuy vậy, kẻ ngu có thể đòi đạo Phật phải khác với các tôn giáo khác thì nó mới xem đó là đạo Phật. Nó có thể đòi đạo Phật không được làm một số điều hay, lẽ phải như tôn giáo khác, mà cần ác giới, không bố thí, thiền định như nó và loài vật.

Thiện pháp *bố thí, giữ giới, thiền định* không chỉ có trong đạo Phật mà còn có ở ngoài đạo Phật. Chỉ là thiện pháp do bậc Toàn Giác chỉ dạy thì đầy đủ và sâu sắc hơn thế gian. Thế gian khó biết đến đề mục thiền bất tịnh, niệm sự chết... Và thiền Tuệ của đức Phật thì vi diệu, khó hơn thiền Định.

Và để dễ dàng hành thiền Tuệ thì cần có nhiều ba-la-mật hành thiền Tuệ trong kiếp quá khứ. Nếu không thì phải vun đắp nền tảng, nhân gần của Tuệ là Định.

Gì là đặc tính, nhiệm vụ, thể hiện và nhân gần của tuệ?

Tuệ có đặc tính là đi sâu vào bản chất của sự vật.

Nhiệm vụ nó là từ bỏ bóng tối của si che đầy tự tính của sự vật.

Tuệ có biểu hiện là vô si.

*Do câu “Một người tâm định tĩnh thì biết và thấy đúng” (A.v,3), **nhân gần của tuệ là định.** (VisM.18)*

Thật ra, mối liên hệ từ Giới đến tri kiến giải thoát là:

Này các Tỷ- kheo, với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có nhân gần.

Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ, hân hoan có nhân gần.

Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ, hoan hỷ có nhân gần.

Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ, khinh an có nhân gần.

Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ, an lạc có nhân gần.

Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy đủ, chánh định có nhân gần.

*Với chánh định có mặt, **với chánh định có đầy đủ, như thật tri kiến có nhân gần.***

*Với như thật tri kiến có mặt, **với như thật tri kiến có đầy đủ, nhàm chán, ly tham có nhân gần.***

Với nhàm chán, ly tham có mặt, với nhàm chán, ly tham có đầy đủ, giải thoát tri kiến có nhân gần.(A.10.3)

Vì Định là nhân gần của Tuệ nên người có tuệ căn yếu, ít ba-la-mật thiên Tuệ cần dựa vào định lực định an chỉ mới có thể hành thiên tuệ, thấy biết 5 uẩn và duyên sinh của chúng.

Pháp hành thiên tuệ theo cách thuần quán, tức quán dựa trên nền tảng cận định của thiên tứ đại, chỉ hợp với ai có nhiều ba-la-mật thiên Tuệ quá khứ, có tuệ căn giác ngộ cao.

Thật ra, trình độ học vấn không liên can gì đến tuệ giác. Tuệ căn giác ngộ là do duyên sinh, do nỗ lực quá khứ-hiện tại, không phải lối sống vội, muốn mau giải thoát là có tuệ cao. Vì người thời nay hầu hết có tham sân si nhiều hơn nhưng ba-la-mật Giới Định Tuệ ít hơn phần lớn người thời xưa nên hầu như không thể giải thoát bằng cỗ xe thuần quán.

Thật ra, người có tuệ giác cao như là kẻ nhà giàu, vốn dĩ họ đã tu tập cả nhân gần của tuệ là thiên định lẫn thiên tuệ lâu dài trong các kiếp quá khứ. Vì vậy, họ có thể mau chóng giác ngộ cả theo cách mau chóng đắc định để hành theo cỗ xe tịnh chỉ lẫn cách trực tiếp hành theo cỗ xe thuần quán.

Người có tuệ căn và ba-la-mật ít chỉ có thể thành công hay dễ dàng nhanh hơn nhờ hành thiên Tuệ dựa trên lực định an chỉ. Phật động viên các đệ tử thực hành thiên Định không phải là để làm khó, làm hại sự giải thoát của đệ tử.

Ai có ít ba-la-mật thiên Tuệ thì không thể đi tắt đón đầu bằng con đường thuần quán. Ngõ trực tiếp thuần quán thì sẽ nhanh chóng nhưng thật ra nó là lâu dài, chông gai và bất khả thi so với quán trên nền tảng định lực định an chỉ.

Ví như chèo bè qua sông thì tuy phải dùng bè nhưng lại mau lẹ, thoải mái, không bị đứt hơi, nghỉ ngơi giữa đường hơn khi bơi thẳng, cũng vậy, người có ít ba-la-mật thì hành thiền Tuệ trên nền tảng định an chỉ thì sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn. Định lực không đủ thì không đủ sức để hành thiền Tuệ quán 5 uẩn, 12 nhân duyên, quá khứ-vị lai. Con người ngày nay có ba-la-mật Giới Định Tuệ ít hơn nên không thể “*đi tắt đón đầu*”, đi nhanh theo ý muốn.

Sau khi thấy biết thể gian là các tập hợp 5 uẩn, thấy biết đặc tính, chức năng, biểu hiện, nhân gần của 5 uẩn và các duyên sinh chúng thì cần quán bản chất chung của chúng là vô thường (*do sinh-diệt*), khổ (*vì phải chịu sinh-diệt*), vô ngã (*không có quyền chấm dứt sự khổ*). Đây được gọi là thiền Tuệ.

Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: “Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi”.

Thọ...tưởng...hành...thức... (S.iii,22)

Do duyên quán bản chất của 5 uẩn và 12 nhân duyên là vô thường, khổ, vô ngã mà các đệ tử Phật đi đến viên mãn trí nhàm chán ly tham, đoạn tận tham sân si đối với 5 uẩn cả ở trong-ngoài và 3 thời quá khứ, vị lai, hiện tại... đạt được tri kiến giải thoát.

Với người có giới, này các Tỷ-kheo, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ.

Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu.

*Do như thật tri kiến có mặt, **với người như thật tri kiến có mặt, nhằm chán, ly tham do vậy được thành tựu.***

*Do nhằm chán, ly tham có mặt, **với người nhằm chán ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.** (A.5.24)*

Thật ra, ai có thể từ bỏ được 5 triền cái để đắc thiền Định thì cũng có thể xuất định để hành thiền Tuệ. Tuy vậy, những ai mê danh tu tập thiền Tuệ thì sợ lạc của pháp thượng nhân thiền định chứ không sợ tham dục, 5 triền cái hạ liệt. Họ chỉ thích dùng tâm hạ liệt bị 5 triền cái chế ngự để tuệ tri các sự thật cao thượng, trái với lời Phật “*phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng*” (S.ii,27). Thật ra, thứ thiền gắn với các uế nhiễm 5 triền cái, không thấy biết pháp chân đế thì *chẳng liên can gì đến thiền Tuệ*. Thực chất, đó là thứ giới cầm thủ, không đưa đến mục đích giác ngộ, giải thoát khổ. Do nghĩ hành thiền Tuệ thì dễ hơn và mau giác ngộ hơn thiền Định, nghĩ có thể hành thiền Tuệ mà không cần Chánh Định nên có nhiều người bỏ thiền Định, trực tiếp hành “*thiền Tuệ*” dựa trên sát-na định 5 triền cái có đối tượng là tục đế. Họ không biết rằng không có móng thì không có nhà, không có Giới Định thì không có Tuệ.

- Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất.** Nay Kassapa, có năm thói pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, nay Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp, sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng, **sống không tôn kính, không tùy thuận học giới, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định.** (S.ii,223)

Xác định đạo Phật là đạo trí tuệ, nhiều người cho rằng đức Phật là người có trí tuệ, họ cũng là người có trí tuệ, Phật không thầy, tự mình tìm ra con đường giải thoát sinh tử, họ cũng có thể tìm ra con đường mới giải thoát sinh tử, Phật đã thực chứng và tuyên thuyết sự giải thoát khỏi sinh tử và con đường đi đến sự giải thoát sinh tử, thì họ cũng đang giải thoát sinh tử và đang tuyên thuyết con đường giải thoát sinh tử của riêng mình. Không biết mình vô minh, đối lập với bậc Giác Ngộ, không quan tâm đến kinh điển, đức Phật dạy gì, không cần Giới Định Tuệ, họ tin mình sẽ giải thoát, giác ngộ Niết-bàn. Người trí thì tin họ đã thoát khỏi trí tuệ, sẽ nhanh chóng giác ngộ “Niết-bàn”. Dĩ nhiên thứ Niết-bàn tâm thời của họ không có liên can gì đến Niết-bàn đoạn tận tham sân si, chấm dứt khổ sinh tử luân hồi của đạo Phật.

Danh Sách Chữ Viết Tắt

A.	Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya)
D.	Trường Bộ (Dīgha Nikāya)
M.	Trung Bộ (Majjhima Nikāya)
S.	Tương Ưng Bộ (Saṃyutta Nikāya)
TT.	Tiểu Bộ - Tiểu Tụng (Khuddakapāṭha)
PC.	Tiểu Bộ - Kinh Pháp Cú (Dhammapada)
DhpA.	Tiểu Bộ - Chú Giải Kinh Pháp Cú
Sn.	Tiểu Bộ - Kinh Tập (Sutta Nipāta)
Ud.	Tiểu Bộ - Cảm Hứng Ngũ (Udāna)
It.	Kinh Phật Thuyết Như Vây (Itivuttaka)
Thera.	Tiểu Bộ - Trưởng Lão Kệ (Theragathā)
Ap.	Thánh Nhân Ký Sự (Apadāna)
VsM.	Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga)
Vin.Vi.	Tạng Luật - Phân Tích Giới Tỷ-kheo (Bhikkhuvibhanga)
Vin.Mv.	Tạng Luật - Đại Phẩm (Mahāvagga)
Vin.Cv.	Tạng Luật - Tiểu Phẩm (Cullavagga)
Vin.Par.	Tạng Luật - Bộ Tập Yếu (Parivāra)
MMK.	Trung Quán Luận (Mūlamadhyamakakārikā) (Jay Garfield dịch)